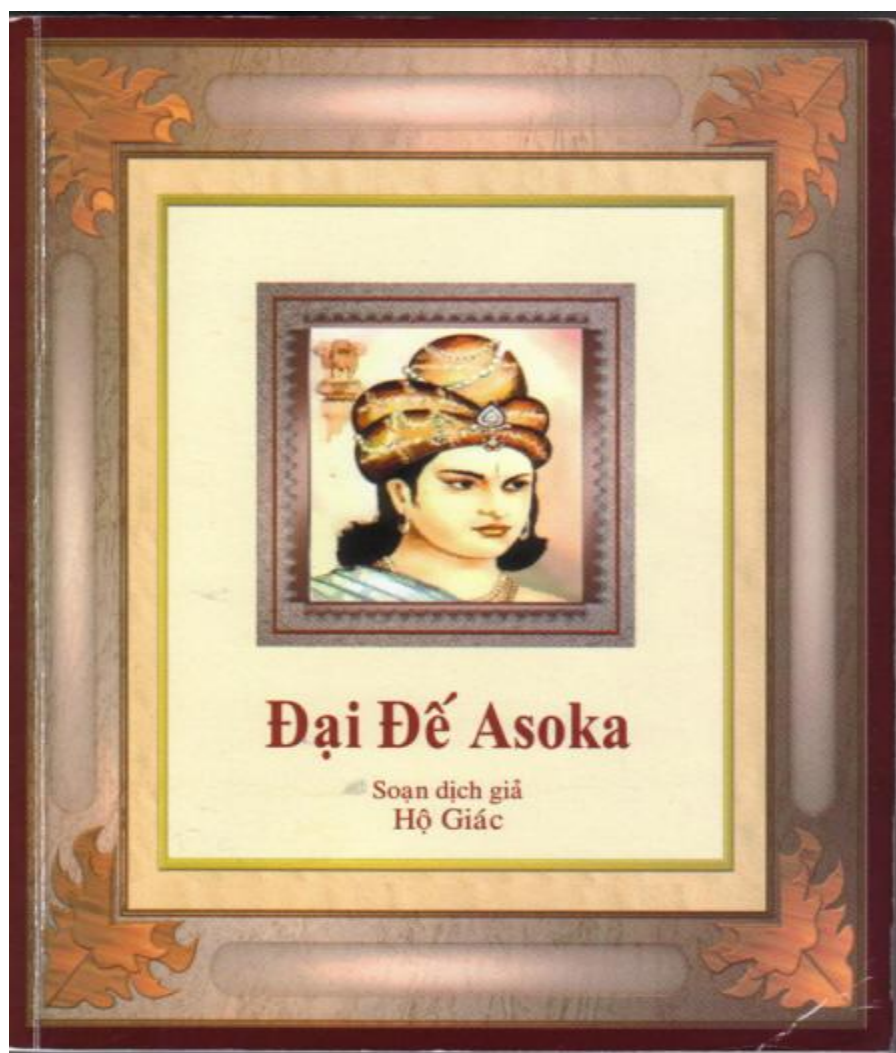


Đại Đế Asoka



Soạn giả: Hộ Giác

Xuất bản: Houston 2007

Chùa Pháp Luân

13913 S. [Post](#) Oak Rd.

Houston, TX 77045

---o0o---

MỤC LỤC

Đôi dòng cảm niệm

Phần I

Nơi Hoàng cung Pataliputra
Hoàng tử Asoka được đa số đại thần ủng hộ
Quá trình xây dựng kinh đô Pataliputra
Quá trình xây dựng (tiếp theo)
Đề bà đạt đa gợi ý A xà thế giết cha
Trong vòng lao lý
Diễn trình đời kinh đô
A dục buổi ấu thời
Nơi trung tâm Giáo Đường Takkasila
Mối tình rừng

Phần II

Bạn chí thân của Phụ Vương A dục
Một cuộc tình ngang trái
Ba tháng trước khi rời Giáo Đường
Trong vòng tay mẹ hiền
Đẹp loạn Takkasila
Asoka hạnh ngộ mỹ nữ
Tái ngộ người xưa trong bể bàng
Lễ nhậm chức Phó Vương
Nổi da xáo thịt
Một cuộc săn thú rừng

Phần III

Tiến hành mỹ nhân kế
Biến thù thành bạn
Chính thức đăng quang
Mở rộng biên cương
Hồi tâm
Không nên phóng dật
Asoka vẫn đạo
Hoàng đệ Vitasoka
Chuyển Hóa
Vitasoka Hướng Thiên

Phần IV

Phó Vương xuất gia
Danh tăng thời Đại Đế
Công tác gọi sứ giả truyền đạo
Nghệ thuật kiến trúc thời Asoka

[Tru Đá và Bia Ký](#)
[Tru Đá và Bia Ký \(tiếp theo\)](#)
[Tru Đá và Bia Ký \(Trúc Lâm Việt dịch\)](#)
[Hoàng tử Kunala](#)
[Một thảm họa](#)
[Phu tử trùng phùng](#)
[Hoàng hôn của kiếp người](#)
[Sanh ra để làm gì](#)
[Vật thí sau cùng](#)
[Trường ca Kalinga \(Trúc Thiên dịch\)](#)



Hoà Thượng Thích Hộ Giác (1928-2012)

Đôi Dòng Cảm Niệm

Năm 1957, chúng tôi tu học tại cao đẳng Phật học viện Srisumana Vidyalaya, đồng thời theo học trường Srisumana College, tỉnh Ratnapura, nước Srilanka. Theo Phật lịch thì năm 1957 là đúng 2500 năm tính theo tuổi thọ 5000 năm giáo pháp của Đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni. Chánh phủ Ấn Độ lần đầu tiên mở cửa cho các hành Phật tử trên thế giới được đến hành hương bốn thánh địa và những địa danh Phật tích chỉ trả nửa giá tiền trong các tuyến đường xe lửa.

Nhân cơ hội ngàn năm một thuở và tháng năm là tháng nghi hè. Chúng tôi gồm ba tu sĩ một vị sư Miến Điện, một vị sư Lào và tôi. Trong ba huynh đệ, tôi tương đối nói được tiếng Anh. Còn hai sư không nói được. Do đó, mọi chủ trương do tôi đảm nhiệm.

Trong chuyến hành hương lần đầu tiên này quả thật vô cùng vất vả, vì chưa nắm vững tuyến đường, giờ giấc, sân ga, phương hướng nhất là về đêm. Chưa thông thạo xe lửa Ấn Độ,

chúng tôi nghĩ hạng nhì là quá tốt. Không ngờ phải chen lấn vô cùng cực khổ lúc lên xe cũng như chỗ ngồi. Có đêm, xe đang chạy, thức giấc đi vệ sinh, chân tôi bỗng cảm thấy đập trên vật gì mềm mềm quan sát kỹ, thì ra trong khi ngồi ngủ, đã có người chui vào nằm dưới chân mình.

Có một lần đang ngon giấc, bỗng tiếng loa báo cho biết phải xuống sân ga này, vì tàu sẽ đi [sang](#) tuyến đường khác. Ba chúng tôi lật đật rời tàu nửa khuya. Phần buồn ngủ, phần chưa biết giờ giấc tuyến đường, phương hướng vì sân ga Ấn Độ quá rộng, thêm nhiều chực đường rầy chằng chịt rất khó tìm số chuyến xe sắp tới. Tôi nói với hai huynh đệ ngồi chờ tại chỗ đừng đi chuyến vì nếu lỡ lạc nhau thì vô cùng khổ sở. Sau khi tôi hỏi nơi phòng thông tin và nắm được giờ giấc, tuyến đường, số chuyến tàu và sân ga sẽ đến, tôi bèn trở lui tìm hai bạn. Gặp nhau mừng hết lớn. Mới hai giờ khuya, chúng tôi tìm chỗ ngủ. Người ta nằm ngủ đông nghẹt, những nơi tương đối sạch không còn, chúng tôi đành trải ba lô chỗ vừa dơ vừa hôi nằm ngủ. Nhờ đã quá buồn ngủ nên vừa đặt mình nằm xuống là ngủ ngay, không còn nghe mùi thơm thú vị.

Suốt cuộc hành hương, ngoài phương tiện di chuyển bằng xe lửa, chúng tôi sử dụng mọi phương tiện như xe bus thỉnh thoảng mới có, xe ngựa, xe kéo, đi bộ. Ăn thì vào quán bình dân. Một miếng lá chuối làm đĩa. Thức ăn đổ lên trên cơm và rưới thêm một ít sữa tươi. Lẽ dĩ nhiên ăn bốc.

Một hôm, trên tuyến đường đến Bồ đề đạo tràng, vì thiếu kinh nghiệm, không tìm được bất cứ phương tiện di chuyển nào, chúng tôi đành đi bộ. Trời chiều bảng lảng bóng vàng, chúng tôi cố gắng bước đi trong lo âu và hoang mang vì hai bên đường vắng vẻ, không nhà cửa, xóm làng. Lại thêm nỗi khổ rất lớn vì không biết còn bao lâu nữa mới tới Bồ đề đạo tràng. Đêm xuống, chúng tôi vừa bước đi vừa niệm Phật. Trời lạnh, lòng chúng tôi càng lạnh hơn. Chúng tôi thầm cầu nguyện xin cho thấy được ánh đèn. Phật lực nhiệm mầu, quả thật không lâu lắm, một ánh đèn xuất hiện xa xa phía tay mặt. Phấn khởi, lên tinh thần, chúng tôi ráng đi nhanh tới nơi mới biết, đây là tịnh thất nhà sư Miến Điện tạm ở cùng với ba người thợ.

Tịnh thất cao cẳng. Chu vi khoảng bốn thước vuông vức. Vị sư khoảng trên dưới 50 tuổi. Ba người thợ đoán chừng từ 40 đến 55 tuổi. Trước nhà sư, một lò sưởi thật ấm. Sau khi đánh lễ và lấy lại tinh thần, tôi may mắn còn nhớ tiếng Miến điện không nhiều nhưng cũng vừa đủ để xin tá túc một đêm. Tôi cũng ráng moi chữ trình ngài là tôi từng là kết-tập-viên kỳ kết tập tam tạng lần thứ sáu tại động nhơn tạo KaBa Eye, Rangoon.

Thượng tọa rất hoan hỉ và đãi ba huynh đệ chúng tôi mỗi người một tô nước thật ấm có pha đường, vì chur tăng Miến Điện không uống trà sau Ngọ. Tuy là nước ấm pha đường nhưng chúng tôi cảm thấy ngon lạ lùng, ngon tuyệt. Phần ngồi gần lò sưởi, lại thêm được uống nước nóng pha đường, chúng tôi cảm thấy vô cùng sáng khoái. Thượng tọa nhã nhặn cho biết, ngoài dụng cụ thợ mộc và một số dụng cụ xây cất cộng thêm bốn người, quả thật không còn chỗ cho chúng tôi ngủ chung trong tịnh thất. Tuy nhiên, thượng tọa cho biết, gần bên tịnh thất còn ngôi phước xá mới vừa lợp nóc, chung quanh chưa có vách phen cửa nẻo.. Nghe qua mừng hết lớn. Chúng tôi chỉ cần có chỗ che mưa để ngủ.

Thượng tọa cho dụng cụ trải lót. Chúng tôi sử dụng ba lô để nằm cho ấm, lẽ dĩ nhiên có giăng mùng. Hai huynh đệ ngủ rất say, không còn hay biết chuyện gì xảy ra bên ngoài. Duy tôi thì giấc ngủ chập chờn nên cảm thấy khí lạnh len vào trong mùng, lại thêm gió thổi đưa khí âm

hàn khiến càng thêm lạnh. Mặc dù có đắp mền nỉ, tôi không thấy ấm chút nào. Trăn trở, nằm đủ tư thế, tôi vẫn thấy trong người càng lúc càng lạnh hơn. Tôi ngồi xồm ôm đầu gối, kéo đứt dây mừng trùm thêm cũng không bớt lạnh. Bụng tôi dần dần căng cứng. Tôi bắt đầu cảm thấy khó thở, hơi thở càng lúc càng ngắn. Đường như tử thần lộ mặt và tiến về phía tôi.

Trước thân chết, tôi vô cùng hoảng sợ và không biết phải làm gì. Thật là một phúc đức lớn, một quá trình tu tập chỉ, quán qua đề mục hơi thở từ lúc bảy tuổi đã tác động tư duy: hãy nhất tâm niệm hồng danh Phật. Nếu thực sự được chết nơi đất Phật thì đó cũng là một điểm phúc. Mặc dù cố gắng nhất tâm niệm Phật nhưng thiếu áp dụng phương pháp phối hợp theo dõi hơi thở nên kết quả không tích cực. Ngay lúc ấy, tôi liền quán hơi thở vô ra dài ngắn. Nhờ thở vô dài, lâu, sâu bền, chắc cũng như khi thở ra đều áp dụng phương thức chánh niệm, tỉnh giác liên tục trong suốt thời gian ước chừng mười phút, tôi cảm thấy trong bụng bớt căng, người bớt lạnh. Quá vui mừng, phấn khởi, tôi kiết già tiếp tục quán niệm hơi thở và, tôi đã ngủ quên trong tư thế ngồi. Sáng hôm sau, thượng tọa cho điểm tâm thật sớm. Chúng tôi đánh lễ thượng tọa rồi ra đi về Bồ đề đạo tràng.

Bốn thánh địa đều có thạch trụ do Đại đế Asoka cho dựng lên để di lưu những sự kiện lịch sử liên quan sự thị hiện giáng trần (Lumbini), thị ngộ chánh đẳng giác (Buddhagaya), thị chuyển pháp luân (Saranath), thị nhập Niết Bàn (Kusinara).

Tôi thâm biết ơn sâu sắc những công trình di lưu chánh pháp mà những thạch trụ là điển hình cụ thể. Nếu không có đại đế Asoka, vị Đại Hộ Pháp mà thành tích tri truyền Chánh Pháp vô tiền khoáng hậu thì Phật tử trên khắp thế giới cũng như cá nhân nhỏ bé của tôi làm sao biết được và trực tiếp đến tận nơi thánh địa hành hương chiêm bái cúng dường mà công đức tác thành những kiếp sống vĩnh viễn không bao giờ đọa vào khổ cảnh đọa xứ.

Chúng tôi cũng vô cùng biết ơn các vị tiền nhân hữu công đại chiêm bái như các ngài: Pháp Hiển, Huyền Trang và Nghĩa Tịnh mà qua sử liệu được chính thức lưu bố của ngài Pháp Hiển là bộ Pháp Hiển truyện; của ngài Huyền Trang là bộ Đại Đường Tây Vực Ký; của ngài Nghĩa Tịnh là bộ Nam Hải Ký Qui Nội Pháp truyện đều có ghi chép thật rõ ràng từng chi tiết: thời gian, không gian, địa danh, nhân danh, xa gần, cao thấp, rộng hẹp. Những sử liệu hầu hết tương đồng, khả tín. Thành thật mà nói, nếu không có thạch trụ hoặc thạch pháp do Đại đế Asoka lưu bố thì ba nhà đại chiêm bái Trung Hoa cũng không biết phải căn cứ vào đâu để hành hương và ghi chép. Chính sự kiện thực tiễn này khiến chúng tôi càng cảm phục và tri ân Đại Đế Asoka nhiều hơn.

Còn nhà khảo cổ người Anh Alexander Cunningham đã gia công khai quật và khám phá được những di vật đặc thù mà giá trị lịch sử minh chứng, thời gian là dấu ấn, không gian là kho tàng mà người chủ trương thiết lập là Đại đế Asoka. Nếu không có những di vật lịch sử do Đại đế sáng tạo thì liệu nhà khảo cổ Alexander Cunningham có hoàn thành công tác đặc trách.

Chúng tôi vô cùng biết ơn nhà khảo cổ hữu tài, hữu tâm này. Chính nhờ công trình thù năng làm hiển lộ sử liệu bị thời gian chôn vùi khá lâu dưới lòng đất mà giá trị tâm linh vô cùng thiêng liêng suy trọng của đại khối Phật tử năm châu về mặt tín ngưỡng và, của nhân loại trên thế giới về kiến thức khảo cổ học và khoa học. Nói cách nào đi nữa thì sự thành công cận đại của nhà khảo cổ Alexander Cunningham hoàn toàn liên quan công trình lưu bố sử liệu cổ đại của Đại

đế Asoka. Qua cảm nghĩ thực tế này, chúng tôi càng biết ơn sâu xa, vô cùng ngưỡng phục Đại đế. Cùng chung dòng cảm nghĩ, chúng tôi không thể không đề cập đến hai vị tiền bối hữu công trong công cuộc đấu tranh đòi hỏi chính phủ Ấn phải chính thức thừa nhận những thánh địa trọng yếu, gồm Lumbini nơi thị hiện đản sanh, Buddhagaya nơi thị ngộ chánh giác, Saranath nơi Đức Phật thị chuyển pháp luân, Kusinara nơi Đức Phật thị nhập niết bàn và, những thánh tích liên quan đời sống sinh hoạt Phật sự hoàng dương chánh pháp và cứu độ chúng sanh, đó là Dr. Ambedcar người Ấn Độ, đại cư sĩ hộ pháp Anagarika Dhammapala người Srilanka.

Chính nhờ công trình vận động tích cực hợp pháp của hai vị mà những thánh địa và những thánh tích được chính phủ Ấn Độ chính thức công nhận là thuộc sở hữu của Phật giáo. Đối với hai vị đại ân nhân này, chúng tôi thiết nghĩ bút mực không đủ chép ghi, lời lẽ không đủ diễn tả đúng và hết. Chúng tôi vô cùng biết ơn, niệm ơn và nhớ ơn. Càng nhớ ơn nhị vị, chúng tôi lại càng vô vàn biết ơn Đại đế Asoka.

Tổng hợp những dòng cảm nghĩ dẫn thượng, chúng tôi tự thấy có bổn phận phải ghi chép những gì có liên quan đến Đại đế Asoka dù ít nhiều cũng để tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành đối với một bậc minh quân đại hộ pháp. Nhưng cũng tự biết với khả năng hạn hẹp sinh ngữ chúng tôi không đủ điều kiện soạn viết trọn vẹn, đầy đủ tiêu sử vị Đại đế này. Và rồi cuối cùng tâm nguyện thiết tha ấp ủ trong lòng suốt thời gian hơn 30 năm được thực hiện. Cách này khoảng 5 năm, trong một chuyến đi Thái Lan thỉnh thêm bộ đại tạng kinh chữ Thái do chùa Mahadhat ân hành, nghĩa là chúng tôi đã có hai bộ đại tạng kinh cũng bằng chữ Thái từ lâu: một bộ bằng nguyên văn Pali và một bộ bằng Thái ngữ của Pháp-bảo-phường đại học Mahamakut Rajavidyalay ấn hành; một bộ đại tạng chữ Thái thứ ba của nhà xuất bản Sw Dhammabhakdi ấn hành.

Chính trong lần thỉnh Đại tạng kinh thứ tư này, chúng tôi vô cùng vui mừng vì thỉnh được quyển Chom Chakkavatti Asoka tức “Đại đế Asoka” do tác giả Vasin Indasara chuyển dịch từ nhiều tác phẩm Anh văn của nhiều tác giả đã ấn hành từ lâu ở Trung Ấn. Cơ may đến, không dám bỏ qua. Tôi liền bắt tay phiên dịch. Công trình thường bị gián đoạn vì nhiều lý do ngoài ý muốn. Tuy nhiên, có khởi hành thì sớm muộn rồi cũng phải đến đích.

Soạn dịch phẩm này được hoàn tất là nhờ tín nữ Vũ Bạch Tuyết, pháp danh Panna phụ trách vi tính hai phần tư, phần còn lại nhờ tín nữ Nguyễn Kim Phụng, pháp danh Diệu Hỷ vừa chuyên trách vi tính vừa trình bày thứ tự nội dung, cùng như hình bìa quyển sách. Hoà thượng Bửu Phương cẩn duyệt phần chính tả.

Về phương diện tài chính, ngoài ba tín nữ: Diệu Mỹ hùn phước 500 US, Diệu Huệ hùn phước 500 US, Diệu Quang (Thụy Sĩ) hùn phước 500 US. Phần còn lại là 2000 US gia đình thiện nam Nguyễn Quốc Hưng pháp danh Minh Tâm phát tâm bảo trợ. Chính sự trợ duyên thù thắng này tác thành công trình đã tiến hành khá lâu, nay được thập phần viên mãn.

Chúng tôi vô cùng cảm kích và tán thán. Thành tâm hồi hướng công đức pháp thí qua sự hợp tác công, của nhằm hoàn thành tập sách này đến các bậc ân nhân, và thân nhân đã quá vãng của quý vị được siêu sanh lạc cảnh; còn hiện tiền được tăng long phước thọ; bản thân và gia quyến được hưởng năm phước lành: dung sắc, thù thắng, thọ mạng lâu dài, thân tâm an lạc, sức khoẻ đủ đầy, trí tuệ minh mẫn.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo thù từ gia hộ thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Mùa Thu, năm 2007
Kiến Canh Tuất, Tiết Hàn lộ
Ngày 10 tháng 9 Đinh Hợi
(Nhằm ngày 20 tháng 10)

Hộ Giác



Phần I

Nơi Hoàng Cung Pataliputra

Trong cung điện về đêm, những ngọn đèn kiểu xưa, quý hiếm được thiết trí có hệ thống thật khéo, khiến nhìn không chán, buông thả ánh sáng hồng nhạt huyền ảo mông lung bao trùm không gian nội điện. Đặc biệt những ngọn đèn gân long sàng chiếu một màu sáng thật mát không chói chang, gay gắt.

Trên long sàng, Đức vua *Bindusara* (Bin đú sa rá) long thể tiều tụy vì tuổi đời chồng chất, lại thêm bệnh tình có phần trầm trọng khiêng long nhan nhợt nhạt, mất thần, phiền não, thỉnh thoảng thở dài nặng nhọc. Nhà vua nhìn về phía Hoàng hậu và các đại thần túc trực, ánh mắt đăm chiêu, tâm trạng chìm sâu trong bao vấn đề đại sự liên quan vận nước lòng dân, san hà xã tắc, đế nghiệp vương triều, nhất là người thừa kế ngai vàng vì đất nước không thể một ngày không có vua. Đang mien man suy nghĩ, Đức vua bỗng đưa ánh mắt về vị đại thần vô cùng thân tín ý định truyền chỉ tối hậu. Nhưng, ngay lúc ấy, một vị bạch y tu sĩ lão thành được đưa vào bệ kiến. Đức vua chấp tay chào trong khi Hoàng hậu và các đại thần đồng loạt đều làm như vậy. Sau khi ngồi nơi phải lẽ, vị lão tu sĩ Bà la môn nhẹ nhàng an ủi phụng chúc:

- Muôn tâu, nhân danh đáng Phạm đế tối tôn, bắt tử, tạo hóa chủ, bản đạo kính chúc Hoàng thường phước như biển lớn, thọ tợ đất trời, tai nạn hóa giải, cửu trụ ngai vàng, để trào thần và muôn dân thừa ân vũ lộ.

Vẫn giữ tư thế chấp tay, Đức vua nói lời cảm khái:

- Trẫm lấy làm phán khởi với lời chúc tụng của ngài, vô vàn biết ơn. Tuy nhiên, trẫm biết rất rõ ân sủng phạm khái mà đáng tối tôn đặc ban cho trẫm đã quá đầy đủ, và hôm nay người có lệnh triệu hồi thì trẫm không có bất cứ lý do gì mà trì hoãn. Trong đêm nay nếu chậm thì sáng mai trẫm sẽ được về hầu ngài.

Nói đến đây, Đức vua im lặng, ánh mắt ngược nhìn lên trần cung điện. Vị lão sư Bà la môn sách tấn nhẹ nhàng, rõ ràng từng câu:

- Muôn tâu, theo lý giải trong thánh thư Phệ đà thì không có cá thể sanh ra và chết đi mà chỉ là sự chuyển vận từ trạng thái này sang trạng thái khác. Phạm đế đại ngã, bất tử, vĩnh hằng còn loài người là những tiểu ngã hay sinh ngã từ đại ngã của Phạm đế. Do đó, Phạm đế là đại ngã bất tử, vĩnh hằng thì loài người – con Ngài cũng sẽ vĩnh hằng bất tử như Ngài. Hơn nữa, cuộc đời Hoàng thượng là một chuỗi dài hướng thiện, hướng thượng, sống lợi mình lợi người, tích cực hy hiến như nước sông lưu lộ đa dụng và đa lợi. Với những công đức lớn lao, thù thắng ấy đã quá đủ trợ duyên Hoàng thượng trở về sống vĩnh hằng với đấng tối tôn Tạo hóa chủ.

Quan sát sắc diện Đức vua, thấy có phần phần chán hoan hi cũng như niềm tin bất thối đối với lý giải mang tánh mặc khải do Phạm đế đặc ban, lão sư cung kính tạ từ. Sau một lúc im lặng khá lâu, Đức vua lệnh gọi đại thần *Sirigupt* (Si ri gúp) đến gần, phán hỏi:

- Khanh có biết *Susima* (Sú sí má) Đông cung Thái tử hiện ở đâu?

- Muôn tâu, Thái tử đang trấn nhậm thị trấn *Takkasila* (Tắc cá si la).

- Trẫm muốn truyền ngôi cho *Susima*, khanh hãy truyền lệnh trẫm khẩn triệu *Susima* từ *Takkasila* hồi kinh (*Pataliputra*: Pa tá li pút trá: tên kinh đô) lập tức!

Vị đại thần vẫn quỳ cúi đầu im lặng bên long sàng. Trong sự im lặng khó hiểu này, ông suy nghĩ rất nhanh về những sự kiện quá khứ liên quan triều cương quốc thổ, ngại vàng đế nghiệp nhất là nhân vật thừa tự ngôi báu mà ông có trách nhiệm trực tiếp phò tá trong tương lai cũng như ông đã từng hơn nửa đời cúc cung tận tụy phục vụ trung thành đối với tiên đế trong quá khứ. Ông tự vấn: là công bộc, ta nên đặt quyền lợi quốc gia đại sự lên trên hay tình cảm cá nhân để duy trì đặc lợi đặc quyền cho bản thân và gia đình mai hậu.

Trong thăm sâu lý trí, ông dứt khoát chọn giải pháp thứ nhất. Thế là nhân vật thừa kế ngại vàng phải hội đủ tiêu chuẩn đức tài và tấm lòng yêu nước thương dân tha thiết. Qua trí năng sáng suốt vô tư, ông nhận thấy Hoàng tử *Asoka* (*A dục*) mới xứng đáng kế nghiệp lãnh đạo đất nước, thân dân vì bản năng văn võ kiêm ưu, đức tài dung hợp, lý trí sáng suốt, tánh ý quyết đoán, tình cảm chan hòa, trên kính dưới nhường, nhất là đã từng chứng tỏ khả năng dẹp loạn bảo vệ cương thổ mà thành tích đã nhiều lần tiêu biểu. Trong khi Đông cung Thái tử *Susima* thì hoàn toàn ngược lại. Chẳng những vậy mà còn quá nặng tánh quan liêu, xem thường thuộc cấp, thích hưởng thụ và nghe lời xu nịnh, thưởng phạt bất minh. Ông kết luận, nếu Đông cung Thái tử lên ngôi thì đất nước sẽ không có thái bình và nhân dân sẽ không an lạc. Do đó, ông quyết định áp dụng mọi biện pháp thích nghi kể cả chiến thuật khản chỉ vô cùng khéo léo.

Ánh mắt vẫn tiếp tục nhìn lên trần cung điện, Đức vua phán hỏi vị đại thần:

- Khanh đang suy nghĩ gì mà im lặng vậy?

- Muôn tâu, thần kính xin Hoàng thượng ban ân cho phép hạ thần khẩn hội ý các vị đại thần đệ nhất phẩm lấy quyết định chung trước khi kiến trình thánh ý lên nhị vị Hoàng tử. Vì Đông

cung Thái tử *Susima* không thể bỏ ngõ thành *Takkasila*. Thần kính xin lệnh Hoàng thượng phải truyền khẩu lệnh cho hạ thần điều động Hoàng tử *Asoka* tạm rời qua giữ thành *Takkasila* thì Đông cung Thái tử mới hồi kinh được.

Đức vua chuẩn tấu: tùy khanh quyết định.

Đại thần *Sirigupt* (*Cần Chánh*) ra đại sảnh bàn thảo với các vị đại thần đang nóng lòng chờ nghe chỉ dụ. Ông tường trình diễn tiến sự việc mạch lạc và ông vận dụng toàn bộ chức năng thông tuệ hướng dẫn tư tưởng có định hướng bằng những lập luận giải thích khế hợp lý tình khiến số đông đại thần có mặt mà xưa nay vốn đã có cảm tình với Hoàng tử *Asoka* đồng thuận với đại thần mặc dù trước đó chưa dám công khai hóa.

Nắm vững được tâm lý đồng thuận của tuyệt đại đa số các vị đại thần hiện diện, *Sirigupt* chính thức lấy biểu quyết bằng im lặng nếu đồng ý. Vấn đề được ghi nhận ngoài dự liệu là tuyệt đại đa số đều im lặng nhất trí. Duy chỉ có ba người phát biểu lo ngại về truyền thống hoàng triều xưa nay Đông cung Thái tử cũng là trưởng tử phải là người kế vị. Đại thần *Sirigupt* đặt câu hỏi:

- Nếu trường hợp Đông cung Thái tử mang bệnh tâm thần hoặc hoàn toàn thiếu khả năng lãnh đạo quốc gia hoặc nổi tiếng độc tài tàn ác hoặc chỉ thích đam mê tửu sắc thì có nên suy tôn vị ấy lên ngôi cửu ngũ trị nước chấn dân hay không?

Mọi người đều im lặng.

Hoàng tử Asoka được đa số đại thần ủng hộ

Đại thần *Sirigupt* hướng dẫn các vị thượng phẩm đại thần vào châu Đức vua *Bindusara* đang nằm trên long sang, vô cùng mệt mỏi, đôi mắt mất thần, qua giọng nói rất yếu Đức vua phán hỏi đại thần *Sirigupt*:

- Khanh đã phái người khẩn triệu Đông cung Thái tử *Susima* hồi kinh chưa?

- Muôn tâu, thần đáng tội chết, vì Hoàng tử *Asoka* đang lâm trọng bệnh, chưa kịp sang *Takkasila* thay thế Đông cung Thái tử, cho nên Thái tử chưa kịp hồi kinh đúng khẩu lệnh Hoàng thượng.

Cặp mắt nhắm nghiền, hơi thở nặng nhọc, long nhan đanh lại, nếu không vì lý do hơi mòn sức kiệt, Đức vua đã nổi trận lôi đình và thủ cấp đại thần hẳn đã phải lìa khỏi cổ. Nuốt lệ oán hận, tủi nhục vào lòng, Đức vua tự biết thân phận bất lực, vô hộ, vô chủ, vô quyền mà thực tế phũ phàng đã khiến ngài đau lòng, nát dạ: ta đã già yếu, bệnh hoạn, sự sống tạm thời như chỉ mảnh treo chuông. Thân xác ta đã hoàn toàn bất lực, mọi quyền hành đã vượt khỏi tầm tay. Mọi người không tuân lệnh ta. Công thần trở thành thượng thần. Tình yêu trở thành thương hại. Người thân thương bắt đầu xa lánh. Những người cần ta ban ơn mưa móc nay họ không cần nữa. Thì ra, mọi người trên thế gian này đến với nhau chỉ vì đặc quyền đặc lợi, khi quyền lợi không thể hiện cho thì lập tức trở thành xa lạ. Đúng là một cuộc đổi chác.

Để phá tan bầu không khí vô cùng im lặng, ngọt ngào và khó thở, đại thần *Sirigupt* tâu trình:

- Muôn tâu, trong hoàn cảnh vạn bất đắc dĩ này, chúng thần kính xin Hoàng thượng cho phép Hoàng tử *Asoka* tạm thời nhiếp chính vì quốc gia không thể một ngày không có vua.

Nhận thấy Đức vua hoàn toàn không phản ứng và không còn nói được nữa, các đại thần lập tức cung thỉnh Hoàng tử *Asoka* bệ kiến vua cha trong triều nghi hoàng bào cân đai áo mũ thật chỉnh tề, oai phong凛冽. Nổi uất hận tràn ngập tâm can, Đức vua gượng ngồi dậy để phủ nhận vai trò kế vị của Hoàng tử *Asoka*, nhưng Hoàng tử và đại thần *Sirigupt* cùng lúc kịp thời nâng đỡ Đức vua. Dùng sức tàn cộng thêm phần hận, Đức vua xô đẩy hai người ra và ngài ngã xuống, mắt trợn ngược băng hà.

Đại thần *Sirigupt* chính thức tuyên bố Đức vua đã thực sự giá băng. Tất cả đồng loạt quỳ mọp vừa cúc cung vừa khóc kể, đập mình, kêu gào vô cùng thảm thiết nhất là Hoàng hậu vì quá xúc động té nằm bất tỉnh. Các cung phi lật đật đỡ Hoàng hậu và tận tình lay gọi, hồi lâu Hoàng hậu mới từ từ tỉnh lại. Nhưng tuổi lệ tiếp tục tuôn trào, bà nức lên từng hồi, to nhỏ, hai tay đập ngực thét gào, cõi lòng tan nát, thân xác rã rời, tay chân mềm nhũn cơ hồ không còn sức sống. Ngay lúc ấy, đại thần *Sirigupt* lấy lại bình tĩnh, đứng lên đồng dục tuyên chiếu:

- Tâu Hoàng hậu, kính toàn thể đại thần thượng phẩm, trước lúc giá băng, tiên đế đã ủy thác Hoàng tử *Asoka* kế vị ngai vàng, và tân vương đã chính thức bái lãnh thiên mệnh mà hình thức triều nghi hoàng bào, đai cân vương miện hoàn toàn nghiêm túc đúng theo truyền thống của các vị tiên đế dòng *Moriya* (Mô ri da).

Sau lời tuyên chỉ chính thức của đại thần *Sirigupt*, tất cả đều quỳ mọp nhất loạt tung hô vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

Hoàng tử *Asoka* chính thức là nhiếp chính vương, chỉ còn chờ ngày hoàng đạo tức vị đăng quang. Trong vai trò nhiếp chính Hoàng tử truyền lệnh tổ chức quốc tang phụ vương thật nghiêm trang trọng thể.

Thương ôi! kiếp người ngắn ngủi, cuộc sống vô thường. Sự sanh bất định, bịnh tật biến tướng, sự chết chực chờ, nơi chết vô chừng, cảnh giới thọ sanh bất ổn, tất cả bất định luật này nay đã đến với Đức vua *Binadusara*, một thời gồm thâu gần hết lục địa Ấn Độ, quyền sinh sát trong tay, nhất hô bá ứng, văn quan thực tài dưới trướng hàng trăm, võ tướng lược thao hàng ngàn, binh hung thiện chiến hàng vạn, thế mà giờ đây chỉ là bóng mờ sương khói. Ngày xưa đến như thế nào, giờ thì ra đi như thế đó, khi đến chẳng xin phép ai, lúc ra đi cũng chẳng từ già ai, đến với nghiệp, ra đi cũng với nghiệp, đến với hai bàn tay trắng, ra đi cũng với hai bàn tay trắng. Sự hiện thành và tiêu tán của một kiếp người chỉ là sự đáp đối liên hồi của dòng đời trôi chảy thiên thu bất tận mà thôi. Trong kinh, Phật dạy năm pháp quán.

Phật xưa rằng kiếp nhân sinh

Lắm điều khổ lụy chẳng dành riêng ai

Xuân xanh rồi cũng tàn phai

Thời hoa mộng tựa sương mai đầu cành

Tám thân tứ đại hợp thành

Ôm đau bịnh tật chẳng dành riêng ai

Dù cho thọ mạng ngắn dài

Cổ kim nào kẻ thoát tay tử thân

Người thân ly biệt người thân

Trăm năm bao lượt khó ngăn lệ nhòa

Mỗi người riêng nghiệp thiếu đa

Rừng mê bể khổ phải qua một mình

Tử sinh nối tiếp tử sinh

Trăm luân khởi tự vô minh cội nguồn

Trí nhân hiểu lẽ vô thường

Tinh cần tu tập thẳng đường vô sanh

Suốt hai mươi tám năm ngồi trên ngai vàng, ngự trị thiên hạ, hưởng thụ năm dục lạc: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạc như một thiên tử. Nhưng bây giờ thì sao?

Khi nào lên các xuồng lầu

Bây giờ một nắm cỏ sầu xanh xanh

Khi nào liệt liệt oanh oanh

Bây giờ một trận tan tành gió mưa

Khi nào ngựa lộc xe lừa

Bây giờ mây rước trăng đưa mơ màng

Khi nào ra trường vào màn

Bây giờ nhà cửa xóm làng cách xa

Khi nào mẹ mẹ cha cha

Bây giờ bóng núi khuất xa muôn trùng

Khi nào vợ vợ chồng chồng

Bây giờ trăng khuyết còn mong chi tròn...

Tất cả trạng huống phũ phàng vừa kể đã xảy đến cho chính Đức vua. Con tôi, tài sản tôi, nghĩ quấy người ngu khô, thân ta còn không có, con đâu tài sản đâu. Trong kinh Pháp cú Đức Phật dạy như vậy. Ngài nhấn mạnh tư các thiếu đề cao cảnh giác: *Thân người như lá úa, diêm chúa chực chờ người, đường dài không quán trọ, dấm trường thiếu tư lương hoặc một khi thân chết hiện về, nào ai có thể chở che cho mình, vợ con quyến thuộc chỉ tình, ngậm ngùi chỉ biết đứng nhìn khóc than.* Thật tội cho Đức vua! trước giờ phút thăng hà, một nguyện vọng nhỏ nhoi, khiêm nhường mà chẳng ai tùy thuận chấp hành. Vấn đề sau cùng mà mọi người đối xử với đức vua là mọi người sợ thối, bỏ xác vào lòng đất, ức không sao đỡ nổi nắp quan tài, trước tử thần đều đại bại giống nhau, sự nghiệp đổ như sóng va vào đá.

Quốc tang Đức vua Bindusara truyền đi rất nhanh. Đông cung Thái tử họp bàn với văn quan võ tướng dưới trướng tại *Takkasila*. Cái ai tin vua cha băng hà làm Đông cung Thái tử đau lòng thì ít nhưng hung tin ngai vàng mình có quyền thừa kế thì đã vào tay *Asoka*.

Càng nghĩ càng căm tức, ức lòng không chịu nổi, nhất là quyền lợi ngai vàng để nghiệp không phải là chuyện thương mãi lỗ lời từ từ giải quyết, mà đây là chuyện quyền uy tuyệt đỉnh, hàng ngàn người đẹp túc trực sẵn sàng thỏa mãn thị hiếu, đúng như câu: “*Cung nga thế nữ diêm*

tinh, vũ ca diều dặt cung nghinh tứ bề, lầu tránh nắng tuyết lê nở rộ, đình thanh lương trắng gió dạt dào, sớm chiều hải vị sơn hào, lầu son các tía vinh sang tuyết trần.” Đùng một cái, tất cả đều mất mát, mất mát lớn lao, mất mát nhục nhã. Không thể được, ta nhất định phải lật ngược thế cờ. Ta không thể là một Đông cung thùng rỗng, hèn nhát. Ta phải xua quân chiếm lấy những gì thuộc về sở hữu truyền thừa của ta. Nhưng dòng tư tưởng Đông cung bị khựng lại khi nhớ đến tài năng thao lược, sức khỏe không người đối thủ và, đã lập nhiều chiến công hiển hách trong thành tích dẹp loạn. Thái tử cảm thấy cuộc hành trình đung phải núi đá, bất giác rung mình khi nghĩ đến công cuộc tranh mỗi từ miệng sư tử. Danh nhân dạy: “*Hiểu biết không thắng ham muốn.*” Tâm lý binh hoạn này hôm nay đã đến với Thái tử *Susima*. Nét mặt sạm đanh, ánh mắt tóe hung quang, Đông cung phán hỏi:

- Các khanh tướng, các vị thành thật trả lời. Theo truyền thống vương triều *Moriya* sau khi tiên đế băng hà, ai là người chính thức, hợp pháp kế vị ngai vàng?

- Tâu Thái tử, căn cứ truyền thống hoàng triều thì Đông cung Thái tử và là trưởng tử phải được nối ngôi tiên đế, *Virasena* (Vi ra sê na) vị quan cận thân trình tâu như vậy.

- Giờ thì ngai vàng thuộc quyền sở hữu của Hoàng tử *Asoka*!

- Tâu Thái tử, ta có thể khởi binh chiếm lại.

- Khanh tướng có thể chiếm lại dễ dàng lắm sao?

- Dĩ nhiên không dễ, nhưng thưa Thái tử, chúng ta chưa xuất quân làm sao biết thắng bại. Hơn nữa, binh hung tướng giỏi dưới trướng Thái tử cũng không phải là ít.

- Vấn đề vô cùng trọng đại, chư khanh tướng phải nghị bàn thập phần cẩn trọng về cả hai mặt chiến lược và chiến thuật. Không khéo sẽ bị hy sinh oan uổng.

Có ý kiến cho rằng, dù sao Thái tử và Hoàng tử *Asoka* cũng là tình huynh thống, mặc dù khác mẹ. Về điểm này, Thái tử thực sự có nghĩ đến, nhưng ngài lý luận: ta thì lúc nào cũng nghĩ nó là em, nhưng *Asoka* có bao giờ nghĩ ta là anh. Nếu biết điều, có nghĩ chút tình, thì khi nào *Asoka* lại dành ngôi tiếm vị.

Thật tội cho Đức vua *Bindusara* là nỗi bất hạnh rất lớn đã xảy ra khi ngài nằm xuống. Thay vì các vị Hoàng tử cùng chung lo tang lễ phụ vương, đàng này lại xảy ra thảm cảnh tranh quyền đoạt vị. Mặc dầu quốc táng đã được long trọng cử hành, nhưng trong thâm tâm mọi Hoàng tử đều đăm chiêu suy nghĩ, tìm mưu tính kế, tranh dành bá nghiệp; nhất là Đông cung Thái tử *Susima* vì trách nhiệm quá xa không hồi kinh thọ tang kịp lúc.

Tại kinh đô *Pataliputra* (Pa tá li pút trá) Hoàng tử *Asoka* đã chính thức nhiếp chánh. Khi mọi quyền hành chưa thực sự vào tay thì ước mơ mong muốn. Nhưng đến khi chính mình là sở hữu chủ thì cảm nhận công cuộc điều hành chánh sự vô cùng khó khăn, nguy nhất là công cuộc tranh dành quyền bính sinh tử bất tương nhượng.

Một buổi hoàng hôn nhạt nắng, Đức vua *Asoka* long nhan đượm nét u buồn:

- Các khanh cảm thấy ta tiềm ngôi vương huynh có khế lý, hợp đạo hay không?

- Muôn tâu, đại thần *Sirigupt* khẳng định, bá quan, trào thần văn võ tín tướng tôn vinh Hoàng thượng thì Hoàng thượng là thiên chủ thay Phạm đế trị nước an dân. Lý đạo là ở chỗ đó. Cúi xin bệ hạ chớ có ngại ngùng, hãy đặt quyền lợi đất nước, thần dân ưu tiên tối thượng.

Đại thần *Sirigupt* tâu trình vừa xong, một lần nữa, tất cả đều cúi cung tung hô vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

- Trong trường hợp hoàng huynh *Susima* tranh ngôi hợp pháp thì sao? Đức vua *Asoka* phán hỏi.

- Muôn tâu, quyết định tử chiến! các đại thần nhất loạt đồng tâu.

- Nhưng trẫm rất đau lòng vì cảnh cốt nhục tương sát tương tàn.

- Muôn tâu, nếu nội chiến xảy ra thì chúng ta phải tự vệ bằng mọi giá vì quyền lợi là điều phải đấu tranh chiếm hữu. Khi thắng lợi thì mọi người sẽ quy phục và sống chết với lệnh Hoàng thượng. Hơn nữa, người đời chỉ phò thịnh mà không phò suy. Chúng thuộc-thần kính mong lệnh Hoàng thượng nắm lấy thời cơ. Vì nếu thất bại thì từ lệnh Hoàng thượng cho đến chúng thuộc-thần sẽ không còn mạng sống.

Một trận chiến nội tâm vô cùng quyết liệt mà Đức vua phải có thái độ dứt điểm. Qua giây phút không lâu, Đức vua bỗng đứng lên, tay rút bảo kiếm âm thanh rợn người đưa thẳng lên cao như trụ đồng, ánh quang chiếu tỏa xanh biếc, Đức vua đồng dạ tuyên bố thật rõ, từng câu vững chãi, vang rộng như phạm âm của Phạm thiên chủ:

- Từ nay về sau, trẫm nhận danh Hoàng đế *Asoka* dòng *Moriya*, sẽ trị vì thiên hạ đúng theo vương đạo. Xin đáng Phạm đế soi xét và minh chứng. Nếu trái lời, sẽ tự nhận lấy mọi hình phạt.

Sau lời tuyên triệu chính thức và lịch sử, Đức vua dùng thần lực cầm ngáp mũi kiếm báu xuống nền kim loan điện, cán kiếm không lay động. Thật là hảo thần lực! Bá quan trào thần văn võ đều dập đầu tung hô tung hô vạn tuế gần như bất tận... âm thanh vang động cả một góc trời.

Quá Trình Xây Dựng Kinh Đô Pataliputra

Lùi về quá khứ sau khi Đức vua Asoka nhiếp chính khoảng hơn hai trăm năm. Lúc bấy giờ chỉ có kinh đô Rajagaha (Vương Xá) xứ Magadha (Ma kiệt đà), Đức vua Bimbisara (Bình xa vương). Bậc thánh sơ quả tu đà hườn trị vì thiên hạ đúng theo Thập Vương Pháp.

Hoàng hậu Videhi (Vi đề hi) hạ sanh hoàng nam đặt tên Ajatasattu (Á cha tá sát tu = A xà thế). Sở dĩ, Hoàng tử mang tên này vì Hoàng hậu cố tình hoán chuyển một nghịch cảnh vô cùng thương tâm oan nghiệt bằng một cái tên theo sự tin tưởng của lệnh bà. Vì rằng, trong lúc hoài thai lệnh bà thêm hút máu Đức vua. Nhưng vì quá thương con, nhất là tâm trạng đau tiên người sắp được làm cha khi biết rõ dòng máu của mình chảy ra để tiếp nối dòng máu của mình, Đức vua rạch ngón tay cho Hoàng hậu hút máu.

Qua sự thêm khát quái gở này của Hoàng hậu, các chiêm tinh gia tiên đoán hoàng nhi sẽ là nhân vật đại nghịch, bất hiếu sát hại vua cha. Biết được sự thật này lệnh bà quyết tâm phá thai. Đã nhiều đêm trằn trọc không chợp mắt, Hoàng hậu trở nên xanh xao tiều tụy, Đức vua gạn hỏi nhiều lần nhưng lệnh bà không dám thổ lộ. Mãi đến khi Đức vua hạ lệnh, lệnh bà mới dám trình tâu tất cả sự thật liên quan thai nhi và những lời tiên tri của các chiêm tinh tín cẩn. Long nhan an nhiên bình tĩnh, Đức vua an ủi, khích lệ:

- Ái hậu ơi! Trên thế gian này, con là nóm ruột của cha mẹ. Phá thai, nhất là thai nhi vô tội, thì trầm nghĩ thà chính ta tự sát còn hơn. Lòng dạ nào mà giết con cho đành.

Hoàng hậu phủ phục khóc như chưa bao giờ được khóc. Khi nước mắt đã chảy ra nhiều, lệnh bà cũng cảm thấy vui sầu, bớt thảm. Bằng giọng nói đứt quãng qua tiếng nấc:

- Muôn tâu, thần thiếp nào dám có hành động phạm thượng. Chẳng qua, thần thiếp không muốn thấy thảm cảnh con giết cha, và người cha hiền thiện, đạo đức đồng thời là một minh quân thánh nhân phải chết vô cùng đau đớn vì chính nóm ruột của mình. Lệnh Hoàng thượng có hiểu thấu cho lòng của thần thiếp?

- Hiểu, hiểu rõ, trẫm thực sự thấu suốt tấm lòng ái hậu. Nhưng hậu có suy nghĩ chín chắn chưa? Nếu làm như vậy, hậu sẽ phạm tội sát sanh trực tiếp và nếu trẫm đồng ý, trẫm cũng sẽ bị tội gián tiếp sát sanh. Tội này không phải nhỏ, thật sự là một tội rất lớn. Hậu chớ suy nghĩ vẩn vơ. Vả lại, nếu thảm trạng này là tiền nghiệp của trẫm thì dù lên trời, xuống biển, vào non cũng không có cứ điểm an toàn thoát khỏi nghiệp lực. Những gì đến cứ để nó đến, đừng cưỡng cầu. Hơn nữa, tất cả những tình huống thuận nghịch, vui buồn, vinh nhục xảy ra cho bất cứ người nào đều hoàn toàn không do lỗi của ai mà chính là lỗi của sự luân hồi. Hậu hãy lãnh hội chơn lý vi diệu, thực tế mà đức Thế tôn Từ phụ đã khai thị.

Vấn đề được ghi nhận là Hoàng hậu tin tưởng lời giải thích khế hợp lý đạo của Đức vua. Nhưng lời tiên đoán các chiêm tinh gia đáng tin cậy vẫn tiếp tục ám ảnh lệnh bà. Cuối cùng lệnh bà quyết định phải phá thai bằng mọi giá. Thứ nhất tránh cho con khỏi phạm trọng tội nghịch bất hiếu, thứ hai tránh cho đáng phụ quân mà lệnh bà yêu kính và trân quý như chính mạng sống của mình không bị hiểm nguy bất trắc. Bị thúc đẩy bởi ý nghĩ này, lệnh bà cải trang làm cung nữ hái hoa và đi thật nhanh về phía hòn giả sơn trong vườn thượng uyển bao bọc bởi

hoa lá, cây cao bóng mát kín đáo, vắng vẻ, u nhàn để thực hiện ý nghĩ táo bạo và bí mật. Nhưng Đức vua đã có tiên liệu nên mật lệnh một số võ tướng thân tín theo dõi cấp báo, đợi đúng lúc, Đức vua xuất hiện. Lệnh bà chỉ còn kịp thời phủ phục và òa lên khóc nức nở nghẹn ngào. Tất cả tâm sự ngổn ngang, nỗi niềm bức xúc thì chính những giọt nước mắt đã nói thay cho lệnh bà.

Những gì đến rồi cũng phải đến. Lệnh bà hạ sanh một hoàng nam vô cùng khôi ngô tuấn tú, màu da óng ánh như thép vàng. Đức vua và Hoàng hậu vui mừng như chết đi được sống lại. Từ thành thị đến thôn quê đều nhất loạt tổ chức đại lễ khánh hỉ suốt ba ngày đêm vui hơn hội chợ. Cái tên *Ajatasattu* (*A xà thế*) có nghĩa người thù chưa sanh để nhắc nhở mọi người nhất là bản thân Hoàng tử tuyệt đối khắc cốt ghi tâm tránh những hành động phạm thượng lỗi đạo, bất hiếu đối với phụ vương, một minh quân thánh nhân sơ quả (tức thánh Tu đà hườn, bậc thánh thứ nhất trong hàng tứ thánh *Sotapanno*).

Thời gian như bóng câu song cửa, Hoàng tử càng khôn lớn càng ngoan hiền, thông minh xuất chúng, văn võ kiêm ưu, sở trường sử dụng cung tên bách phát bách trúng, nhất là đao pháp thì trác tuyệt. Một vấn đề cần được nói rõ, đó là Hoàng tử có một thân hình cân đối, cường tráng, và biểu thị phong cách của một lực sĩ hảo hạng. Hầu hết các vị giáo sư đều nhìn nhận Hoàng tử học hành tiên bộ trên sự tưởng tượng, nhất là khả năng lãnh hội thì quả thật phi thường. Do đó, Hoàng tử thành tài, thành danh rất sớm.

Riêng lệnh bà Hoàng hậu dành gần hết thì giờ để giáo dục Hoàng tử về lễ nghi, đạo đức nhất là hiếu hạnh cần thiết của một hiếu tử mà giá trị được Đức Phật khế vào một trong năm hạng người tột quý: *Một vị Phật Tử, một vị thành tựu đạo quả, một vị y pháp tích cực phụng hành, một vị pháp sư thuyết giảng đúng chánh pháp và một hiếu tử*. Nhờ khả năng truyền đạt đạo đức với tất cả giáo lý mà lệnh bà đã tâm lãnh, nên đã cảm hóa được Hoàng tử, một tâm hồn biết thương người, thương vật, thậm chí một con kiến, Hoàng tử cũng không nỡ giết hại. Lệnh bà đã có những giấc ngủ rất an lành, tự tại và mãn nguyện: con mình ngoan hiền, dễ dạy, dễ thương như vậy thì làm sao nó có thể nghịch đạo, bất hiếu đối với phụ vương khả kính, khả ái của nó. Lệnh bà hoàn toàn tin tưởng một trăm phần trăm qua sự tích cực giáo dục cũng như trong ý thức hiểu biết tiềm ẩn thâm sâu trong tâm trí lệnh bà. Tuy nhiên, có một vấn đề vô cùng phức tạp nguy hiểm mà khả năng tiên liệu hữu hạn của con người không thể đạt đến, đó là những sự kiện bi thảm, nghiệt cay, nghịch lý luôn ẩn mình trong lặng lẽ của thời gian, giống như những trận động đất tiềm ẩn trong lòng đất sẽ bùng dậy khi thời cơ và nhân duyên chín muồi.

Quá Trình Xây Dựng (tiếp theo)

Giấy, lá thom, một khi đem gói thịt, cá ướp thì chắc chắn sẽ trở nên hôi thúi. Một sự thật, một chơn lý không thể đảo ngược. Trong kinh Cát tường (*Mangalasutta*) gồm ba mươi tám yếu pháp, pháp thứ nhất Đức Phật dạy: *Lánh xa người ác là cát tường*. Về kinh Vong hoại (*Parabhavasutta*), Đức Phật xác nhận: *Ua kết giao người xấu, thích hành vi người ác là mầm móng vong*.

Thật là oan nghiệt, thật là đáng thương, nếu Hoàng tử *Ajatasattu* (*A xà thế*) không tiếp cận thân tình với Tôn giả *Devadatta* (*Đề bà đạt đa*) thì đâu đến nỗi phạm phải trọng tội đại nghịch bất hiếu giết cha! Sự kiện này quan trọng thiết cốt đến độ Đức Phật minh định: *Không có yếu tố ngoại tại nào khiến con người tác tạo điều ác như tiếp cận người ác*. Tôn giả *Devadatta* (*Đề bà đạt đa*) xuất gia thọ đại giới cùng lúc với các Tôn giả *Ananda* (*A nan đa*), *Anuruddha* (*A nậu đà la*), *Bhaddiya* (*Phách đĩ dá*), *Bhaggu* (*Phá gú*), *Kimbila* (*Kim bi lá*), *Upali* (*Ưu bà li*).

Về sự tu chứng của bảy vị có được thành tựu dị đồng khác nhau:

Tôn giả *Bhaddiya* (*Phách đĩ dá*) chứng đắc tam minh, tức Túc mạng minh, Thiên nhãn, và Lưu tận minh.

Tôn giả *Ananda* (*A nan đa*) đắc sơ quả Tu đà hườn.

Tôn giả *Bhaggu* (*Phá gú*) và *Kimbila* (*Kim bi lá*) chứng quả *A la hán*.

Tôn giả *Anuruddha* (*A nậu lầu đà*) đắc Thiên nhãn thông.

Tôn giả *Upali* (*Ưu bà li*) đệ nhất thông luật.

Tôn giả *Devadatta* (*Đề bà đạt đa*) đắc được tứ thiên ngũ thông, tức Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Thần thông biến hóa, và Túc mạng thông. Trong thời gian đầu, sau khi xuất gia, Tôn giả cũng tích cực hành đạo, tuy duyên lành đạo quả chưa chín muồi, nhưng cũng đắc được ngũ thông như vừa kể. Mặc dù thành tựu tứ thiên, ngũ thông, nhưng đạo quả cao tột chưa thành tựu thì dễ bị hoại nếu dễ tham, sân, kiến, nghi, mạn khởi phát.

Lúc bấy giờ, Đức Phật cùng với số đông Tăng chúng đang ngụ tại kinh thành *Kosambi* (*Cô sâm bi*). Do công đức Ba la mật tu tạo trong tiền kiếp, nhất là bố thí Ba la mật khiến quần chúng xa gần phát khởi tín tâm cúng dường tứ sự vô cùng đầy đủ. Mỗi chiều, sau khi nghe pháp và cúng dường Đức Phật thì hầu hết Phật tử đều hỏi thăm chư Tôn giả *Xá lợi phất*, *Mục kiên liên*, *Ma ha ca diếp*, *Ma ha ca chiên diên*, *A nậu lầu đà* và *A nan đa* để vấn an, cúng dường tứ sự. Gần như không ai để ý đến Tôn giả *Đề bà đạt đa*. Trước sự kiện thực tế có phần phũ phàng, Tôn giả rất đổi buồn phiền, suy nghĩ: nếu nói về danh vị thì ta cũng là Hoàng tử như họ, lại là anh vợ của Đức Phật. Hơn nữa, *Xá lợi phất* và *Mục kiên liên* chỉ là dòng dõi Bà la môn, nào phải con vua cháu chúa như ta. Thế nhưng, tại sao Phật tử coi trọng họ mà xem thường ta. Hay ông Sa môn Cồ đàm xúi xiểm, nói xấu về ta với Phật tử, chỉ vì tư thù khi xưa, lúc ở hoàng cung ta thường kính chông và chủ trương ăn thua đủ với ông ta.

Trong kinh Phật dạy: *Lợi danh như thể dây leo quấn quanh chằng chịt khiến cây chết mòn; hoặc như cây chuối trở buồng, cây tre, cây chổi trở bông là thân cây mẹ phải già héo và chết.* Hoặc như tuấn mã chào đời thì ngựa mẹ phải chết. Nếu đừng quá đặt nặng lợi danh và đừng để tà tư duy chi phối, Tôn giả *Đề bà đạt đa* vẫn là mẫu Tỳ kheo khả kính, là mô phạm cho hàng tứ chúng. Đàng này, thật tội cho Tôn giả, chẳng những bị tà tư duy ngự trị mà còn bị lợi, danh làm mù quáng lương tri lại thêm ganh tức và oán hận Đức Phật vô lý.

Tôn giả hạ quyết tâm phải trả mỗi hận lòng vừa đắng cay vừa nhục nhã. Tư tưởng mất hướng này đã khiến Tôn giả thay vì cầm gươm đàng chuôi lại đi nắm đàng lưỡi, thật là oan nghiệt. Vật nặng nếu được chuyên chở đỡ nâng có thể nổi không chìm. Nhưng nếu phương tiện chuyên chở ấy không còn thì dù trời có muốn vật nặng ấy không chìm cũng không thể được. Còn như mặt trăng, mặt trời mà ta cố nhận chìm thì chắc chắn sẽ bất lực vì không ai có thể làm được. Bất cứ cuộc hành trình thiên lý nào dù nguy hiểm cam go nhưng nhờ khởi hành sớm thì có lỡ bị lạc đường cũng vẫn còn thì giờ để quay về lối cũ vì đêm tối chưa bao trùm vạn vật. Nhưng nếu bất trí, thiếu thận trọng khởi hành quá muộn, một khi lạc đường thì chỉ có nước chờ chết. Tôn giả *Đề bà đạt đa* thuộc mẫu người thứ hai. Lý ra, trong lúc lạc đường giữa trường dạ tối tăm trời đất, chớ nên vọng động mà phải bình tĩnh ngồi xuống thận trọng lắng nghe âm thanh côn trùng, gió lay lá rụng, tiếng suối reo, có thể tiếng chó sủa không chừng. Hoặc biết đâu một vài thứ âm thanh để mình nhận định phương hướng và sau cùng, nếu chưa có cách thoát thân thì có thể leo lên cây cao tạm thời qua đêm chờ sáng. Nhưng Tôn giả hoàn toàn hành động ngược lại, háo thắng, tháo động, bắt cặp một trăm tám chục độ.

Tôn giả tự vấn: ta phải làm gì để rửa mỗi hận và nhục nhã này? Thực tế, đời sống ta là một Hoàng tử vinh sang phú quý, quyền uy thế lực cũng chẳng kém ai, đã có mấy người hơn ta về nghề văn nghiệp võ. Nếu không đi tu, ta sẽ thừa kế ngôi vị thiên tử sau khi phụ hoàng giá băng. Nhưng chính Sa môn Cồ đàm là ma vương ác ôn đã cưới em gái ta làm vợ, rồi bỏ em ta, khiến nó phải mang tiếng xấu oan ức: đàn bà hư bị chồng bỏ. Em ta đã phải sống những ngày tủi nhục, lẻ loi. Phụ vương vì chuyện này mà thân hình càng héo hon tiêu tụy vì tuyệt vọng mất con vừa bị tiếng đời biếm nhẽ. Phụ vương vì quá ức lòng, một hôm chặn đường ông Sa môn Cồ đàm để hỏi cho ra lẽ: tại sao cưới hỏi rồi lại bỏ con ta ra đi không một lời từ tạ. Chẳng những không thèm trả lời mà khi về đến chùa ông ta còn nguyên rửa phụ vương ta sẽ bị đất rút trong vòng bảy ngày, và phụ vương ta quả thật đã chết vô cùng đau khổ. Kể từ đó đến nay, ta là người bất hạnh, lạc lõng cô đơn, không nơi nương tựa, một thân một bóng sống giữa chợ đời. Càng suy nghĩ máu nóng càng sôi sục, toàn thân run rẩy, từ trong bóng cây, Tôn giả bước ra giữa đất trời lộng gió, cặp mắt đỏ ngầu vì lửa hận nung nấu, ngược nhìn trời, đưa tay mặt lên cao, tuyên thệ:

Xin đất trời minh giám, bắt đầu từ hôm nay, tôi thề sẽ trả mỗi hận lòng và nhục nhã này, chẳng những cho bản thân tôi mà cho em gái tôi và phụ vương tôi đã giá băng một cách oan uổng, tức tưởi, không nhắm mắt!

Trở về tư thất, Tôn giả nằm xuống, thở dài, nặng nhọc. Tâm hồn cứ mãi triền miên uất ức hận thù nhưng tìm chưa ra biện pháp thích nghi hữu hiệu để trả mỗi oan khiên đại nhục đang réo gọi trong lòng. Vừa lúc ấy tiếng chuông báo hiệu đến giờ tập trung để nghe Đức Phật giáo giới. Tôn giả suy nghĩ rất nhanh: mình nên có mặt để tránh nghi ngờ. Đồng thời cũng để chứng tỏ với Tăng đoàn mình vẫn một lòng kính tin đức Thế tôn và sẵn sàng y giáo phụng hành. Mặc dầu vậy,

trong tâm tâm vẫn nơm nớp lo âu vì có tật thì hay giệt mình. Do đó, Tôn giả mặc dù cố giữ bình tĩnh nhìn Đức Phật nhưng không được tự nhiên.

Trong phần giáo giới, Đức Phật khuyên tinh chư Tỳ kheo sống tương thân, tương kính, tương giáo và tương sám. Về phương diện tứ sự cúng dường của tín thí, Ngài dạy: *Tỳ kheo chi nên thọ nhận vừa đủ nuôi mạng sống qua ngày để hoàn thành đạo nghiệp. Nếu ham danh háo lợi, không tri túc, thì chính danh lợi sẽ là mối đại họa cho cuộc tu. Hãy biết tầm quý và đừng để lợi danh chi phối.*

Thời pháp thoại hôm ấy của Đức Phật quả thật là một trận mưa pháp khiến các Tỳ kheo vô cùng hoan hỉ tín thọ. Thế nhưng giọt nước cành dương ấy không thể dập tắt lửa lòng đang hùng hực cháy trong tâm não Tôn giả *Đề bà đạt đa*. Tôn giả cho rằng Đức Phật đã mắng xéo ông. Do đó, ông có cảm tưởng thời pháp là chất dầu mà Đức Phật đã đổ thêm vào đồng lửa oán hận của ông. Trở về tư thất, Tôn giả tự biết công tác vô cùng trọng đại này, cá nhân mình không đủ sức mà phải có vi cánh đặc lực, đồng tâm nhất trí tán đồng và hỗ trợ vô điều kiện mới tiến hành được. Nhưng không ai có đủ điều kiện trợ thủ Tôn giả. Vốn tự biết, trên từ Đức vua *Bimbisara* (*Bình bà sa la*) dưới trào thần bá quan văn võ chí đến Phật tử và thần dân trong nước đều một lòng kính tin quy ngưỡng Đức Phật. Thật khó mà lay chuyển niềm tin sắt đá của họ. Chiến thuật dự trừ bé tắc. Cơ hội ngàn năm một thuở, cảm nghe trong lòng mừng như mở hội. Tôn giả tự nghĩ cớ đã đến tay chỉ còn phát lên là được. Tôn giả đặt kế hoạch thâm phục lòng tin nơi Thái tử.

Một buổi sáng đẹp trời, gió đầu xuân thổi nhẹ, như cơn trớn, vuốt ve sau mùa Đông giá buốt. Thái tử đang ngồi thưởng thức gió Xuân đồng nội từ xa đưa đến. Tôn giả lập tức hoá hiện thân thông, trên đầu chít khăn bằng rắn, kiềng cổ cũng bằng rắn, dây thắt lưng cũng bằng rắn, kiềng tay, kiềng chân cũng toàn bằng rắn và xuất hiện đột ngột trong lòng Thái tử. Thái tử chưa kịp hoàn hồn, Tôn giả lập tức hiện lại nguyên hình một vị Tỳ kheo đường đường Tăng tướng. Quá kính phục Tôn giả, Thái tử xin được làm đệ tử và xây một trung tâm tịnh xá cúng dường. Mỗi buổi sáng, Thái tử cho chở nhiều cỗ xe thực phẩm và buổi chiều đủ loại nước sinh tố. Một số tân thọ Tỳ kheo thấy Tôn giả có quá nhiều lợi dưỡng bèn rủ nhau quy thuận, số lượng càng ngày càng đông. Về tín đồ Phật tử vì thiếu trí a tòng, tới lui cúng dường tấp nập. Lòng tham vọng càng ngày càng lớn, *Đề bà đạt đa* phát khởi tự tôn cao độ, tự nghĩ với địa vị hiện nay, mình có đủ thẩm quyền, uy lực thay Phật cai quản Tăng đoàn. Vì tâm tư tà vạy phát tác mãnh liệt khiến Tứ thiên tiêu hoại, Ngũ thông không còn.

Một vị Phạm thiên tên *Kakudha* (Cá cú thá) hiện thân đến bạch Tôn giả *Mục kiên liên* tất cả sự kiện *Đề bà đạt đa* tự tôn, tự đại, thực hành tà đạo vì lạm dụng tín tâm *A xà thế* có xu hướng quy mô gây tổn thương cho sự hòa hợp Tăng đoàn, đồng thời cũng tạo phiền phức có quy trình đối với đức Thế tôn. *Mục kiên liên* đến trình bạch Phật về những điều trời Phạm thiên nói qua. Đức Phật xác nhận Phạm thiên *Kakudha* tiên báo không sai lời nào. Tuy nhiên, những gì liên hệ Như Lai, hãy chờ thời gian trả lời chính xác. Đức Phật dạy thêm:

- Nay *Mục kiên liên*, trên thế gian có năm loại giáo chủ:

1. Người ác giới xấu xa, các đệ tử cũng đồng ác giới, nhưng vì danh lợi nên a tòng.

2. Người nuôi thân tà mạng nhưng tự hào chánh mạng nuôi thân, tín đồ thiếu trí, bất tri, lợi danh trước mắt nên đồng tán thưởng.

3. Người không thông giáo lý nhưng thậm xưng cụ túc nghĩa văn, tín đồ là hạng giáo gian, chỉ vì danh lợi nên đành a dua xu phụ.

4. Có người dốt nát thấp hèn, tự cao bác học, cổ kim hơn người, môn sinh thất học, nhưng vì danh lợi tập đòi chữ nghĩa.

5. Có người phạm tục nảo phiền, khoe khoang lộ liễu mình thánh nhơn đương đại, học trò biết rõ ông thầy khoa trương, nhưng vì danh lợi cố tình tôn vinh mù quáng.

Này *Mục kiên liên*, Như Lai là Bạc ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng điều ngự Trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế tôn. Như Lai có năng lực Ba la mật bảo trì, có phúc huệ hộ thân, không ai có thể làm hại Như Lai được. Sau đó, đức Thế tôn ngự về *Rajagaha (Vương Xá)*.

Một hôm, Tôn giả *Đề bà đạt đa* đi vào lễ Phật, có đầy đủ chư Tăng, vua quan, thiện nam tín nữ hàng hàng lớp lớp, Tôn giả bạch Phật:

- Bạch đức Thế tôn, nay tuổi Thế tôn đã già, xin Ngài nhường quyền cai quản Tăng đoàn cho đệ tử. Còn Ngài thì nên tịnh dưỡng, hưởng nhàn.

- Này *Đề bà đạt đa*, Như Lai đâu có thống trị chư Tăng. Ngay như *Xá lợi phất*, *Mục kiên liên* mà Như Lai còn không giao phó trọng trách thì làm sao có thể giao phó cho nhà người.

Đề bà đạt đa tỏ thái độ cùng giận dữ, nghĩ rằng đức Thế tôn nặng lòng tây vị, kỳ thị và có ý muốn trấn chìm mình. Ông tự nhủ, ta sẽ vươn mình lên và cai quản Tăng chúng cho bằng được. Thử xem ông Cồ đàm làm gì được ta. Cái may mắn và thắng lợi thường xảy ra ở thời điểm sau cùng.

Đức Thế tôn họp Tăng truyền dạy:

- Hãy vào thành Vương Xá tuyên ngôn, báo cho quần chúng, vua, quan, chư Tăng, thiện tín xa gần liễu tri: kể từ nay, *Đề bà đạt đa* không còn ở trong giáo đoàn. Những gì ông làm, ông nói là của riêng ông, không liên quan đến Tam bảo.

Đề bà đạt đa vào cung khéo dùng lời gợi ý về một viễn ảnh mà Thái tử chưa chắc được nói ngôi Thiên tử. Vì người xưa nhất là thế hệ Thượng hoàng rất trường thọ, còn thế hệ ngày nay như Thái tử chẳng hạn không trường thọ bằng. Nếu Thái tử không có hành động khế hợp thời cơ thì sẽ ân hận suốt kiếp. Nói xong Tôn giả ra về nhưng những độc tố vô cùng tai hại mà ông để vào lòng Thái tử cứ ngấm ngấm phát tác. Nhất là câu: “Thế hệ Thượng hoàng thì trường thọ, còn thế hệ mình thì yếu thọ. Nếu Thái tử không nắm lấy thời cơ thì sẽ ân hận suốt kiếp.”

Tội cho hoàng tử vì dù sao *Đề bà đạt đa* cũng là Bổn sư của mình, mình là đệ tử của người. Hơn nữa, thần thông quảng đại, chứng tỏ Thầy mình đạo cao đức trọng, đâu nỡ hại mình trở

thành tội nhân thiên cổ. Chắc chắn người có lý do chính đáng, cũng rất có thể Thầy biết trước tuổi thọ của mình không kéo dài đến ngày phụ vương về tiên cảnh. Thái tử tin tưởng một trăm phần trăm vào tình thương và thiện ý của *Đề bà đa đa* một cách mù quáng, không còn một chút lý trí quán tri xuyên suốt hậu ý của ông Thầy. Cuối cùng và qua nhiều đêm suy nghĩ, Thái tử hạ quyết tâm hành thích Vua cha nhưng cơ mưu bại lộ. Thái tử bị cận vệ quân bắt chung với khí giới giấu trong người và dẫn đến trình diện Đức vua. Nhìn con mà ruột gan tan nát như ai xẻo cắt từng mảnh. Đức vua truyền lệnh tất cả lui ra. Chỉ còn lại hai cha con, Đức vua nói rất nhẹ nhàng, chua xót:

- Con có biết mang khí giới vào cung cấm là trọng tội hay không?
- Tâu phụ vương, con biết.
- Đã biết, tại sao lại làm?
- Vì con muốn làm vua.
- Thì chắc chắn con sẽ được làm vua vì phụ vương cũng đã già, sớm muộn cũng phải nhường ngôi lại cho con.
- Tâu phụ vương, thực sự con chỉ muốn làm vua ngay bây giờ hoặc nội nhật ngày mai.
- Chính lý do này mà con quyết tâm hành thích phụ vương? Giọng nói Đức vua nghe buồn nẫu ruột, chỉ buồn, tuyệt đối không có oán hận.
- Tâu Phụ vương, đúng vậy.

Đức vua mỉm cười cởi mở và nói:

- Tất cả những gì của phụ vương cũng chính là của con. Ngày mai, phụ vương sẽ triệu tập bá quan trào thần văn võ tuyên bố thoái vị nhường ngôi cho con vì lý do tuổi già sức yếu không đủ khả năng tâm, sinh lý cũng như sự minh mẫn, sáng suốt trong công cuộc điều hành triều chính.
- Cúi xin phụ vương thương con, đừng đề cập sự kiện hôm nay.
- Về điểm này, con hãy tin tưởng phụ vương. Trên đời này không ai thương con bằng cha mẹ. Đối với con, cha mẹ sẵn sàng hy sinh tất cả kể cả mạng sống miễn sao con mình được hạnh phúc. Lớn lên, khi có con, con cũng sẽ làm như vậy.

Chỉ còn đêm nay nữa thôi, ngày mai tất cả sẽ thay ngôi đổi chủ. Nghĩ đến người kế vị là nóm ruột của mình không phải người dung nước lã, Đức vua cảm thấy an ủi và mãn nguyện, dù sao Ngài cũng là bậc thánh sơ quả Tu đà hườn. Đức vua tường thuật không hề giấu giếm tất cả sự kiện xảy ra nơi cung điện và lời hứa truyền ngôi cho con nội nhật ngày mai theo ý muốn đương sự. Nghe xong, Hoàng hậu khóc ngất, nức nở, nghẹn ngào, dở sống dở chết. Trước cảnh bi thương thảm thiết ấy, Đức vua nhỏ nhẹ an ủi:

Hậu ơi! nếu hậu là con mắt phải của trẫm thì con chính là con mắt trái. Những gì nó muốn thì mình vui vẻ trao hết cho nó. Không lẽ, khi nó trở thành sở hữu chủ rồi nó lại giết mình. Trẫm vạn lần không tin chuyện nghịch đạo như vậy có thể xảy ra. Hơn nữa, hậu có còn nhớ lời Phật dạy: *Tất cả sự hiện hữu của mỗi chúng sanh đều do nghiệp, thức tác động. Là phàm nhân, không ai có được ngoại lệ. Tài sản tuy quý nhưng không quý bằng mạng sống, nhưng mạng sống không quý bằng đạo đức.*

Mặc dầu được Đức vua chí tình hết lời an ủi, Hoàng hậu có phần nào vui sàu bớt thảm. Nhưng tâm lý nữ giới là hướng ngoại, nên có vui buồn thì vui buồn vì người mình yêu thương hơn là cho bản thân. Tâm lý này khiến lệnh bà đêm nay trằn trọc thức suốt canh thâu.

Hôm sau, trước đông đủ bá quan trào thần văn võ, Đức vua long trọng tuyên bố:

- Đông cung Thái tử *A xà thế* con trẫm đã trưởng thành, nghề văn nghiệp võ kiêm ưu, nhất là tài điều binh khiển tướng hoặc xông pha giữa trận tiền thì bách chiến bách thắng, chưa hề biết bại là gì. Còn khả năng điều hành chính sự, trị quốc, an dân thì Đông cung có thừa khả năng và đức độ. Do đó, từ nay, chư hiền khanh hãy vì sơn hà xã tắc, vì triều đại *Moriya (Mô ri dá)* và vì trẫm mà đồng tâm nhất trí, đem hết khả năng khuông phò Tân vương muôn phần thắng lợi.

Đức vua vừa dứt lời, tất cả đều phủ phục tung hô: vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế!

Trở về Tây cung Hoàng hậu, đêm ấy Đức vua và Hoàng hậu thực sự có một giấc ngủ yên lành, thanh thoát. Thử nghĩ, người đau răng nhức nhối, tự mình không dám nhổ, nhờ người khác cũng không khác là bao. Nhưng nếu nha sĩ kinh nghiệm, đầy đủ dụng cụ máy móc nhỏ cho thì sung sướng biết mấy. Hoặc ví như gánh nặng đường xa giữa hè oi bức, mờ hôi nhễ nhại đầm ướt cả người bỗng gặp cỗ thụ, tàng lá sum suê, đặt gánh nặng xuống ngòai nghỉ mệt thì hạnh phúc biết bao.

Đức vua *Bình bà sa la (Bình sa vương)* sau khi truyền ngôi cho con, Ngài có cảm tưởng rằng đau đã được nha sĩ nhổ ra và, gánh nặng đường xa trưa hè được đặt xuống và ngòai nghỉ mệt dưới gốc đại thọ. Ngài cũng nhắc cho Hoàng hậu nghe một câu Phật ngôn trong kinh Pháp cú: *Thánh quả Tu đà hườn quý hơn địa vị vương chủ của một quốc gia, quý hơn địa vị Hoàng đế trên địa cầu và quý hơn các vị thiên chủ trên thiên giới.*

Hậu có nghĩ trân quý hột xoàn hơn hột đá, đồ thiệt hơn đồ giả? Cao lương mỹ vị hơn com tũ?

Muôn tâu, thần thiếp biết.

ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GỢI Ý A XÀ THẾ GIẾT CHA

Bước đầu kế hoạch tiếm ngôi đã thành công, *A xà thế* chính thức là quốc vương xứ *Magadha (Ma kiệt đà)*. Nhưng *Đề bà đạt đa* với thâm ý hiểm ác, tự nghĩ, nếu muốn hoàn thành đại nghiệp thay Phật cai quản Tăng già thì không thể giữ mạng sống Đức vua *Bimbisara (Bình sa vương)* tức phụ vương của *A xà thế*. Vì *Đề bà đạt đa* biết rõ hơn ai hết về quá trình trị quốc an dân, về tình thương dân như con ruột, lúc nào cũng đặt nặng giáo dục hơn hình phạt, lấy chánh pháp chủ đạo cho mọi công trình dựng nước, giữ nước. Uy tín của vua *Bình sa vương* không chỉ toàn dân *Ma kiệt đà* tâm phục khẩu phục mà các lân bang thầy đều ngưỡng mộ. Thế là bước thứ hai của kế hoạch phải được tiến hành không thể chậm trễ.

Một buổi chiều đẹp trời, ánh hoàng hôn có phần nhạt nhòa, nhưng cảnh vật trông cũng nhẹ nhàng lung linh huyền ảo. *Đề bà đạt đa* vào triều bệ kiến và vấn an *A xà thế*. Tôn giả được nhà vua tiếp đón vừa thân tình vừa trân trọng.

Trong câu chuyện đàm thoại, *Đề bà đạt đa* rất khéo đặt những câu hỏi liên quan chánh sách an dân trị nước và những hưởng thụ thật hạnh phúc khả lạc, khả hi, khả ý trong hoàng triều vân vân và vân vân. Thấy không khí cởi mở vui vẻ, *Đề bà đạt đa* hỏi thăm sức khỏe đức *Bình sa vương*.

- Thưa thầy, phụ vương vẫn khỏe.
- Hoàng thượng không có biện pháp thích nghi ngừa bệnh hơn chữa bệnh hay sao?
- Không có biện pháp nào cả, ngoại trừ để phụ vương tùy nghi vui sống, vả lại phụ hoàng cũng đã già rồi.

Nghe *A xà thế* trả lời, *Đề bà đạt đa* im lặng và nét mặt rất buồn. Thấy thái độ khác lạ của Tôn giả, *A xà thế* phán hỏi:

- Thưa thầy, chẳng hay trong câu chuyện đàm thoại có điểm nào thất thố khiến thầy không được vui?

Vẫn với nét mặt buồn phiền thêm phần ưu tư, *Đề bà đạt đa* ra vẻ hết sức chí tình trình tấu:

- Muôn tâu, bản đạo thiên nghi biện pháp hiện tại mà Hoàng thượng áp dụng với thượng hoàng sợ e không ổn. Sự kiện không ổn mà bản đạo ưu tư là thái độ thiếu tiên liệu hợp lý của Hoàng thượng. Hoàng thượng chắc chắn biết rõ hơn ai hết về uy tín cũng như lòng kính tin, sung mộ của bá quan, thần dân chẳng những vẫn còn mà còn một cách trọn vẹn đối với thượng hoàng. Lỡ như mai kia một nọ, Hoàng thượng phạm phải một khuyết điểm triều chính thì đức thượng hoàng với uy tín bao trùm thiên hạ, thừa cơ, thừa lý truat phé Hoàng thượng rất dễ dàng như trở bàn tay. Chừng đó, hối hận cũng quá muộn! đây chỉ là thiên nghi của bản đạo vì quá thương kính mà phải lo xa vậy thôi, xin Hoàng thượng niệm tình lượng thứ.

Gợi ý vô cùng hiểm độc vào lòng *A xà thế* xong, *Đề bà đạt đa* không cần biết phản ứng, lập tức xin phép cáo lui.

Trong Vòng Lao Lý

Trong kinh Pháp cú, Đức Phật dạy: *Kẻ mắt ngủ mới thấy đêm dài, lữ khách mệt mới thấy đường xa, luân hồi trường cửu với người ác trí, bất tri chánh pháp.*

Đức vua *A xà thế* không tài nào chợp mắt, mặc dù long thể vô cùng mệt mỏi. Nhà vua cảm thấy đêm nay quá dài như thời gian vô tận và quá lâu như không gian vô cùng. Tại sao tình trạng mắt ngủ này lại xảy ra cho *A xà thế*. Số là, sau cuộc gặp gỡ đàm thoại với *Đề bà đạt đa*, những gợi ý tuy ác hiểm nhưng vô cùng hữu lý của ông thầy xấu ác đã gieo vào lòng nhà vua một cách sâu sắc, nhất là câu: “Nếu như Hoàng thượng lỡ phạm khuyết điểm triều chính thì đức thượng hoàng với uy tín bao trùm thiên hạ rồi thừa cơ, thừa lý truat phé hoàng thượng dễ như trở bàn tay, chùng đó hối hận cũng đã quá muộn.” Bốn mươi ba chữ này không biết có ma lực gì mà cứ ám ảnh nhà vua không tài nào chợp mắt.

Trên thế gian này, người trí sẵn sàng lấy của che thân, người ngu thì lấy thân che của. Người nào bảo trì khả năng đặc quyền đặc lợi của mình hay cho mình là bạn, ngược lại là thù. Dù nhân vật ấy là người thân nhất đời mình. Trong tình huống hiện tại, Đức vua *Bình sa vương* là một khả năng đe dọa vô cùng đáng sợ cho sự nghiệp đỉnh chung và quyền lợi đặc thù mai hậu. Chính tà tư duy này khiến *A xà thế* phải quyết định thượng phong hạ thủ. Nhưng hạ thủ cách nào để quan, dân không nặng lời dị nghị và gán tội đại nghịch, bất hiếu. Suy nghĩ chín chắn, *A xà thế* chọn giải pháp hạ ngục Vua cha và chỉ cho phép Hoàng thái hậu *Videhi* vào thăm mà thôi. Nhờ Hoàng thái hậu kín đáo tiếp tế lương thực nên Đức vua cũng tạm sống qua ngày trong ngục thất.

A xà thế biết chuyện này bèn hạ lệnh Hoàng thái hậu chỉ được vào thăm mà tuyệt đối không được tiếp tế. Sự kiện được ghi nhận trong bi cảnh tâm não này thật là cảm động, khó cảm được nước mắt. Nghĩa là lệnh bà áp dụng nhiều biện pháp tiếp tế: nào là giấu thực phẩm trong đầu tóc, nào là giấu trong đôi hài, nào là thoa trét thức ăn như mật, bột trong cơ thể - nhưng dù khéo léo kín đáo đến đâu cũng bị phát giác. *A xà thế* tuyệt đối cấm, không cho Hoàng thái hậu vào ngục thăm viếng nữa.

Thật tội nghiệp Đức vua *Bình sa vương* phải đành cam chịu kéo dài cuộc sống oan khiên đói khát trong ngục thất. Là bậc thánh sơ quả Tu đà hườn nên nội lực chịu đựng có phần tương đối sung mãn, cộng thêm phương pháp kinh hành niệm Phật trợ duyên nên Đức vua tuy thân hình khô héo nhưng vẫn tiếp tục sống. Hơn nữa, có một cánh cửa sở hướng Đông đã góp phần tích cực trong cuộc duy trì mạng sống Đức vua, vì từ cánh cửa này, Đức vua có thể nhìn lên ngọn núi *Gijjhakuta (Kỳ xà quật)*, chiêm ngưỡng kim thân đức thế tôn trong lá y cà sa phản chiếu sắc vàng thật nhẹ nhàng huyền nhiệm của mỗi hoàng hôn nhạt nắng mà Ngài tới lui thiền hành như có dụng ý. Chính hình ảnh Từ bi vô lượng này của Đức Phật khiến nhà vua phán sanh phi lạc - tức chi thiền thứ ba và thứ tư trong năm chi thiền. Một trạng thái no mát, nhẹ nhàng. Nhưng *A xà thế* biết được chuyện này bèn hạ lệnh cho người xẻ hai bàn chân, rắc muối và hơ trên lửa than. Chịu không nổi sự đau đớn cùng cực này, Đức vua băng hà. Trước giây phút bị bức tử ấy, Đức vua có để lời cầu nguyện cho Hoàng thái hậu thân tâm an tịnh; cho *A xà thế* đưa con duy nhất cứu trụ ngai vàng; cho văn quan võ tướng một lòng một dạ phò trợ quân vương; cho lê dân bá tánh được sống hạnh phúc an cư lạc nghiệp.

Thật cảm động biết bao tâm lòng một vị minh quân. Dù bị con bức tử nhưng không hề khởi sanh oán niệm dù vì tế tiêm ẩn trong tâm hồn. Ôi! Cao quý thay tình cha. Cao vời vợi mà hầu hết con cái đều vói không tới. Ngay lúc ấy, trời bỗng dung tối sầm như thọ tang, đất chuyển mình như sắp có địa chấn, mây trời đang tản mát vô định bỗng hội tụ kết liền như chậu đen vĩ đại úp xuống kinh đi *Vương Xá*, sét nổ sầm vang đình tai nhức óc, khiến khắp nước mọi người phải một phen khiếp vía, kinh hồn. Họ bàn tán xôn xao, họ lấy làm quái dị, họ sợ trời sẽ giáng họa, rồi đây nước mất nhà tan. Nhưng vấn đề quan trọng nhất họ muốn tìm hiểu là nguyên nhân từ đâu khiến Phạm đế phải nổi trận lôi đình.

Cũng ngày hôm ấy, hai nguồn tin trọng đại liên quan hai sự kiện khẩn trương: hỉ tin Hoàng hậu hạ sanh hoàng nam vô cùng khôi tuấn và ai tin thượng hoàng đã băng hà trong ngục thất. Hai nguồn tin vui, buồn đến cùng lúc khiến Đức vua vừa vui mừng vô hạn, vừa xúc động bàng hoàng. Tình thương con ngập lòng khó tả của một người được làm cha lần đầu vừa thiêng liêng kỳ diệu, vừa thú vị ngọt ngào khiến *A xà thế* hình dung rõ nét tấm lòng phụ vương đối với mình khi xưa lúc mình mở mắt chào đời. Nghĩ đến đây, *A xà thế* bỗng dung la hoảng lên như kẻ mất trí: thả phụ vương trầm ra, thả phụ vương trầm ra! Chân thì chạy thật nhanh như kẻ vô hồn. Nhưng khi *A xà thế* đến nơi ngục thất thì vua cha đã ra người thiên cổ.

A xà thế đứng bất động như trời trong, mắt nhìn xác phụ vương không chớp mắt, miệng há ra nhưng không thốt thành lời. Hình ảnh cha già nằm hai chân co quắp vì cực hình, máu chảy loang lổ đỏ đây vẫn còn nguyên đó và mùi da thịt bị lửa than đốt cháy vẫn còn nặc nồng xông khắp nhà tù. Trước thảm cảnh nát dạ đau lòng ấy, *A xà thế* té quy xuống như cây tróc gốc, ôm lấy xác vua cha gục đầu khóc kể vô cùng bi thống. Những tiếng nức nở nghẹn ngào như oán trách tự thân, như giận người xúi giục, như buồn khổ tại sao không ai nhắc nhở khuyên giải mình... Tiếng khóc đứt ruột của *A xà thế* khiến mọi người cùng khóc òa theo như chính cha mẹ họ chết.

Để chuộc lại phần nào tội đại nghịch bất hiếu, *A xà thế* hạ lệnh tổ chức quốc tang phụ vương thật nghiêm cung trọng thể. Sau tang lễ, *A xà thế* vào hầu mẫu hậu:

- Mẫu hậu, thần nhi tự biết mình đã gây ra trọng tội ngũ nghịch, một đại tội bất cứ. Thần nhi cam chịu mọi hình phạt kể cả hình thức nặng nề nhất. Về mặt này, thần nhi cam lòng tự nguyện vì chính lương tâm thần nhi cũng không thể nào tha thứ cho mình được. Đó là tội đại nghịch bất hiếu với phụ vương. Nhưng riêng đại tội bất hiếu đối với mẫu hậu mà thần nhi vì quá ngu dại gây vô vàn đau khổ cho mẫu hậu, khiến long thể héo hon chỉ còn da bọc xương, thần nhi quả thật đau lòng nát dạ. Thần nhi sẽ cảm nhận an ủi, bớt khổ nếu được mẫu hậu ban cho thần nhi hình phạt nào nặng nhất.

Nói đến đây, *A xà thế* gục đầu dưới chân lịnh bà. Lịnh bà nhìn con với ánh mắt như vô thức. Muốn bật lên khóc nhưng thực sự nước mắt lịnh bà đã khô cạn từ lâu, kể từ ngày *A xà thế* tuyệt đối cấm lịnh bà vào thăm đức Thượng hoàng. Không biết thời gian trôi qua bao lâu nhưng chắc chắn tương đối khá lâu, lịnh bà nói qua hơi thở nặng nhọc:

- *A xà thế* ơi! bất cứ hình thức hành phạt nào dù nặng nề nhất áp dụng đối với con thì phụ vương con cũng không thể sống lại. Con giống như trẻ nít khờ khạo bị người ta xúi dại đốt nhà rồi dẫn cho về ở đậu nhà họ. Nhưng con nên biết, không nhà nào hạnh phúc, tự do như chính nhà

mình. Con có được ngọc như ý bảo châu trong tay áo mà không biết giữ để bị mất, thì chắc chắn sẽ chết vì nghèo đói. Chính phụ vương con là viên bảo châu ấy, nhưng con đã cố tình hủy hoại mất rồi! Mẫu hậu có thể xác quyết với con, trên thế gian này chưa có người cha nào thương yêu con như phụ vương con. Mẫu hậu nhớ khi cần thai con, mẫu hậu theo hút máu phụ vương con. Người vui vẻ khứa ngón tay cho mẫu hậu hút máu. Một lần khác, con bị nhọt độc hành hạ vô cùng khổ sở, đau nhức, rên khóc cả đêm vì nhọt làm mù. Vì quá thương con nên phụ vương đành kê miệng hút cả mù, máu và đĩnh bụng nhỏ bỏ, hưng lại sợ e lấy miệng ra khỏi mụn nhọt sẽ khiến con đau nhức trở lại, nên phụ vương con đành nuốt cả vào lòng.

Còn nữa, vì hiện tượng mẫu hậu thêm thường quái gở, nên các chiêm tinh gia tin cẩn tiên đoán con sẽ là người thù hãm hại phụ vương. Mẫu hậu quyết định phá thai nhưng phụ vương đã tiên liệu và kịp thời ngăn cấm, nên con mới giữ được mạng sống đến hôm nay. Do đó, mẫu hậu đặt tên con là *Ajatasattu* (*A xà thế*) nghĩa là người thù chưa sanh. Thế nhưng nghiệp lực an bài khiến con bức tử phụ vương con. Con đã phạm một trong năm đại nghịch trọng tội. Cái quả mà con phải trả vô cùng trầm trọng.

Mẫu hậu không có khả năng giải trừ hoặc hoán chuyển cái tội của con nhưng mẫu hậu có thể chỉ điểm cho con một giải pháp: trước khi tiếp cận với Tôn giả *Đề bà đạt đa* con vẫn một lòng tịnh tín quy ngưỡng Tam bảo nhất là đức Bổn sư Từ phụ. Ngài là bậc thầy của trời người, là cha lành bốn loại, là bậc khai thị chúng sanh, phúc huệ Ngài bao trùm tam giới. Hiện Ngài đang ngự tại kinh thành *Vương Xá* này. Con hãy đến đánh lễ Ngài, thành tâm sám hối tất cả lỗi lầm quá khứ, quyết ăn năn chừa cải trong tương lai và kính xin Ngài bi mẫn ban lời chỉ giáo. Đức Thế tôn cũng từng dạy: *Trên thế gian này có hai hạng người quý - một là hạng người không bao giờ làm lỗi, và hai là hạng người làm lỗi mà biết ăn năn sám hối.*

A xà thế hứa danh dự với mẫu hậu là tuyệt đối chấm dứt mọi liên hệ với *Đề bà đạt đa* bắt đầu từ ngày hôm ấy và bái tạ mẫu hậu xin phép cáo lui.

Mặc dù thâm tâm lệnh bà đã hoàn toàn tha thứ cho *A xà thế*. Dầu sao cũng là tình mẫu tử thiêng liêng, làm sao mà oán hận con cho được. Tuy nhiên, vết thương lòng quá lớn đã hằn sâu, ung thối vô phương cứu chữa. Và, lệnh bà cũng ra đi theo gót quân vương - một người chồng vô cùng khả kính, suốt đời chỉ vì hạnh phúc của mọi người mà sẵn sàng hy sinh thân mạng. Nhị vị thánh nhân sơ quả Tu đà hườn mặc dù không có hẹn ước, nhưng cùng ra đi, tuy thời gian, không gian có khác nhưng thành tựu đời sống phạm hạnh thì đồng nhất. Ôi, cao quý biết bao! Ôi, đáng kính biết bao!

Diễn Trình Dời Kinh Đô

Một sự diễn biến lớn lao trong tâm hồn Đức vua *A xà thế*. Quá ân hận và ăn năn sâu sắc về những hành động đại nghịch bất hiếu, đối với hai đấng sanh thành, Đức vua hạ quyết tâm làm một vị minh quân, trị nước an dân theo vương đạo để chuộc lại phần nào lỗi lầm trong quá khứ.

Mỗi lần nhớ đến phụ vương và mẫu hậu, *A xà thế* không sao dễ yên giấc ngủ. Đức vua tự nghĩ, ai có thể dập tắt ngọn lửa ân hận đang hùng hực bốc cháy trong lòng ta. Bỗng Đức vua nhớ đến vị danh y *Komarabhacca* (*Cô ma rá phách chá*), cũng gọi tắt là *Jivaka* (*Chi vá ká*) một Phật tử rất thuần thành ngoan đạo và dâng cúng cả vườn xoài rộng lớn cho Đức Phật. Đêm nay, ánh trăng thượng tuần chiếu sáng dịu dịu dễ thương, Đức vua cảm thấy phần khởi vui vẻ trong lòng, phán hỏi vị danh y tín cẩn:

- *Jivaka* hiền khanh, đêm nay trăng đẹp quá. Khanh nghĩ có nên tìm đến vị Sa môn hay Bà la môn nào để vừa đàm đạo vừa thưởng trăng hay không?

- Muôn tâu, đức Thích tôn Từ phụ hiện ngự trong vườn xoài của hạ thần cùng với một số rất đông Tăng chúng. Ngài được tôn xưng là:

Bậc Ứng Cúng đáng cúng dường

Bậc Toàn Tri Diệu Giác

Bậc Viên Mãn Trí Minh và Hạnh Đức

Bậc thành tựu Chơn, Thiện, Mỹ

Bậc suốt thông tam giới

Bậc Trượng Phu Điều Ngự độ sanh

Bậc Thầy của Trời và người

Bậc hoàn toàn Giác Ngộ

Bậc Phúc lợi tròn đầy.

Nếu lệnh Hoàng thượng được yết kiến Ngài, thần tưởng không còn hạnh phúc nào lớn hơn.

Đức vua *A xà thế* truyền khẩu lệnh danh y chuẩn bị long xa, đèn đuốc và dẫn đường đến nơi Phật ngự. Khi long xa gần tới nơi, vì tôn trọng đức Thế tôn, nhà vua rời long xa và đi bộ. Nhưng khi tiến sâu vào vườn xoài, nhà vua đâm ra lo ngại vì cảnh tịch mịch u nhàn, cộng thêm sự vắng lặng kỳ lạ, thậm chí không một tiếng động nhỏ, như tiếng nói, hoặc tối thiểu âm thanh con người. Càng nhớ lời tau khẳng định của danh y là đức Thế tôn cùng số đông Tăng chúng đang ở trong vườn xoài nhưng tại sao khung cảnh im lặng đáng sợ như vậy. Nhà vua lấy can đảm phán hỏi vị danh y:

- Khanh có đảm bảo sự an toàn và sẽ không có bất trắc gì xảy ra cho trầm?

- Muôn tâu, lịnh Hoàng thượng an tâm, tin tưởng thần. Đức Thế tôn và chúng Tăng đang hiện diện đông đủ. Còn tư cách tuyệt đối im lặng, không ồn ào chính là đạo phong, đạo hạnh của các Ngài. Thần xin đem mạng sống của thần làm tín nhiệm duy trì sự an nguy của Hoàng thượng, và rồi Hoàng thượng sẽ vô cùng an lạc.

Phía trước nhà vua không xa, đức Thế tôn đang ngự giữa đại chúng Tăng già theo mô hình vòng cung hay vàng trắng lưỡi liềm. Qua sự trợ duyên của vị danh y, nhà vua tự động quỳ đánh lễ đức Thế tôn vô vãn cung kính.

- Bạch đức Thế tôn, chúng Tăng đệ tử đức Thế tôn thật đông đảo nhưng cũng thật nghiêm tịnh. Trầm cầu mong Thái tử *Udaya* (*Ú đá đá*) con trầm được nghiêm tịnh như chúng đệ tử của đức Thế tôn.

Đức Thế tôn khai thị:

- Muôn tâu, người nào tâm hồn an tịnh, thì thân, khẩu cũng sẽ nghiêm tịnh.

- Bạch đức Thế tôn, có phải như vậy là Sa môn quá. Trầm từng thấy mọi người nhờ lao động tích cực mà đầy đủ tiện nghi sống. Nhưng riêng thành quả sự lao động để sống của hàng Sa môn như thế nào thì thực sự trầm chưa lãnh hội.

- Muôn tâu, hiền nhân mong cầu vô thượng đạo, sống nhẹ nhàng an lạc, thúc liễm các căn, viễn ly mọi trói buộc và cạm bẫy phàm tục, không nhiễm trước những đóa hoa tình ái của ma vương, không mắc dính trong ngã và ngã sở hữu, không ước mơ các cảnh, tung cánh bay cao giữa trời lồng lộng không lưu dấu hình, người như vậy không đòi hỏi phải có kỹ thuật hoặc sở trường lao động vẫn sống tự tại như những con hạc trời giữa không gian suối nguồn, non ngàn, biển cả.

Thời pháp hôm ấy tương đối dài, Đức Phật nhằm khai thị nhà vua vốn mang nặng tâm tư ăn năn hối hận vì những hành động bất thiện trong quá khứ có được cơ duyên lãnh hội chánh pháp. (Xin đọc kinh *Sa môn quả* thuộc Đại Tạng *Trường Bộ - Dighamikaya* – Pali quyển số 1). Phân tổng kết, đức Thế tôn đề cập bốn Lý thánh đế, khổ; nguyên nhân khổ, tính năng diệt khổ và phương pháp diệt khổ. Vô cùng hoan hỉ với pháp thoại, nhà vua nêu lên cảm tưởng:

- Bạch đức Thế tôn, chánh pháp thật là chơn lý kỳ diệu do Thế tôn từ mẫn thiện thuyết giống như lật ngửa chậu úp, dựng đứng những gì ngã xuống, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đưa ánh sáng vào chỗ tối để người có mắt được thấy. Đệ tử xin trọn đời quy y đức Thế tôn, quy chánh Pháp, quy y đoàn thể Tăng già. Cúi xin đức Thế tôn tri nhận đệ tử là cận sự nam trọn đời quy ngưỡng Tam bảo.

Nếu *A xà thế* không phạm trọng tội đại nghịch bất hiếu giết cha thì ngay đêm hôm ấy nhà vua đã chứng sơ quả *Tu đà hườn*. Nhưng con đường Thánh quả đã bị vô gián trọng tội ngăn ngại lấp ngõ. Nhà vua chỉ được là cận sự nam đầy đủ tín tâm quy ngưỡng ba ngôi báu về cả hai mặt tri và hành.

Công đức vô cùng vĩ đại mà nhà vua trực tiếp đóng góp có tính lịch sử. Đó là, nhà vua tự nguyện làm vị đệ nhất hộ pháp cho công cuộc kết tập Tam tạng Thánh điển lần đầu tiên sau Phật niết bàn ba tháng dưới sự chủ tọa của Tôn giả *Mahakassapa* (*Ma ha ca điếp*) và năm trăm (500) vị Thánh Tăng *A la hán* kết tập viên, mất thời gian ba tháng.

Suốt tám năm làm vua kể từ ngày đức *Bình sa vương* băng hà đến năm đức Thế tôn niết bàn, *A xà thế* xua quân xâm lăng thôn tính các lân quốc mở mang bờ cõi *Ma kiết đà* thật rộng lớn: như chiếm đóng thống trị toàn lãnh thổ *Kosala* (*Cô sá lá*) một đại vương quốc của cõi diêm phù (*Jambudipa*); bành trướng dọc theo lưu vực sông Hằng (*Ganga*) và từ đó *Ma kiết đà* trở thành lục địa cường quốc hùng mạnh nhất. Tuy nhiên, *A xà thế* không dừng lại đây mà nhắm mục tiêu sắp tới cần phải thôn tính là bộ lạc *Vajji* (*Quánh chi*) để kinh là *Vesali* (*Vê sa li*) sở dĩ *A xà thế* quyết định xua quân đánh chiếm vì bộ lạc này nổi tiếng trù phú, nhất là nông, lâm và mãi lược xuất nhập khẩu, nổi tiếng là trung tâm thương mại xung yếu vô cùng thịnh vượng.

Để chuẩn bị chu đáo cho cuộc chiếm đóng này, *A xà thế* hạ lệnh hai vị đại thần thân tín là *Sunidha* (*Sú ni thá*) và *Vassakara* (*Và sá ka rá*) cấp thời thiết lập các căn cứ quân sự nhất là phải hoàn thành kỷ lục công trình xây dựng một thành trì tại *Pataligama* (*Pa tá li ga má*) gần biên giới bộ lạc *Vajji* với hai lý do: về chiến thuật thì dùng quan sát mọi động tĩnh quân sự của , đồng thời *A xà thế* cũng có ý định dời đô và đặt tên cho đế kinh mới này là *Pataliputra*.

Tương các bạn cũng cần biết nguyên nhân sâu xa tế nhị trong công cuộc thiên đô này. Chắc các bạn còn nhớ sự kiện Đức vua *A xà thế* vì nghe lời xúi dục đầy ác ý có mưu đồ của *Đê bà đạt đa* đã bức tử vua cha là *Bình sa vương* và cũng vì thâm canh đại nghịch này đã khiến mẫu hậu cũng giá băng không lâu sau đó, có nghĩa là *A xà thế* phạm một lúc hai trọng tội đại nghịch bất hiếu, tức trực tiếp bức tử phụ vương và gián tiếp hại chết mẫu hậu. Mặc dù nhà vua được bái kiến đức Thế tôn và trở thành cận sự nam đệ nhất hộ pháp, tuy nhiên vết thương lòng quá lớn, nhất thời không thể xóa nhòa được vì biết bao là kỷ niệm vui buồn đối với phụ vương và mẫu hậu. Nhưng mỗi lần Đức vua ngự về tân đế kinh thì nghe nỗi niềm sầu khổ, đắng cay có phần thuyên giảm. Phần lớn, vì lý do này mà đức vua *A xà thế* thích sống ở *Pataliputra* hơn là ở *Rajagaha*.

Đúng ra, Đức vua đã xua quân tiến chiếm *Vajji* nhưng nhờ sự hiện diện của Đức Phật và Tăng chúng tạm ngụ tại *Pataligama* tương đối lâu trước khi Ngài rời đây đi *Kusimara*. Đồng thời nhờ sự trình báo của hai vị đại thần *Sumidha* và *Vassakara* sau khi nhân danh Đức vua, được bái kiến và gián tiếp lãnh giáo lời dạy đức Thế tôn phán hỏi Tôn giả *A nan đà* về bảy pháp bất hoại mà trước đó không lâu Ngài đã khai điếm cho dân chúng bộ lạc *Vajji*. Bảy pháp bất hoại có khả năng trị quốc và hưng quốc một cách hữu hiệu. Trước Phật cũng như sau Phật chưa có một chánh trị gia, một giáo chủ của bất cứ tôn giáo nào trên trái đất dạy như Đức Phật, mà giá trị vượt thời gian, không gian. Cái kỳ diệu và đặc thù của giáo chỉ này nhất định thành công mà không phải đổ máu, chết chóc và chiến tranh. Vì sự dung hợp nhịp nhàng hai yếu tố tính năng nội, ngoại tại có khuynh hướng nhất quán là sức mạnh vạn năng bất khả bại:

1. Dân chúng phải thường xuyên hội họp thật đông đảo.
2. Dân chúng phải hội họp trong niềm đoàn kết, giải tán và phân công làm việc trong niềm đoàn kết.

3. Không ban hành những luật lệ bất hợp lý cơ, không hủy bỏ những luật lệ phù thuận dân sinh, quốc thống.

4. Tôn kính, đánh lễ, cúng dường và nghe theo lời dạy các bậc trưởng thượng.

5. Không bắt cóc, cưỡng ép phụ nữ và thiếu nữ phải sống với mình.

6. Tôn thờ, tế lễ, phụng cúng các tự miếu nội ngoại thành.

7. Cung đón, đãi ngộ, bảo hộ các bậc Thánh Tăng, các vị chân tài thực đức chưa đến sẽ đến, các vị đã đến sẽ an trú lâu dài.

Sau khi nghe hai đại thần trình báo về bảy pháp bất hoại mà nhị vị được gián tiếp lắng nghe và ghi nhớ khi Đức Phật phán hỏi Tôn giả *A nan đā* và Tôn giả xác nhận là toàn dân bộ lạc *Vajji* vẫn thực hành nghiêm túc bảy pháp này không hề gián đoạn, vua *A xà thế* đã hủy bỏ cuộc chiến xâm lược. Nếu chúng ta không nhớ lầm thì trong các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, hậu Lê, vua dân Việt tộc cũng đã áp dụng bảy pháp bất hoại này nên đã có đủ khả năng tự vệ thành công một cách hùng tráng. Và trong cuộc xâm lăng của quân Mông, dân tộc ta cũng đã chống trả thành công như vậy.

Đức vua *A xà thế* ngự tại thành *Vương Xá* ba mươi hai năm, dời về ngự tại tân kinh đô *Pataliputra* mười một năm. Sau khi đức Thế tôn niết bàn mười bảy năm, vua *A xà thế* băng hà vì chính Đông cung Thái tử *Udayabhadda* (*Ú đả đả phát đả*) bị Đông cung Thái tử *Mahamundika* (*Ma ha mun đĩ ká*) hành thích tiếm ngôi. Đức vua *Mahamundika* bị Đông cung Thái tử *Anuruddha* (*A nữ rút thá*) hành thích tiếm ngôi. Toàn thể trào thần văn quan võ tướng trong triều nội cũng như toàn dân trong nước nhận định đồng nhất dòng *Moriya* liên tục xảy ra thảm họa đại bất hạnh đương nhiên trở thành truyền thống bại hoại không thể chấp nhận. Thế là trong triều ngoài nội nhất loạt đứng lên lật đổ triều đại *Moriya* và dựng lên tân triều đại *Nanda* (*Nan đà*) sau Đức Phật niết bàn khoảng một trăm tám mươi hai (182) năm.

Triều đại *Nanda* cũng là một triều đại hùng cường thành công lớn trong công cuộc bành trướng thôn tính các lân quốc thuộc vùng Trung Ấn gần như toàn bộ sát nhập vào vương quốc *Ma kiệt đà*. Triều đại này chỉ tồn tại có bốn mươi sáu (46) năm. Và, Đức vua *Candagupt* (*Chanh đả gúp*) được tôn vương sáng lập triều đại *Moriya* (*Mô ri đả*) sau Phật niết bàn khoảng hai trăm hai mươi tám (228) năm. Đức vua *Candagupt* là phụ vương của Đức vua *Bindusara* (*Bin đứ sa rá*); Đức vua *Bindusara* là phụ vương của Hoàng đế *Asoka* (*A sô cá tức A dục*) mà hào quang ngời sáng như ngôi Bắc Đẩu chiếu tỏa bao trùm từ nguồn nước dòng sông *Volca* đến toàn vùng Đông Châu Âu và Châu Á.

A Dục Buổi Ấu Thời

Bình minh một ngày thật đẹp, ánh thái dương rực sáng chiếu tỏa khắp cả bầu trời, khiến vũ trụ, non cao, rừng rậm, biển rộng, sông dài, cỏ cây hoa lá đều tắm mình trong ánh sáng vô cùng ấm áp của một buổi sáng đầu ngày. Tiếng hát ngọt ngào du dương, hòa với tiếng nhạc xa gần trầm bổng như áp ủ vuốt ve như mệnh mang réo gọi chan hòa khắp cả đế kinh *Pataliputra* (*Pa ta li pút trá*).

Đức vua *Bindusara* (*Bin đứ sa rá*) nhận được tin mừng thứ phi *Vimamsa* (*Ví mǎng sa*) hạ sanh một hoàng nam tuy không khôi ngô tuấn tú nhưng rất khỏe mạnh, nước da hơi ngăm, nhưng đôi mắt rợn tròn sáng quắc. Long nhan vui tươi như buổi đầu xuân và rạng ngời như ánh dương quang buổi sáng. Bá quan trào thần văn võ đều cùng reo mừng phúc chúc, cười nói thật là vui vẻ và họ tự nguyện tổ chức lễ khánh hỉ tương đối long trọng, âm cúng đầy phần khởi.

Thời gian đã bắt đầu giờ Ngọ, thế mà ánh mặt trời vẫn không gay gắt chói chang như những ngày trước, mây trôi như dụng ý che mát cả kinh thành, tất cả các loại cỏ thụ như đứng lặng đón chào Hoàng tử, không có gió nhưng trời không nóng, chim chóc líu lo vui hót bay lượn chuyền cảnh thật rộn ràng náo nhiệt. *Pingalavatsajiva* (*Pun gá lá vát sa chi vá*) một chiêm tinh gia rất tín cẩn của Đức vua *Bindusara* thấy điềm lạ, nhìn lên trời, bấm quẻ, biết rõ vận mệnh tương lai Hoàng tử này sẽ là vị chơn mạng đế vương. Nhưng tuyệt đối không dám tiết lộ, vì nhà chiêm tinh này biết rõ hơn ai hết là Đức vua ngoài Hoàng hậu còn có rất nhiều phi tần và đông con. Theo kinh nghiệm của ông thì các bà có con với Đức vua đều muốn cho con mình được kế nghiệp ngai vàng. Lẽ dĩ nhiên, thâm tâm ông ta cũng đã dành cho vị Hoàng tử sơ sinh này một sự ủng hộ và phò tá đặc biệt.

Thứ phi *Vimamsa* trào lệ vui khi nghe tiếng khóc chào đời của hài nhi. Tiếng khóc đầu đời của con trẻ khiến tâm từ của mẹ phát khởi mãnh liệt đến độ khiến máu tươi biến thành sữa trắng cho con bú. Sau phút giây thành công trọn vẹn trong công trình tự mình chống chèo vượt cạn qua sông, lệnh bà ôm thật nhẹ con thơ vào lòng và nói thật nhỏ như chỉ để cho chính mình nghe: cuộc đời con rồi đây có bất hạnh như mẹ hay không?

Hồi tưởng sự việc trong quá khứ, lúc lệnh bà còn là một thiếu nữ nhan sắc đẹp nhất vùng. Một thầy tướng số cho biết lệnh bà tối thiểu cũng là quý phi của một vị Hoàng đế. Cha mẹ đã hoan hỉ tiến cung lệnh bà và được tấn phong thứ phi. Nhưng cũng chính vì nhan sắc vô cùng diễm lệ và duyên dáng của lệnh bà đã khiến trên từ đương kim Hoàng hậu dưới đến tam cung lục viện đều ganh tị với lệnh bà. Họ âm mưu toa rập nói xấu lệnh bà rất ăn khớp về mọi sự kiện một cách có chủ trương nhất quán. Không thể không tin, Đức vua giáng cấp lệnh bà xuống làm chuyên viên hót tóc. Mãi lâu sau khi sự thật được phơi bày, lệnh bà mới được phục chức thứ phi. Nhưng phúc, họa là sự đắp đổi liên hồi trong cuộc sống của mỗi mỗi con người thuộc nữ giới nhất là nữ nhân trong cung đình có nhan sắc. Đúng là hồng nhan đa truân, đôi khi bạc mệnh. Cái bất hạnh vẫn còn đeo đẳng thứ phi. Đã có nhiều lần lệnh bà tưởng đã bị mang tiếng nhục nhơ và có lần tưởng đã bị phế vào lãnh cung nhưng nhờ đời sống hiền thiện, thật thà, đạo đức, dù oan ức nhưng không oán thù biện bạch và sẵn sàng chấp nhận mọi oan nghiệt một cách bình nhiên; đồng thời Đức vua đích thực là một minh quân thông tình đạt lý nên cuối cùng mọi âm mưu hãm hại lệnh bà hoàn toàn được giải tỏa. Tất cả hồ sơ xấu trong quá khứ của lệnh bà được công khai bạch

hóa hợp pháp. Nghĩ đến đây, lệnh bà không ngăn được hai hàng nước mắt chảy ra đầm đìa vì nỗi buồn, niềm vui lẫn lộn.

Tiếng khóc hài nhi kéo kinh bà trở về thực tế. Lệnh bà vỗ về, áp ủ vào lòng và nói như ru: nín đi con, mẹ rất cung con, con đừng có khóc. Mẹ đặt tên cho con là *Asoka A dục*) nghĩa là Vô ưu. Từ nay đến suốt cuộc đời, con là người Vô ưu con có biết không? Không hiểu hài nhi có thấu rõ lời nói và nguyện ước của mẹ hay không, nhưng thật kỳ lạ, vừa nghe xong, *A dục* nín khóc lập tức và nằm ngủ rất yên lành. *A dục* lớn mau như thổi và không lâu sau đó lệnh bà lại hạ sanh thêm một hoàng nam, đặt tên là *Vitasoka (Vĩ tá sô cá)* nghĩa là Ly ưu hoặc Diệt ưu.

A dục tuy không đẹp trai nhưng sức khỏe dường như chưa gặp đối thủ, nhất là tâm hồn thì rất vị tha sống nhiều về tình cảm. Chưa bao giờ hiếp đáp ai nhưng cũng không để ai hiếp đáp mình, luôn luôn bình vực kẻ yếu, và kính trọng các bậc trưởng thượng. Chính những đức tính này khiến bá quan trào thần văn võ, binh sĩ, viên chức, tùy phái thậm chí các cung nữ đều kính quý Hoàng tử *A dục*.

Kinh Phật có đề cập vấn đề biệt nghiệp và cộng nghiệp. Cái biệt nghiệp của mỗi cá nhân dễ hiểu. Nhưng cộng nghiệp thì khó lãnh hội trọn vẹn vì sự liên đới hạnh nghiệp thiện, ác, vui buồn, trực tiếp, gián tiếp, chủ quan và khách quan. Cũng có khi cái nghiệp tương ứng đưa đến quả dị thực cũng tương ứng. Như trường hợp đệ tử Tôn giả *Xá lợi phất*, khi còn trong bào thai mẹ đã khiến mẹ bị đói khổ một cách tội nghiệp vì ác nghiệp mẹ con cả hai tương ứng. Đến khi đứa nhỏ biết đi và mẹ con chia tay nhau thì người mẹ không còn bị đói khổ, duy chỉ đứa con bị đói mà thôi. Trường hợp cộng nghiệp của thứ phi *Vimamsa* và Hoàng tử *Asoka* cũng có một sự liên đới về nỗi bất hạnh của mẹ ảnh hưởng đến con. Có thể nói, *A dục* là thừa tự một phần gia tài bất thiện của thứ phi, nên xui khiến đức vua *Bindusara* không mấy ưu ái *A dục* mà rất nặng tình yêu thương cung chiêu Đông cung Thái tử *Susima (Sú si má)*.

Mỗi lần có cuộc đụng độ bất cứ vì lý do gì giữa Đông cung Thái tử và *A dục* thì trăm phần trăm cái lỗi thuộc về *A dục*. Trong hầu hết nghịch cảnh bất công ấy *A dục* đều cắn răng nuốt nước mắt vào lòng và đưa thân ra hứng hết roi vọt. Hình phạt mỗi lần như vậy, dù thương con nát dạ đau lòng thứ phi cũng chỉ có quyền khóc mà không có quyền biện hộ bình vực hoặc tỏ thái độ bất mãn công khai.

Một hôm, các Hoàng tử bày trò chơi lợi đua. Trong cuộc đua này *A dục* đoạt thủ khoa và được số đông tán thưởng. Thái tử *Susima* suy nghĩ, nhân cơ hội này, ta nên hạ nhục *A dục*. Thái tử rú:

- *A dục*, dám lợi đua với ta thử không?
- Đệ không dám lợi đua với Thái tử đâu. Thừa Thái tử.
- Có sao! Đôi khi người thắng ta cũng không chừng.
- Thái tử tha cho đệ lần này, vì đệ cũng đã thấm mệt rồi.

Thái tử dùng những lời nói khích chạm tự ái nặng nề, ở thế chẳng đặng đừng, *A dục* đành nhận cuộc đua. Đa số các Hoàng tử đều ủng hộ cổ võ Thái tử. Duy nhất chỉ có Ly dục ủng hộ anh mình mà thôi. Từ khởi điểm đến gần chung điểm, Thái tử dẫn đầu. Nhưng khi gần tới mức ăn thua, thì *A dục* chỉ tăng thêm một ít nội ngoại lực thì đã vượt qua Thái tử và thắng cuộc.

Thái tử bào chữa:

- Ta chưa chuẩn bị cẩn trọng, chúng ta thử chơi lần nữa nhé, *A dục*.
- Thưa Thái tử, cung kính bất như phụng mạng. Đệ xin tuân lệnh Thái tử.

Cuộc thi đua lần thứ hai, *A dục* cũng thắng cuộc về vang. Vì ác ý muốn làm nhục *A dục*, không ngờ chính mình bị nhục. Thái tử vô cùng hồ thẹn. Để chứng tỏ thái độ kẻ có quyền uy, đồng thời cũng để rửa mối nhục thua cuộc, Thái tử dùng lời độc ác vừa phạm thượng vừa khinh thường:

- Giỏi cách mấy cũng là con của thợ hớt tóc!

Đã có đề cập phần trước về cá tánh trung hậu nhưng cương trực, không hiệp đáp ai nhưng không để ai hiệp đáp, không làm nhục ai nhưng không chấp nhận bất cứ ai làm nhục mình. *A dục* phản ứng:

- Thưa Thái tử, dù mẹ đệ có từng là thợ hớt tóc nhưng vẫn là thứ phi của phụ hoàng, và phụ hoàng là phụ hoàng chung. Người có tư cách và đạo đức, giận cá nhân thì đôi phó với cá nhân, không nên đụng chạm đến người không liên can, vắng mặt.

Đã không biết điều, không tự chế, Thái tử thêm dầu:

- Nói không biết mắc cỡ. Phụ hoàng chung à? Nhưng mẹ ta không giống mẹ người, mẹ ta chưa hề là thợ hớt tóc. Sự khác biệt như trời với đất thì làm sao có thể gọi là phụ vương chung?

Nói xong, Thái tử cười hô hô, cười nhạo báng, khá ô. Không thể bình tĩnh chịu nhục, *A dục* phóng tới và một quả đấm như thiên lôi giáng khiến Thái tử té quy tới tằm mặt mũi. *A dục* không đánh tiếp, song đứng yên trong tư thế sẵn sàng ứng chiến. Thời gian không lâu, thái tử lấy lại sự bình tĩnh và cuộc ẩu đả thực sự bắt đầu. Lẽ dĩ nhiên trong cuộc đấu chiến này, người thua thiệt không phải là *A dục*.

Câu chuyện thấu tai Đức vua *Bindusara*. Vốn không ưu ái *A dục*, lại thêm Hoàng hậu nói khích, nhất là vịn vào pháp lý là Đông cung Thái tử trực tiếp thừa kế ngai vàng, làm nhục thái tử là làm nhục quốc thể. Sự kiện nghịch lý được ghi nhận là Đức vua chẳng những không cần nghe lời trình tấu ngọn nguồn phải quấy một cánh bình nhiên của *A dục* mà còn giáng cho một trận đòn với những lần roi dọc ngang, máu me thấm đở. Đánh đến mệt mới chịu nghỉ, không ai dám can. *A dục* cắn răng chịu đựng, nuốt uất hận vào lòng. Thứ phi *Vimamsa* khóc muốn cạn nước mắt vì thương con. Nhưng tội cho mẹ con vì cả hai là kẻ thừa tự nghiệp bất thiện tương ứng liên đới trong quá khứ. Do đó, nỗi bất lực trong những tình huống bất hạnh là kết quả đương nhiên của hai mẹ con *A dục*.

Nơi Trung Tâm Giáo Đường Takkasila

Mười lăm năm qua mau như một giấc mơ Giờ thì *A dục* đã 15 tuổi 6 tháng. Thân hình *A dục* cân đối về bề cao cũng như bề ngang, trông rất khỏe mạnh, tràn đầy nhựa sống. Suốt những năm dài ấy, *A dục* chưa một lần bị bệnh dù chỉ là cảm mạo nhức đầu. Chính cái hữu lậu công đức thiếu bệnh vô tật này là một thực tế đên bù xứng đáng so với nỗi bất hạnh trong vấn đề tình cảm hoàng tộc mà *A dục* có liên đới dự phần chung với mẹ.

Không biết đức vua *Bindusara* có chủ ý riêng tư gì, hoặc có trù liệu kế hoạch gì, hay đến lúc *A dục* hết con bĩ cực đến hồi thối lai nên khiến một vận hội vô cùng may mắn xảy đến một cách đột xuất giống như câu: “thời lai phong tống đằng vương cá, vận khứ lôi oan tiến phước bia” (mà người Trung Hoa dùng ám chỉ vận may của vương bột đời Đường) vận chuyển tâm ý Đức vua nhất định đặc chỉ *A dục* và *Srikhirin* (*Si khi rin*) con một đại thần tín cẩn cùng sang học tập tại trung tâm giáo đường *Takkasila* nước *Gandhara* rất nổi tiếng giỏi về các môn học chuyên khoa như:

Suti: Những kiến thức chuyên biệt

Sammati: Lễ nghi

Sankhaya: Toán học

Yoga hoặc Yantra: Cơ khí học

Niti: Luật pháp

Visesika: Thương mại

Gandhabba: Ca, nhạc, kịch

Ganika: Thể dục, thể thao

Dhanubbedha: Sử dụng cung tên

Purana: Văn minh thời cổ

Tikiccha: Y học

Itihasa: Thi phú

Joti: Thiên văn học

Maya: Binh thư, chiến học

Hetu: Tiên tri

Ketu: Nghệ thuật nói trước quần chúng

Manta: Bùa chú, pháp thuật

Sadda: Văn phạm, cách dùng văn.

Giáo sư của trung tâm đều là những nhà bác học thượng hạng. Những môn sinh đỗ đạt từ trung tâm đều nổi tiếng chân tài thực học. Trong bốn chúng giai cấp lúc bấy giờ, chưa có bậc cha mẹ hoặc dòng tộc nào mà không hãnh diện và mãn nguyện về những đứa con xuất thân từ trung tâm này.

Tại trung tâm giáo đường *Takkasila* có hai hạng môn sinh: hạng trả thù lao và hạng không trả thù lao. Hầu hết môn sinh xuất thân từ gia đình không phải vua chúa, Bà la môn, thương gia là thuộc hạng không trả thù lao nhưng phải lao động ban ngày và chỉ học ban đêm. Tuy nhiên, cũng có những môn sinh thậm chí con vua cháu chúa nhưng lại thích chọn học theo cách thứ hai này. Trong số đó, có *A dục* và *Srikhirin* vì muốn được gần gũi tiếp cận các vị giáo sư trong thời gian lao động giúp việc các vị. Lẽ dĩ nhiên không ai có thể khám phá địa vị hai người, vì có giao ước chỉ xem nhau là bạn trước khi rời hoàng cung.

Suốt thời gian học tập, *A dục* rất siêng năng cần mẫn vừa lao động cho mình vừa giúp những người bạn yếu đuối mà thì giờ cho phép. Ngoài công tác lao động ban ngày, đến đêm, *A dục* vẫn dùng hết khả năng trí tuệ học hành rất tích cực và tiên bộ cũng vượt bậc. Tất cả giáo sư đều thương quý. Riêng các môn sinh nghèo đều xem *A dục* như ân nhân, như người anh mà trong thâm tâm họ tự thấy có bổn phận tuyệt đối nghe lời và bảo vệ.

Sống lâu ngày tại trung tâm và quen với công tác lao động nên thân hình *A dục* vốn đã nở nang cân đối nay thì mạnh khỏe còn hơn những lực sĩ hạng nặng. Nhất là đời sống tình cảm chan hòa dễ thương dễ mến không có bất cứ một sự phân biệt hay kỳ thị nào. Về mặt này, *A dục* cảm thấy thích thú, sáng khoái, vui vẻ hơn cuộc sống hoàng cung nhiều. Vì kinh nghiệm bản thân kinh quá đến độ chán chường.

Trong số hàng trăm môn sinh học chung, *A dục* có cảm tình đặc biệt với *Sasavat* (*Sa sá vát*) vì bản tính rất khác người. Hình dáng bậc trung, nhưng rất thông tuệ, học hành rất tiến bộ, không chuộng hình thức, quý trọng đời sống nội tâm, không học bất cứ chuyên môn nào, ngoài môn triết: triết học các tôn giáo, Bà la môn, Kỳ na giáo, nhất là Phật giáo. Lúc bấy giờ Phật giáo bắt đầu thịnh hành ở xứ *Gandhara* nơi có trung tâm giáo đường *Takkasila*. Ngoài ra, đời sống tình cảm đối với nữ giới càng không giống bất cứ ai. *Sasavat* nhìn nữ giới về mặt đức hạnh, có tâm hồn hướng thiện hoặc hướng thượng, tuyệt đối không nhìn nhan sắc họ. Trong khi *Srikhirin* bạn của *A dục* thì hoàn toàn ngược lại. Từ khi kết bạn với *Sasavat* thì trở thành nhóm tri kỷ bộ ba: *A dục*, *Srikhirin* và *Sasavat*.

Một hôm, nhân dịp đại lễ, trung tâm giáo đường cho phép các môn sinh được nghỉ. Ba bạn vào quỳ chấp tay xin phép giám viện đi chơi miền quê. Được giám viện cho phép, ba bạn cùng nhau lên đường. Trên đường đi, ba bạn đổi ý, thay vì về chơi miền ruộng rẫy lại nhắm hướng có cây cao bóng mát, cảnh trí tuy tịch mịch nhưng rất u nhàn. Ba bạn cảm thấy rất là thú vị. Bỗng

Sasavat đưa tay chỉ về phía mặt cánh rừng không xa nơi có một ngọn đồi tương đối thấp thoáng trông rất hữu tình và đề nghị:

- Chúng ta lên đó ngồi chơi vừa cao vừa mát, phóng tầm mắt nhìn thấy rất rõ quang cảnh chung quanh. Biết đâu chừng chúng ta có cơ hội khám phá một vài chuyện hấp dẫn.

Quả thật ngồi chơi trên đồi rất dễ chịu, nhưng ba bạn cũng bắt đầu khát nước. Chỉ có một bình nước, nên ba bạn uống không còn một giọt. Trước khi ra về, ba bạn nhất trí tìm cho có nước rồi mới đi về vì đường tương đối xa. Loay hoay dọc theo ven rừng bỗng ba bạn mừng quýnh vì nghe tiếng chó sủa. Mạnh dạn rảo bước về hướng ấy, không bao lâu thấy hình ảnh công rào thấp thoáng từ xa. Càng đến gần thì công rào càng hiện rõ, nhìn công rào thấy có cửa gài chốt bên trong tương đối chắc chắn. *Srikhirin* kêu công thật to, nhiều lần và chờ đợi. Bỗng từ trong ngôi nhà sang trọng, ẩn hiện trong những hàng cỏ thụ từ từ xuất hiện hai thiếu nữ. Khi đến gần cửa công rào, hai cô đứng lại, nhìn ba người và hỏi. Được biết ba người là môn sinh trung tâm giáo đường *Takkasila*, hai cô rất có thiện cảm. Họ mở cửa công và mời vào trong nhà. Qua câu chuyện, hai cô cho biết phụ thân đi săn thường thì tối mới về.

Ba bạn tự giới thiệu tên họ với hai cô và được biết tên họ hai cô: thiếu nữ nước da bánh mật, gương mặt trái xoan, mũi dọc dừa, môi tươi hồng như trái tim tên *Jalini* (*Cha lí ni*), còn thiếu nữ màu da tương đối trắng mịn, tên *Jalodhara* (*Chá lo thá ra*) chính là tiểu thư chủ nhà. Cô cho biết là bạn chí thân của *Jalodhara* thỉnh thoảng đến thăm và ở chơi vì nhà cô ở cũng không xa lắm cách đây chừng mười lăm phút đi bộ.

Qua câu chuyện đàm thoại, hai bên đều tỏ thái độ tương kính. *Jalodhara* mời ba bạn ở lại dùng cơm. Ba bạn không khách sáo vì thực sự cũng đã đói bụng. Sau bữa cơm vô cùng ngon miệng, ba bạn đã không ngớt lời cảm ơn và khen những món ăn quá khéo, quá ngon. Thấy trời cũng sắp hoàng hôn, ba bạn xin phép cáo từ vì đường về cũng khá xa. Ba bạn không quên xin phép được trở lại thăm nhiều lần nữa. Lễ đương nhiên hai cô rất hoan hỉ đón chào và tiếp đãi.

Môi Tình Rừng

Sau này, cứ mỗi lần được nghỉ phép, ba bạn đều rủ nhau trở lại thăm hai thiếu nữ vừa là ân nhân vừa là bạn tốt.

Trong sự quen thân, hai bên đều thổ lộ thân thế cho nhau, ngoại trừ *A dục* vì chưa tiện nói ra chớ không cố tình dấu diếm. *Jalini* thuộc dòng Bà la môn quý phái, ông nội từng là giáo sư của trung tâm giáo đường *Takkasila* mãn phần vừa đúng một năm. Phụ thân nàng cũng thành công đỗ đạt từ nơi trung tâm này và rất thích đời sống nội tâm, nhàn tịnh nên mới về vui sống cảnh núi rừng với ông nội của nàng. Nàng may mắn thừa hưởng gia tài kiến thức của ông nội và phụ thân. Do đó, sự hiểu biết của nàng rất phong phú về nhiều địa hạt nhất là xã hội và chánh trị. Ba bạn đều ước mong làm sao có dịp được diện kiến và lãnh giáo với phụ thân nàng.

Về *Jalodhara* thì mẹ mất sớm, gà trống nuôi con. Phụ thân nàng có một quá khứ vô cùng trái ngang về tình duyên và sự nghiệp, sẽ được nói tới ở chương sau. Do đó, lòng dạn lòng suốt đời chỉ làm bạn với núi rừng, và cũng sẽ chết với núi rừng. Vì mang tâm trạng tuyệt vọng nên phụ thân nàng từ ngày về sống tại đây, lấy thú săn bắn làm vui, giải khuây những ản uất trong lòng và cố tình chờ đợi một người. Cuộc sống *Jalodhara* cô đơn, rất tội nghiệp. Cũng may, nhờ có *Jalini* là bạn tri kỷ, thông cảm hoàn cảnh của nàng nên thường đến chơi và an ủi. Chưa có món ăn nào *Jalini* nấu mà nàng ăn không vừa miệng. Thích ăn ngon nhưng lại không thích nghề gia chánh. *Jalodhara* có một tự ti mặc cảm rất lớn trong lòng vì nàng kém kiến thức về văn chương, gia đình, xã hội, mặc dù nhan sắc cũng tương đối hấp dẫn, dễ nhìn.

Đối với hai thiếu nữ này thì *Srikhirin* có cảm tình đặc biệt với *Jalini*, trong khi *A dục* thì lúc nào cũng để ý chăm sóc *Jalodhara* nhất là tỏ ra rất cảm thông cuộc sống tình cảm gia đình cũng như cá nhân nàng. Còn *Savavat* thì anh chàng triết gia này đã chọn cuộc sống mang nhiều nghệ sĩ tính, sống cô đơn và nhìn đời với tâm hồn không lạc quan cũng không bi quan mà chỉ tri kiến quan. Không lạnh lùng nhưng trầm mặc, ít nói cười nhưng không khó tánh. Thỉnh thoảng cũng góp lời đưa ý nếu câu chuyện có liên quan thế thái nhân tình, khen chê thương ghét.

Có một lần, chỉ *A dục* và *Srikhirin* đi thăm hai bạn gái. Chính trong lần gặp gỡ này, hai bên đã chính thức tỏ tình và song phương đồng thuận. *A dục* trao tín vật cho *Jalodhara* và ngược lại *Srikhirin* và *Jalini* cũng vậy. Hai bên hứa hẹn chờ đợi nhau cho đến ngày hôn lễ, dù chết cũng không thay dạ đổi lòng. Môi tình rừng của *A dục* với *Jalodhara* cũng như của *Srikhirin* và *Jalini* kết quả như thế nào, mời các bạn kiên nhẫn đọc tiếp...

Phần II

Bạn Chí Thân Của Phụ Vương A Dục

Trong cuộc viếng thăm hai bạn gái lần sau nữa, cũng chỉ có *A dục* và *Srikhirin*. Để cuộc gặp gỡ chuyện trò hoàn toàn tự nhiên, *Srikhirin* sẽ đến thăm tại nhà riêng của nàng. Còn *A dục* thì ghé thăm *Jalodhara*.

Vì đã đến nhiều lần, *A dục* đi thẳng vào nhà. Nhìn quanh không thấy *Jalodhara* vừa định cất tiếng gọi nàng thì bất chợt thấy ở giữa nhà một người nam đang ngồi quay lưng trong tư thế rất an nhiên bình dị. *A dục* vừa quay mình bước ra thì nghe người ấy lên tiếng. Lập tức quay mặt trở lại và nhờ đối diện nên *A dục* nhận thấy ông cụ tuy lớn tuổi nhưng trông rất khỏe mạnh. *A dục* chấp tay cúi chào vừa tôn kính vừa lịch sự đúng tư cách con nhà quý phái.

Ông cụ đáp lễ, mời ngồi và hỏi: lão có thể biết được tên họ và mục đích đến nhà lão?

Qua cách nói, *A dục* biết ngay cụ là thân phụ của *Jalodhara*, nên vẫn chấp tay cung kính trả lời:

- Thưa cụ, cháu tên *Asoka* từ kinh đô *Pataliputra* đến tòng học tại trung tâm giáo đường *Takkasila*. Hôm nay cháu đến thăm tiểu thơ *Jalodhara*.

- Đã gặp gỡ quen biết nhau nhiều lần?

- Dạ thưa phải.

- Nếu không ngại, lão xin hỏi cháu thuộc giai cấp nào?

- Dạ thưa, cháu thuộc giai cấp Phệ đà.

Ông cụ tỏ ra rất tức giận:

- Tại sao cháu phải nói dối?

A dục vội bào chữa:

- Thưa cụ, cháu không dám. Cháu không biết có điểm thất thố nào trong cuộc diện kiến sơ giao, rất mong được cụ chỉ dạy.

- Cháu có thể cho lão xem chiếc nhẫn được không?

A dục đưa bàn tay có đeo nhẫn cho cụ xem. Cầm ngón tay nhìn kỹ, cụ nói:

- Chiếc nhẫn vàng ròng có hình con công chạm khắc vô cùng tinh vi này chứng tỏ cháu là giai cấp Sát đế lỵ dòng *Moriya*, có phải không?

A dục bàng hoàng, không tưởng tượng nổi, tại sao ông cụ biết quá rõ thân thế cũng như triều đại của mình, lập tức quỳ mọp xuống, thừa nhận. Ngay lúc ấy, *Jalodhara* từ nhà sau bước ra trông thấy phong cách *A dục*, nàng vô cùng vui mừng sung sướng. Sợ làm gián đoạn và trở ngại sự kiện trọng đại, nàng lùi bước vào trong.

Cụ đỡ *A dục* ngồi dậy và tiếp tục đàm đạo một cách đại lược. Trước khi nói rõ thân thế mình, cụ cho *A dục* xem qua chiếc nhẫn mình đang đeo trên tay, hình thức giống nhẫn của *A dục*, chỉ khác là có khắc chữ B mà cụ cho biết không phải chữ tắt của *Bavari* (*Ba vá ri*) tên cụ mà B là

chữ tắt của *Bindusara* (*Bín đứ sa rá*) tức tên phụ vương của *A dục*, lúc thiếu thời cùng nhau từng học tại giáo đường *Takkasila*. Vì đồng giai cấp và đồng tánh tình nên hai người đã trở thành đôi bạn tri kỷ. Chiếc nhẫn cụ đeo là do chính phụ vương *A dục* thân tặng để làm tín vật. Nhận thấy cuộc hạnh ngộ bất ngờ lý thú và câu chuyện càng hấp dẫn ly kỳ, *A dục* xin cụ vui lòng cho biết:

- Là dòng Sát đế ly, tại sao cụ không sống nơi chốn triều cung mà lại sống ẩn cư làm bạn với núi rừng? Còn phu nhân thân mẫu tiểu thơ *Jalodhara* hiện ở đâu, và cuộc sống như thế nào? Về phần *Jalodhara* tại sao lại sống với cụ?

Nét mặt thoáng buồn, chưa kịp trả lời thì *Jalodhara* vừa ra và xin phép dọn cơm vì trời đã chiều và *A dục* còn phải trở về giáo đường. Cụ đổi nét buồn thành vui, nói tự trách: Thật tệ thì thôi! Mãi vui câu chuyện suýt nữa bỏ đói khách quý. Phải rồi phụ thân cũng đã đói bụng và *A dục* chắc chắn là phải đói hơn vì tuổi còn trẻ, lại thêm trông tướng rất là khỏe mạnh.

Bữa cơm hôm nay rất là kỳ thú. Trong những lần trước thường thì do *Jalini* làm bếp và năm người cùng ăn, tức có thêm *Asoka*, *Sikhirin* và *Sasavat*. Mấy lần sau này thì chỉ có bốn người, vắng mặt *Sasavat*. Riêng hôm nay, lý ra chỉ có *Jalodhara* và *Asoka*, không ngờ phụ thân *Jalodhara* vì lý do đặc biệt ở nhà, không đi săn thú như mọi ngày. Chính sự có mặt của cụ ở nhà lại trùng hợp với cuộc viếng thăm của *Asoka* nên bác cháu có dịp gặp gỡ nhau tuy đột ngột nhưng vô cùng kỳ thú. Được biết, phụ thân *Jalodhara* lớn hơn phụ vương của *Asoka* một tuổi. Đối với *Asoka* thì cuộc kỳ ngộ này chẳng những mang niềm vui thật lớn về sự liên hệ tình cảm của thế hệ phụ huynh thật sâu sắc giữa phụ thân *Jalodhara* và phụ vương *Asoka* sẽ là một trợ duyên thù thắng cho mối tình đầy hứa hẹn trong tương lai của *Jalodhara* và *Asoka*. Đây là lý do kỳ thú nhất trong lòng *Asoka*.

Còn đối với *Jalodhara* thì vui mừng như mở hội trong lòng, vì nàng và *Asoka* đã có trao nhau tín vật nhằm xây dựng hạnh phúc chung thân tương lai của hai người nhưng điều trở ngại vô cùng lớn lao mà nàng cảm nhận cơ hồ khó vượt qua đó là thái độ ác cảm đối với người kinh thành mà phụ thân nàng tự xem như một biện pháp an toàn cho đời sống hiện tại cũng như tương lai của hai cha con cụ. Thế nhưng hôm nay nàng lấy làm lạ vì cách đối xử vô cùng thân quý cha nàng dành cho *Asoka* mà nàng chưa dám một lần nghĩ đến dù trong giấc mơ. Thì bảo sao nàng không sung sướng, tin tưởng và phấn khởi cho được. Chỉ cần tỉnh mắt một chút thì lập tức biết ngay trong lòng nàng đang nghĩ gì.

Suốt trong bữa cơm, cụ kể cho *Asoka* nghe về kỷ niệm học đường nhất là những người bạn mà cụ thương quý. Trong số đó, cụ nhắc đặc biệt người bạn mà cụ trân trọng nhất mang tên *Bindusara* cái tên có chữ phụ âm đầu giống như tên *Bavari* của cụ. Không để *Asoka* nóng lòng về những câu hỏi chàng đã nêu lên, cụ nói:

- Cháu *Asoka*! những điều cháu muốn biết về những quá khứ cơ hồ rất bí mật liên quan đến bác và bác gái cháu thì chính *Jalodhara* đã từng hỏi bác nhiều lần nhưng chưa một lần được bác tường thuật. Nhưng hôm nay cháu cũng muốn biết. Lý ra, bác sẽ kể lại từng chi tiết sự kiện vui buồn, vinh nhục, hợp tan, hy vọng và tuyệt vọng đã xảy ra trong cuộc đời bác, nhưng trời cũng sắp tối mà cháu còn phải trở về trung tâm giáo đường. Bác hứa với cháu, nội trong đêm nay, bác sẽ kể cho *Jalodhara* tất cả bí ẩn mà *Jalodhara* đã thắc mắc từ lâu, và khi có cơ hội thuận tiện, *Jalodhara* sẽ kể lại cho cháu nghe.

Một Cuộc Tình Ngang Trái

Đêm nay, phụ thân *Jalodhara* không ngủ sớm như mọi khi theo thói quen. Thông lệ, cụ ngủ rất sớm và dậy rất sớm. Cụ khuyên *Jalodhara* cũng nên tập thói quen như vậy.

Đã lâu lắm rồi, người ta chưa thấy cụ ngủ trễ như đêm nay. Tuy nét mặt tỏ ra bình nhiên, nhưng trong ánh mắt dường như ẩn ứ một chút khẩn trương qua cái nhìn thẳng mặt *Jalodhara* vừa nghiêm nghị vừa xa vắng và vừa như muốn trút cạn một tâm sự u hoài mà bản tâm cụ muốn chôn thật sâu trong đáy mồ tâm thức. Thế nhưng, đêm nay biệt lệ, chẳng những ngủ trễ mà cụ còn ngồi tâm sự với *Jalodhara*, đưa con gái cụ yêu thương nhất vì hoàn cảnh vừa hữu hạnh vừa bất hạnh mà cộng nghiệp tương ưng đã khiến hai cha con phải chia xẻ chung một quả dị thực ngọt ngào thì ít nhưng cay đắng thì quá nhiều.

Câu chuyện được cụ bắt đầu: *Jalodhara* con yêu, có lẽ trong thâm tâm con nghĩ phụ thân là một người không còn tình cảm vì đã nhiều lần con hỏi về mẹ của con, về quá khứ của cha và tại sao chỉ có hai cha con sống trong cảnh núi rừng này? Con có biết không, mỗi lần con hỏi như vậy mà phụ thân không trả lời và nói lảng sang chuyện khác là trong lòng vốn có chủ trương sẽ kể cho con nghe tất cả những tình tiết trong quá khứ đã khiến cha con mình phải sống quạnh hiu nhất là đời xa trần tục nếu không có *Jalini* làm bạn. Phụ thân lo ngại nếu như con biết quá sớm thì con còn buồn phiền hơn là không biết. Nay thì con đã trưởng thành. Hơn nữa, cháu *Asoka*, người bạn quen thân với con cũng nêu những thắc mắc như con, nên phụ thân cảm thấy an tâm kể cho con nghe mà không còn phải lo ngại.

Con ạ, nếu nói theo giai cấp thì con thuộc giai cấp Sát đê ly, nói thật đúng con là Công chúa của quốc vương *Mithila* (*Mít thì la*) nước *Videha* (*Ví đê há*). Thấy *Jalodhara* nhìn cụ định mở miệng hỏi, cụ vội nói tiếp:

Con chớ vội nóng lòng, bình tâm nghe cho hết câu chuyện. Chắc con không ngờ chính phụ thân là Đông cung Thái tử của Đức vua, kinh đô *Mithila*, nước *Videha*. Nước này cách xa nước *Ayodhya* ta đang ở chỉ có bốn ngày đường bộ. Phụ thân được tòng học tại trung tâm giáo đường *Takkasila* nơi *Asoka* hiện đang tòng học. Trong số bạn bè đồng môn, phụ thân được làm bạn tri kỷ với *Bindusara* vừa cùng chung giai cấp rất giống nhau. Thân nhau, thương nhau đến độ trong ngày mãn khóa chia tay, hai người đã trao nhau tín vật để thương nhớ mỗi tình tri kỷ bất diệt. Chiếc nhẫn phụ thân đang đeo là do bạn *Bindusara* tặng phụ thân. Vừa nói cụ vừa đưa *Jalodhara* xem và nhắc khéo với nàng là chiếc nhẫn *Asoka* đeo rất giống của cụ. Cụ kể tiếp: mặc dù cụ biết qua ánh mắt *Jalodhara* muốn được cụ xác nhận thân thế *Asoka*.

Con biết không, ngày thành đạt từ *Takkasila* trở về phụ thân được phụ vương và mẫu hậu cùng bá quan trào thần văn võ tiếp đón vô cùng trọng thể, đồng thời có tổ chức lễ lạc hỉ rầm rộ rất náo nhiệt nhất là những buổi trình diễn văn nghệ ăn mừng khắp cả nước. Đức Thượng hoàng và Hoàng thái hậu của con vô cùng sung sướng và mãn nguyện về sự thành đạt của phụ vương. Bao nhiêu tương lai triều chánh đều hoàn toàn đặt hết vào phụ thân. Tóm lại, phụ thân là Đông cung Thái tử, là sự nghiệp vĩ đại, là hy vọng trọn vẹn, là nguồn an ủi tuyệt vời, là niềm hãnh diện lý thú của Thượng hoàng và Hoàng thái hậu của con.

Với địa vị Đông cung Thái tử, phụ thân có cung điện riêng, một số văn quan, võ tướng, các thị vệ và các cung nữ phục vụ trong cung. Tất cả thù lao đều do ngân sách hoàng gia đài thọ. Có một ngân sách hữu hạn dành riêng cho Đông cung tùy nghi sử dụng. Cuộc đời phụ thân thụ hưởng tất cả nhu cầu, tiện nghi cao sang nhất, đẹp đẽ nhất, vừa ý nhất, chỉ chờ ngày kế vị ngai vàng trị nước, an dân theo truyền thống từ xưa của các tiên đế.

Bỗng dưng một hôm có vị Bà la môn trưởng lão xin được yết kiến phụ thân. Bản tánh phụ thân từ nhỏ rất kính trọng các bậc trưởng thượng, nhất là sau những năm tòng học tại giáo đường *Takkasila*, phụ thân càng tôn quý họ nhiều hơn vì hầu hết các vị giáo sư giáo đường đều lớn tuổi. Phụ thân chấp thuận trong cuộc tiếp xúc này, ngoài cụ ra còn có thêm một thiếu nữ mà theo lời giới thiệu là cháu ngoại cụ đã được mười lăm tuổi tên *Jalita* (*Chà lí ta*). Cụ cục cung phó thác *Jalita* cho phụ thân kể cả mạng sống để phụ thân tùy nghi sử dụng trong cung. Được vậy thì cụ chết cũng an tâm nhắm mắt. Cụ nhân mạnh, sở dĩ cụ dám mạo muội đem cháu gái đến cống hiến là vì được nghe tiếng đồn phụ thân là vị Thái tử hiền đức, nhất là tấm lòng quảng đại thương người, công minh, liêm chính và không bao giờ kỳ thị.

Phụ thân nhận *Jalita* như một cung nữ nhưng không lâu, vì giai cấp Bà la môn có học, có kiến thức, trung hậu nhất là hội đủ đức tánh: công, dung, ngôn, hạnh, phụ thân đã giao nài phụ trách gia chánh và có bổn phận phục dịch chu toàn giờ ăn, giấc ngủ cho phụ thân.

Từ khi được phó thác trọng trách, nài tỏ ra xuất sắc trong vai trò. Không có bữa ăn nào mà không vừa miệng. Thường thì phụ thân đi sớm về muộn, bất cứ là trễ cách mấy, *Jalita* vẫn thức chờ phụ thân về và quỳ gối hầu cơm. Đến khi phụ thân ăn xong, nài dọn dẹp tươm tất rồi mới đi ngủ. Tóm lại, từ ngày có *Jalita* phục dịch thì tuy giờ ăn giấc ngủ phụ thân bất thường nhưng phụ thân phải nhìn nhận là ăn rất ngon và ngủ rất yên.

Ba năm thoáng trôi mau như dòng nước chảy. Phụ thân lúc bấy giờ hai mươi tám tuổi, còn *Jalita* thì đúng mười tám. Sống gần gũi và thân thiện suốt 1095 ngày. Một thời gian tuy không phải là lâu nhưng quá đủ để phụ thân bước dần từ cảm tình đến cảm mến, cảm thông, cảm thương và sau cùng phụ thân cảm nhận đã yêu thương nài. Nài đã quỳ lạy phụ thân vừa khóc vừa trình bày khi nghe phụ thân tỏ tình với nài, rằng nài chỉ là thân phận tôi đòi cung nữ còn phụ thân là Đông cung thái tử, cách biệt như trời với đất, xa vời như hai bờ đại dương, vĩnh viễn không thể san bằng hay thấu thấu. Vẫn trong tư thế quỳ chấp tay cúi đầu, nài van xin phụ thân cho phép nài được hầu hạ phục dịch phụ thân như một thị nữ thì nài đã mãn nguyện lắm rồi, vì nài chưa bao giờ dám nghĩ tới dù trong giấc mơ là được phụ thân rũ lòng thương xót dưỡng sinh cho làm cung nữ, công ơn ấy sánh bằng tái tạo. Nài nói tiếp: Nếu kiếp sau được tái sinh làm người nữ thì xin tình nguyện suốt đời tuân phục ý muốn phụ thân vô điều kiện.

Phụ thân cũng van xin nài đừng từ khước chân tình của phụ thân. Phụ thân khẳng định là phụ thân không lợi dụng, không mua chuộc, không cưỡng ép nài vì phụ thân tìm thấy ở nài những đức tính cao khiết nhất là về phương diện công, dung, ngôn, hạnh mà một nữ nhân đẹp người đẹp nét cần phải có thì nài đầy đủ tất cả. Chính sự nhận xét này là động cơ chủ yếu thúc đẩy phụ thân tỏ tình chính thức với nài. Và phụ thân còn nói rất nhiều, nói đúng với sự thật trong lòng phụ thân. Cuối cùng, tấm chân tình của phụ thân thuyết phục được nài. Nài sống với phụ thân không chính thức và lúc nào cũng đề cao cảnh giác nhưng cuối cùng cũng thấu đến

tại Thượng hoàng và Thái hậu của con. Phụ thân bị khiển trách nặng nề và bị bắt buộc phải xa nàng. Nếu không thì nàng sẽ bị xử trí không dung tình.

Ở thế chẳng đặng đừng, phụ thân đành tâu thật là nàng đã có thai gần ba tháng. Cái tin phụ thân tiết lộ như sét đánh ngang mày. Tuy nhiên, sự kiện cũng được dàn xếp trong thông cảm và bí mật là phụ thân chỉ được phép sống kín đáo với nàng. Và, sau khi sinh nở, nàng sẽ bị trả về sinh quán. Phụ thân không có giải pháp lựa chọn, đành phải cúi đầu chấp nhận. *Jalita* biết chuyện này, thay vì đau khổ như hoặc hơn phụ thân thì nàng tỏ ra rất bình tĩnh và sẵn sàng cam chịu tất cả nghịch cảnh dù cay nghiệt, phũ phàng mà theo niềm tin của nàng thì số phận mỗi con người đều do đức Phạm đế an bài. Nàng kết luận, nàng sanh ra bởi một ngôi sao xấu chiếu mạng, nên cuộc sống gắn liền với bất hạnh. Nhưng nàng cảm thấy vô cùng hài lòng mãn nguyện được hầu hạ phục dịch cũng như được hiển dương đời mình cho phụ thân. Nàng không dám đòi hỏi hơn nữa. Một ngày được hầu hạ phụ thân là một ngày hạnh phúc và sung sướng. Huống chi nàng còn được hưởng diễm phúc này đến gần sáu tháng nữa. Nàng nhắc một danh ngôn: “*Ai kia sung sướng suốt đời, giữ lòng trong sạch của ta ngày rày, ngày mai mặc kệ mai ngày, vì ta đã sống hôm nay đủ rồi.*” Thấy nàng bình tĩnh sáng suốt như vậy, đức hạnh như vậy, kiên thức như vậy và cam dũng như vậy, phụ thân càng yêu thương nàng hơn. Trước kia, phụ thân chưa bao giờ cảm thấy thời gian qua mau như bây giờ. Phụ thân ước mong thời gian dừng lại đừng trôi đi.

Đối với tâm trạng phụ thân lúc ấy thì thời gian sáu tháng nó ngắn giống như sáu ngày. Phụ thân cảm thấy bất mãn với bản thân mình. Dù sao phụ thân cũng là Đông cung Thái tử, thế mà phải hoàn toàn bất lực ngay trong địa hạt tình yêu. Đối với *Jalita*, nàng quả là một người con gái tốt, thỏa mãn được con tim, một gia tài vô giá, có đủ bốn đức tánh: công, dung, ngôn, hạnh mà phụ thân đã tìm gặp nhưng không giữ được. Và nỗi đau khổ tuyệt vọng cứ mãi đeo đẳng phụ thân một cách phũ phàng nghiệt ngã cho đến hôm nay, giây phút này, giây phút phụ thân đang kể chuyện cho con nghe và không biết còn kéo dài đến bao giờ? Chỉ sau sinh nở mấy ngày, *Jalita* đã âm thầm ra đi, để lại một lá thư:

Tâu Thái tử! phận hèn mọn này đã gây tai họa rất lớn cho Thái tử. Tội lỗi này thật khó tha thứ cả hai mặt chủ quan và khách quan. Kẻ hèn mọn thoát tiên có ý nghĩ mang con cùng đi. Nhưng sau nhiều lần cân nhắc lợi hại, hư nên thì nhận thấy để con lại cho thái tử, cuộc đời nó sẽ bảo đảm an toàn, tương lai tràn đầy hứa hẹn, giàu sang, sung sướng. Còn bản thân kẻ hèn này, bốn bề không nhà, khó tìm quán trọ dung thân, đói no lạnh nóng vô thường thì làm sao bảo bọc núp ruột của mình. Kính mong thái tử đại lượng thứ tha. Về phương diện tình yêu thì kẻ hèn này đã hiển dương trọn vẹn cho Thái tử và nguyện tôn thờ đến hơi thở cuối. Sống là người yêu của thái tử và chết cũng sẽ là người yêu của Thái tử. Kính xin Thái tử đừng nhọc lòng tìm kiếm kẻ hèn vì chắc chắn Thái tử không bao giờ tìm gặp. Kính xin gởi lại núp ruột của mình. Vĩnh biệt. *Jalita* - một thân phận bất hạnh quá nhiều nhưng hữu hạnh cũng quá lớn.

Phụ thân đã tốn rất nhiều công sức, tiền bạc, tâm trí trong công cuộc tìm kiếm *Jalita* suốt một năm, nhưng biệt vô âm tín. Cuối cùng phụ thân hạ quyết tâm từ bỏ tước vị Đông cung thái tử lúc bấy giờ và ngôi vị quốc vương về sau này, ẵm con ra đi trong âm thầm, lặng lẽ. Nhờ khéo cải trang, nên con và phụ thân không bị phát giác. Sống ở đây với hy vọng sẽ được gặp lại mẹ con trước khi phụ thân nhắm mắt.

Ba Tháng Trước Khi Rời Giáo Đường

Suốt ba năm tụng học tại giáo đường *Takkasila*, *Asoka* lúc nào cũng tỏ ra tích cực lao động chân tay cũng như lao động trí óc.

Đối với các vị giáo sư, *Asoka* luôn luôn kính trọng và y giáo phụng hành; đối với các môn học thì môn nào cũng tinh chuyên lão luyện; đối với các bạn đồng môn thì kính trên nhường dưới, sẵn sàng chia sẻ, cảm thông, giúp đỡ, chính những đức tính cao đẹp này đã khiến trên các vị giáo sư rất thương tưởng, dưới các huynh đệ đồng môn một lòng quý mến. Đặc biệt Ngài viện trưởng rất hài lòng và cảm thấy hãnh diện về *Asoka*. Cách đối xử biệt lệ mà Ngài viện trưởng dành cho *Asoka* mỗi khi gặp mặt, chuyện trò đã khiến *Sumani* (*Sú ma ní*) đưa con gái duy nhất của Ngài viện trưởng rất có cảm tình với *Asoka*.

Mặc dù thân phận *Asoka* được giữ bí mật nhưng qua tác phong quý phái khác với thường dân, cộng thêm cặp mắt lịch lãm từng trải và kiến thức quảng bác của một vị viện trưởng cũng như chiếc nhẫn vàng ròng có chạm khắc hình con công vô cùng tinh xảo sống động thì Ngài viện trưởng biết rõ *Asoka* là một trong số Hoàng tử con vua *Bindusara* thuộc dòng *Moriya* đang trị vì nước *Magadha* (*Ma kiệt đà*) gồm cả *Takkasila*. Do vậy, Ngài viện trưởng chẳng những không có thái độ ngăn trở mà còn mặc nhiên chấp nhận sự giao tiếp thân mật giữa *Sumani* và *Asoka*. Có một hôm, *Jalini* và *Jalodhara* hai cô gái miền quê rủ nhau ra thị trấn *Takkasila* mua sắm. Trên đường về, *Jalini* rủ *Jalodhara* tạt qua giáo đường thăm *Asoka*, *Srikhirin* và *Sasavat*. *Jalodhara* đồng ý.

Thế là hai cô đi về hướng giáo đường. Được gặp *Srikhirin* và *Sasavat*, bốn người rất vui mừng, chuyện trò thân thiện, nói cười tự nhiên. Hai cô chưa kịp hỏi thăm *Asoka* thì *Srikhirin* đề nghị đi tìm *Asoka*. Bốn người vừa đi vừa nói chuyện, đến một khúc quanh, có một ít cây cao bóng mát, trên một khúc gỗ dài, hình ảnh hai người một nam một nữ đang ngồi nói chuyện có phần thân thiện nhưng tuyệt đối không lả lơi. Tuy còn hơi xa, nhưng *Jalodhara* nhận ra ngay người nam là *Asoka*, nàng khựng lại định quay trở ra nhưng cùng lúc ấy *Asoka* cũng nhìn về phía bốn người và nhận ngay *Jalodhara*. Chàng bật đứng lên, xin lỗi *Sumani* là có bạn miền quê lên thăm. Nói xong, chàng đi thật nhanh về phía bốn người. Sau khi chào hỏi, tíu tít vui cười, *Asoka* dẫn *Jalodhara* và *Jalini* đến giới thiệu với *Sumani* về hai người bạn gái vốn quen thân nhau từ lâu và giới thiệu với hai cô về *Sumani* là con gái của Ngài viện trưởng.

Trong câu chuyện xã giao, hai bên tỏ ra rất lịch sự và giáo dục. *Jalodhara* ngỡ ý cáo từ, không quên nói lời cảm ơn *Sumani* đã đối xử đẹp với chị em cô và xin hẹn gặp lại nhiều lần sau. *Asoka* và *Srikhirin* cùng đi đưa hai nàng. *Sasavat* xin phép vắng mặt vì lỡ hứa giúp việc cho một vị giáo sư.

Trên đường đi, *Srikhirin* và *Jalini* nói chuyện rất vui vẻ. Về phía *Jalodhara* thì rất ít nói. *Asoka* hỏi đến đâu, nàng trả lời đến đó, không như mọi lần gặp gỡ trước. Vì tâm sự buồn phiền ngổn ngang chi phối, nàng cảm thấy trong người thấm mệt và hai chân mỏi như tỏ cử chỉ muốn ngồi nghỉ. *Asoka* lựa chỗ bằng phẳng, hai người cùng ngồi. *Asoka* nói nhỏ nhẹ, lo lắng:

- Trông em hôm nay không được vui và tự nhiên, dường như em nghi ngờ tình yêu anh đôi với em

- Có ít nhiều...

- Có phải chuyện cô *Sumani* .

- Anh thực sự không có gì với cô ta!

- Không có gì. Hoàng toàn không có, anh khẳng định tình yêu anh đối với em không bao giờ thay đổi. Đã ba năm rồi, thời gian ấy so với đất trời thì quá ngắn, nhưng đối với cuộc sống một kiếp người thì quá đủ để chứng minh mỗi tình chân thật anh đối với em vững chãi không hề lay chuyển.

Em biết không, mỗi lần anh nghĩ tới thời gian ba tháng nữa anh phải xa em dù chỉ là tạm chia tay. Nhưng tránh không khỏi đau nhói trong tim và cảm thấy không còn hứng thú đối với cuộc sống. Anh tự an ủi: không sao, chỉ tạm chia tay một thời gian, khi gặp lại sẽ vui mừng hơn, sung sướng hơn và hạnh phúc hơn. Và lại, *Takkasila* và *Pataliputra* cùng chung lãnh thổ. Anh sẽ không bao giờ quên em vì em là người đầu tiên đã dạy cho anh biết thế nào là hương vị tình yêu. Một bài học tuy vô ngôn nhưng đã thâm nhập vào dòng máu lưu chuyển toàn thân biến thành chất sống, sự sống hiện thực mà anh có bổn phận phải bảo vệ bất cứ giá nào. Anh không thể chối bỏ vì chối bỏ nó là chối bỏ sự sống. Em hãy an tâm chờ đợi, một ngày không xa lắm, anh sẽ trở lại chính thức rước em về *Pataliputra* cùng lúc *Srikhirin* rước *Jalini* .

Tâm sự bời bời đã được giải tỏa, *Asoka* đưa *Jalodhara*, trong khi *Srikhirin* đưa *Jalini* về nhà riêng của nàng.

Trong Vòng Tay Mẹ Hiền

Sau ngày thi cử đỗ đạt lãnh bằng “Bác học”, *Asoka* và *Srikhirin* còn dư hai ngày, trước khi rời trường. Hai bạn rủ nhau đi từ già *Jalodhara* và *Jalini*, đồng thời bái biệt phụ thân *Jalodhara*.

Không có cuộc sinh ly nào không buồn khổ, nghẹn ngào, đau xót, nói không hết lời, trọn ý. *Asoka* không nói nhiều, chỉ xoảng vào trọng điểm cuộc tạm chia tay hôm nay là biểu trưng cho cuộc đồng hành suốt chiều dài cuộc sống. Một lần nữa, *Asoka* khẳng định với *Jalodhara* trong tương lai không xa khi thời cơ thuận hợp, chàng sẽ chính thức trở lại rước nàng, cùng lúc, *Srikhirin* rước *Jalini*. Riêng phụ thân *Jalodhara* cũng chuyên đạt tất cả kinh nghiệm sống mà cụ đã từng trải xa gần liên quan cuộc sống triều đình mà thâm tâm cụ nghĩ những kinh nghiệm sống mà cụ đã từng trải xa gần liên quan cuộc sống triều đình mà thâm tâm cụ nghĩ những kinh nghiệm góp nhặt ấy sẽ là những viên gạch trong tòa lâu đài hạnh phúc tương lai của *Asoka*. Đối với tấm lòng yêu thương xây dựng của cụ, *Asoka* chỉ biết chấp tay cúi đầu tâm lãnh. Tiễn *Asoka* đến cửa cổng, *Jalodhara* nắm tay *Asoka* nói nghẹn ngào qua dòng nước mắt: anh đừng quên *Takkasila*...

Em yêu, em an tâm, anh làm sao quên *Takkasila* nơi đào tạo anh thành người hữu dụng, có kiến thức lập nghiệp, có một gia tài vô giá tùy thân. Bất cứ lúc nào anh sử dụng kiến thức trong công cuộc lập nghiệp, lập thân thì anh phải nhớ *Takkasila*; khi nào đối mặt với những bất như ý thì anh liền nhớ đến em lúc nào cũng chiều anh, làm vừa lòng anh. Cho đến khi nào anh có thẩm quyền chính thức yêu em, anh sẽ chăm sóc em từ vật chất đến tinh thần, không để em thua thiệt bất cứ cô gái nào kể cả con vua cháu chúa.

Sáng hôm sau, *Asoka* và *Srikhirin* vào bái biệt viện trưởng. Vốn biết rõ thân phận *Asoka*, nên Ngài viện trưởng có đôi lời nhắn nhủ: hai cháu mền, là thanh niên có tài có đức, hai cháu hãy thường xuyên tâm niệm những bí quyết cương yếu như sau:

Không nên ỷ tài tự thị, xem thường các vị đại thần văn quan, võ tướng của đảng quân vương, nên đãi ngộ xứng đáng với địa vị, chức năng của họ. Phải biết tương kính, tương nhường, tương thân, tương ái, vì rằng kính người người kính lại, nhường nhịn người người nhường nhịn lại, giúp đỡ người người giúp đỡ lại, thương quý người người thương quý lại.

Không nên thích cuộc sống nhàn rồi, vì nhàn cư vi bất thiện. Không nên ỷ lại vào những sở hữu vật mình có quá dư thừa mà hoang phí, trái lại nên sống tri túc tự lực tự cường, tự tác tự dụng thì sẽ thụ hưởng vĩnh hằng.

Hãy sống vị tha từ ái, như sông sâu nước chảy, thủy lương lưu lộ dung thông thì đa dụng, đa lợi. Vì ban rải hy hiện hạnh phúc cho kẻ khác có nghĩa là tự mình hưởng thụ hạnh phúc ấy toàn diện hay phiến diện, trực tiếp hay gián tiếp, lâu mau, hiện kiếp hay hậu kiếp không sai chạy.

Hãy sử dụng tài năng thuận hợp đạo lý một cách quảng đại, biến mãn, rộng sâu, cùng khắp, vì văn ôn võ luyện. Tài năng không sử dụng thường xuyên sẽ giảm dần và mất hiệu năng, trở thành xơ cứng. Tài năng phải được ưu tiên sử dụng để người khác chiêm thượng phong sử dụng tài năng thì ta sẽ bị mất ưu thế. Khi tài năng được sử dụng thuận hợp thời cơ, thì nhân tài sẽ được đánh giá đúng mức và tán thán ngưỡng phục.

Có tài mà không thi thố hay không có cơ hội thi thố gọi là không có đất dụng võ. Trong tình huống ấy thì đúng là tài bất phù hợp thời hay trời ố người tài. Nếu tình huống như vậy có xảy ra thì cũng chỉ là ngoại lệ. Có tài mà không khéo sử dụng tài trong công cuộc tổ chức công tác trật tự thứ lớp để công việc đình trệ chông chát tràn ngập thì chắc chắn thất bại. Người ta không sợ công tác quá nhiều mà chỉ sợ không biết tổ chức quy củ công tác. Chính khi trực diện tình huống khó khăn như vậy, người ta mới cần tìm nhân tuyển thích hợp giao phó, và lẽ đương nhiên người có tài năng ứng phó sẽ được tuyển chọn Bí quyết thành công trong phương diện này là phải sử dụng thi thố tài năng thuận hợp lý, cơ thật linh động.

Nếu thời vận ruồi dung trở thành người trị nước an dân, làm chủ thiên hạ, thì:

Hãy trị nước bằng vương đạo, thượng tôn luật pháp, đem mình làm gương làm chứng, như đàn bò lội nước tùy thuộc con đầu đàn, cũng thế ấy, người chăn dân đạo đức thì toàn dân cũng sẽ sống đạo đức. Bằng ngược lại, thượng bất chánh hạ tất loạn. Đời sống đạo đức khuôn thước là mô phạm lý tưởng của người trị nước an dân. Người dân khi đã tin tưởng, quy ngưỡng thì sẽ tuân phục dù người lãnh đạo không trực tiếp hứa hẹn với họ. Bí quyết thành công trong công cuộc xây dựng đất nước, thần dân hoàn toàn khác biệt với công tác hàng ngũ hóa loài thú. Đối với loài thú ta phải lừa, đối với con người ta phải dẫn, cái giá trị con người khác loài thú ở chỗ đó. Loài thú không suy nghĩ bằng trí óc mà bị làm việc theo quán tính. Loài người thì hoàn toàn trái ngược, nghĩa là không làm theo quán tính mà chỉ làm theo lý trí.

Luôn luôn quý trọng lời hứa, phải xem giá trị lời hứa như chính mạng sống. “*Thiện hiền chơn thật không ngoa, quý gìn lẽ thật như là bảo châu, chân tâm ấy đạo nhiệm mầu, nói làm nhất quán cho dầu hiểm nguy.*” Dân chúng đôi khi biết rõ người lãnh đạo nói một đằng làm một nẻo, lừa phỉnh được nhân dân thì tự hào thành công. Nên nhớ toàn khối nhân dân không phải ngu dốt. Họ chưa phản ứng vì họ không có quyền lực trong tay. Nếu hoàn cảnh chín muồi tức thời cơ cho phép thì họ sẽ đứng lên lật đổ một triều đại không khó. Đừng bao giờ nghĩ: hạnh phúc của mình là hạnh phúc của nhân dân mà phải nghĩ ngược lại là hạnh phúc của nhân dân mới đích thực là hạnh phúc của mình.

Tuyệt đối không đam mê tửu sắc vì nó là con đường vong hoại. Dân chúng không tin tưởng, đôi khi gương xấu ảnh hưởng đến họ. Trong một quốc gia mà vua quan, dân chúng đều trụy lạc, sống tắc trách, liệu đất nước có thanh bình, thịnh trị, phú cường và hùng mạnh được không.

Thường phạt công minh. Tuyệt đối không nên tiếp cận người xu nịnh, không nghe lời dèm pha khéo luông bợ của kẻ tiểu nhân đón gió bẻ măng. Đừng thích thú những kẻ tặng bót trước mặt mà làm ngơ trước những lời trung quân ái quốc. Hạng người trước là loại cây tạp, loại người sau mới là danh mộc giá trị.

Đối với người trên, phải thẳng bằng khiêm cung, đối với kẻ dưới phải thẳng bằng ban phát ân huệ, đối với người dưng cảm phải thẳng bằng chia rẽ, thẳng kẻ ngang hàng bằng tinh cần nỗ lực.

Asoka và *Srikhirin* được triều đình đón mừng tương đối trọng thể. Lễ liên hoan diễn ra khắp kinh đô. Cả triều đều hết lời chúc tụng. Đức vua tuy không có thiện cảm nhiều với *Asoka* nhưng tránh không khỏi nức lòng hãnh diện về sự đỗ đạt thành danh của *Asoka*. Lẽ đương nhiên, Chánh

cung Hoàng hậu và Đông cung Thái tử *Susima* không được vui trong lòng nhưng ngoài mặt cũng gượng nói cười hỏi chào lấy lệ.

Về đến tư dinh của mẹ, *Asoka* quỳ lạy bàn chân mẹ. Thứ phi *Vimamsa*: mẹ chàng ôm chàng vào lòng rờ đầu, rờ vai vừa khóc vừa nói: đừng bỏ mẹ đi nữa nghe con!

Thứ phi kêu *Asoka* đứng lên, bà nhìn con từ đầu đến chân, cười nói:

- Càng lớn, trông con càng phương phi, mạnh khỏe, tràn đầy sức sống, trong ánh mắt con tỏa chiếu ánh sáng tự tin và gương mặt hứa hẹn một tương lai bất khuất. Mẹ rất hài lòng, mãn nguyện vì con.

Vitasoka em chàng thì lú lo quần quít hỏi chàng đủ thứ, nhất là việc học và cuộc sống dân gian.

Đẹp Loạn Takkasila

Đã từ lâu, đất nước thái bình, nhân dân lạc nghiệp. Bỗng dưng sóng dậy đất bằng, dân chúng *Takkasila* nổi loạn. Đức vua *Bindusara* hạ lệnh Thái tử cất quân dẹp loạn, nhưng Thái tử thất trận. Đức vua *Bindusara* lập tức hạ lệnh triệu hồi Thái tử và trao quyền tổng tư lệnh cho *Asoka* và *Srikhirin* chức tư lệnh phó. Thế là hai bạn có dịp trở lại *Takkasila*. Nhưng lần này trong vai trò dẹp loạn, chắc chắn tránh không khỏi phải hy sinh nhân mạng mà theo hai bạn, mới năm trước đây thì nhân tình rất dễ thương, thật thà, chất phác.

Asoka điều động bốn binh chủng: tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh. Cờ xí rợp trời, trống chiêng dậy đất, đưa cao kiếm lệnh tiến binh, khí thế vô cùng oai phong凛冽. Nhờ tài áp dụng chiến thuật điều binh khiển tướng đúng binh pháp của *Asoka*, tinh thần kỷ luật nghiêm minh, cộng thêm tấm lòng ngưỡng mộ thương kính của ba quân tướng sĩ đối với *Asoka* khiến chàng lập được chiến công vô cùng hiển hách trong thời gian kỷ lục. Một mặt cấp tốc tái lập an ninh trật tự, một mặt khẩn báo tin thắng trận về triều.

Được tin mừng, Đức vua vô cùng hoan hỉ, đồng thời cũng vô cùng lo lắng. Lý do khiến Đức vua lo lắng, vì trong thâm tâm nhà vua rất yêu quý Đông cung Thái tử *Susima* và đã có quyết tâm nhường ngôi cho Thái tử. Nhưng những sự kiện bất lợi thực tế đã xảy ra mà tự bản chất đã đánh giá rất rõ ràng về nhân tuyển thích hợp thừa kế ngai vàng tương lai chính là *Asoka* thay vì *Susima*. Có thể nói một cánh trung thực của những người có tâm hồn cao thượng đặt quyền lợi tổ quốc và dân tộc trên quyền lợi gia đình, đảng phái thì Thái tử *Susima* chỉ là một ngôi sao nhỏ cạnh ngôi Bắc đẩu *Asoka*. Sự thật phũ phàng này khiến Đức vua phải áp dụng chiến thuật tiên hạ thủ vi cường. Lý ra, người nào lập được chiến công hiển hách thì người ấy phải được ưu tiên ban thưởng và phong vương nhất là đối với các vị Hoàng tử. Đàng này, Đức vua chỉ nghĩ đến quyền lợi gia tộc nên hành động hoàn toàn nghịch lý. Tức là *Asoka* bị triệu hồi và Thái tử được phong phó vương trấn nhậm *Takkasila*. Kế hoạch tiếp theo, Đức vua hạ lệnh *Asoka* và *Srikhirin* trấn nhậm kinh đô *Ujjeni* (*Úc chê ni*) xứ *Avanti* (*Á vanh ti*) lãnh thổ nằm trong vương quyền *Maghdha* (*Ma kiệt đà*).

Trên đường đi đáo nhậm nhiệm sở, hai bạn đến thị trấn *Vedisa* (*Vê đi sá*) nhằm Tết Nguyên Đán. Phong tục ở đây, trong suốt ba ngày Tết, dân chúng tự do tổ chức hội họp, tiệc tùng, các trò chơi cổ truyền dân tộc, văn nghệ giúp vui miễn phí thuộc các bộ môn ca, vũ, nhạc, kịch cổ kim, đấu người, đấu thú. Đặc biệt nhất là các cô gái đủ mọi giai cấp, thành phần xã hội được tự do kết đoàn đi xem hội không cần che mặt. Thật là náo nhiệt, hấp dẫn, thích thú, vui vẻ có một không hai trong năm, đây là cơ hội bằng vàng để các cô nàng khoe sang, khoe đẹp, khoe dáng, khoe duyên.

Hai bạn nhất trí tạm dừng chân lại đây ba ngày. Sau khi buộc ngựa trong một khu vườn xoài, hai bạn nhập vào sóng người trẩy hội. Đúng như câu: “*Dập diu tài tử giai nhân, ngựa xe như nước, áo quần như nêm.*” Ngày vui như bất tận, đối với hai bạn, nhất là *Asoka*, cuộc sống cung đình đã đóng khung chàng trong những cuội vui tiền chế ước lệ máy móc, triều nghi do một bộ phận mà thành phần nhân sự được chỉ định. Lựa chọn làm việc trong một giới vực ứng hợp với khung cảnh, tâm lý và truyền thống thường lãm của những nhân vật thuộc giai cấp vua chúa và một số nhỏ những người có đặc quyền đặc lợi liên đới, thiêu hản tính cách đại chúng, phổ cập tự nhiên, mọi người không phân biệt giai cấp đều có quyền tham dự biểu diễn, tự do thưởng lãm.

Ai có sở trường gì đều được tự do tổ chức thi thố miễn phí. Người coi có quyền đánh cá nhỏ, lớn tùy thích vô điều kiện.

Có những địa điểm trình diễn văn nghệ giúp vui về nhiều bộ môn dị biệt, như ca, vũ, nhạc, kịch, ngâm vịnh, hát đối, diễn tuồng nhất là các tuồng thần thoại cổ thời; có nơi tổ chức mãi võ, đấu võ, đấu vật, đấu voi, đua ngựa, đấu trâu, đấu bò, đấu dê, chọi gà, đấu chim; có chỗ chơi cờ tám hình vuông, mười hình vuông, nhảy cò cò, quăng thẻ chuyền chuyền, súc sắc, hò liệng khăn, đá banh, thổi kèn bằng lá, nhào lộn, nhảy dây, chơi chong chóng, chơi đoán viết chữ trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu, chơi xích đu, thả điều bắt gà, chơi mua dưa, chơi đánh tram, chơi đánh trống vân vân.

Tóm lại hàng trăm trò chơi, văn nghệ, đấu người, đấu thú. Trò chơi nào cũng hấp dẫn, mới mẻ, khởi sắc, thu hút, quyến rũ, kỳ thú, mới lạ mà *Asoka* được chứng kiến lần đầu trong cuộc đời. Bị thu hút bởi các trò chơi mới lạ, *Asoka* và *Srikhirin* cứ để bước chân tự động đi về phía trước vì tin chắc nơi nào cũng có những trò vui mới lạ, hấp dẫn và kỳ thú. Mãi lo vui, hoàng hôn đã bắt đầu nhạt nắng, thế mà hai bạn vẫn không hay. Bỗng trời đổ mưa, tuy không lớn lắm nhưng đủ để ướt y phục nếu không có dù che. Hai bạn lạnh chân vào đụt mưa dưới bóng xoài râm lá.

Lúc bấy giờ mọi người đều đổ xô chen chân chạy đến đụt mưa trong vườn xoài bất chấp nam nữ, gái trai. Ngay lúc ấy, mọi người đều đưa ánh mắt ngạc nhiên nhìn một thiếu nữ nhan sắc tuyệt đẹp, phong cách đài trang, từng bước khoan thai, đang hướng về phía vườn xoài như không có chuyện gì xảy ra. Khi nàng vào đứng chung trong nhóm thiếu nữ thì mọi người mới vỡ lẽ cô ta là tiểu thư chủ nhân của nhóm thiếu nữ đông đảo này. Có tiếng to nhỏ gần chỗ *Asoka*:

Cô ấy là tiểu thư con gái của nhà đại phú trưởng giả *Vedamanaka*, tên *Vedisa*.

Asoka Hạnh Ngộ Mỹ Nữ

Asoka nhìn ngắm cô ta và suy nghĩ thật nhanh, đây đúng là mẫu nữ nhân phúc đức vì tóc thật mượt buông chảy xuống tận thắt lưng và tự động cong lên như đuôi con công, dáng đi từng bước khoan thai, đài các, làn da mịn màng tươi sáng cơ hồ không bám bụi, đôi môi mọng đỏ như hồng liên, thân hình cân đối. “*Dày dày sẵn đức một tòa thiên nhiên.*” Theo cổ thơ Phệ đà mà chàng từng học ở giáo đường *Takkasila* thì nữ nhân được gọi là mỹ nữ phải hội đủ năm mỹ diễm tướng:

1. **Phát diễm tướng:** tóc mảnh và mượt, buông chảy xuống đến lai nội y thì đuôi tóc tự động cong lên như đuôi con công.

2. **Nhục diễm tướng:** hai môi đỏ mọng như hồng liên, tươi nhuận, mềm mại, đầy đặn vô cùng thanh tú.

3. **Cốt diễm tướng:** hai hàm răng trắng buốt, không kẽ hở, sáng đẹp như chuỗi kim cương, khi cười thì lóng lánh như xà cừ.

4. **Bì diễm tướng:** làn da mịn màng, tươi sáng cơ hồ bụi không bám được, không tí vết, bới đen, tàn nhang, nốt ruồi, màu trắng như hoa *Kannika* không cần phấn sáp.

5. **Sắc diễm tướng:** đầu sinh nở nhiều lần sắc diện và thân hình cũng đẹp như thời xuân sắc, da vẫn trắng không dùn, thân hình không bị héo hon tiêu tụy. Người ta chỉ biết nữ nhân ấy già khi đứng lên phải dùng sức hai tay chống đầu gối.

Asoka lần đầu tiên thấy được mỹ nữ, duy hàm răng nàng thì *Asoka* chưa thấy. Suy nghĩ thật nhanh, hạ quyết tâm, *Asoka* lấy can đảm, chen chân bước tới trong dáng điệu huy mãnh, tự tin nhưng không kém phần an bình, quý phái, nghiêng mình chào rất lịch sự, vương giả:

- Thưa tiểu thư, tôi từ *Pataliputra* đi ngang qua địa phương của tiểu thư, lần đầu tiên được chứng kiến lễ hội vô cùng hấp dẫn, thật sự mới mẻ đối với tôi, mọi thứ làm tôi sáng mắt và mở mang kiến thức, thật là diễm phúc cho tôi... nhưng thưa tiểu thư, sự kiện khiến tôi suy nghĩ không ra đó là phương nghi cung cách tiểu thư từng bước khoan thai, an nhiên tự tại như người thích tắm mưa mặc cho trang phục vô cùng quý phái bị ướt mà nét mặt tiểu thư vẫn tươi đẹp dường như không có chuyện gì xảy ra, khiến tôi vô cùng quý kính đồng thời cũng không kém phần thắc mắc!

Nhìn tướng mạo, tư cách và nghe lời nói quý phái, lịch sự có sức mạnh thu hút biết ngay là con nhà thượng lưu quý tộc:

- Thưa anh, em nghĩ, cha mẹ sinh con hết lòng giáo dưỡng cung chiều, nuôi con những ước về sau, trao tư phải lứa, gieo cầu đáng nơi, nhưng nếu em chạy lỡ té bị thương tích thì cá nhân em đau lòng ít mà cha mẹ đau lòng thật nhiều. Và lại, trang phục ướt thì mình thay, còn như thương tích tàn tật thì làm sao thay được. Hơn nữa, em nghĩ một vị vua quán đảnh, mặc triều phục long bào mà chạy thì coi không được. Thốt ngự tượng mà chạy thì không trang trọng. Một vị Sa môn mà chạy thì mất đạo phong tư cách. Một thiếu nữ mà chạy thì mất hạnh đức.

Trong khi này nói chuyện thì *Asoka* đã nhìn kỹ hàm răng thật liền lạc, không kẽ hở, đều đặn như chuỗi ngọc kim cương và long lánh như xà cừ không khác. Tự trong thâm tâm chàng biết rõ thiếu nữ là một mỹ nữ đầy đủ năm mỹ diệm tướng.

Asoka để lời cảm ơn chân thành lời giải thích ngọn ngành của tiểu thư và xác nhận nhờ nàng mà chàng thấu một kiến thức vừa thực tế vừa kinh viện có tính cách cổ kim hòa điệu. Chàng tự giới thiệu tên mình là *Asoka* và xin hân hạnh được biết phưng danh của nàng. Nàng khiêm tốn, nhỏ nhẹ cho biết tên mình là *Vedisa*. Nàng trịnh trọng nói thêm gia đình thân phụ cũng gần đây, nếu anh không có hứa với bạn bè thì em xin kính mời anh và bạn anh cùng về nhà em dùng cơm để em được làm quen với người từ kinh thành đến thị trấn nhỏ bé này. *Asoka* đưa mắt nhìn *Srikhirin* và hai bạn cùng theo chân *Vedisa* và đám nữ nhân đông đảo tỳ nữ của nàng.

Được sự giới thiệu của nàng, hai bạn cúi mình chào thật kính cẩn đúng phong cách con nhà thượng lưu gia giáo. Cụ thân sinh *Vedisa* lấy làm hài lòng. Tiếp đãi ân cần, hàn huyên thân thiện, tư cách cởi mở, giao tiếp lịch sự khiến hai bạn cảm thấy vô cùng ấm cúng, tự nhiên.

Asoka vốn có để ý quan sát địa hình, cảnh vật xung quanh khi bước qua cửa cổng vào trung tâm ngôi dinh thự. Sau buổi cơm chiều, thấy trời chưa tối hẳn, *Asoka* xin phép ông cụ đi dạo cảnh chung quanh dinh thự. Vốn có chủ đích, ông cụ xin phép không tháp tùng giới thiệu và xin hai bạn cứ tự nhiên nếu cần cứ hỏi lão quản gia thì được. Hai bạn vừa ra khỏi dinh thự thì cụ khăn trương triệu tập toàn gia đình và gia nhân, long trọng tuyên bố, cho mọi người biết *Asoka* chính là Hoàng tử con trai đương kim Hoàng thượng *Bindusara*. Cụ giải thích qua ánh mắt ngơ ngác mọi người nhất là gương mặt, ánh mắt thật sự xúc động của tiểu thư *Vedisa* rằng: Sở dĩ cụ biết chắc một trăm phần trăm là nhờ chiếc nhẫn bằng vàng ròng, có chạm khắc hình con công vô cùng tinh xảo, thoảng nhìn như con công sống, mà cụ được thấy tận mắt trong ngày cụ được Đức vua tân phong chức Hàm-đại-phú-trưởng-giá tại Hoàng cung.

Tưởng cần nói rõ về quốc hiển Ấn Độ thời xưa. Các chức vụ Đại phú trưởng giả phải được nhà vua hạ chỉ tấn phong và trong ngày nhận chỉ đều có nghi lễ khoản đãi chúc mừng. Chính trong ngày hôm ấy, ông cụ thấy rõ các vị Hoàng tử đều có đeo chiếc nhẫn hình con công ấy. Vì hình công tượng trưng triều đại *Moriya* (Khổng Tước). Ông cụ truyền lệnh lập tức trang hoàng dinh thự từ trong tới ngoài thật trang nghiêm, lộng lẫy nhất là chỗ ngồi thật tôn xứng với địa vị Hoàng tử, trong khi mọi người phải thay đổi y phục thật trang nhã và đứng hai hàng chờ cung nghinh *Asoka*.

Dạo cảnh không lâu, *Asoka* trở về, vừa bước qua khỏi cổng, mọi người đều quỳ xuống tung hô: Hoàng tử cát tường. *Asoka* vô cùng ngỡ ngàng, lật đật khum mình nâng ông cụ dậy và yêu cầu mọi người đứng lên. Vào bên trong dinh, *Asoka* được mời ngồi vào ghế ngay trong khi mọi người đều đứng hầu. *Asoka* yêu cầu ông cụ và *Vedisa* cùng ngồi. Chàng nói: chàng rất trân quý giây phút thân thiện tự nhiên, không bị gò bó bởi địa vị, chức hàm hoặc giai cấp. Nhờ thái độ cởi mở, bình dị của *Asoka* mọi người cảm thấy thoải mái, dễ chịu và rất vui vẻ. Ông cụ cung thỉnh *Asoka* tạm qua đêm tại dinh ông và ở lại thưởng lãm những cuộc vui vừa có tính nghi lễ vừa có tính tập quán. *Asoka* lấy làm cảm ơn nhã ý thiện tâm ông cụ, hứa sẽ ở thêm hai hôm, đến ngày thứ ba sẽ lên đường đi *Jjjeni*. Không cần nói, ai cũng biết, người vui nhất là tiểu thư *Vedisa*.

Suốt hai ngày lễ hội còn lại, *Asoka* và *Srikhirin* được trẩy hội chung với tiểu thư *Vedisa* và nhóm nữ tùy tùng của nàng. Nhờ gần gũi chuyện trò, hai người hiểu nhau hơn, thân thiện nhiều hơn, thương kính nhau hơn và cuối cùng họ đã thực sự yêu nhau một cách chân tình. *Asoka* hứa trong một ngày không xa sẽ chính thức cử hành hôn lễ khi sự nghiệp tương đối yên bề.

Tái Ngộ Người Xưa Trong Bể Bàng

Sáng hôm sau, *Asoka* để lời tạm biệt đại phú trưởng giả *Vedamanaka* và tiểu thư *Vedisa* lên đường đi *Ujjeni*. Lẽ dĩ nhiên, *Asoka* không tiện tiết lộ chiều chỉ bổ nhiệm mình làm phó vương cai trị *Ujjeni* và *Srikhirin* là tư lệnh phó.

Cuộc chia tay mới buồn làm sao. *Asoka* và *Srikhirin* nhờ làm khách của đại phú trưởng giả chỉ có ba ngày, nhưng tư cách, phong độ vô cùng cởi mở, tự nhiên và lịch sự nên mọi người đều quý kính, thương yêu hai bạn. Nhất là đại phú trưởng giả thân sinh *Vedisa* và là chủ nhân ngôi dinh thự vô cùng sang trọng thì gần như không muốn hai bạn lên đường. Ông nói: ước gì hai bạn ở chơi thật lâu thì diễm phúc cho cụ biết mấy.

Asoka không ngớt lời cảm ơn và tán dương sự ân cần tiếp đãi và đối xử vô cùng chu đáo suốt thời gian hai bạn tá túc tại đây. *Asoka* hứa sẽ trở lại viếng thăm nhiều hơn nữa vì từ *Ujjeni* đến *Vedisa* không xa. Tiểu thư nhắc khéo: Hoàng tử đã hứa thì đừng bao giờ quên!

Asoka nói: Chàng sẽ giữ lời hứa vì lời hứa đối với chàng là một phần của sự sống. Người quân tử là người biết quý trọng lời hứa.

Hai chàng lên ngựa mà mọi người cứ đứng nhìn không chớp mắt. Nhất là *Vedisa* đứng như bất động, vô hồn nhìn bóng câu xa dần, chỉ còn hai chấm đen và cuối cùng mất hút trong mù xa gió bụi. Nàng thở dài và lê bước chân nặng nhọc vào dinh. Không ai dám khinh động nàng, kể cả phụ thân nàng.

Con đường đi *Ujjeni* phải băng qua một phần lãnh thổ *Takkasila* và cũng rất gần nhà *Jalodhara*. *Asoka* đề nghị tạt qua thăm nàng rồi sẽ tiếp tục cuộc hành trình. Lẽ dĩ nhiên *Srikhirin* đồng ý. Hai bạn cho ngựa hướng về địa điểm được chọn. Trong khi hai bạn đang cho ngựa phi nhanh. Bỗng thấy từ xa có hai kỵ mã đang phóng nước đại về hướng mình. Khi đến gần họ đều reo lên trong vui mừng khôn tả vì hai người cỡi ngựa ngược chiều ấy chính là *Sasavat* và *Venupala* hai bạn đồng môn cùng chung giáo đường, rất thương quý nhau.

Kiểm chỗ có bóng mát, bốn bạn buộc ngựa cho ăn cỏ, cùng nhau hàn huyên tâm sự. Được biết hai người nghe được tin *Asoka* được tấn phong phó vương trấn nhậm *Ujjeni* và *Srikhirin* được bổ nhiệm tư lệnh phó, nên hai người quyết tâm tìm đến sống nhờ với bạn. Không ngờ vừa đến đây lại được gặp nhau. Thật là hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân. *Asoka* vui mừng khôn xiết và cho biết mình muốn ghé thăm *Jalodhara*, dành cho nàng một ngạc nhiên kỳ thú.

Trời cũng đã hoàng hôn, bốn bạn đem lương khô ra ăn và cùng lên ngựa hướng về nhà *Jalodhara*. Đến gần cổng nhà thì màn đêm đã thực sự buông xuống, cảnh vật xung quanh khu nhà cũng nhuộm màu mờ ảo. Bốn người tìm chỗ buộc ngựa, từng bước chậm chạp tiến về phía cổng ngoài. Bỗng dưng, có hai bóng người một nam một nữ từ trong khuôn viên nội thất cùng nhau đi nhanh ra phía cửa cổng. Nhìn kỹ thì ra thiếu nữ là *Jaldhara* còn nam nhân là *Karatidat* – cũng là bạn học chung giáo đường thuở trước. Cặp tình nhân ra khỏi cổng ngoài lập tức tìm một gốc cây tình tự. *Srikhirin* không thể bình tĩnh được nữa, lập tức phóng tới, một cú đấm như trời giáng, *Kanatidat* té nhào xuống đất. Lập tức trong bóng tối, hai bóng đen hươi gươm xông tới tiếp viện. *Venupala* và *Sasavat* rút kiếm nhập cuộc, không đầy hai phút, hai bóng đen bị trọng

thương nằm bất tỉnh. Một thoáng không lâu, *Kanatidat* tỉnh lại, đứng lên thủ thế. Lúc bấy giờ, *Asoka* lên tiếng, kêu đích danh anh ta:

- *Kanatidat*, anh đã biết *Jalodhara* là người yêu của tôi và tôi thì yêu nàng tha thiết. Khi nàng và *Jalini* đến thăm tôi tại giáo đường bạn cũng biết, thế mà bạn nhẫn tâm chà đạp lên tình yêu chân thật chúng tôi. Tôi thực sự đau lòng và tự ái bị tổn thương trầm trọng. Tuy nhiên, tôi dành cho bạn một sự công bằng, danh dự vì bạn và tôi cùng yêu một người con gái.

Asoka bảo *Sriksirin* đưa gươm cho *Kanatidat*. Chỉ thoáng mấy nhát gươm, *Kanatidat* bị trọng thương, day qua *Jalodhara*, *Asoka* nói chua chát, đau lòng, tình tuyệt: cô băng bó vết thương cho họ và hãy sống nếp sống mà cô tự chọn. Cuộc gặp gỡ hôm nay là lần cuối cùng trong cuộc đời chúng ta. Cô đường cô, tôi đường tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ có thể thôi. Đã không cùng nhau chung lối thì bận lòng chi nữa lúc chia phôi.

Bốn vó câu tung cát bụi mịn mù trong đêm tối, khiến trường dạ vô cùng thê lương âm đạm. Trên đường thiên lý, *Asoka* chẳng nói một lời. Có lẽ, chàng không cần bất cứ âm thanh nào, ngoại trừ dư âm thời gian, vì chỉ dư âm này mới an ủi được chàng trong nỗi nề, ngang trái, phũ phàng và tim buốt.

Lễ Nhậm Chức Phó Vương

Quang cảnh *Ujjeni* hôm ấy thật tung bừng, náo nhiệt khởi sắc chưa từng xảy ra từ trước. Sự kiện vô cùng trọng đại này phát xuất từ hai chính sự trọng yếu: một là đại lễ tiếp nhận chiếu chỉ; hai là đại lễ chính thức thụ phong tước vị phó vương của Hoàng tử *Asoka* và lễ tấn phong chức vị phó tư lệnh cho *Srikhirin*. Hai bạn *Venupala* và *Savavat* cũng được phó vương tấn phong phụ tá tư lệnh nội vụ và phụ tá tư lệnh ngoại vụ.

Asoka tích cực tổ chức mới, điều hành tốt guồng máy chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, canh nông nhất là quốc phòng. *Asoka* đặc biệt lệnh *Srikhirin* phải canh tân bốn binh chủng: Bộ binh, Tượng binh, Mã binh và Thủy binh.

Từ ngày *Asoka* chấp chính, tiểu quốc *Ujjeni* thái bình thịnh trị. Dân chúng an cư lạc nghiệp, kỷ luật nghiêm minh, thưởng phạt công bằng, tuyển dụng nhân tài, đãi ngộ các bậc chân tài thực học, thịnh ý và y giáo các bậc trưởng lão đạo cao đức trọng. Nhờ áp dụng chính sách mọi người cùng làm theo khả năng và hưởng thụ theo nhu cầu nên *Ujjeni* rất hưng cường phú túc. Để tiếp tục đẩy mạnh chính sách trị nước an dân và cũng để quên đi mối hận tình *Jalodhara*, *Asoka* hạ quyết tâm chính thức cử hành hôn lễ với *Vedisa*. *Asoka* bàn với ba bạn và được ba bạn tán thành.

Bên chàng trai do ba bạn chính thức đại diện phó vương, một đoàn binh mã rầm rộ, mang theo sính lễ chẳng những vô cùng quý giá mà còn nhiều loại, nhiều thứ phẩm vật, tư trang kể cả các thứ sơn hào hải vị, các thứ hoa quả tốt đẹp và đắt giá nhất của *Ujjeni* đều có chung trong lễ phẩm.

Cuộc rước dâu vô cùng trọng thể, linh đình, đông đảo có một không hai. Sau nghi lễ cổ truyền, *Vedisa* ngồi lên xe hoa và nhạc lễ cử hành theo triều nghi quân cách vì *Vedisa* lúc bấy giờ là hoàng phi chính vị. Một số không ít các tỳ nữ vốn phục dịch *Vedisa* từ lâu cùng xin phép đi theo hầu hạ nàng. Vốn mang tâm hồn thương người, không xem thường kỳ thị và đối xử với những tỳ nữ như chị em, nên *Vedisa* rất vui lòng cho họ theo giúp đỡ và bầu bạn.

Asoka ra rước *Vedisa* tận cổng ngoài trông vô cùng oai phong lẫm liệt trong bộ triều phục phó vương. Yên tiệc linh đình, cao lương mỹ vị thôi thì đủ thứ. Mọi người kể cả dân chúng cũng được thết đãi trọng hậu. Các cuộc vui như ca, vũ, nhạc, kịch, và nhiều trò chơi có tính tiêu khiển chúc tụng do dân chúng tự động tổ chức toàn quốc gần như bất tận.

Trong vai trò mẫu nghi tiểu vương quốc, Vương phi *Vedisa* quả thật xứng đáng, khả kính, khả ái. Là một mỹ nữ, cộng thêm tứ đức: công, dung ngôn, hạnh. Đối với chính sự Vương phi là một cố vấn uyên bác; đối với nội cung là một chấp chương nghiêm minh hiền đức; đối với phu quân, Vương phi là một hiền thực thê; đối với bá quan trào thần văn võ, Vương phi vừa là chủ vừa là bạn; từ trong triều nội đến ngoài thân dân, mọi người đều yêu kính Vương phi vì những đức tính minh triết và hiền thiện. Có thể nói không sợ sai lầm, Vương phi như phượng hoàng giữa loài phi cầm trong một không gian rộng lớn tương đối.

Tại tiểu vương quốc *Ujjeni*, Vương phi hạ sinh một hoàng nam đặt tên *Mahinda* và một hoàng nữ đặt tên *Sanghamitta* mà cuộc đời nhị vị sau này đã đóng góp cho công trình truyền bá chánh pháp toàn lãnh thổ *Srilanka*, là cộng sự viên vô cùng đặc lực của phụ vương trong công

tác nhận nhiệm vụ sứ giả truyền đạo, là hai vị thánh Tăng đi làm lịch sử mà tất cả di tích sử liệu ở *Srilanka* vẫn còn lưu dấu đến ngày nay.

Asoka quả là một vị phó vương khả kính khả ái của *Ujjeni* thuộc tiểu vương quốc và trở thành Đại đế của lục địa Ấn Độ. Là một người tài ba xuất chúng, tuy không đẹp trai nhưng kiêu ưu văn võ. Trị nước an dân như một tiểu luân vương, dụng binh như thần, thành công vượt bậc trên mặt chính trị, và quân sự. Tài thao lược quân sự của *Asoka* chẳng những thừa khả năng duy trì an ninh *Ujjeni* mà còn đủ sức yểm trợ hoặc cứu nguy *Pataliputra* nếu có chiến tranh. Trong khi đang thành công trên mọi lĩnh vực quốc gia, dân chúng đang sống cuộc đời thịnh trị phú cường, bỗng dưng sóng dậy đất băng, đó là hung tin phụ vương lâm trọng bệnh và sắp băng hà.

Theo kế hoạch tru liệu, tể tướng *Sirigupt* tin cho *Asoka* sớm nhất và đề nghị đưa một bộ phận binh chủng thiện chiến kéo về kinh đô bằng phương tiện nhanh nhất. Và tất cả sự kiện quan trọng đã xảy ra trước giờ phụ vương băng hà như đã đề cập chi tiết nơi mục hoàng cung.

Nội Da Xáo Thịt

Asoka lên ngôi, là quốc vương thứ ba thuộc dòng *Moriya*. Đức vua *Bindusara*, phụ vương *Asoka* có mười tám Vương phi và một trăm lẻ một (101) hoàng nam, hoàng nữ, trong đó *Asoka* là con trai thứ. Cho nên, mặc dù tể tướng *Sirigupt* và đại đa số đại thần tôn *Asoka* lên ngôi vua, nhưng các Hoàng tử khác, trong đó có thái tử *Susima* đều thiết lập lực lượng vì cánh sẵn sàng tranh ngôi với *Asoka*.

Như mọi người biết, *Asoka* là một vị vua uy dũng thông tuệ, đồng thời là một tổng tư lệnh biết tài quân sự, điều khiển tướng thân tốc, quân lệnh như núi, thưởng phạt nghiêm minh, bách chiến bách thắng. Đoàn quân của Thái tử *Susima* xuất phát từ *Takkasila* hướng về kinh đô *Pataliputra*, khí thế vô cùng hung hậu vì dù sao *Susima* cũng là Đông cung Thái tử. Đoàn quân này bị phục binh của *Asoka* chặn đánh và tiêu diệt. Thái tử bị tử thương trong trận chiến này. Tướng chỉ huy đoàn quân của Thái tử tên *Virasena* gom góp tàn quân cải trang vào chùa xuất gia.

Tiếp theo, *Asoka* tàn sát huynh đệ và những người theo phe chống đối, không quy phục. Cuối cùng, còn một lực lượng binh mã tương đối đông đảo, có quy mô tổ chức do Hoàng tử *Virabala* lãnh đạo. Một hôm, Hoàng tử phán hỏi *Manaka* vừa là bạn chí thân vừa là tướng chỉ huy tài ba, đã mưu túc trí:

- Bạn cố tìm kế sách giúp ta lật đổ *Asoka*.
- Tâu hoàng tử, vấn đề không đơn giản – *Asoka* có rất nhiều binh hung tướng giỏi, bản thân *Asoka* là một tướng giỏi ngoại hạng.
- Không lẽ bạn cũng sợ *Asoka*?
- Thưa Hoàng tử, không phải vấn đề sợ hay không sợ, mà phải tri kỷ tri bỉ. *Asoka* như sư vương có sức khỏe, răng bén, vuốt nhọn, tài ba vượt bậc, hung khí ngút ngàn lại thêm lúc nào cũng đề cao cảnh giác.
- Ta rất tin tưởng với tài trí của bạn, bạn sẽ tìm ra được phương pháp khả thi.
- Thưa Hoàng tử, ta có thể không dùng sức mà chỉ dùng mưu.
- Bạn quý, mưu chước như thế nào, nói nghe thử.
- Thưa Hoàng tử, Hoàng tử còn nhớ cô *Somavika*?
- Đại sự rồi bởi, tâm hồn đâu nghĩ đến nữ giới, hơn nữa, ta đâu có yêu cô ta!
- Thưa Hoàng tử, điều này hạ tướng biết và hiểu rất rõ. Nhưng *Somavika* rất yêu Hoàng tử. Dù là đơn phương với tình yêu mù quáng ấy, Hoàng tử có thể nhờ nàng giúp Hoàng tử thi hành mỹ nhân kế.

Hoàng tử *Virabala* hội ý, vô cùng phấn khởi. Hai người thân trọng bàn thảo kế hoạch từng giai đoạn: sơ khởi cũng như chung cuộc. Bắt đầu từ hôm ấy, Hoàng tử đóng kịch biểu lộ tình yêu chân thành đối với *Somavika*. Lẽ dĩ nhiên, *Somavika* thì sẵn sàng hiến dâng trọn vẹn cuộc đời cho Hoàng tử vô điều kiện. Trong khi đó, ngược lại, Hoàng tử thì chỉ lợi dụng nàng cho mưu đồ riêng tư. Thật là bẽ bàng, đau khổ. Dù sao sự kiện cũng phải tiến hành. Người hy sinh thì không có quyền đòi hỏi điều kiện, chỉ biết hành động theo tiếng gọi tình yêu mà trong thâm tâm tin tưởng tuyệt đối sẽ được đền đáp.

Một Cuộc Săn Thú Rừng

Asoka một hôm muốn giải trí bằng cuộc vui săn bắn. Lễ dĩ nhiên ý thích quân vương được *Venupala* đứng ra tổ chức. Tháp tùng *Asoka* ngoài *Venupala* còn một số tùy tùng khoảng năm mươi (50) người toàn những tay thiện xạ. Cuộc vui săn thú kéo dài, nhưng khi hoàng hôn vừa xuống thì *Asoka* hạ lệnh kết thúc.

Trên đường về, *Asoka* bắt gặp một thiếu nữ ngồi bên ven đường rừng hai tay ôm mặt khóc nức nở, tóc tai rối bù, y trang xộc xệch, trông rất thảm thương, có vẻ như không còn thiết sống. Mặc dù chưa thấy mặt nàng, *Asoka* và *Venupala* cùng xuống ngựa, đến đứng nhìn nàng trong im lặng. Còn nàng thì vẫn trong tư thế cúi đầu, hai tay ôm mặt tiếp tục khóc như không hề biết có người đang đứng nhìn mình. *Asoka* cất tiếng nhỏ nhẹ:

Này cô em, tại sao một thân một mình ngồi khóc trong rừng như thế này?

Nghe có tiếng người, nàng ngước lên, gương mặt xanh xao, ánh mắt lơ lảo, nước mắt đoanh trông, lảo liêu nhìn đoàn người ngựa và đứng phất lên vụt chạy. Nhưng *Venupala*, bằng một động tác thật nhanh và chính xác đã kịp thời giữ chặt cô ta lại.

Buông ta ra, buông ta ra! Các người độc ác lắm, ích kỷ lắm, bất lương lắm. Thế giới này sẽ vô cùng hạnh phúc nếu không có những người đàn ông như các người, vừa thét la vừa vùng vẫy thoát thân. Nhưng lực bất tòng tâm, nàng cảm thấy cánh tay bị *Venupala* nắm đau buốt tận xương cơ hồ muốn gãy. Lúc bấy giờ, nàng mới chịu đứng yên. *Asoka* đã từng đau khổ vì tình phụ - thấy cảnh này thì rất thương tâm, tội nghiệp.

Để có thời gian tìm hiểu giúp đỡ, *Asoka* lệnh *Venupala* và một thị vệ đỡ nàng lên ngựa ngồi sau ngài.

Trong cuộc tiếp xúc sơ khởi, nàng biết người cứu mình là đương kiêm Hoàng thượng, nàng quỳ mọp, cúc cung xin mở lượng hải hà thứ tha tội phạm thượng.

Người không biết, không có tội.

Đức vua phán hỏi nàng vì đâu nên nổi thân gái dặm trường, bất kể sống chết, dấn thân vào chốn sơn lâm, không sợ làm mọi thứ dữ và trùng trùng nguy hiểm có thể xảy đến. Đức vua hứa sẽ tận tình giúp đỡ. Dù sao nàng cũng là thần dân của ngài mà ngài thì thương dân như con cái.

Nàng kính cẩn tấu trình đại lược - Thử ấu thời, được cha mẹ rất mực cung chiều. Gia đình thuộc giai cấp Bà la môn, sống ở lâm thôn, cách xa chỗ tiện nữ được bệ kiến Hoàng thượng. Cuộc đời tiện nữ bắt đầu bất hạnh lúc mười sáu tuổi. Phụ thân tiện nữ qua đời trong một cơn bạo bệnh. Mẹ con tiện nữ cố gắng tảo tần tận tụy sống qua ngày. Một hôm, có một người buôn vải đến bán dạo và làm quen với gia đình tiện nữ. Sau đó, không lâu, ông ta trở lại. Có một lần, ông trở lại và xin tá túc qua đêm. Tình trạng này thỉnh thoảng xảy ra. Không ngờ, mẹ tiện nữ và ông ta mặc nhiên sống với nhau như vợ chồng. Tiện nữ biết nhưng không dám nói vì sợ mẹ buồn lòng.

Ông ta rất tốt với tiện nữ và tiện nữ lúc nào cũng xem ông ta là kẻ phụ. Trong sự gần gũi, thân thiện, ông ta có những cử chỉ suông sã. Tiện nữ cũng đã lớn khôn nên tiện nữ nhận ra được điều đó. Nhiều lần, tiện nữ định thổ lộ với mẹ nhưng lại sợ mẹ đau lòng. Thấy tiện nữ im lặng, ông ta càng tấn công tiện nữ bằng nhiều cử chỉ vượt xa bốn phận. Có một hôm, ông ta nắm tay tiện nữ kêu ngồi xuống bên ông, nhưng tiện nữ nói thẳng:

Thưa dưỡng, dưỡng đừng quên dưỡng là chồng của mẹ tôi.

Ông ta im lặng một lát, rồi chua chát: Thì ra cái trở ngại là ở chỗ đó.

Từ hôm đó về sau, ông ta không còn tấn công tình cảm với tiện nữ. Tiện nữ cảm thấy an tâm và cũng quý thương ông ta như kẻ phụ thực sự. Cho đến một hôm, ông ta đi bán dạo độ nửa ngày thì trở về và tỏ ra rất mệt mỏi, bơ phờ. Tình trạng này kéo dài đến hôm sau. Ông ta nhờ mẹ tiện nữ bán dạo thay ông ta một vài ngày. Đến ngày thứ ba, ông ta ngồi dậy và nhất định đi bán dạo cùng mẹ tiện nữ. Thấy ông ta nóng lòng biết lo cho mẹ, tiện nữ rất lấy làm cảm động. Chiều hôm ấy, một trận mưa thật to đổ xuống như dội và kéo dài cũng khá lâu. Trời chưa dứt hột, bỗng tiện nữ thấy ông ta dầm mưa, y phục ướt tươm, mặt mày bơ phờ thiếu nảo, nửa như muốn khóc, nửa như nghẹn ngào, nói, mẹ tiện nữ đã chết vì chứng bệnh thường nhật và bảo tiện nữ đi với ông ta để tiếp khiêng nhục thân mẹ tiện nữ. Chỗ mẹ tiện nữ nằm gần một cái ao, mặt mày bầm tím. Trước thảm cảnh mất cha chưa bao lâu nay lại mất mẹ, tiện nữ không còn muốn sống.

Sau khi hỏa táng thi hài mẹ, tiện nữ cảm thấy nghi ngờ cái chết của mẹ là do ông ta khéo dàn cảnh, lợi dụng mưa to, tràn nước mẹ đến chết rồi lúi lên nằm gần ao và giả vờ đau khổ về nhà báo tin tiện nữ. Mỗi nghi ngờ này tuy không có chứng cứ cụ thể nhưng trong thâm tâm tiện nữ cả quyết là suy đoán của mình không sai. Càng nghĩ càng hận ông ta tại sao đối xử quá tàn độc với mẹ tiện nữ và cuộc đời tiện nữ từ đây sẽ ra sao. Tiện nữ hạ quyết tâm vạch mặt hung thủ và trả thù. Vì có chủ tâm, nên tiện nữ tỏ ra dễ dãi phần nào trong vấn đề tiếp cận với ông ta. Thấy thái độ dường như thuận của tiện nữ, ông ta một mặt càng tỏ ra nuông chiều chăm sóc tiện nữ vô cùng chu đáo chí tình, một mặt càng quân quit tiếp xúc với tiện nữ bằng cái nhìn đăm đúi, bằng cái lắng nghe thật chí thành và lễ dĩ nhiên bằng mũi, bằng miệng, bằng tay, bằng tất cả cử chỉ âu yếm.

Tiện nữ cảm thấy đã đến lúc dùng miếng mồi ngon để câu con cá đôi khi ông ta đòi hỏi gần gũi xác thịt. Tiện nữ nói, cuộc đời tiện nữ giờ thì tứ cố vô thân, chỉ có một con đường phải đi là sống nhờ sự chở che, đùm bọc của ông ta. Tuy nhiên, mẹ mới mất phần, lòng con đau buốt, nhớ thương. Hơn nữa, đêm nào tiện nữ cũng nằm mộng thấy mẹ nên sợ quá. Mới đêm qua - tiện nữ đặt điều - tiện nữ nằm mộng thấy một cây đào tiên trái chín nặng trĩu cành mà tiện nữ thêm vô cùng, một tay níu cành kéo xuống, một tay định với hái trái, nhưng mẹ tiện nữ nắm ghì tay tiện nữ không cho hái. Tiện nữ nổi giận nhưng lại nghĩ mẹ mình nên nén lòng chịu đựng. Không ngờ, có một vị tiên hất tay mẹ văng ra và ẵm tiện nữ đỡ lên cây tha hồ ăn trái đào bằng thích. Nghe tiện nữ tường thuật điềm mộng, mặt ông ta hớn hở: ông tiên đó chính là ông ta, người đã hất tay mẹ tiện nữ văng ra và ẵm tiện nữ như thế này, vừa nói vừa ẵm tiện nữ vào lòng.

Tiện nữ nói: Chuyện chồng vợ là chuyện trăm năm. Không cần phải hấp tấp. Vả lại, hàng tháng, đối với người nữ có những ngày cấm kỵ. Hãy chịu khó chờ đợi cho mãn hạn kinh kỳ. Đồng thời, để tiện nữ làm lễ cúng linh và lạy xin phép mẹ rồi sau đó mới có thể hợp cẩn giao bôi.

Không còn cách nào khác ông ta đành phải chấp nhận. Suốt mấy ngày sau đó, tiện nữ không cách nào ngủ được vì sự quyết tâm trả thù người đã nhẫn tâm giết chết mẹ hiền. Nhưng vì bản chất nữ nhi yếu đuối. Hơn nữa, từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ giết người nên vô cùng lo sợ, khó bề hành động. Nhưng nghĩ, ngày hẹn sắp hết nếu không hành động kịp thời thì vĩnh viễn sẽ không trả được mẫu thù.

Một hôm, sau bữa cơm trưa ngon miệng, ông ta ăn nhiều hơn mọi ngày và đánh một giấc ngủ trưa rất say, tiếng ngáy đều đều càng ngày càng lớn. Thấy cơ hội tốt đã đến, không thể chần chờ do dự, tiện nữ dùng hết can đảm lấy cối đá đập mạnh vào đầu ông ta rồi bỏ chạy. Ông ta máu me đầy mình rớt theo tiện nữ. Sợ quá, tiện nữ cầm đầu cầm cổ chạy thục mạng. Chạy khá xa, tiện nữ mới dám quay lại nhìn thì cũng vừa lúc ông ta ngã úp xuống như một khúc cây. Muốn biết chắc ông ta còn sống hay đã chết, tiện nữ rón rén trở lại, đứng xa xa nhìn thật lâu thấy ông ta không cử động, nằm cứng đơ vô hồn. Biết ông ta chết vì mình, tiện nữ vô cùng hoảng sợ vì lần đầu tiên giết người, nên tiện nữ quay mặt bỏ chạy như một kẻ vô hồn, không định hướng và như cảm thấy tay chân rã rời, mình mảy ê ẩm, kiệt sức, té quỵ. Lúc tỉnh lại, thì ngòi ôm mặt khóc than, không biết phải làm gì. Chính trong tình huống thập tử nhất sinh ấy, tiện nữ được Hoàng thượng mở lượng hải hà ra tay tế độ. Tiện nữ nguyện suốt kiếp làm nô tỳ phục dịch để đền ơn cứu mạng, nếu được Hoàng thượng chấp nhận khai ân.

Nàng được đức vua ban cho một cái phòng nhỏ, tương đối tiện nghi và sống tự do thoải mái.

Phần III

Tiền Hành Mỹ Nhân Kế

Mặc dù *Kannika* chưa có chức vụ gì chính thức nhưng *Asoka* đối xử với nàng có phần biệt lệ. Một hôm, *Srikhirin* tâu:

- Muôn tâu, lệnh Hoàng thượng định xử trí thế nào với *Kannika*.
- Thì cứ để cô ta sống tự do. Hoàn cảnh cô ta thật đáng thương. Trẫm cảm thấy đồng bệnh tương lân, ngoài ra không có ý nghĩ gì khác.
- Muôn tâu, thần không dám, thần chỉ băn khoăn, lo lắng. Không biết cô ta đến với thiện ý hay có mưu đồ gì khác. Thần dám mong Hoàng thượng cho phép thần được tiếp xúc cô ta.
- Tốt lắm, tốt lắm! Khanh cứ tự nhiên.

Trong cuộc gặp gỡ sơ giao., *Srikhirin* có cảm giác từng gặp cô ta ít nhất một lần ở đâu đó mà trí nhớ hữu hạn không cho phép chàng khẳng định thời gian hoặc không gian. Tuy nhiên, trong chiều sâu ký ức, *Srikhirin* tự biết mình không lầm.

Một hôm, *Srikhirin* tâm sự với *Venupala* về sự xuất hiện của *Kannika* khiến chàng lo ngại, không an tâm. *Srikhirin* cũng cho *Venupala* biết về ký ức liên quan *Kannika* mà cảm giác đã từng gặp mặt tuy không khẳng định cụ thể môi trường, địa điểm. *Srikhirin* lo lắng an nguy của Đức vua, nên hạ quyết tâm nhờ *Venupala* cải trang đến tận địa phương sinh quán *Kannika* điều tra cho biết thực hư và cho biết kết quả trong thời gian kỷ lục. *Venupala* quả thật xứng đáng vừa là cấp thừa hành bản lãnh vừa là bạn chí thân của *Srikhirin* nên đã tích cực làm việc trong hai yếu tố lý, tình. Xong công tác tuyệt mật, *Venupala* báo cáo chính xác, không có người con gái nào tên *Kannika* và cũng không có gia đình nào mang lý lịch như *Kannika* đã [man](#) khai. Ngay cả những vị bộ lão kỳ cựu cũng xác nhận hoàn toàn không có. Nắm được sự thật tinh tiết, *Srikhirin* càng thêm bồn chồn lo sợ. *Venupala* đề nghị nên tấu trình Đức vua. *Srikhirin* dẫn đo:

- Với bấy nhiêu sự kiện thực sự chưa đủ yếu tố cụ thể. Không khéo lại chạm lòng tự ái Đức vua. Hơn nữa, Ngài sáng suốt hơn chúng ta nhiều. Biết đâu Ngài đã chẳng dự sẵn đối sách. Và lại, đối với *Kannika* Đức vua chỉ thương hại, tội nghiệp vì đồng bệnh tương lân. Trên thực tế cho đến hôm nay Ngài vẫn không có quan hệ thể xác. Chỉ sợ có mà chúng mình không biết thì quả thật dưỡng hổ di họa, nuôi rắn chuồng gà. Cầu mong sự có mặt của *Kannika* là sự dun rui của thành tâm thiện ý mà không phải do động cơ bất chính bí mật điều khiển, *Srikhirin* vừa nói vừa chấp tay cầu nguyện.

Phải chi có *Savavat* ở đây thì đỡ khổ cho chúng ta biết mấy, anh chàng bản tính bình tĩnh, sáng suốt, không ham sắc tài, không màng quyền lực. Cái đức tính nổi bật nhất là không bao giờ quay lưng bỏ bạn trong cơn nguy biến, *Venupala* nói giọng buồn buồn vì nhớ bạn: không biết anh chàng triết gia nhà ta hiện đang chu du phương trời nào và có còn nhớ chúng ta không. Thôi thì cứ để anh ta vui thú hải hồ, khi nào chồn chân mỏi gối, anh ta sẽ trở về với chúng ta.

- Còn chuyện *Kannika* bạn tính sao? *Venupala* gan hỏi:

- Thì luôn luôn cảnh giác cao độ để kịp thời đối phó, hộ giá *Srikhirin* xác quyết và nói tiếp: Các bậc hiền triết dạy: trên thế gian có bốn hạng người không nên tuyệt đối tin tưởng.

1. Không nên tin kẻ trộm dù người ấy từng là cố hữu.
2. Không nên tin mình sẽ được nhà vua mãi mãi biệt đãi tin dùng.
3. Không nên tin người nữ thực sự yêu mình vô điều kiện.
4. Không nên tin người có khí giới trong tay.

Khoảng một tháng sau, đương đêm *Srikhirin* được lệnh triệu vào cung khẩn cấp. Thay vì vào cửa chính, *Srikhirin* lại đi cửa phụ. Quân canh quá quen vị tự lệnh phó được Đức vua tín cẩn và là cấp chỉ huy trực tiếp của mình nên *Srikhirin* ra vào tự do, xuất nhập bất cấm. Nhưng khi qua khỏi cổng gác không xa, chàng bỗng thấy bóng một thị nữ cũng từ ngoài cổng đi vào. Quân

canh cũng quá quen hình ảnh các thị nữ thường xuyên ra vào nên không xét hỏi gắt gao. Qua khỏi cổng, cô ta đi rất nhanh có vẻ lén lút. Sinh nghi, *Srikhirin* bí mật theo dõi. Cô ta đến một gốc cây tương đối kín đáo và đứng nép mình ngó quanh như nóng lòng chờ đợi.

Là một viên võ tướng thượng hạng kiêm chức phó tổng tư lệnh quân đội, *Srikhirin* quá quen với bóng tối, chàng ẩn mình một nơi kín đáo, không quá xa, không quá gần mà theo kinh nghiệm với đôi tai thật thính chàng có thể nghe được đối thoại của đối phương. Không phải ẩn mình chờ lâu, chàng thấy một thiếu nữ từ phía hậu cung đi tới, hai người ôm chầm lấy nhau âu yếm quấn quít không rời. *Srikhirin* đang ngần ngợ vì cảnh tượng hai thiếu nữ tỏ tình luyến ái nhau như vậy, thì đột nhiên chàng nghe một thiếu nữ cất tiếng gọi:

- *Somavika* em yêu, anh nhớ em quá! cảm lòng không được nên mới cải trang vào thăm em, bất chấp nguy hiểm. Em có nhớ anh không? Anh nóng lòng quá, không biết chừng nào chúng ta mới có thể sống chung chính thức và tự do yêu thương ân ái mà không còn lo sợ. À! Mà chừng nào em mới hạ sát được *Asoka*?

- Tâu Hoàng tử, Hoàng tử nóng lòng bao nhiêu thì em cũng nóng lòng bấy nhiêu, có thể nói – em còn nóng lòng hơn Hoàng tử nhiều. Vì em chỉ có một mình Hoàng tử. Trong khi Hoàng tử thì có bao nhiêu là mỹ nữ, văn quan, võ tướng và thần dân bá tánh... nhưng thừa Hoàng tử, đây là một công tác vô cùng nguy hiểm và muôn vàn khó khăn. Cái nguy hiểm thì em không ngại vì em sẵn sàng chết vì Hoàng tử, vì tình yêu. Duy cái khó khăn trong hành động mới khiến em băn khoăn lo nghĩ tìm cơ hội ra tay đến đối thân xác phải héo hơn gầy guộc. Mặc dù thuốc độc Hoàng tử đã giao cho em, nhưng tìm cơ hội hạ độc thì quả thật khó như lên trời.

Để kích lệ và an ủi tinh thần *Somavika*, Hoàng tử *Virabala* sử dụng toàn bộ bí quyết yêu đương khiến *Somavika* cảm thấy sung sướng ngập lòng không còn cảm thấy hoang mang lo sợ mà chỉ cảm nhận sự hy sinh của mình là khế hợp lý tình, vô cùng xứng đáng.

Biết rõ đầu đuôi âm mưu Hoàng tử *Virabala* dùng *Somavika* làm mỹ nhân kế sát hại Đức vua *Asoka* bằng độc dược, *Srikhirin* lập tức rời chỗ ẩn nấp, truyền lệnh quân lính gác cổng bằng mọi giá phải bắt giữ người thị nữ đi ra giao nộp trực tiếp cho mình. Sau khi truyền lệnh cho quân gác cổng, *Srikhirin* quay trở về và theo dõi *Somavika*. Thấy nàng đi nhanh về hướng tư phòng, chàng đi theo sau cố tình gây tiếng động. Nghe động, *Somavika* quay lại, thấy chàng, nàng chào:

- Thừa tướng quân, đêm khuya, chẳng hay có chuyện gì mà tướng quân lại đi qua đây?

Để đánh lạc hướng tư tưởng nghi ngờ sự hiện diện khuya khoắt của mình, *Srikhirin* giả bộ xin lỗi và tán tỉnh khéo:

- Cô *Kannika*, tha lỗi cho tôi nhé! Tôi thường nghe những người trong nội cung tán dương sắc đẹp của cô. Họ nói cô mới thực sự là một mỹ nữ. Tôi gặp cô chỉ một lần nhưng lúc bấy giờ vì mang nhiều tâm sự buồn phiền nên cô không muốn nhìn ai. Tuy vậy, toàn thân cô vẫn tỏa ra hấp lực của sang trọng và đài các. Nhưng hôm nay thì trông cô đẹp một cách diễm lệ trên sự tương tượng của tôi. Thành thật cảm ơn cô.

Somavika cúi đầu e thẹn:

- Em xin cảm ơn tướng quân đã có lời khen ngợi. Có lẽ tướng quân khẩn báo quân tình với lệnh Hoàng thượng nên mới nhập cung đêm tối như vậy.

- Phải, phải, cảm ơn cô đã nhắc nhở. Chúc cô ngủ ngon.

Sau khi bệ kiến Đức vua, *Srikhirin* khẩn trương tường trình tất cả diễn tiến cuộc âm mưu vô cùng độc hiểm mà mình trực tiếp phát hiện bằng mắt thấy, tai nghe chính xác, không lầm lẫn và cũng đã xử trí như thế nào đối với Hoàng tử *Virabala* và *Kannika*. Long nhan xạm xuống, cặp mắt như đỏ hung quang, *Asoka* đứng phắt lên và đi về hướng cổng sau, *Srikhirin* hộ giá không rời một bước. Nhìn Hoàng tử *Virabala* giả gái, *Asoka* hỏi gọn:

- Có phải người là *Virabala*?

- Muôn tâu, chính hạ thần.

- Người không còn phương cách nào khác nên mới dùng hạ sách mỹ nhân kế để giết trẫm.

- Muôn tâu, hạ thần đáng tội chết.

- Nếu người thành công thì người chết là trẫm. Bằng ngược lại thì người cũng đừng trách trẫm.

Asoka truyền lệnh mở trói Hoàng tử *Virabala* và chỉ một đường gươm nhanh như chớp thủ cấp *Viraba* lăn long lốc trên nền gạch.

Ngày hôm sau, cái tin Hoàng tử *Virabala* cải trang thị nữ vào cung mưu sát Đức vua nhưng bị quân gác cổng phát hiện kịp thời và cuộc đụng độ đẫm máu diễn ra giữa Hoàng tử và quân canh. Cuối cùng Hoàng tử bị quân canh hạ sát trong khi quân canh cả hai đều bị thương rất nặng. Đồng thời họ cũng đồn đãi cuộc tiếp xúc bí mật giữa *Srikhirin* và *Kannika* - chuyện này do một thị nữ muốn ra ngoài hành lang, nhưng vừa mở cửa phòng thì thấy *Srikhirin* và *Kannika* đang trò chuyện với nhau có vẻ thân mật.

Tương kế tựu kế, buổi chiều cùng ngày, Đức vua lệnh đòi *Srikhirin* và *Kannika* vào hầu. Đức vua phán hỏi *Kannika* về cuộc tiếp xúc giữa khuya đêm trước của hai người như thế nào hãy thật thà khai báo. *Kannika* tâu trình rất khéo:

- Muôn tâu đêm qua, tiện nữ cảm thấy nóng nực trong người nên thả bộ ngoài trời trong vườn hoa gần chỗ ở. Vừa cảm thấy mát mẻ dễ chịu, và đang trên phòng, tiện nữ bỗng nghe có tiếng động, quay lại nhìn, tiện nữ thấy ngài phó tư lệnh, đứng lại nói chuyện một vài câu nhưng không ngờ ngài phó tư lệnh muốn vào phòng tiện nữ. Thấy thái độ cự tuyệt của tiện nữ, ngài phó tư lệnh có vẻ không vui và bỏ đi.

Đức vua tỏ ra giận dữ:

- *Srikhirin*, thật ूर्ong cho trẫm xem người như bào đệ, thương quý như tay chân. Người khiến trẫm vô cùng thất vọng, đau lòng. Trẫm tin tưởng người, giao trọng trách phó tổng tư lệnh

toàn quyền chỉ huy, điều khiển bốn bộ binh chủng. Tưởng rằng người sẽ trung thành tuyệt đối với trẫm, là mắt tai của trẫm, giúp trẫm an tâm giữ vững ngai vàng và hoành thành sứ mạng trị nước chấn dân.. Thật không ngờ! Hoàn toàn không ngờ, người đã phản bội trẫm. Bồi tro trát trấu lên mặt trẫm, thì trẫm làm sao có thể tin dùng người được nữa. Trẫm cho người cơ hội thanh minh, người tự biện hộ đi.

Vẫn trong tư thế quỳ cúi đầu, *Srikhirin* sợ sệt, nghẹn ngào tâu:

- Muôn tâu, thần đáng tội chết. Thần đã không xứng đáng trong vai trò, chức vụ cao quý mà lệnh Hoàng thượng đại ban. Thần cảm thấy vô cùng nhục nhã đối với ân đức biển trời mà lệnh Hoàng thượng đã ân sủng, xem thần như bào đệ, thế mà thần đã không biết trân quý bảo trì. Cũng như chức vị mà lệnh Hoàng thượng tin dùng giao phó, hạ thần đã hành động, xử lý không quang minh chính đại khiến Hoàng thượng phải thất vọng. Nhớ ngày lệnh Hoàng thượng chính thức hạ lệnh cho thần được phục vụ dưới trướng, hạ thần đã tuyên thệ tuyệt đối trung thành và xin được hy hiến mạng sống đặt dưới bàn chân lệnh hoàng thượng. Giờ thì xin lệnh Hoàng thượng tùy nghi xử phạt. Dù chết, hạ thần không dám một lời oán trách.

Thấy lời nói man khai của mình có kết quả trên mức tưởng tượng, *Kannika* cười nhẹ nhàng, kín đáo. Cử chỉ này không lọt khỏi ánh mắt sáng như sao của *Asoka*. Đức vua hạ lệnh nhốt *Srikhirin* vào ngục thất chờ ngày lãnh án. Quay sang *Kannika*, Đức vua vui mừng ra mặt và hét lời ca ngợi:

- *Kannika*, trẫm lấy làm sung sướng và tán thưởng thái độ cự tuyệt không cho *Srikhirin* vào tư phòng dù cho người chỉ là con gái gia đình Bà la môn ở tận lâm thôn mà có được một tâm hồn vô cùng cao khiết. Nếu là nữ nhân khác, chắc chắn sẵn sàng chấp nhận tình cảm phó tổng tư lệnh vì sẽ có tương lai sự nghiệp cũng như tình yêu hạnh phúc. Đa số nữ giới có sắc đẹp bên ngoài nhưng đời sống nội tâm dục niệm nặng nề, không đẹp như người. Trái lại, người chẳng những dung sắc đã đẹp mà tâm hồn thì càng đẹp hơn. *Kannika* đúng là tiên nữ giáng trần để rải ban phúc lạ cho ai được diễm phúc sống gần gũi và tiếp cận. Từ nay, *Kannika* hãy sống kề cận trẫm nhất là phụ trách vai trò gia chánh chuyên lo ẩm thực cho trẫm.

Kannika khấu đầu nhận lệnh và xin phép cáo lui.

Về đến tư phòng, nàng muốn thét lên vì sung sướng, nàng tự nghĩ: cơ hội trả thù cho Hoàng tử *Virabala* người mà nàng đã hy hiến tất cả, đã yêu quý trên cả mạng sống của mình, thế mà *Asoka* đã nhẫn tâm sát hại chẳng chút lưu tình khiến nàng sống không bằng chết. Vì *Asoka* mà cuộc đời nàng mất tất cả chỉ còn lại cái xác nhưng vô hồn. Nàng quyết định, sau khi hạ độc giết được *Asoka*, nàng cũng sẽ tự sát. Nếu không, thì nàng cũng sẽ tránh không khỏi bị hành hình sau khi hành động mưu sát Đức vua bị phát giác. Nàng hướng về cánh cửa thành công mà nàng đã mất thời gian khá lâu cậy mở nay đã tự động mở toang. Thật là cơ hội ngàn năm một thuở.

Tối hôm ấy, Đức vua cải trang vào thăm *Srikhirin*. Một người bạn tri kỷ, một cộng sự viên thân tín, một cánh tay mặt đắc lực, nhất là thừa thông minh để biết rõ tại sao Đức vua phải xử trí với mình như vậy. Nên quỳ cúi đầu chào vô cùng cung kính và cũng không kém phần sung sướng. Đức vua vừa vui cười vừa nói:

- *Srikhirin*, trăm xin khanh vui lòng cho trăm tạm tuyển dụng *Jalini* hiền nội khanh vào chức vụ đồng gia chánh với *Kannika* chuyên lo ẩm thực cho trăm trong một thời gian vài hôm, có thể là một tuần, chắc chắn âm mưu *Kannika* sẽ bại lộ. Trăm tin tưởng *Jalini* thừa thông tuệ, nhạy bén và tế nhị sẽ không để cho trăm bị chết vì độc dược. Và, lẽ dĩ nhiên, khanh chịu khó tiếp tục ở trong này thêm vài hôm nữa. Và lại, cuộc sống tuy mất tự do nhưng không đến nỗi thiếu thốn mọi thứ tiện nghi, có phải không?

Srikhirin cười hồn nhiên, vô cùng vui vẻ. Được Đức vua phán hỏi nguyên nhân nụ cười vui vẻ, *Srikhirin* tâu:

- Thần cười vì lời khai của *Kannika* nói thần muốn vào tư phòng của nàng nhưng nàng cự tuyệt.

Đức vua cũng cười. Hai bạn Vua Tôi cùng cười bằng thích. Sau trận cười vui vẻ cởi mở cảm thông, Đức vua thổ lộ tâm tình:

- *Srikhirin* thân quý, khanh quả thật là tri kỷ của trăm. Khanh hội đủ ba đức tính của một thiện hữu, tức cho những vật khó cho; làm những việc khó làm; nhin những điều khó nhin. Trăm vô cùng cảm kích tấm lòng của khanh. Có được một thiện hữu, một tri kỷ như khanh, trăm cảm thấy hạnh phúc, an tâm, hãnh diện và cuộc sống thực sự có ý nghĩa. Có khanh hộ giá, trăm không cô đơn, không lo sợ, và rất tự tin. Hãy tâm tâm niệm niệm rằng sự sống của khanh không thể tách rời khỏi sự sống của trăm và ngược lại. Đờ đờ kiếp kiếp, chúng ta mãi mãi sống có nhau.

Quá cảm động, quá sung sướng, *Srikhirin* không cầm được nước mắt, thốt chẳng nên lời, chỉ biết chấp tay cúi đầu mọp sát ôm chân Đức vua. Trong tuyệt đối im lặng ấy, Đức vua cảm nhận có những giọt nước thật ấm chày thấm ươn ướt chân mình. Nâng đầu *Srikhirin*, nhìn thật dịu dàng và nói:

- Trăm về nhé.

Hồi cung, Đức vua khấn triệu *Jalini* và giao trọng trách theo dõi mọi cử chỉ, hành động của *Kannika* không được sơ suất, thiếu cảnh giác. *Jalini* vốn bản chất thông tuệ, học vị cao, kiên thức rộng nhất là khả năng ứng phó với mọi tình huống khó khăn, phức tạp, chỉ nghe Đức vua trình bày đại lược kế hoạch tiến hành, nàng thấu suốt vấn đề, hứa sẽ không cô phụ hồng ân tin cậy.

Quang cảnh nhà trừ rất vui vẻ khởi sắc vì sự khéo phối hợp công tác điều hành của *Jalini* và *Kannika* (*Somavika*) mà cả hai đều có tài gia chánh. Đức vua tỏ ra rất hài lòng và không ngớt lời khen ngợi. Hai ngày trôi qua bình nhiên, an ổn. Đến ngày thứ ba, *Jalini* để ý thấy *Kannika* có những cử chỉ không bình thường, nhất là ánh mắt hay liếc nhìn xuôi ngược và gương mặt có vẻ đăm chiêu lo nghĩ. *Jalini* dự đoán được sự kiện bất thường sẽ xảy ra. Nàng nói với *Kannika* là mình có việc rất cần phải vắng mặt một lúc. Nói xong, nàng đi ra ngoài và quay trở về ẩn núp trong một chỗ đã chuẩn bị từ trước. Từ chỗ ấy, nàng có thể nhìn rõ tất cả sự việc lớn nhỏ trong nhà trừ. Đang chú tâm theo dõi, nàng bỗng thấy *Kannika* lấy một gói bột nhỏ rắc vào thức ăn đựng trong chén đĩa bằng vàng và làm ra vẻ tự nhiên. Ngay lúc ấy, *Jalini* xuất hiện cùng nhau tiếp bung thực phẩm dâng lên Đức vua vì đã đến giờ ngự phạn. Trong khi sắp xếp thực phẩm

theo thông lệ triều nghi, *Jalini* đã làm tín hiệu bằng mắt cho Đức vua và Đức vua cũng dùng tín hiệu mắt hồi đáp. Chờ hai người sắp sửa cáo lui, Đức vua giữ *Kannika* ở lại và phán:

Kannika, hôm nay ăn chung với trẫm. Hãy đi, mang đến một phần ăn nữa rồi chúng ta cùng ăn. Còn *Jalini* phải lo cơm cho *Srikhirin* nên trẫm không tiện giữ lại.

Lệnh Vua đâu ai dám cãi. *Kannika* đem thêm một phần ăn cho mình đựng trong bộ chén đĩa thường. Nhưng Đức vua phán tiếp: *Kannika*, lần đầu tiên ăn chung với trẫm, trẫm muốn *Kannika* tắm rửa sạch sẽ, y phục sang trọng, đẹp đẽ thơm tho để bữa ăn thực sự khởi sắc, vui vẻ, ngon miệng và có ý nghĩa.

Kannika trở lại lần này trông nàng vô cùng diễm lệ, sang trọng, đài các, nhất là mùi hương toát ra từ cơ thể nàng thật hấp dẫn, khiến Đức vua không ngớt lời ca ngợi. Buổi tiệc sắp bắt đầu, Đức vua bỗng thấy con mèo nằm bên chân, cặp mắt ngược nhìn ngài như chờ đợi. Đức vua vừa múc thức ăn trong chén thực phẩm *Kannika* vừa nói:

Tội nghiệp, nó cũng đói như chúng ta, thí cho nó một chút cũng tốt thôi. Nhưng không ngờ, thực sự không ngờ, con mèo vừa nuốt vào, bỗng la lên thảm thiết, giẫy giụa giãy lát và nằm chết tại chỗ. *Kannika* mặt mày tái mét mặc dù có trang điểm. Đôi môi và toàn thân run lên, chỉ thốt được hai chữ: muôn tâu... rồi ngã lăn nằm bất tỉnh dưới nền thảm. Ngay lúc ấy, Chính cung Hoàng hậu *Vedisa*, *Srikhirin*, *Jalini* và vị thái y cùng xuất hiện. Sau đó không lâu, hoàng đệ *Vitasoka* cũng có mặt. Không khí im lặng bao trùm phòng ngự thiện. Hình ảnh một con mèo nằm chết bất động và một thiếu nữ nằm bất tỉnh vì quá sợ khiến phòng ngự thiện vô cùng âm đạm. Trong không khí vô cùng ngột ngạt ấy, Đức vua truyền lệnh thái y cứu tỉnh *Kannika*.

Vừa hồi tỉnh, từ từ mở mắt ngó quanh, biết mình đang nằm và mọi người đứng quanh nhìn mình, *Kannika* một lần nữa vô cùng hoảng sợ gần như bất tỉnh. Đức vua nhỏ nhẹ, an ủi:

- *Kannika* hãy bình tĩnh, đừng quá lo sợ. Trẫm không giết người đâu. Con mèo mun đã chết thay cho người rồi.

Đức vua truyền mọi người ra ngoài và lệnh một mình *Srikhirin* ở lại. *Kannika* lồm cồm ngồi dậy, trườn mình tới, quỳ mọp sát chân Đức vua khóc lóc tức tưởi, toàn thân run lên vì quá ăn năn, quá lo sợ, quá hối hận, lương tâm giày vò, nghẹn ngào nói đứt quãng:

- Tiện nữ đáng chết. Tội tiện nữ không thể tha thứ. Vì tình yêu, tiện nữ đã nghe lời Hoàng tử *Virabala* mưu hại lệnh Hoàng thượng – ân nhân cứu mạng và cru mang tiện nữ. Thế mà tiện nữ chỉ vì ngu si, mù quáng lấy oán trả ân. Tiện nữ đáng nhận tội chết, tuyệt đối không dám van xin bất cứ ân huệ nào.

Bản tính vô cùng cứng rắn, dứt khoát cố hữu của Đức vua bỗng nghe diu dịu. Nam nhân đại trượng phu lúc nào cũng sẵn sàng tha thứ cho nữ nhân. Và lại, nữ nhân đó không có thù oán cá nhân với ngài. Còn hành động mưu hại ngài là do động cơ tình yêu thúc đẩy. Đức vua bỗng nhớ chuyện ngài hạ sát *Kanatidat* chỉ vì quá yêu *Jalodhara*. Đức vua tự biện hộ cho *Kannika* tức *Somavika* là hành động của nàng đáng được tha thứ. Hơn nữa, bản thân ngài không có bất cứ hệ

hân nào dù chút ít. Trong khi Đức vua triền miên theo dòng suy nghĩ, *Kannika* vẫn tiếp tục khóc đến chảy máu mắt và người nàng nhũn ra. Đức vua gọi tên nàng thật rõ:

- *Somavika!*

Đang nhũn người, nàng giật nảy mình hoảng hồn khiếp vía. Đức vua trấn an:

- *Somavika*, hãy bình tĩnh, an tâm, đừng sợ. Trẫm sẽ không gây đau khổ và hãm hại gì cho người đâu. Vì kế hoạch mưu sát trẫm do Hoàng tử *Virabala* lợi dụng tình yêu mù quáng đơn phương của người làm con vật tế thần trong mục đích tranh đoạt ngai vàng với trẫm và khi thành công, người là người đầu tiên bị loại. Sở dĩ trẫm tha chết cho người vì hai yếu tố: thứ nhất, người là một thiếu nữ chung tình dám hy sinh mạng sống cho người mình yêu. Tình yêu của người tuy mù quáng nhưng thực sự đã hành động đúng theo tiếng gọi con tim. Một hành động tuy nghịch lý nhưng đáng thương mà không đáng ghét. Thứ hai, trẫm muốn người tiếp tục sống để nghiên ngẫm bài học: tình cảm thiếu lý trí là thứ tình cảm hướng hạ, có tín mà không có trí. Thứ tình cảm như vậy chỉ đưa đến hậu quả đắng cay, thất tình và cuối cùng là tuyệt mạng.

Đức vua lệnh *Srikhirin* trao lá thư Hoàng tử *Virabala* gửi cho tướng quân *Manaka* – nét chữ viết tay một trăm phần trăm cho *Somavika*. Nhìn nét chữ vô cùng quen thuộc, *Somavika* đọc nhanh, nét mặt nàng thay đổi theo từng dòng chữ. Lá thư viết:

Manaka bạn quý, ta đã cài *Somavika* vào làm nội ứng thi hành kế hoạch mưu sát *Asoka* mà chúng ta đã bàn thảo từng chi tiết rất tinh tế, hoàn hảo. Sau khi *Somavika* hoàn thành công tác ta lập tức loại bỏ cô ấy vì để lâu mang họa. Cô ta sẽ lên mặt người có công lớn, rêu rao làm ta xấu hổ. Giàn trò chỉ hữu dụng trong việc xây lâu. Xâu xong thì giàn trò phải bị tháo bỏ. *Somavika* cũng chỉ là cái giàn trò không hơn không kém. Và lại, cái thơm tho, ngọt ngào, thú vị và trình trướng của cô ấy ta đã hưởng thụ trọn vẹn. Cô ta không còn gì để lợi dụng. Chào bạn – *Virabala*.

Sự nhục nhã, căm hờn chất ngát trong lòng khiến nàng run lên, nghẹn tức, không nói nên lời.

Đức vua phán như truyền lệnh:

- *Somavika*, trên thế gian này tìm một người chung tình như người rất khó. Tuy nhiên làm người biết ơn và đền ơn cũng không phải là dễ. Trẫm muốn người có thêm đức tính thứ hai này. Đối với trẫm thì không cần thiết. Nhưng đối với con mèo, nó đã chết thay người thì người phải luôn luôn nhớ ơn nó. Trẫm sẽ cho thợ làm một con mèo búp bê nằm chết trao cho người. Người để nó trên đầu nằm, tâm niệm ơn cứu mạng của nó trước khi ngủ và sau khi thức dậy.

- Muôn tâu, mạng sống tiện nữ do lệnh Hoàng thượng đặc ban, thì Hoàng thượng dạy sao tiện nữ tuyệt đối tuân hành. Ngay như lệnh Hoàng thượng thí chết cho tiện nữ, tiện nữ không dám một lời van xin.

- Tốt, tốt lắm! *Somavika* – Đức vua tán thưởng và cho nàng lui ra.

Biến Thù Thành Bạn

Còn lại một mình *Srikhirin*, Đức vua tâm sự: trẫm nhận thấy con người của *Somavika* có thể tin dùng được. Nếu là bạn thì cô ta là người bạn tri kỷ. Nếu là người yêu thì là người yêu lý tưởng. Nàng thực sự không xấu ác, cô ta dám hy sinh mạng sống cho người yêu. Mẫu người như vậy, nếu người nào chinh phục được tình yêu cô ta, người ấy chắc chắn sẽ vô cùng hạnh phúc.

Srikhirin chưa kịp bày tỏ ý kiến mình thì quân thị vệ vào trình tấu: Có *Venupala* và *Sasavat* xin vào bệ kiến, đang chờ bên ngoài.

Đức vua vô cùng mừng rỡ, truyền hai bạn lập tức vào hầu. Bốn bạn gặp nhau, họ nhắc chuyện xưa, kỷ niệm cũ nhất là thời gian sống chung nhau dưới mái giáo đường, cuộc hội thoại diễn ra rất tự nhiên, gần như không còn phân biệt chúa tôi. Nhất là *Sasavat* y phục lượm lượm vào châu vua. Anh chàng triết gia này vốn tính không chú trọng hình thức, trước sao nay vậy. Do đó đặc tính biệt dị này đã được mọi người kể cả Đức vua cũng mặc nhiên chấp nhận. Bản thân *Sasavat* thì hoàn toàn không để tâm vui buồn đối với lời khen tiếng chê hoặc phẩm bình của bàn dân thiên hạ. Một triết gia trí thức không lấy sự việc ngoại tại làm điều mà tuyệt đối lấy đạo đức nội tại làm đối tượng sống. Chính sắc thái biệt lệ này giúp *Sasavat* sống bình nhiên, giản dị. Nơi nào có giản dị, bình nhiên, nơi đó có hạnh phúc. *Sasavat* đã tìm được cái hạnh phúc thực sự này. Đa số người đời mưu cầu hạnh phúc nơi đối tượng danh lợi và trở thành nô lệ. Cuộc sống nô lệ vật dục, phiền não dục cứ mãi kéo dài tương tục đến ngày nhắm mắt xuôi tay. Đối với nữ nhân, tư cách nô lệ này càng trầm trọng hơn. Nó trầm trọng đến mức độ không lối thoát. Thương thì lối thoát cuối cùng là nước mắt, thất tình và tuyệt vọng. Chỉ nhìn *Somavika* - một cô gái đẹp đẽ, chân chất, chỉ vì ngộ nhận hạnh phúc cụ túc bản thân là tình yêu Hoàng tử *Virabala*, cam tâm làm nô lệ cho Hoàng tử sử dụng mỹ nhân kế mưu sát Đức vua, tin rằng sau khi công tác hoàn tất, hai người sẽ nắm toàn quyền triều chính và trọn hưởng vinh hoa phú quý.

Vì tình yêu mù quáng không dùng lý trí thẩm quán nên *Somavika* không ý thức được rằng hạnh phúc thực sự trọn vẹn không thể đến từ hành động hãm hại, cướp đoạt hạnh phúc người khác. gieo giống đắng không thể có trái ngọt. Định luật là như vậy. Nếu loài người quan niệm hạnh phúc là đầy đủ bốn tướng: **Thực tướng** tức tư tưởng hưởng thụ ẩm thực, **Thụ tướng** tức tư tưởng hưởng thụ ngủ nghỉ, **Úy tướng** tức tư tưởng hưởng thụ an bình không lo sợ, **Dục tướng** tức tư tưởng hưởng thụ dục lạc thì liệu loài người khác loài thú chỗ nào. Sở dĩ loài người khác loài thú vì loài người có tướng thứ năm là **Đạo đức tướng** tức tư tưởng tu dưỡng để hưởng thụ hạnh phúc. Chính nhờ có đạo đức tướng nên *Sasavat* bạn chí thân của vua *Asoka* đã khước từ tất cả chức hàm, danh lợi, sắc tài, quyền lực sống cuộc đời tự do, tiêu sái, chu du đó đây làm việc nghĩa như giúp kẻ thế cô, cứu người nguy khốn... chàng tự nguyện tu tại gia tức Mâu Ni cư sĩ nghiêm trì phạm hạnh suốt đời không lập gia đình.

Đức vua chọc bạn:

- Ngay cả ngôi vua bạn cũng không cần hả? Tướng bạn cần thì ta sẵn sàng nhường ngai vàng cho bạn làm vua bây giờ.

Mọi người đều vui vẻ cười reo tự nhiên không cầm ky. Thật là một cuộc họp bạn vô cùng tự nhiên, hòa đồng, không còn ranh giới chúa tôi, không còn câu nệ phải quấy, chỉ có tình bạn là

trên tất cả và phải được trân quý như trân châu ngọc báu; còn quyền uy, giai cấp, danh vị, sang hèn chỉ là rom rác. Đúng hơn, sự gặp được bạn hiền là một kỳ tích hạnh phúc vô tiền khoáng hậu. Sau trận cười sáng khoái trong niềm tương kính, tương thuận, Đức vua bỗng hỏi *Sasavat*:

- Theo bạn, mẫu người *Somavika* có xứng với *Venupala* không?

Sasavat chưa kịp trả lời trong khi *Venupala* vừa nhìn Đức vua vừa nói:

- Nhưng mà *Somavika* đã từng là vợ Hoàng tử *Virabala*...

Srikhirin xen lời:

- Thì có sao đâu! Hoàng tử chết rồi.

Venupala phản bác:

- Trên đời này, đâu có người con trai nào thích lấy người con gái đã từng có chồng, ngoại trừ trường hợp cần thiết.

Sasavat lên tiếng:

- Nghĩ nhiều làm chi cho mệt, có chồng hay chưa có chồng chỉ là hình thức lễ nghi, tập tục truyền lưu giữa hai họ trong một xã hội của một sắc dân. Trên thực tế, người ta không thể đánh giá người nữ cục bộ ở sự kiện có chồng hay chưa có chồng. Và lại, người nữ như mặt trăng có khi khuyết nhưng cũng có lúc tròn.

Mọi người lại một phen cười khoái chí, cười hả hê. *Venupala* bỗng phản pháo:

- Vậy thì *Sasavat* phối hợp với *Somavika* là xong chuyện.

Đức vua góp ý:

- Không nên, đừng nên phá hoại tư cách Mâu Ni cư sĩ của *Sasavat* và tâm nguyện trọn đời sống độc thân phạm hạnh. Đời sống cư sĩ phạm hạnh vô cùng cao khiết. Duy trì thì khó nhưng hủy hoại thì rất dễ.

- Vậy thì chúng ta nên xử trí với *Somavika* như thế nào – *Srikhirin* đặt thẳng vấn đề theo chiều hướng pháp lý rằng: bất cứ ai mưu sát đương kim Hoàng thượng là phạm tội khi quân, phải bị tử hình.

- Để yên chuyện đó. Chớ quá khắt trương. Thù nhân cũng có thể trở thành hiền hữu. Thà làm bạn với người thù hơn làm bạn với tiểu nhân. Ta nhận thấy *Somavika* bản chất ngoan hiền, không xấu ác như mọi người nghĩ.

- Nhưng lệnh Hoàng thượng cũng phải đề cao cảnh giác – *Srikhirin* nhắc khéo Đức vua.

- Cám ơn *Srikhirin* lúc nào cũng lo nghĩ đến sự an nguy của trăm. Nhưng bản tính nữ nhân một khi chính thức nhận mình là bạn thì họ luôn luôn biểu lộ trung thành tư cách bạn trong mọi tình huống: đối với nam nhân thì hoàn toàn dị biệt ở chỗ ngoài mặt là bạn nhưng trong lòng có thể là thù. Chúng ta cứ đối xử tốt với *Somavika* như một người tứ cố vô thân sống trong sự đùm bọc cứu mang của chúng ta để trải nghiệm bản tính tốt xấu con người có thể hoán chuyển, cải thiện được hay không.

Đức vua cũng dẫn chứng *Angulimala* còn gọi là *Ahimsaka* tức Vô não. Được Đức Phật hoán chuyển và khai thị sau khi sát hại hàng trăm người được trở thành bậc thánh *A la hán*. Ai bảo người xấu ác không thể hồi đầu hướng thiện. Trong tiến trình chuyển mê khai ngộ ấy không thể thiếu bạn lành hướng dẫn. Đức Phật dạy: *Bạn lành là toàn phần phạm hạnh*. Mọi người hoàn toàn tán đồng ý kiến Đức vua và cùng hứa hẹn chờ xem.

Chính Thức Đăng Quang

Sau khi ổn định nội chương giữa huynh đệ muốn tranh đoạt ngai vàng với mình, *Asoka* liền nghĩ ngay đến kế hoạch bành trướng lãnh thổ chiếm lĩnh địa vị siêu cường.

Muốn thành công trên quy mô bành trướng, bước đầu tiên phải thuộc địa hóa các tiểu quốc lân cận, và tiếp theo là các vương quốc tương đối kinh tế trù phú nhưng yếu kém quốc phòng bằng chiến thuật quân sự ồ ạt hoặc tập kích bất ngờ. *Asoka* liên tưởng thời kỳ các vị tiên vương *Bharata* thống trị thì các quốc gia nhược tiểu quanh vùng bị thôn tính và trở thành lục địa *Bharata* rộng lớn, hùng cường. Nhưng sau triều đại các ngài thì lục địa *Bharata* tự động tách rời thành nhiều tiểu vương quốc. Nghĩ đến bài học trong quá khứ, *Asoka* nhận thấy sức mạnh hợp quần có khả năng đời non lấp bê, thậm chí sa mạc cũng phải nở hoa và sỏi đá cũng phải thành thực phẩm.

Địa cầu này tồn tại bởi vì nó là một khối vĩ đại bất khả phân, núi cao là hình thái nhô lên của địa cầu, biển sâu là lĩnh vực lõm xuống của trái đất cũng như sông ngòi là để chứa nước, thực thể là một khối tập hợp khổng lồ. Thực tế này là kinh nghiệm sống. *Asoka* đưa tầm nhìn thật xa rộng về tương lai rực rỡ huy hoàng của một rừng cây có nhiều loại cây. Khi đã có sức mạnh hợp quần thì thế lực nào cũng bị đánh bại, chương ngại nào cũng vượt qua, khổ cực nào cũng khắc phục được *Asoka* cũng từng nghiền ngẫm môn sử học dưới mái giáo đường *Takkasila* về Đại đế Alexander nước Greek đã tiến quân đánh chiếm Ấn Độ một cách dễ dàng, không hao quân tổn tướng. Bài học lịch sử này khiến *Asoka* ý thức được rằng cho đến khi nào mà dân chúng *Bharata* của 30 vùng còn sống riêng rẽ, thiếu tinh thần hợp quần, không đoàn kết thành khối thì nước mất, nhà tan, người dân trở thành nô lệ.

Tiếp tục nguồn sử liệu, *Asoka* nhớ rất rõ, triều đại *Nanda* là một triều đại thối nát khiến toàn dân *Bharata* trở thành nô lệ của Alexander Đại đế, nước Macedon. Dân tộc Greek dọc bờ biển Balkan, kinh đô là Macedonia, là một vương quốc cổ xưa, vô cùng hùng mạnh ngang hàng với Roman. Lúc ấy, Greece tự động chia thành 20 vùng lớn nhỏ. Có ba vùng quan trọng.

Vùng **Sparta** nằm miền thung lũng núi, chủ trương chinh chiến. Mọi con dân bắt buộc huấn luyện quân số từ thuở nhỏ để trở thành chiến sĩ giỏi chiến đấu.

Vùng **Athens** nằm miền đất bằng gần biển, chủ trương văn hóa, triết học và phát triển ngành kỹ nghệ. Hai vùng này tranh giành ảnh hưởng vương quyền liên tục đến đối đôi bên đều mệt mỏi tạo cơ hội cho sự hình thành vùng thứ ba nổi bật.

Vùng **Macedonia** nằm về miền Bắc Athens và Spatar: Quốc vương là Vua Phillips, nhà vua rất mực thông tuệ, tài ba. Xây dựng quốc gia vô cùng hùng mạnh, bằng áp dụng cả hai quốc sách của hai vùng Athens và Sparta tức vừa phát triển kỹ nghệ vừa huấn luyện quân sự cho mọi con dân trở thành những đoàn quân thiện chiến. Nhờ vậy, Macedonia trở thành trung tâm quyền lực.

Vua Phillips mất thời gian 20 năm mới thống nhất các vùng thành một cường quốc khiến các lân bang phải nể phục. Bước tiếp theo Vua Phillips xua quân đánh chiếm thành công một số quốc gia lân cận. Đang trên đà từ chiến thắng này đến thắng lợi khác, nhà vua ngã bệnh giá băng. Lúc bấy giờ Alexander Thái tử mới 20 tuổi kế thừa sự nghiệp vua cha.

Alexander thuở nhỏ đã nổi tiếng anh dũng, tài ba và bất khuất. Có một lần, Đức vua Phillips được hiến tặng một con ngựa thuộc loại tuần mã nhưng rất hung dữ, không ai cỡi được. Nhà vua truyền trao trả cho nguyên chủ. Nhưng Thái tử xin vua cha ban cho mình và tuy còn rất ấu thơ, Thái tử Alexander đã khuất phục được tuần mã và điều khiển theo ý muốn. Đức vua Phillips thấy con còn nhỏ mà tài ba xuất chúng như vậy, ngài buột miệng tiên đoán: “*Vùng Macedonia này quá nhỏ đối với con.*” Alexander suốt thông binh pháp, tinh nhuệ quân sự. Bác lãm văn học và các môn học thuật; uyên thâm các triết thuyết cổ kim và phát triển thành công vượt bậc lĩnh vực kỹ nghệ. Các vị giáo sư bác học nổi tiếng đương thời như Menaechmus, Aristote thì Alexander đều có thụ giáo. Sau khi lên ngôi, Alexander đeo đuổi chính sách bá quyền bằng giải pháp quân sự bất dung tình.

Sau Phật lịch, trước hết, Alexander đưa đại quân tiến chiếm vùng Châu Á và khoảng Phật lịch 109. Những quốc gia sau đây hoàn toàn bị đại quân Alexander thôn tính: Persia (bây giờ là Iran). Phần Phi Châu Africa thì Egypt xin được làm chư hầu. Sau những chiến công oanh liệt hiển hách, Alexander nhắm *Bharata* (Ấn Độ) tiến quân.

Trong quá khứ, lãnh thổ phía Bắc con sông *Sindhu* đã từng bị Iran đánh phá. Iran trở thành cường quốc Á Đông. Mãi về sau bị quân Greek thôn tính. Quân Greek tiếp tục tiến về miền Bắc Ấn quanh con sông *Sindhu*, tiến chiếm *Takkasila* kinh đô nước *Gandhara*, tiếp theo xâm lăng *Panjab*. Tại đây, quân Alexander đụng độ quân của *Porava* (*Phorus*). Với tài điều binh khiển tướng tinh thông – *Porava* nổi danh là sư tử *Panjab* – có trong tay 40,000 bộ binh, kỵ mã 4,000, xa binh 500 và tượng binh số lượng tương đối không ít. Quân hai bên đụng độ nhau quyết liệt dọc bờ sông *Vitassa* - một chi nhánh của sông *Sindhu*. Quân Alexander về bộ binh chỉ có 17,000 nhưng vượt qua được con sông *Vitassa*. Phần khởi đánh thật hăng vào đám tượng quân. Các con voi hoảng sợ tháo chạy đập bừa lên quân *Panjab*. Quân *Porava* hoàn toàn thất bại. Đức vua *Porava* bị bắt sống làm tù binh với thương tích đầy mình.

Đại đế Alexander phán hỏi Đức vua *Porava* cách trang trọng:

- Ngài muốn tôi đối xử với Ngài như thế nào?

Vua *Porava* hiên ngang trả lời:

- Như một quốc vương!

- Ngài có yêu cầu gì nữa không? Alexander phán hỏi.

- Từ “Quốc vương” là bao hàm tất cả yêu cầu của tôi.

Với tâm hồn tương kính, biết trọng nhân tài vốn là bản tính cố hữu của Alexander cộng thêm tinh thần thắng không kiêu bại không nản, nhất là tư cách hiên ngang kiêu dũng của Vua *Porava*, Đại đế Alexander trả tự do cho *Porava* luôn cả lãnh thổ và phong vương đặt dưới quyền quản chính của Đại đế.

Alexander cũng đã từng tự than: trái đất quá nhỏ. Không còn một quốc gia nào để chinh phạt. Nhìn về Tây, ngoại trừ Egypt, xa hơn nữa chỉ là sa mạc; nhìn về miền Trung Đông chỉ có

núi non trùng trùng điệp điệp; nhìn về Nam Ấn chỉ có biển cả mênh mông trên trời dưới nước, thực sự quả địa cầu quá nhỏ đối với Alexander Đại đế. Thực tế mà nói thì địa cầu này không phải quá nhỏ như Alexander than thở mà còn nhiều lãnh thổ ngài có thể chinh phạt. Chẳng hạn như, hướng Đông Ấn thì có lục địa Trung Hoa, ngay tại địa dư *Bharata* này cũng còn nhiều vương quốc rất phú cường mà ngài chưa chinh phạt chỉ nằm bên kia sông *Sindhu* như vương quốc *Magadha* mà chính ngài đã hạ quyết tâm chinh phạt nhưng vì toàn bộ ba quân tướng sĩ một mặt vì quá mệt mỏi viễn chinh, một mặt vì quá nhớ vợ thương con đồng loạt yêu sách hồi hương. Alexander chấp nhận yêu sách và rút quân. Nhờ vậy mà tất cả vương quốc dọc theo lưu vực đại giang *Ganga* khỏi bị tàn phá, thảm sát, đói nghèo vì chinh chiến.

Đại quân viễn chinh của Alexander chinh phạt thắng lợi toàn vùng dọc theo lưu vực sông *Sindhu* trọn cả hai miền cao nguyên và đồng bằng mất thời gian một năm tám tháng. Trên đường hồi hương, Alexander chia quân thành hai đạo: đường bộ và đường thủy. Lúc vừa đến Babylon giữa lưu vực sông Tigris và Fretish thì Alexander giá băng, hưởng dương 33 tuổi.

Lúc sinh thời, mỗi khi đánh chiếm được nước nào thì liền phong vương người địa phương cai trị. Đôi khi chỉ định người Greek lãnh đạo. Trong trường hợp như vậy thì Đại đế để lại một bộ phận quân đội để duy trì an nguy quốc chính. Cho nên, một số vùng Ấn Độ và Trung Á do người Greek cai trị. Sau khi Đại đế băng hà thì các quốc gia ở hai vùng vừa kể tự động tuyên bố chính thức tự do độc lập. Nhưng nhân vật lãnh đạo nào cũng muốn là đại diện chính thức của Đại đế Alexander cho nên các nước lại đánh nhau quyết liệt. Lúc bấy giờ, người đại diện Alexander ở lại tiếp quản cùng với Đức vua *Porava* nổi loạn giết vua soán ngôi chuyên quyền cai trị. Toàn dân *Bharata* vô cùng phẫn hận nổi lên vũ trang đánh đuổi tất cả người Greek ra khỏi lãnh thổ Ấn Độ.

Thời điểm trước đó, ông nội Đức vua *Asoka* tên *Candagupt* là người yêu nước, có khả năng thuyết phục và lãnh đạo dân chúng *Bharata*. Nhận thấy Đức vua quan tâm sự an nguy quần chúng, bèn đứng lên kêu gọi lòng yêu nước thương nòi của mọi người, nhờ có tài hùng biện và thuyết phục nên tập hợp được quần chúng khá đông đảo.

Trong thời gian chuẩn bị vũ trang tiến hành cuộc cách mạng lật đổ triều đại *Nanda* để thiết lập triều đại *Moriya* thì kế hoạch bị tiết lộ, nên phải lẩn trốn ở *Takkasila* và có cầu xin viện binh Đại đế Alexander đánh chiếm *Magadha*, nhưng không được chấp thuận. Mãi đến khi Alexander hạ lệnh rút quân thì *Candagupt* mới du hành, thuyết phục dân chúng vùng *Panjab* và vùng cận biên của *Magadha*. Đúng thời may vận tốt khiến *Candagupt* gặp được hiền nhân có năng khiếu quân sự nhất là biệt tài điều binh khiển tướng tên *Panaka* (cũng gọi là *Canakya*) hết lòng phò tá. Nhờ tài ba thao lược cộng với lòng yêu nước cao độ của toàn thể dân quân nên *Candagupt* gạt hái từ thắng lợi này đến thắng lợi khác liên tục vô cùng phần khởi. Ngài trục xuất tất cả người Greek ra khỏi lãnh thổ *Panjab*. Kế hoạch tiếp theo là hành quân tiến đánh một số thị trấn thuộc nước *Magadha*. Đang thắng thế bỗng đụng phải quân đội khá thiện chiến của Đức vua *Dhanananda* là bào đệ thứ chín của Vua *Nanda* đệ nhất. *Candagupt* nhiều phen bại trận phải rút lui vào vùng rừng núi tạm ẩn và dưỡng quân. Trong lần thất bại này, *Candagupt* lại gặp một sự kiện may mắn vô cùng hy hữu gần như là một kỳ tích. Đó là ngài được nghe mẫu chuyện người mẹ rầy dạy con.

Số là người mẹ chiên bánh cho con ăn. Vì ham ăn và bất cẩn, người con cắn giữa miếng bánh chiên, nóng quá, chịu không nổi, nhả bỏ và khóc đòi miếng bánh khác. Người mẹ rầy dạy con:

- Láu táu thì gặp cháo nóng, khóc nổi gì. Ai bảo con ham ăn cắn giữa bánh chiên. May phước nhà kịp, bằng không thì bị phỏng miệng – con nên nhớ, ăn bánh nóng thì phải từ từ, cắn từng miếng ngoài bìa vào thì ăn mấy cái cũng được.

Nghe câu chuyện này Đức vua tỉnh ngộ. Dem thảo luận với *Panaka*, rút kinh nghiệm áp dụng chiến thuật đánh tia lần lần thành vết dầu loang cuối cùng hạ được kinh thành *Pataliputra* – Trung tâm quyền lực của nước *Magadha*. Và, tại kinh thành *Pataliputra* này, Đức vua *Candagupt* tổ chức trọng thể đại lễ tức vị đăng quang và chính thức tuyên lập triều đại *Moriya* (Không Tước) tức *Moriya* đệ nhất, Phật lịch 222 niên đại.

Suốt 24 năm tại vị, Đức vua *Candagupt* dùng hầu hết thì giờ, tâm trí thanh toán lực lượng các tiểu vương dọc lưu vực sông *Sindhu* và *Ganga* đến chính sách loại trừ những thành phần người dân gốc Greek ra khỏi *Bharata* (Ấn Độ).

Ở Babylon, một vị tướng quân đại diện Alexander khởi phát dực niệm muốn bành trướng quyền lực như Đại đế, bèn xua quân tiến đánh vương quốc Bactrai khoảng Phật lịch 237 năm, sau lại xâm lăng *Bharata* (Ấn Độ). Vượt sông *Sindhu* tiến vào *Panjab*, Phật lịch 238 – quân Greek và quân *Magadha* trực chiến quyết liệt tại kinh thành *Pataliputra* mà dân số tại đây ước chừng 400,000 người, trọng binh khoảng 4,000 con, nhờ vào nhân lực và binh lực hung hậu này nên đã chặn đứng được những đợt tấn công ồ ạt của quân Greek.

Tình trạng giằng co bất phân thắng bại, hai bên đồng ý chọn giải pháp hòa bình hữu nghị. Quốc vương Babylon chuyên nhượng bốn vùng lãnh thổ Tây Bắc Ấn trực thuộc vương quốc *Magadha*, phần Đức vua *Candagupt* hiến tặng tượng chiến 500 thớt làm tín vật trao đổi. Đồng thời, quốc vương Babylon gả một cô công chúa cho Đức vua *Candagupt*.

Trong triều đại Đức vua *Candagupt*, nước *Magadha* là một đại cường quốc, quyền lực trải rộng, hướng Bắc đến tận đại sơn *Hindukuta* và xuyên qua Afghanistan chạy dài đến vịnh Bengal. Quyền lực của Greek hoàn toàn mất ảnh hưởng. Sau khi Đức vua *Candagupt* đệ nhất triều đại *Moriya* giá băng, ngai vàng thuộc sở hữu của Đức vua *Bindusara* tức phụ vương của *Asoka* và vị kế thừa chính là Hoàng tử *Asoka*. Dòng lịch sử quá khứ liên quan hai vị vua tiên trào triều *Moriya* kết thúc tại đây.

Asoka là vị quốc vương đương kim triều đại *Moriya* đệ tam của nước *Magadha* mà kinh thành *Pataliputra* là trung tâm quyền lực. *Asoka* có cái nhìn toàn diện xa rộng, không cục bộ, đối nội đối ngoại, trong công cuộc kiến quốc và hưng quốc là bài học kinh nghiệm quá khứ mà người thừa kế bắt buộc phải kinh qua để phối hợp với dự kiến chiến thuật cũng như cấu trúc chiến lược tương lai thì mới tạo dựng phú cường đất nước và an cư lạc nghiệp toàn dân.

Asoka liên tưởng quốc sách các tiên đế áp dụng thành công, nhất là ông nội ngài tức đức Thái thượng hoàng mà hào quang rực rỡ huy hoàng vẫn tiếp tục soi sáng, chủ đạo thế hệ đương đại. Cái dấu chân tiên đế mà ngài phải bước theo là tổ chức hợp quần và hàng ngũ hóa dân

chúng, song song với công cuộc mở mang bờ cõi. Ngài nhận định chính xác: khi nào dân *Bharata* còn sống rời rạc chia năm xẻ bảy, chưa đoàn kết thống nhất thành đại khối dân tộc thì tránh không khỏi cái họa ngoại xâm. Một quốc gia nhược tiểu là miếng mồi ngon của các thế lực bá quyền. Ngài cảm thấy có trách nhiệm không riêng đối với *Magadha* mà còn đối với nhân dân thuộc các vương quốc toàn vùng lãnh thổ *Bharata*. Ngài tự cho phép mình tư cách lãnh đạo ấy. Sau khi hạ quyết tâm áp dụng chính sách đối nội là cường quốc an dân, đối ngoại là mở mang bờ cõi; *Asoka* nghĩ ngay đến thực thể trong thực tế danh chánh ngôn thuận, ngài khẩn lệnh đại thần *Sirigupt* và phó tổng tư lệnh *Srikhirin* phối hợp cấp tốc tổ chức đại lễ tức vị đăng quang cáo tri trời đất, tuyên thệ với các vị tiên đế và chính thức hiệu triệu toàn dân. Ngài nhấn mạnh là cuộc lễ phải được tổ chức rầm rộ trên toàn quốc thật long trọng, khởi sắc, phấn khởi và không thiếu bất cứ cuộc thi đua văn, võ cũng như các trò giải trí cổ truyền dân tộc.

Lệnh truyền vừa ban ra, dân chúng cả nước đã xôn xao náo nhiệt, họ hoan hô, mạn đàm, tiên liệu và bắt đầu đánh cá về những cuộc dự tuyển theo sự phỏng đoán của họ. Họ đón nhận tin này như một niềm vui lớn nhất trong cuộc đời. Vì suốt bao nhiêu triều đại chưa đại lễ nào có được cái quy mô long trọng, vĩ đại trong sự tham gia, tình nguyện đóng góp nhân, tài, vật lực của toàn dân một cách vô cùng phấn khởi, hồ hởi như lần này. Mỗi người dân tự động đóng vai liên lạc thông tin, miệng chuyên miệng, mồm chuyên mồm, trăm chuyên ngàn, chuyên muôn, chuyên triệu. Chỉ trong thời gian mấy ngày, không người nào không biết. Tuy thời hạn tổ chức lễ phải hoàn thành trong một tháng, nhưng mới tuần lễ đầu mà quang cảnh từ thành thị đến thôn quê đã thay đổi hẳn bộ mặt. Nhà nhà đều sơn phết sửa sang, các trục giao thông nhỏ lớn không một cọng rác, người người mua sắm, thực phẩm dự trữ ăn uống, đãi khách, may cờ may phướn, kết bông lồng đèn, trang hoàng nhà cửa, những gia đình quá nghèo cũng được những người khá giả giúp đỡ, tóm lại không một nhà nào dơ dáy, không một người nào rách rưới.

Toàn quốc sáng rực như thiên đường, mỗi khu vực đều có dựng lễ đài để thi đấu và trình diễn văn nghệ. Các trạm lợp bằng tranh, lá khéo và đẹp mọc lên từng chặng gần, xa có bánh, trái, đủ loại, kể cả thức ăn, nước uống miễn phí, các gian hàng buôn bán cũng được san sát dựng lên thật là tấp nập, sầm uất.

Thời gian đại lễ kéo dài một tuần vào cuối tháng. Âm thanh các loại nhạc cổ, kim trỗi lên, ngân vang, trầm bổng, réo rắt trên toàn quốc cơ hồ bất tận. Ngoài các nhạc công biểu diễn đủ loại nhạc cụ, còn có các ca sĩ tài danh soạn nhạc, phổ nhạc rồi tự hát hoặc hát những bài hát được truyền lưu trong nhân gian, những âm thanh ca, hát, xướng này cũng đã góp phần quan trọng bên cạnh âm nhạc tạo nên một tương quan vô cùng hấp dẫn mê ly như các vị Càn thát bà trên cõi trời Tam thập tam. Lại có các vũ công nam nữ điêu luyện biểu diễn những vũ điệu vô cùng đẹp mắt và thích thú không kém những khúc nghệ thường trên thiên giới.

Tạm gác một bên những cuộc thi đua văn tài, võ lược, đấu thú, đấu chim, vân vân, cũng như các trò chơi giải trí cổ kim không kém phần lý thú thì phải nói đến một sự kiện, một hình ảnh vô cùng đặc dị, kỳ diệu đáng chiêm ngưỡng mà các thanh niên thiếu nữ hằng mơ ước trong cuộc đời; đó là trong đại lễ đặc biệt này các thiếu nữ không phân giai cấp đều có quyền tham dự lễ, không cần che mặt.

Thật là ngàn năm một thuở để các cô nàng có cơ hội khoe sang, khoe đẹp, khoe dáng, khoe duyên. Còn các thanh niên mừng hết lớn vì có cơ hội quan chiêm, làm quen, tặng quà nếu ưng ý.

Thiếu nữ chịu nhận quà dù là một bó hoa hay một tràng hoa kể như đã nhận tín vật cầu hôn. Thử hỏi một cơ hội như vậy có thanh niên thiếu nữ nào không ước mơ chờ đợi. Thật là sung sướng, thật là phấn khởi, thật là đáng thích thú. Trên bờ là như vậy, nhưng dưới nước cũng không kém phần sáng khoái, tươi vui, rộn rã, dễ thương và kỳ thú – đó là các thanh niên thiếu nữ cùng nhau đua thuyền trên ba con sông *Ganga*, *Campa*, *Sona* và kè thuyền gần nhau hò hát đối đáp, tâm sự tỏ tình, nếu hai bên đồng ý thì níu tay nhau làm tin, hẹn ngày hôn lễ. Thật tuyệt diệu, đúng là: “*dập dìu nữ tú nam thanh, trên bờ dưới nước trăm phần đẹp vui.*”

Mở Rộng Biên Cương

Nhằm mở mang bờ cõi, *Asoka* chú tâm nghiên cứu toàn diện địa dư *Bharata* một cách tường tận, đặt yêu cầu cho chủ trương sử dụng quân sự trong chính sách đối ngoại mà ngài đã hoạch định. Tuy nhiên công cuộc tiến hành phải có giai đoạn khởi đầu, giai đoạn chuyển tiếp và sau cùng là giai đoạn kết thúc.

Ưu tiên cho giai đoạn khởi đầu, *Asoka* nhắm địa hình địa vật bốn hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc. Những địa giới giáp ranh *Magadha*: phía Bắc đụng *Ganga*, phía Đông giáp sông *Campa*: phía Nam chạm núi *Vindhya*, phía Tây chạy dài đến sông *Sona*. Nước *Magadha* có tám muôn đơn vị gia cư. Tương đối được xem là một nước có tầm cỡ quy mô trên phương diện gia cư và dân số. Tuy vậy, mộng bành trướng và bá quyền không cho phép *Asoka* bằng lòng với hiện thực. Những vùng đất và vương quốc ngài nhắm đến là:

Vùng *Anga* nằm về phía Đông chạy dài theo lưu vực sông *Ganga*, kinh thành là *Campa*. Sở dĩ có tên *Campa* vì cây bông ngọc lan mọc rất nhiều, hương thơm tỏa ra ngào ngạt, cảnh là sum suê rợp mát, khiến kinh thành lúc nào cũng mát và thơm. Thời Phật trụ thế, các nhà hiền triết, các vị giáo chủ các tôn giáo thường thường đến đây nghỉ mát và thảo luận triết lý cũng như giáo lý. *Campa* chia làm hai khu vực: khu vực cổ xưa gọi là *Campa Kashmir* và khu vực hiện đại gọi là *Campa Anga*.

Vùng *Kasi* thuộc hướng Tây *Magadha*, kinh thành là *Baranasi* nằm giữa trục cuối nguồn thủy lưu gần giao tiếp của hai con sông *Ganga* và *Yamuna*.

Vùng *Kosala* nằm hướng Bắc, lãnh thổ chạy dài tận Đại sơn *Himalaya*. Miền Bắc *Kosala* là vùng *Sakya*. Miền Nam *Kosala* là vùng *Koliya*. *Kosala* là một vương quốc giàu mạnh thời Phật trụ thế, có thể không kém *Magadha*. Đế kinh vương quốc *Kosala* là *Savatthi*, chính nơi này Đức Phật thường trú lâu nhất so với những trú xứ khác. *Kosala* có 3 thị trấn lớn:

1. *Ayodhya* nằm theo lưu vực sông *Sarayu*, là một thị trấn quan trọng nhưng bị sáp nhập vào *Kosala*, không còn ảnh hưởng chính trị nhưng ảnh hưởng văn học nghệ thuật vẫn được bảo tồn.

2. *Savatthi* nằm phía Tây Bắc *Gorakhpura*. Thuở Phật trụ thế, là một thị trấn phồn vinh đệ nhất không kém *Rajagaha*; địa thế chạy dài theo lưu vực sông *Aciravati*

3. *Saketa* giáp giới *Ayodhya*, phồn vinh sau khi *Ayodhya* xuống cấp. Có thể nói *Saketa* thay thế *Ayodhya*. Khi Đức Phật trụ thế, *Saketa* trở thành trung tâm thương mại quan trọng không

khác *Savatthi*. Từ *Savatthi* đến *Saketa* có phương tiện giao thông bằng xe song mã tuyền. Đường dài trên dưới tám chục cây số nhưng phải thay bảy trạm xe.

Vùng **Vajji** nằm về phía Đông - ngạn sông *Gandhaka*, giáp giới *Malla*. Đế kinh là *Vesali*. *Vajji* thống hiệp hai tiểu quốc: 1) *Licchavi* – thành đô là *Vesali*, 2) *Videha* – thành đô là *Mithila*.

Vajji áp dụng chính sách tập đoàn lãnh đạo. Không có quốc vương nhưng có nhiều tiểu vương quyền hạn ngang nhau nên không phải chế độ quân chủ; tuy có quốc hội nhưng không phải chế độ lập hiến vì người dân không có phần tham dự, duy các vị tiểu vương họp nhau điều hành quốc sự và được gọi là chế độ “Tập vương *Licchavi*.” Tương cũng cần nói thêm về chế độ có phần khác lạ này. Mỗi khi có quốc sự quan trọng, các vị tiểu vương họp mặt tại toà nhà nghị hội *Santhagara* và nguyên tắc biểu quyết là thiểu số phải phục tùng đa số. Nhưng xưa nay trong nghị hội này có cái lệ bất thành văn là vị vua cao niên nhất luôn được xem là quyết định tối hậu có giá trị tuyệt đối.

Vương quốc *Malla* nằm hướng viễn Đông *Kosala*, phía Bắc *Vajji*, phía Đông *Sakka* – đế kinh là *Kusinara*. *Malla* có hai đế kinh quan trọng là: *Kusinara* và *Pava*. Trong thời điểm phân chia ngọc Xá lợi Đức Phật thì *Kusinara* và *Pava* được lãnh đồng phần Xá lợi. Ngoài ra *Malla* còn có hai đế kinh phụ là: *Anupiya* và *Uruvelakappa*. Vị tiểu vương ở đây cũng thuộc dòng *Vasittha* như các tiểu vương *Licchavi* – cho nên khi Tôn giả *Ananda* đến báo tin Đức Phật niết bàn cho tiểu vương *Malla*, đã xưng hô là “*Vasittha*”.

Vùng **Ceti** nằm về hướng Đông Nam *Avanti*, đế kinh là *Sotthivati*.

Vùng **Vamsa** thuộc hướng Nam sông *Yamuna* và nằm về hướng Nam *Kosala*, hướng Tây là *Kasi*, đế kinh là *Kosambi*, một trục lộ giao thông đường bộ cũng như trung tâm thương mại giữa *Kosala*, *Magadha* và các đô thị quanh vùng.

Vùng **Kuru** nằm ở thượng nguồn sông *Yamuna*, kinh đô là *Indapatta*.

Vùng **Pancala** nằm ngay thượng nguồn sông *Ganga*, hướng Đông là *Kosala*, hướng Tây là *Kuru*, hướng Bắc là Tuyết sơn Himalaya, hướng Nam là sông *Ganga*. Thờ xưa, đế kinh là *Hastinapura* hoặc , về sau dời đô về Bắc ngạn sông *Ganga* lấy tên là *Kampila*.

Vùng **Maccha** nằm về thượng nguồn giữa hai con sông *Sindhu* và *Yamuna*, hướng Đông là *Kosala*, hướng Bắc là *Surasena*, hướng Nam là *Kuru*, đế kinh là *Sagala* đóng ở phía Bắc con sông *Asigant* cũng có tên là *Candarabhaga*.

Vùng **Surasena** nằm phía hạ nguồn giữa hai con sông *Sindhu* và *Yamuna*, đế kinh là *Madhura*. Sau khi Phật niết bàn, *Madhura* trở thành trung tâm học Phật vô cùng quan trọng.

Vùng **Assaka** trải dài theo lưu vực sông *Godhavari*, nằm về hướng Bắc của *Avanti*, kinh đô là *Potana* hoặc *Potali*.

Vùng *Avanti* nằm phía Bắc núi *Vindhaya*, hướng Đông Bắc là *Assaka*, thành đô là *Ujjeni*. Chính nơi này Hoàng tử *Mahinda* con vua *Asoka* chào đời. Có rất nhiều chùa và cổ vật liên quan Phật giáo ở tại đây.

Vùng *Gandhara* nằm ở thượng nguồn sông *Sindhu*, đế kinh là *Takkasila*, một trung tâm Giáo đường vô cùng nổi tiếng đã có mặt trước khi Đức Phật giáng trần.

Vùng *Kamboja* nằm gần nơi giáp giới *Gandhara*, kinh thành là *Dvaraka*, địa điểm nổi tiếng về các giống ngựa quý.

Vùng *Videhi* là vùng cổ địa, thành đô là *Roruka* hoặc *Roruva* là trung tâm tập trung hàng hóa từ các vùng phụ cận kể cả *Magadha* để được di chuyển bằng thuyền đến các thương trạm đã định.

Vùng *Nanda*, kinh đô là *Sagala*, được liệt kê là một trong những kinh đô phú cường lúc Phật trụ thế. Nổi tiếng nhất là khi Đại đế Alexander (A lịch sơn) đưa quân xâm lăng Ấn Độ thì hai bên đánh nhau quyết liệt. Mặc dù quân binh của vua *Nanda* không cân bằng lực lượng nhưng Ngài chiến đấu vệ quốc vô cùng dũng cảm.

Ngoại trừ hai vương quốc đã được sáp nhập vào *Magadha* trong triều đại *Asoka*, những vùng còn lại đều được nhắm đến như căn cứ chiến lược cần phải chiếm đóng. *Asoka* tiến quân thần tốc như vũ bão, đánh đâu thắng đó chưa một lần nếm mùi thất bại. Lúc bấy giờ, mộng bá chủ trong dòng máu sôi sục, réo gọi, thúc giục *Asoka* phải bành trướng, mở mang bờ cõi để đất nước đủ rộng, để dân số đủ nhiều, để quyền lực đủ mạnh thì ngài sẽ trở thành bá chủ lục địa *Bharata*. Trên lưng tuấn mã, *Asoka* chỉ biết có tiến, không có lùi.

Trong cuộc chỉ huy tiến quân như trời long đất chuyển, vó câu tuấn mã *Asoka* đã giẫm đạp lên xác người, đã lội trong máu người, buồn tới, xông lên; gươm ngài vung lên đầu người lăn long lóc, không phải hàng chục hàng trăm mà là hàng ngàn hàng muôn đầu lâu rụng xuống, dường như con người ngài cũng như cây gươm của ngài không bao giờ biết no với máu và thủ cấp người. Tâm hồn ngài lúc bấy giờ đầy tràn, trào dâng bạo tàn và hung dữ, không còn một khoảng trống nào cho tình thương, bao dung ngự trị. Vương quốc *Vajji*, thành đô là *Vesali* tương đối hùng cường, quân sự khá mạnh, chiến đấu tự vệ vững chãi nhưng cuối cùng cũng phải thúc thủ trước đại quân vô cùng thiện chiến mà *Asoka* vị chỉ huy tài ba xuất chúng. Vương quốc *Vajji* bị đặt dưới sự bảo hộ của *Asoka*. Dân *Vajji* im lặng, an phận và tiếp tục cuộc sống thường nhật của mình. Quân đội của *Asoka* rất tuân hành kỷ luật nên không gây phiền hà dân chúng. Do đó dân *Vajji* lấy làm an tâm, không có bất cứ hành động chống đối hoặc bất mãn. Để tỏ lòng từng phục và hoan nghênh, dân *Vajji* tổ chức đại lễ khánh hỷ công cuộc trị quốc an dân mà *Asoka* đã ban cho.

Trong dịp này, có chương trình văn nghệ do một ban hát tuồng nổi tiếng của *Vajji* trình diễn để Đức vua và bá quan văn võ thưởng lãm. Mọi người đều vô cùng thích thú, tán thán không hết lời. Ngay lúc ấy vở tuồng đến đoạn vô cùng tình tứ do kép chính, đào chính thủ vai chàng trai và cô gái gặp nhau trong lễ hội, làm quen nhau và yêu thương nhau. Trong mẫu đối thoại giữa hai người, lời lẽ và ý tứ giống hết lời lẽ và ý tứ của *Asoka* và *Jalodharai* tâm tình lúc sắp chia tay nhau để rồi một năm sau đó khi hội ngộ thì than ôi bên xưa còn đó mà con đò đã vội sang ngang.

Cái cảnh bề bàng ấy là vết thương lòng rất lớn đối với *Asoka*, vết thương chưa lành bỗng dung vỡ tuồng hôm ấy làm vết thương tái phát trầm trọng, *Asoka* thét lên:

- Nói láo, nói láo! Và đứng phắt lên, tay mặt nắm chặt chuôi gươm, hai hàm nghiến chặt và trong tư thế sẵn sàng hành động.

Rất may cho cô đào chính vì *Srikhirin* thấu hiểu tâm trạng *Asoka* nên đã kịp thời quỳ xuống:

- Muôn tâu, xin lệnh Hoàng thượng dẫn con thịnh nộ và bảo trọng mình rông. Họ chỉ là đào kép diễn tuồng. Ngưỡng mong lệnh Hoàng thượng tha chết cho họ.

Trước cử chỉ vô cùng kính hiếu và lời nói khẩn khoản chí tình của *Srikhirin* một người bạn quý, *Asoka* lập tức hồi loan. Mọi người tại hiện trường đã phải một phen kinh hồn khiếp vía nhất là hai người đào chính, kép chính vì quá sợ đã nằm bất tỉnh trên sân khấu.

Về đến hoàng cung, *Asoka* ngồi úp mặt trên hai bàn tay tức tưởi, ghen ngào: ai hiểu cho nỗi lòng rướm máu của ta. Thật là tàn ác, thật là bạc tình! vết thương lòng của ta sắp lành thì họ đã nhẫn tâm làm cho tái rỉ máu. Họ đáng chết mà...

Hồi Tâm

Suốt tám năm chỉ huy quân đội viễn chinh không biết mệt mỏi *Asoka* đạt kỷ lục về thành tích chiến thắng. Công trận hiển hách này đã đưa *Asoka* lên địa vị Đại đế. Tất cả vương quốc thuộc các vùng Đông, Đông Nam, Nam, Tây Nam, Tây, Tây Bắc, Bắc, Đông Bắc từ cao nguyên núi rừng, trùng trùng điệp điệp đến bình nguyên đồng bằng bát ngát bao la. Thậm chí biển rộng, sông dài. Các nguồn thủy lưu lớn nhỏ đều nằm dưới quyền thống trị của Đại đế *Asoka*.

Đúng vào Phật lịch 286 năm, tức cuối thời điểm năm thứ tám của cuộc viễn chinh, Đại đế *Asoka* xua quân tấn công vương quốc *Kalinga* – vùng đất nổi tiếng trù phú về nông nghiệp. Dân chúng mạnh khỏe, sống nếp sống chánh mạng.

Cuộc tiến quân lần này có mang tính cách dứt điểm vương quốc sau cùng thuộc các vùng đã được *Asoka* quy hoạch như những cứ địa xung yếu cần phải chiếm đóng nên cuộc tiến quân như vũ bão vô cùng hung hãn quyết dứt điểm trong thời gian kỷ lục. Ánh mắt *Asoka* nhìn về hướng nào thì đại quân thiện chiến lập tức san bằng bình địa. Không phải mất thời gian lâu, đại quân đã ca khúc khải hoàn vang âm long trời lở đất, như bao trùm lục địa *Bharata* lúc bấy giờ.

Trong khi đại công cáo thành, ba quân tướng sĩ đang vô cùng hồ hởi phấn khởi, họ nhảy múa hò hét tung bừng, họ ôm nhau vui mừng như ngây như dại, tất cả hiện hữu, đất trời, núi sông, thành quách, thân người, máu người đối với họ đều vô nghĩa, chỉ sự reo mừng chiến thắng có ý nghĩa mà thôi. Thì *Asoka* trên lưng tuấn mã, trong tư thế trầm tư yên lặng, đưa ánh mắt tận xa tít mù khơi và từ xa xăm tít mù ngài từ từ khép phạm vi nhìn hẹp lại, hẹp lại. Ngay giây phút thiêng liêng, linh nghiệm, kỳ diệu ấy - được lịch sử ghi nhận như vậy – trái tim *Asoka* bỗng nhói đau, xúc động, bàng hoàng, hối hận khi nhìn xuống vó câu tuấn mã, ngài thấy toàn máu, máu ngập cao hơn móng ngựa, máu cũ máu mới hòa lẫn nhau phản chiếu ánh nắng hoàng hôn tạo màu sắc vừa thê lương ảm đạm, vừa khiếp đảm kinh hoàng và xác người sắp lớp cận sâu trong biển máu mà nét hoảng sợ, đốn đau vẫn còn in rõ trên từng khuôn mặt.

Asoka rùng mình, rợn óc. Nỗi hối hận tràn ngập tâm hồn, ngài tự thấy mình quá ư tàn độc. Sự sống vô cùng trân quý của mọi người thì ngài thẳng tay hủy diệt chẳng chút lưu tình, thay vì mở chút lòng thương giúp họ an hưởng. Trong khi sự chết thì ai ai cũng kinh hồn khiếp vía, một triệu lần cầu sinh chưa một lần cầu tử thì ngài nhẫn tâm mang đến và giáng xuống thân phận vô tội vốn không có khả năng tự vệ. Ngài tự kết luận: cái mọi người cần ngài ban cho thì ngài từ khước và tàn sát; còn cái mà tất cả đều sợ hãi, kinh hoàng là chết chóc thì ngài giáng xuống đầu họ mà mạng sống mọi người đối với ngài chỉ là trò tiêu khiển không hơn không kém. Ngài tự vấn: tại sao phải làm như vậy và cuối cùng của công trình chiến thắng là gì? Là thân người sống chết nằm ngổn ngang, sắp lớp, là máu người và thú chảy tràn sông máu lênh láng, là tiếng kêu la, khóc than, gào thét của người và thú mang đầy thương tích quần quai trong cơn hấp hối, sống dở chết dở, là cảnh làng mạc nhà cửa ruộng vườn điêu hiu, xơ xác, bình địa hoang sơ. Nếu công trình chiến thắng là như vậy thì là một sự phí phạm nhân mạng, động sản, bất động sản một cách vô luân lý, vô đạo đức và vô nhân tính. Dòng tư duy vừa đến khúc quanh tỉnh thức, hối quá, và tự giác này, *Asoka* bỗng gỡ bỏ cung tiễn và gươm báu quăng xuống đất như quăng bỏ đôi giày rách.

Trong giờ phút linh thiêng, kỳ diệu ấy bỗng hiện tượng mang kỳ tích xuất hiện phi thường: trên trời tiếng gấm thét như thiên lôi giáng; sấm chớp tứ giăng như điện trời nổi lên thấp sáng

không gian; địa cầu chấn động, rung động mạnh như sắp có cuộc đại địa chấn; các ngọn núi cao gập đung trời như Hy mã tuyết sơn cũng chuyển mình quằn quại như sắp sụp đổ vỡ tung; nhưng con sông lớn rộng, chạy dài cũng nổi sóng như giao long uốn khúc hút nước về trời - tất cả như bày tỏ tấm lòng vô cùng hoan hỷ đối với một sự kiện gập như vô tiền khoáng hậu giữa cuộc sống nhân sinh và cuộc biến thiên hy hữu của vũ trụ.

Thấy hiện tượng lạ, các tướng cận vệ, nhất là *Srikhirin*, tất cả thúc ngựa đến đứng bao vây hộ giá. *Srikhirin* đến gần:

- Muôn tâu, lệnh Hoàng thượng cảm thấy mệt mỏi và chán nản với cuộc viễn chinh, nên tôn nhan không được vui tươi, mặt rồng có chiều đăm chiêu tư lự, không giống như mọi lần chiến thắng trong quá khứ.

Đức vua, qua giọng nói buồn chán, ân hận:

- Các khanh, hãy nhìn xem, chung quanh chúng ta là biển máu, máu nhiều đến nỗi ngập cả móng ngựa, tiếng khóc than vô cùng ai oán, đờn đau của người và vật thương tích đầy mình đang kêu cứu, thét gào; xác chết nhấp nhô nổi chìm trong biển máu; thân người và thú sống, chết chồng chất lên nhau; xa gần đó đây quạ kên kên bu nhau giành giật cắn xé mổ rứt; từ đây đến mút tâm mắt là quang cảnh tiêu sơ đồ nát, cô liêu hoang dã chẳng có bóng người kể cả bóng thú. Trẫm chưa từng mang tâm trạng xót xa, quả tim chưa từng nhức nhối buốt đau và hồi hận tràn ngập tâm hồn như lần này.

Nói đến đây, Đức vua tự động chấp tay đưa cao quá đầu và chính thức lớn tiếng cáo tri:

- Kể từ hôm nay, ta là *Asoka* dứt khoát từ bỏ vũ khí, tuyệt đối không cỡi chiến mã. Những người vô tội, hàng triệu đã bị hy sinh oan uổng và mang thương tích trầm trọng dở sống dở chết cũng không ít, ta vì mộng bá chủ nhằm thỏa mãn bản ngã đã hủy diệt vô số mạng sống người và thú.

Hoàng hôn xuống, đoàn quân chiến thắng *Asoka* tiến thẳng vào Hoàng thành nhưng là một cuộc tiến quân im lặng khiến dân chúng *Kalinga* còn sống sót cảm thấy vô cùng ngạc nhiên. Từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, khi từ các ống loa thông tin phát ra lời trấn an chỉ dụ:

Toàn thể dân chúng *Kalinga* đùng lo lắng hoảng sợ. Đại đế *Asoka* - người khả ái của chư thiên và bốn bộ binh chùng tuyệt đối tôn trọng sinh mạng, động sản và bất động sản của toàn dân. Ai vi lệnh sẽ bị xử thật nặng theo quân kỷ. Xin dân chúng an tâm và tiếp tục nếp sống hằng nhật của mình.

Được nghe chỉ dụ này, dân chúng *Kalinga* vô cùng vui mừng và tiếng tung hô: vạn tuế, vạn tuế, vạn vạn tuế! Âm thanh reo vui, phúc chúc cứ mãi vang vang gập gềnh như bất tận. Tiếng hoan hô khánh chúc toàn dân khiến *Asoka* cũng cảm thấy phấn khởi, nức lòng và tin tưởng.

Đêm hôm ấy, *Asoka* ngủ thật sớm khi canh một vừa qua, ngài thức dậy lúc canh hai chưa bắt đầu. *Asoka* tưởng như vừa xảy ra trước khi ngài ngủ: cái sự kiện vô cùng tàn nhẫn mà ngài ra lệnh thiêu sống một số cung phi chỉ vì họ hái hoa *Asoka* vì nó tương đối đẹp, lẽ dĩ nhiên lá cành

tả toi, một số nhánh bị gãy còn nằm đó đây dưới đất trong khi *Asoka* an giấc ngủ trưa thật say. Sau khi thức dậy, ngài thấy lá cành xác xơ, một số nhánh bị gãy nằm rải rác đó đây, ngài bỗng nổi trận lôi đình, vì ngài từng chỉ thị bằng miệng là: cây *Asoka* mang tên của ngài, không ai có quyền hái bông phá nhánh. Ngài truyền lệnh thiêu sống các cung phi xem thường lệnh ngài. Ngài nhớ rất rõ: những nét mặt kinh hoàng, những tiếng khóc la van xin tha mạng, những động tác vẫy vùng cầu xin tuyệt vọng, những hình hài bị bốc cháy trắng đen loang lổ vì những lớp da chín tự động rớt ra từng mảng, còn những lớp da chưa chín mới xám đen còn bám dính trên thân hình các cung phi tội không đáng chết. Thế mà ngài đã quá tàn nhẫn, xem họ như những người thù bất cộng đới thiên.

Càng hồi tưởng, *Asoka* càng cảm thấy mình quá ư độc tài, tàn ác. Càng trôi theo dòng hồi tưởng, *Asoka* bỗng nhớ đến *Jalodhara*. Một hận lòng, một sự bạc tình, một trò chơi ú tim, người mà ngài yêu tha thiết đã dùng lời đường mật gạt gẫm ngài, đã thoa mật trên lưỡi dao cho ngài liếm, khi chứng kiến tất cả phũ phàng và máu lưỡi chảy ra vì quá si tình liếm mật trên lưỡi dao bén, ngài đã hạ sát tình địch, luôn cả hai trợ thủ đắc lực của tình địch và phóng ngựa ra đi trong tuyệt tình, tuyệt vọng, bỏ lại ba xác chết, ba đầu lâu và một *Jalodhara* khóc không ra khóc, cười không ra cười.

Nghĩ đến đây, ngài cũng cảm thấy ân hận, tự trách mình quá ư bông bột, mất tự chủ, gần như không còn nhân tính vì hễ ai làm vừa lòng thì ban cho sự sống, ai dám chống nghịch thì phải chết. Lúc bấy giờ trên lưng tuấn mã, ngài cứ cho ngựa phóng thật nhanh về trước, mặc cho ba bạn rượt theo muốn hụt hơi. Nhưng vì lúc đó tâm trạng *Asoka* đang bị ngọn lửa dục ái, lửa thù hận bốc cháy hừng hực nên không nghĩ suy, phải quấy, lợi hại mà chỉ tư duy một chiều, nhất quán bất thiện: còn tình đâu nữa là thù đấy thôi.

Hồi tưởng cuộc tình ngang trái vô cùng cay đắng và hành động nhất thời của cõi lòng thiếu tự chủ, ngài cảm thấy cái bản ngã của ngài thật đáng ghét. Ngài tự vấn: ngã là chi? mặt mũi nó ra sao hay chỉ là ốc mượn hồn, khi tháo bỏ vỏ chiêm bào, thấy nước biển màu xanh không hai vị. Càng nghĩ càng thấy mình quá nhiều tội lỗi. Nước máy sông rửa cũng không sạch lỗi lầm trầm trọng, tàn độc trong quá khứ. Ngài hồi tưởng mời hồi hôm đây, nếu không có *Srikhirin* - người bạn tri kỷ, sinh tử cùng ngài kịp thời khẩn khoản, cảnh giác thì hành động nhất thời của vết thương lòng thiếu tự chủ, ngài đã giết cô đào chính đóng vai người yêu mà mẩu đối thoại giống một trăm phần trăm những gì mà *Jalodhara* đã tâm tình với ngài trong quá khứ. Ngài cảm thấy xấu hổ, tự thẹn, một vị Đại đế mà hành động nông nổi không khác trẻ con. Hồi tưởng những sự kiện và hành động cũng như phản ứng của ngài trong quá khứ, bỗng trong thâm sâu ký ức lóe lên ánh sáng ăn năn tự hối dung hợp lý tình: tuổi trẻ có ai không ít nhiều làm lỗi, trường hợp nặng nhẹ khác nhau, không thể nhập nhằng, quyết đoán một chiều đơn phương chủ kiến. Vì rằng trong tình yêu luôn có sự đòi hỏi của tình dục, nhưng tình dục thì không cần tình yêu. Ngài tự cảnh giác: cuộc sống là sự lẫn lộn giữa mật ngọt và mật đắng, giữa vườn hoa và nghĩa địa. Mật ngọt mật đắng cũng là những vị thuốc quý. Vườn hoa có cái đẹp của vườn hoa nhưng nghĩa địa nếu biết tô điểm hoa lá cành thì cũng làm giảm thiểu cảnh âm đạm thê lương.

Lĩnh hội trọn vẹn ý nghĩa cuộc sống là cả một vấn đề thiên nan vạn nan, bất khả tiên liệu. Chẳng hạn tại sao mình hiện hữu ở đây, hiện hữu với mục đích gì, rồi mình sẽ đi về đâu, sự hiện thành và tiêu tán của một kiếp người do thành tố nào quyết định, ngay cả vũ trụ càn khôn này rồi sẽ ra sao, bản thân mình khi già, đau, chết mình phải đối phó như thế nào, lấy gì để đối phó, hay

là bất lực. Ta dường như có nghe đâu đó một câu kệ tuyệt diệu: “*Một khi thân chết hiện về, nào ai có thể chờ che cho mình, vợ con quyến thuộc chỉ tình, ngậm ngùi chỉ biết đứng nhìn khóc than.*” Trong nỗi cô đơn cùng cực ấy ta còn gì không. Tất cả chỉ là bóng mờ sương khói. Cái sau cùng còn lại chỉ là chút hơi thở mà ta rất cần, ta muốn tàng trữ giữ nó lại nhưng cuối cùng nó cũng bạc bẽo bỏ ta đi chẳng một chút đoái hoài thương xót. Tất cả những gì gọi là động sản, bất động sản mà ta hoàn toàn chiếm hữu, cười trong tiếng khóc, ngai vàng trên xương, vui sướng trong khổ đau, và chết chóc đồng loại, không mang bất cứ một ý nghĩa thiết thực hướng thiện nào của cuộc sống, nó thực sự vô nghĩa, vô bổ và vô ích, đẩy đẩy tội lỗi.

Trình độ cảnh giác trở thành tăng thượng duyên khiến từ ái, bi mẫn hiển lộ: ta thích vui ghét khổ, thì mọi người cũng ghét khổ thích vui. Có nên chăng vì hạnh phúc cá nhân mà gây khổ đau kẻ khác. Ngài tự vấn: không biết hành động trong quá khứ của ngài là quân tử, vĩ nhân, bá chủ hay là ngã kỹ, ác nhân, độc tài? Ngài nghĩ, nếu là quân tử thì hành động phải lợi lạc song phương tự thân và tha nhân; nếu là vĩ nhân thì phải có những hành động tương đối phi thường để mang niềm tin, tự lực và tự cường cho tha nhân; là bá chủ thì phải áp dụng vương đạo trong sứ mệnh trị nước an dân, tạo dựng thanh bình, phú cường cho toàn cõi và an cư lạc nghiệp toàn dân. Nhưng ngài tự nhận mình chưa phải là quân tử, là vĩ nhân là bá chủ. Những hàm tước, những xưng hô, những tán tụng chỉ là những danh từ rỗng không và mai mỉa.

Ngài tự phát thệ: Ta quyết hành động như một quân tử đúng như chánh pháp; sẽ biểu hiện đặc trưng tư cách vĩ nhân trung thực mang niềm tin minh triết và tinh thần cầu tiến trên phương diện tu thân, hành đạo, hướng thượng. Và nhất định sẽ là một bá chủ cai trị dân bằng chánh pháp, tuyệt đối không sử dụng tà đạo. Nặng giáo dục, nhẹ hình phạt, không chỉ áp dụng khẩu giáo mà quyết đem thân làm gương, làm chứng. Nghĩ đến đây, ngài cảm thấy vô cùng phấn khởi, như vừa tỉnh cơn mê, như lạc đường đêm tối bỗng thấy ánh đèn. Chính ánh sáng này chiếu toả rạng ngời tâm thức khiến ngài phát hiện chân lý cuộc sống là vay mượn mà ngài phải hoàn trả một sớm một chiều và ngài cũng cảm nhận mọi người trong đó có ngài chỉ là khách trọ không hơn không kém. Ngài là của cung điện, cung điện không phải của ngài. Vì ngài là của cung điện, nên cung điện muốn giữ ngài thì ngài ở, bằng không thì ngài phải đi. Ngài đúng là kẻ vô hộ, vô chủ, vô quyền.

Ngài thức ngộ được rằng: mọi sắc tướng sẽ tiêu vong, nhưng thể tánh thì tồn tại. Nhờ cách mạng tư tưởng, *Asoka* ngủ rất ngon, giấc ngủ an bình không còn lo âu, vương bận.

Sáng hôm sau, *Asoka* chỉ định một vị Hoàng tử *Kalinga* kế vị trị nước an dân. Còn ngài truyền lệnh đại quân rút chốt hồi hương. Trên lộ trình hồi hương, từ *Kalinga* về *Pataliputra*, ngài lúc nào cũng ưu tư tìm biện pháp hành chính thế nào để nhân dân trong các vùng thuộc địa được sống cuộc đời an cư lạc nghiệp và các vương quốc đều được phú cường thịnh trị. Mỗi trạm dừng quân, Ngài và *Srikhirin* thường cải trang thường dân đi hành trong đêm để thăm dân và nghe ngóng cho biết sự tình.

Trong cuộc di hành, ngài nhận thấy đa số dân chúng thực sự còn nghèo, không đủ cơm ăn áo mặc. Có một gia đình ba con còn nhỏ, khóc thét từng hồi vì quá đói mà cha mẹ chúng đã tối rồi mà chưa về. Cuối cùng cha mẹ chúng cũng về nhưng gạo quá ít không đủ nấu cơm cho năm miệng ăn. Nhưng cũng đành chịu biết làm sao hơn. Không một người nào no lòng nhưng nhờ uống nước lã cầm hơi, nên cả năm người cũng sống qua ngày đoạn tháng. Ngài lại chứng kiến

cảnh vợ chồng chửi bới đánh đập cũng chỉ vì miếng ăn. Vợ gầy: vì anh ham mê cờ bạc, có bao nhiêu cũng không đủ anh đem đốt ở sòng bạc - người chồng thì đổ thừa vợ không biết làm ăn buôn bán xoay sở cho có đồng ra đồng vô nên phải đói nghèo chớ đâu phải tại anh ta. Đức vua nhận thấy trách nhiệm ưu tiên là làm sao cứu vãn tình trạng đói rách nhân dân cấp bách.

Ngài vô cùng chua xót nhận ra rằng: không bệnh nào lớn bằng bệnh đói, không khổ nào sánh lại khổ ăn. Ngài phải tìm cho ra giải pháp chống lại người thù nguy hiểm là nghèo đói. Ngài hạ quyết tâm phát động phong trào động viên toàn dân cùng ngài xuất chiến nhưng không phải chiến đấu lán đất giành dân mà chiến đấu sống chết với cuộc sống đói nghèo. Chỉ dụ vừa loan, toàn dân hoan hô như long trời lở đất. Tất cả nức lòng, hồ hởi, phấn khởi và hưởng ứng một cách nhiệt tình chưa từng thấy.

Mọi ngành nghề, đều có trung tâm huấn nghệ: sĩ, nông, công, thương nhất loạt học tập và phát huy khả năng lao động chân tay cũng như lao động trí óc. Một cuộc canh tân gần như vô tiền khoáng hậu. Trong cuộc cách mạng hiện đại này hoàn toàn không có máu, nước mắt và khổ đau, chỉ có mồ hôi, nụ cười và những bản đồng dao lao động. Họ lao động không biết mệt. Vì tinh thần tự giác, tự nguyện, không có bất cứ một sự bắt buộc nào. Ngay như bốn binh chủng cũng chỉ chừa lại một bộ phận cơ bản tiếp tục huấn luyện, duy trì khả năng quân sự phòng khi bất trắc, đột xuất. Những quân nhân dư ra đều buông khí giới khoác áo nông phu, tăng gia sản xuất, khiến *Bharata* trong triều đại *Asoka* vô cùng hùng cường, vinh phú và thanh bình.

Không Nên Phóng Dật

Công cuộc cách mạng tinh thần và phong trào canh tân quốc sách của *Asoka* khiến mẫu hậu *Vimamsa* và Hoàng hậu *Vedisa* sung sướng nhất, vui mừng nhất. Bao nhiêu thắc thỏm âu lo trong những ngày *Asoka* xuất quân chinh phạt, may rủi thế nào, sống chết ra sao. Ngày hồi loạn trên lưng chiến mã, hay là... rồi nước mắt đoan trông, không dám kết luận dù trong tư duy thâm kín. Nhưng hôm nay, thì sung sướng ngập lòng, mừng vui rạng rỡ, tin tưởng sắt son, tương lai huy hoàng đầy hứa hẹn.

Niềm vui lớn nhất là nhị vị phát hiện trên con đường tu thân hành thiện từ nay có *Asoka* là kẻ đồng hành. Hơn nữa, đây lại là con đường hướng thiện, hướng thượng, tự tha lưỡng lợi. Thử hỏi còn đạo lộ nào có ý nghĩa hơn không. Nhị vị hoàn toàn hưởng thụ lạc phúc thiết thực mà *Asoka* đã tình nguyện dâng hiến. Nụ cười sẽ nở trên môi thay cho tiếng khóc; dung sắc sẽ thập phần thù thắng thay cho những nét u hoài, héo hon, tàn tạ; thưởng thức thực phẩm thượng vị cứng, mềm ngon lành mãi mãi thay vì vô vị đáng nùng. Trong giấc ngủ, nhị vị không còn nằm mơ thấy cảnh chém, giết, máu tươi lai láng, xương khô rã rời mà là giấc ngủ bình an, ngủ thật ngon, thức thật tỉnh, chư thiên hộ trì. Đúng là một cuộc đổi đời, đổi đời toàn diện. Tình mẫu tử càng thiêng liêng thân thiết; nghĩa vợ chồng càng đậm ấm, ngọt ngào.

Hoàng Thái tử *Mahinda* và Công chúa *Sanghamitta* thấy Hoàng thái hậu, mẫu hậu và phụ vương nở rộ hoa xuân vô cùng rạng rỡ trên gương mặt, vành môi, ánh mắt cũng khiến nhị vị vui lây, tuy chưa nắm vững động cơ huyền mật nào chuyển hoá tâm hồn cũng như cuộc sống quý vị. Nhưng dù sao tất cả sự kiện thực tiễn này đã tạo cho cung đình là cảnh thiên đường trần thế.

Hoàng hôn đã xuống từ lâu. Kinh thành *Pataliputra* chìm sâu trong giấc ngủ an bình. Nhưng đèn phố và đèn đường vẫn sáng choang như ban ngày. *Asoka* sau giấc ngủ thật yên lành, sáng khoái, vừa thức giấc thật tỉnh táo, Đức vua tắm rửa, thay đổi long phục, ra đứng ngay cửa sổ trên lầu nhìn xuống. Một bình minh thật đẹp, khí trời mát dịu dễ thương. Thính thoảng tiếng nhạc từ xa theo gió mang âm thanh nhẹ nhàng, gợi cảm như nhắc nhở mọi người hãy bắt tay lao động để tăng gia sản xuất.

Asoka mỉm cười, phấn khởi, tự tin, nhân dân phúc lạc dám mong thế này. Đang miên man trong ý nghĩ lạc quan, bỗng hình ảnh một tu sĩ ôm bình bát khoan thai từng bước hóa trai, phong nghi cốt cách tương đối khác phàm, nét mặt từ hòa, ánh mắt nhìn thẳng vừa tầm, dường như bao nhiêu thế sự buộc ràng người đã bỏ lại sau lưng, còn phía trước thì chiếu tỏa hào quang của bình đẳng, từ bi và trí tuệ. Đúng là hình ảnh một Thích tử Mâu Ni, đáp y mang bát hóa duyên, từ hòa nét mặt, nhàn vân gót hài. Trước một mẫu đạo phong mô phạm ấy, Đức vua như bị thôi miên, ngài truyền lệnh thỉnh mời vị Sa môn và cúng dường thực phẩm. Sau phần thọ trai, Đức vua từ tốn:

- Thưa Đại đức, nếu trăm không võ đoán thì Đại đức tuổi đời không quá hai mươi niên kỷ.
- Muôn tâu, đúng vậy - bản đạo chỉ là một vị Sa di mới xuất gia không lâu lắm.

- Trầm lấy làm thắc mắc. Tuổi đời xuân xanh, tràn đầy nhựa sống, tương lai còn nhiều hứa hẹn, học lực chắc cũng không đến nỗi tệ, nhưng tại sao Đại đức lại dứt khoát chọn con đường này, một con đường không có lối thoát và dĩ nhiên không có tương lai.

- Muôn tâu, Bồn sư bản đạo tuyên nhắc lời Đức Phật dạy: *Chúng sanh không nên phóng dật trong ba hiện tượng đặc trưng: một là tuổi xuân, hai là sức khỏe, ba là sự sống. Nếu phóng dật sống vong thân, khi già, bệnh, chết đến thì có muốn tu thân, hành thiện, thực hiện phạm hạnh thì đã quá muộn vì sức khỏe và thời gian không cho phép.*

Im lặng khảnh khắc, vị tu sĩ tiếp lời:

- Muôn tâu, Bồn sư bản đạo khai thị thêm: Đối với quan niệm thế tình thì Đức Phật cảnh giác, mọi loài hữu tình luôn bị tuổi già tàn phá và xô đẩy đến tử vong, tất cả là kẻ vô hộ, vô chủ, vô quyền; phải bỏ hoặc trả tất cả cho đời rồi ra đi cô lẻ, và là nô lệ thường trực của khát khao tham muốn. Nhờ lãnh hội lý đạo huyền nhiệm này mà bản đạo tự nguyện sống cuộc đời Tăng sĩ – Mâu Ni không nhà.

- Thưa Đại đức, câu nói tất cả hữu tình là kẻ vô chủ, vô hộ, vô quyền quả thật trầm chưa lãnh hội được. Trầm nghĩ, trong nhà phải có chủ nhà, trong cơ quan phải có người chỉ huy, trong một quốc gia cũng phải có người lãnh đạo. Tại sao lại nói vô hộ, vô chủ, vô quyền.

- Muôn tâu, lệnh Hoàng thượng năm nay cũng đã trên dưới năm mươi niên kỷ, nếu so với lúc 17, 18 tuổi xuân thì có phải đã kém sức khỏe hơn xưa?

- Đúng vậy, thưa Đại đức.

- Muôn tâu, có khi nào lệnh Hoàng thượng bị bệnh không?

- Thỉnh thoảng cũng có – Thưa Đại đức.

- Muôn tâu, vậy lúc bấy giờ Hoàng hậu, cung phi mỹ nữ, bá quan văn võ có ai chia sót cái đau đớn trong long thể Hoàng thượng được không.

- Thưa Đại đức, làm sao họ đau thể cho trầm được.

- Muôn tâu, cái vô hộ, vô chủ, vô quyền là thế đó.

- Thưa Đại đức, câu nói bỏ hay trả tất cả cho đời rồi ra đi cô thân chiếc bóng là thế nào.

- Muôn tâu, trước khi lệnh Hoàng thượng ngự trị ngôi báu, có phải lệnh thái thượng hoàng là đương kim thánh thượng hay không.

- Thưa Đại đức, sự thật là như vậy.

- Nhưng ngài có đem được những gì tùy thân hay là bỏ và trả lại tất cả rồi ra đi một mình.

- Thừa Đại đức, bỏ lại tất cả, chỉ có hai bàn tay trắng, thật tội nghiệp.

Thừa Đại đức, tại sao gọi là nô lệ ái dục, khát khao thường trực, không biết đủ.

- Muôn tâu, Phật ngôn mà Bồn sư bản đạo trùng thuyết có ba loại ái: **dục ái, hữu ái, phi hữu ái**.

1. **Dục ái** là ham muốn, tham đắm sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc lạ. Đối với những thứ dục này, không ai không ái – thích, thậm chí dùng mọi thủ đoạn chiếm đoạt, sẵn sàng nhúng tay vào tội ác dù lớn bằng trời, người ta không hề từ chối. Nô lệ dục ái là như vậy.

2. **Hữu ái** tức tham đắm, ham muốn có được cái này, có được cái kia, muốn có cái mình chưa có, muốn có thêm những cái đã có. Đã là như vậy thì làm sao biết đủ biết vừa. Suốt đời làm thân phận nô lệ.

3. **Phi hữu ái** là tuyệt đối không muốn chuyện như vậy xảy ra nhưng rồi nó cứ xảy ra không giải quyết được. Tránh né, chận đứng, ngăn ngừa tất cả hoàn toàn bất lực, thúc thủ. Cái đau khổ thật triền miên bất tận, gần như cái đau khổ của “cầu bất đắc”. Nói cho đúng thì cái “phi hữu ái” này bao gồm cả dục ái và hữu ái.

Im lặng một chút, Sa di giải thích để vấn đề cũng như Phật ngôn sáng tỏ thêm:

- Muôn tâu, khi nhãn quan tiếp xúc sắc trần khiến phát khởi ý niệm khả hỷ, khả ái thì gọi là thọ lạc. Nếu ý niệm bất như ý khởi lên thì gọi là thọ khổ, nếu ý niệm xúc tiếp vô thường vô phạt thì gọi là thọ vô ký. Thực tế mà nói thì thọ vô ký cũng tức là thọ lạc một cách nhẹ nhàng trừu tượng. Trong trường hợp kể thọ chỉ có hai, thì thọ vô ký được khép vào thọ lạc. Cũng có thể nói: khi nào thọ lạc thì tâm có khuynh hướng thiên về dục ái và hữu ái; khi nào thọ khổ thì tâm có khuynh hướng thiên về phi hữu ái. Cái dục thô sơ là *Visattika tanha* (Liên hữu dục). Cái dục vi tế ngủ ngầm trong tâm, không hiển lộ bằng hình thái ngoại tại, gọi là *Vattamulaka tanha* (nguồn dục luân hồi). Nguồn dục tế vi này phải nhờ đến khả năng thánh quả vô lậu mới đoạn diệt mầm mống một cách dứt khoát được.

- Thừa Đại đức, nghe nói pháp môn nhà Phật có tám vạn bốn ngàn (84.000) nếu tóm gọn thì còn bao nhiêu?

- Muôn tâu, chỉ còn có một.

- Thật vậy sao, thừa Đại đức.

- Muôn tâu, bản đạo nào dám nói lời thất thiệt.

- Thừa Đại đức, tại sao lại chỉ còn có một?

- Muôn tâu, lúc trụ thế, Đức Phật tập trung toàn bộ giáo lý của Ngài vào một từ phủ định: “*Không phóng dật*.” Điều này trở nên vô cùng căn bản, Ngài cũng dùng từ này làm di giáo tối hậu: *Appamadena sampadetha hĩy nghiem hành không phóng dật*.

Quá hoan hỷ với pháp thoại đi từ Pháp đàm, Đức vua tâm tình:

- Thừa Đại đức, vì mãi mê theo dõi pháp thoại, trầm thật vô tình mà cũng kém phần lịch sự, quên mất, không hỏi phương danh, quý tánh của Đại đức.

- Muôn tâu, các pháp lữ gọi bản đạo là Sa di *Nigrodha*.

Đức vua ngỏ lời tán thán:

- Thật phi thường, thật sự phi thường, đệ tử đức Thế tôn dù là một vị Sa di cũng thông tuệ xuất chúng. Đối đáp nghiêm túc, giải thích rõ ràng, văn cú mạch lạc, chứng tỏ kiến thức uyên bác, có giáo dục và huấn luyện, dung hợp tiêu chuẩn lý, cơ đúng phương pháp.

Asoka Vấn Đạo

Tuy thoạt đầu câu chuyện đi từ đối thoại đến đàm thoại có tính giải nghi, nhưng nhờ quá trình công đức trợ duyên, cộng thêm bản chất thông tuệ cố hữu, Đức vua lãnh hội tương đối giáo lý căn bản, khởi lòng tịnh tín, muốn tìm hiểu thêm những phần thâm mật mà Đức vua hoàn toàn tin tưởng sẽ khám phá những tinh hoa kỳ tuyệt trong toàn bộ di giáo mà đức Từ phụ Thích tôn lưu bố cho hàng hậu học.

Đức vua cảm nhận bất cứ cuộc hành trình nào cũng phải có bản đồ hướng dẫn và hướng đạo viên, bằng không sẽ rơi vào quỹ đạo tà nguy mà hậu quả khó đo lường, nó giống như người mù dắt người đi quờ quạng trong đêm tối. Đã có chủ đích, Đức vua quyết tâm tầm sư học đạo.

Bỗng có một ngày, bầu trời quang đãng, nắng ấm, gió mát, khiến Đức vua cảm thấy vô cùng sáng khoái, đúng hơn là ngày hoàng đạo, Đức vua được biết có một vị thánh Tăng đạo cao đức trọng, pháp danh *Moggaliputta Tissa* tịnh cư trong một hang động, núi *Udhotangapabbata* nằm ở thượng nguồn sông *Ganga*, giới luật nghiêm minh, đa văn quảng kiến, uyên thâm Phật học, thành tựu cứu cánh đời sống phạm hạnh, viên mãn bốn tiêu chuẩn cụ túc:

1. ***Atthapatisambhida: Nghĩa cụ túc*** cũng gọi là ***nhân cụ túc***, tức quán triệt tất cả nguyên tố nhân duyên như thế nào sẽ đưa đến hậu báo ra sao một cách tường tận, tinh tế.

2. ***Dhammapatisambhida: Pháp cụ túc*** cũng gọi là ***quả cụ túc***, tức liễu tri toàn diện mọi hiện quả tác thành từ nguyên tố nhân duyên gì.

3. ***Patibhanapatisambhida: Biện tài cụ túc*** hoặc ***biện tài vô ngại***, tức thiên tài hùng biện, tất thắng trong mọi đối thoại, không phải dẫn đo suy nghĩ trong tất cả vấn nạn dù hóc búa nan tri.

4. ***Niruttipatisambhida: Văn cú cụ túc*** hoặc ***văn chương thi cú vô ngại*** tức sử dụng toàn diện các loại văn chương bát cổ, cận đại, hiện đại lưu loát kê cả các loại sinh ngữ không hề ngần ngại. Người đối thoại dùng loại văn nào thì liền đối đáp tuyệt hảo loại văn đó.

Đức vua còn được biết thêm: Tôn giả là vị thánh Tăng đã viên đặc lục thông (*Chalabhinna*):

1. ***Dibbasota: Thiên nhĩ thông*** tức khả năng nghe được tất cả loại âm thanh dù nói thật nhỏ và cách ly muôn vạn dặm.

2. ***Cetoparinna: Tha tâm thông*** tức hiểu biết tâm ý của tất cả hữu tình trời người thậm chí vi tế còn trùng toàn triệt, dù chỉ một khởi niệm thật vi tế.

3. ***Pubbenivāsānussatinana: Túc mạng thông*** tức khả năng nhớ biết tiền kiếp tự thân và tha nhân trong vô số lượng kiếp không sót thiếu bất cứ một mây may sinh nghiệp, sinh kế, tổ tiên gia phả, tên tuổi, thọ mạng, tâm tính và kiến thức.

4. ***Cutupapattanana: Sinh tử thông*** tức khả năng siêu phàm toàn tri mọi loại chúng sinh tác tạo hạnh nghiệp như thế nào mà phải tái diễn luân hồi lưu chuyển trong các cảnh thiện thú hoặc ác thú như hai với hai là bốn, không hề có bất cứ một lầm lẫn nào dù vi tế.

5. **Iddhividhi: Thần túc thông** tức năng lực siêu phàm biến hóa một thành trăm, thành ngàn, thành vô số hoặc thu hồi từ phức số trở thành đơn số tùy ý lực. Thậm chí độn thổ, độn thủy, ngòi kiết già lơ lửng không trung rờ mặt trời mặt trăng hoặc trong thời gian duỗi tay Ngài có mặt ở cõi trời Phạm thiên.

6. **Asavakkhayanana: Lưu tận thông** tức ý lực siêu nhiên thấy rõ, hiểu thấu, quán triệt nhân duyên trùng trùng sinh diệt, hữu vô năng sở, hoại đầu vô minh, hoại cuối sinh tử liên dây và sàu, bi, khổ, ưu, não là một chuỗi dài liên lý vô thủy vô chung.

Sau khi dẫn đo chọn người đại diện đi cung thỉnh ngài thánh Tăng. Đức vua nhận thấy *Sasavat* và *Venupala* là nhân tuyển thích hợp nhất. Nhận khẩu lệnh này, *Sasavat* thật sự vui mừng không thể tả. Vì xưa nay bản tính chàng thích cuộc sống nội tâm sâu sắc, thâm trầm không thích hình thức nhiệt náo, hào nhoáng bên ngoài. Nên khi được chỉ định cùng *Venupala* đi cung thỉnh ngài thánh Tăng *Moggaliputta Tissa*, bèn lập tức khởi hành không phút giây chậm trễ.

Ngọn núi *Lidhotanga* tuy xa, nhưng Đức vua lệnh cho dùng mã xa, nên chẳng bao lâu ngọn núi đã hiển lộ từ xa. Sau khi tìm chỗ dừng xe, *Sasavat* và *Venupala* cùng leo núi. Khi đến động đá cheo leo nơi ngài thánh Tăng tạm ngụ, *Sasavat* và *Venupala* chấp tay kính lễ vô cùng trang trọng và bạch rõ nguyện vọng nhà vua kính cung thỉnh Ngài lân mẫn quang lâm triều nội để Đức vua được cúng dường và học đạo. Những nguồn tin tốt đẹp liên quan sự hồi tâm chuyên ý của Đức vua, Ngài cũng tường tận. Trong thâm tâm vốn sẵn cảm tình trong niềm đạo, Ngài hoan hỉ nhận lời.

Vi là buổi chiều, nên Đức vua chỉ cúng dường sinh tố và các loại giải khát. Sau phần giải khát, Đức vua mở lời:

- Thưa Tôn giả, thật là một diễm phúc lớn khiến trẫm được bái kiến một vị chân tu, đạo cao đức trọng. Nếu không phải là chuyện quấy rầy, kính xin Tôn giả cho phép trẫm được nêu lên một số thắc mắc để Tôn giả từ mẫn giải tỏa.

Tôn giả nhận lời.

- Thưa Tôn giả, người đời nên có tín ngưỡng tôn giáo hay không.

- Muôn tâu, Hoàng thượng nghĩ người đời nên có lý tưởng làm đối tượng sống hay không?

- Thưa Tôn giả, nên có.

- Muôn tâu, nếu người đời cần có lý tưởng làm đối tượng sống, thì đối với tín ngưỡng cũng cần như vậy.

- Thưa Tôn giả, tôn giáo cần phải có những tiêu chuẩn gì?

- Muôn tâu, được gọi là tôn giáo đúng nghĩa, phải hội đủ sáu tiêu chuẩn:

1. Vị giáo chủ phải là nhân vật lịch sử mà đa số quần chúng tin tưởng.

2. Giáo lý căn bản là chân lý về khổ, nhân khổ, lạc và pháp đắc lạc.
3. Có đệ tử xuất gia, tại gia là người thừa tự pháp.
4. Có cơ sở tín ngưỡng cổ lưu và cơ sở tân tạo là (Phật giáo địa – Tôn giáo sở).
5. Có hình thức lễ nghi truyền thống khế hợp lý, cơ.
6. Có người tịnh tín, lĩnh hội và y giáo phụng hành, không lý thuyết suông.

- Thưa Tôn giả, tín ngưỡng (tôn giáo) Ngài đang thực hành có hội đủ tiêu chuẩn vừa kể hay không?

- Muôn tâu, hoàn toàn cụ túc.

- Thưa Tôn giả, người không có bất cứ tín ngưỡng nào hết thì tốt hay xấu?

- Muôn tâu, người có tín ngưỡng chính kiến vẫn tốt hơn vì tôn giáo chân chính thường gọi là Chánh đạo thì luôn dạy khuyên người xa điều ác, làm việc lành, thanh tịnh tâm ý.

- Thưa Tôn giả, các tôn giáo có dị đồng về mặt thành tựu không?

- Muôn tâu, dĩ nhiên phải có. Bàn đạo thí dụ điển hình để vấn đề sáng tỏ, tuyệt đối không mang bất cứ ý niệm khích bác. Chẳng hạn trong Bà la môn giáo, tín đồ có quyền giết thú, thậm chí giết người để tế thân, trong khi đạo Phật tuyệt đối cấm sát sinh. Giết người, giết vật tế thân thì hậu quả là đau thương, chết chóc, máu tươi, xương trắng, sinh ly tử biệt, tiếng khóc oán than, sự sống là món hàng, tình người là trò chơi đổi chác, cái hạnh nghiệp đưa đến hậu quả như vậy liệu có cần thiết, có nên áp dụng hay không. Trong khi đạo Phật chủ trương hoàn toàn trái ngược. Chính công trình trái ngược này là thành quả đưa đến hậu quả từ ái, bi mẫn vì mạng sống được tuyệt đối tôn trọng, xương máu tuyệt đối được bảo lưu, người người sum họp, nhà nhà an vui. Đồng loại được tuyệt đối trân quý. Trong kinh Pháp cú có câu: *“Chúng sinh đều sợ hình phạt và chết chóc, hãy xét phận mình đừng bao giờ hành phạt và giết chóc ai.”*

Đức vua cảm thấy thú vị, ngọt ngào, dung thông tinh lý đối với pháp thoại của Tôn giả, nhưng ngài muốn xoáy vào lý đạo thật xuyên suốt, để đi đến một quyết định tối hậu:

- Thưa Tôn giả, người phát khởi tín tâm hướng thiện và hướng thượng, có cần thiết phải xuất gia không?

- Muôn tâu, xuất gia là hạnh ly dục chứ không phải hình thức giới điều, chiếc áo không tiêu biểu bậc xuất gia. Đầu thí phát cũng không phải dấu hiệu đặc trưng của vị Sa môn. Tuy nhiên, hạnh xuất gia có cơ hội phục vụ hữu hiệu hơn, lợi lạc hơn, kết quả hơn, vì như lệnh Hoàng thượng khi chưa đăng quang tức vị thì cơ hội phục vụ quyền lợi đất nước, dân tộc không được tích cực và hữu hiệu như bây giờ.

- Thưa Tôn giả, mục đích xuất gia là gì?

- Muôn tâu, mục đích xuất gia là giảm thiểu những bất thiện Pháp.

Đức Bổn sư không bắt buộc mọi người xuất gia, nhưng Ngài khẳng định hạnh xuất gia có nhiều phương tiện ưu việt hơn người cư sĩ, vì cư sĩ đa đoan thế sự, nhiều khê, phiền phức vợ, con, sinh kế, nghiệp chướng, phiền não chướng ngoại tại doanh vẫy, không có thì giờ nhàn rỗi, lại thêm tiếp xúc quá thường xuyên với ngoại trần khiến tâm hồn luôn bị vẩn đục.

- Thưa Tôn giả, đạo Phật giải thích thế nào về tái sinh, chuyển kiếp còn gọi là luân hồi.

- Muôn tâu, các loài hữu tình, nếu còn phiền não thì còn luân hồi, trong thời điểm luân hồi, nếu tạo bất thiện nghiệp thì phải đọa vào khổ cảnh như súc sinh hoặc địa ngục. Nếu tạo nhiều thiện nghiệp thì được chuyển kiếp làm người hoặc làm trời. Còn nếu phiền não đoạn tận thì không còn tái sinh, chuyển kiếp nữa. Ví như lệnh Hoàng thượng, sau khi đàm đạo với bần đạo muốn được nghỉ ngơi thì Hoàng thượng sẽ trở về ngự phòng. Còn nếu Hoàng thượng không muốn hồi cung thì Hoàng thượng cũng có thể ngự giá đến một địa điểm mà Hoàng thượng thích.

- Thưa Tôn giả, kính xin Tôn giả hoan hỷ giải thích tường tận, ngoài vai trò phiền não còn có vai trò nào khác quan trọng hỗ trợ trong tiến trình luân hồi của các loài hữu tình, giúp trầm lĩnh hội trọn vẹn vấn đề cơ hồ bất khả tri, bất khả tín.

- Muôn tâu, nếu đề cập vai trò chủ yếu tiến trình luân hồi của mọi hữu tình thì đức Bổn sư khẳng định nghiệp lý: *Tất cả chúng sinh là chủ nhân của nghiệp cũng là kẻ thừa tự nghiệp, nghiệp là thai tạng, là quyến thuộc, là điểm tựa cho vạn loài. Chính nghiệp phân chia sự dị biệt cao thấp trong đời. Chính mình làm việc ác nên khiến mình uế trước, chính mình làm việc lành nên khiến mình thanh tịnh. Thanh tịnh hay uế trước đều do mình. Không ai có thể khiến người khác tịnh thanh hay uế trước. Chính định lý nghiệp là tác lực của luân hồi. Nếu phủ nhận sự liên hệ bất khả phân giữa nghiệp lý và luân hồi thì quả thật thế giới này sẽ không còn có công lý.*

- Thưa Tôn giả, vấn đề càng trở nên phức tạp, kính xin Tôn giả hoan hỷ giải thích thật rộng rãi, chi ly.

- Muôn tâu, trước hết, bần đạo xin trình bày vai trò của nghiệp. Nghiệp có bốn vai trò:

1 **Janakamma (Sinh nghiệp)** tức vai trò chủ yếu tác nhân sự hình thành hữu tình tốt, xấu, sang, hèn. Thường thì sinh nghiệp là hậu báo của huân nghiệp (*Acinnakamma*) hoặc là hậu báo của cận tử nghiệp (*Asannakamma*) đóng vai tang trợ trước khi người ấy mạng chung.

2. **Upatthambhakakamma (Trì nghiệp)** tức vai trò trì dưỡng – là nghiệp đi theo Sinh nghiệp và trì dưỡng nghiệp này cho đến khi mạng chung.

3. **Upapilakakamma (Chướng nghiệp)** tức vai trò áp lực hoán chuyển làm yếu ớt, chãm dứt khổ đau, hay áp lực khiến phước đức tiêu hao hoặc mất khả năng trở quả, nghĩa là dừng lại sự kết thành của sinh nghiệp, trái với trì nghiệp.

4. *Upaghatakamma (Doạn nghiệp)* tức vai trò chằm dút quả của thiện nghiệp cũng như quả của ác nghiệp.

Nghiệp nói theo chức năng có bốn:

1. *Garukamma (Trọng nghiệp)* tức năng lực Đại thiện tâm, thường là kết quả của thiện như Tứ thiện Sắc giới chẳng hạn, có chức năng tác thành hiện chính báo hoặc hiện y báo. Về mặt Bất thiện thì năm nghiệp đại nghịch, như giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Trọng nghiệp bất thiện này có chức năng trả quả ngay trong hiện kiếp và hậu kiếp.

2. *Bahulakamma hoặc Acinnakamma (Thường nghiệp hoặc Huân nghiệp)* tức nghiệp liên tục vì tích lũy ít nhiều không gián đoạn khiến trở thành thói quen. Nghiệp này trả quả chậm nhưng dai dẳng.

3. *Asannakamma (Cận nghiệp)* tức hạnh nghiệp trước giờ phút lâm chung, dù chỉ là tác ý đều có chức năng tác thành cảnh giới thọ sanh.

4. *Katattakamma hoặc Katattavapanakamma (Tích trữ nghiệp hoặc Khinh thiếu nghiệp)* tức loại nghiệp mà chúng sinh tích tập dự trữ một cách vô tri, nghĩa là không có tác ý nhưng cũng có chức năng trả quả không nhất định thời gian, không gian. Những hạnh nghiệp không thuộc ba loại trên đều khấp vào nghiệp này.

Nghiệp nói theo thời điểm trả quả có bốn:

1. *Ditthadhammavedaniyakamma (Hiện báo nghiệp):* Hiện kiếp báo tức chính báo, y báo trả quả ngay trong hiện kiếp.

2. *Upapajjedaniyakamma (Sinh báo nghiệp):* Hậu kiếp báo tức loại nghiệp trả quả ngay sau kiếp chết.

3. *Aparaparavedaniyakamma (Hậu báo nghiệp):* Hậu kiếp gián đoạn báo tức loại nghiệp trả quả tùy điều kiện, hoàn cảnh và thời gian.

4. *Ahosikamma (Vô hiệu nghiệp)* tức loại nghiệp có tác nhân nhưng không có hậu quả.

- Thưa Tôn giả, kính xin ngài hoan hỷ giải thích tổng hợp lý, sự, giúp trăm lĩnh hội trọn vẹn một đề tài khó liễu tri tường tận. Thưa Tôn giả, có phải Sinh nghiệp (*Janakamma*) đóng vai tác nhân mọi hiện quả của chúng sinh như giàu, nghèo, ngu trí, sang hèn, đẹp xấu?

- Muôn tâu, đúng vậy.

- Thưa Tôn giả, còn trì nghiệp (*Upatthambhakamma*) thì vai trò rõ nét nhất là thế nào?

- Muôn tâu, một hữu tình sinh ra trong một gia đình phú quý, không phóng dật, biết cách duy trì, có phương án phát triển, thương quý côn nhân, nói năng khiêm ái, có lương tâm và tư

cách thì người ấy chắc chắn càng giàu sang phát đạt. Đó chính là vai trò của trì nghiệp thiện (*Upatthambhakakamma*). Ngược lại, nếu có người được sinh vào gia đình giàu có nhờ quá trình công đức, nhưng phung phí trác táng, tài khí từu sắc, tiếp cận và đồng lõa với ác hữu, không có quy trình duy trì, phát triển thì người ấy chắc chắn sẽ bị hao tài, suy sụp và phá sản. Ấy chính là vai trò của trì nghiệp ác (*Upatthambhakakamma*). Trong trường hợp vì sinh nghiệp ác (*Janakakamma*) tác thành hữu tình thô xấu, hàn vi lại tạo thêm nhiều hạnh nghiệp bất thiện thì chắc chắn cuộc đời họ càng thảm thương hơn. Đây chính là vai trò của trì nghiệp bất thiện.

Nếu như một hữu tình hàn vi, thô xấu nhưng không phóng dật, tiếp cận thiện hữu, thì trì nghiệp sẽ biến thành chướng nghiệp (*Upapilakakamma*) khiến nghiệp bất thiện cũ suy yếu. Nếu người này luôn có sự nỗ lực tinh cần, sống đúng theo chánh nghiệp và nuôi thân đúng theo chánh mạng, huân tập nhiều công đức thì trì nghiệp (*Upatthambhakakamma*) biến tướng thành đoạn nghiệp (*Upacchetakakamma*) có chức năng chấm dứt bất thiện nghiệp cũ, khiến trở mình vươn lên địa vị khá giả, phú quý trong xã hội.

- Thừa Tôn giả, trăm đã lĩnh hội tương đối rõ ràng những định lý về nghiệp qua cách giải thích dung hợp lý, sự vô cùng mạch lạc của Tôn giả. Về chức năng của nghiệp như: Trông nghiệp (*Garukamma*), Thường nghiệp (*Acinnakamma*), Cận tử nghiệp (*Maranasannakamma*) và Khinh thiếu nghiệp (*Katattakamma*), thì trăm không còn thắc mắc. Trăm chỉ xin Tôn giả hoan hỷ giải thích thời điểm trả quả của nghiệp.

- Muôn tâu, bản đạo xin giải thích tổng hợp đại lược:

Nghiệp thiện hoặc ác mà thời điểm trả quả ngay trong hiện kiếp - thường là Trọng nghiệp - gọi là Hiện báo nghiệp.

Nghiệp nào không trả quả ngay trong hiện kiếp mà sẽ trả quả liền sau khi chết, gọi là Sinh báo nghiệp (*Upapajjedaniyakamma*).

Nghiệp không có cơ hội trả quả ngay trong hiện kiếp, hoặc kiếp liền sau khi chết mà chỉ trả quả giai đoạn tùy điều kiện, hoàn cảnh và thời gian, gọi là Hậu báo nghiệp (*Aparapariyedaniyakamma*).

Sau cùng, nghiệp có tác nhân nhưng không có hậu quả, gọi là Vô hiệu nghiệp (*Ahosikamma*). Loại nghiệp này chờ đợi nhưng không có cơ hội, lâu ngày chầy tháng, thời gian cứ hun hút qua đi, cuối cùng không trả quả được, cũng như hạt giống để lâu bị hư.

- Thừa Tôn giả, có nghiệp nào cùng loại nhưng thời điểm trả quả khác nhau mà tên gọi cũng khác nhau.

- Muôn tâu, có. Chẳng hạn như: nghiệp sát nhân phải bị trả quả ngay trong hiện kiếp, gọi là hiện báo nghiệp (*Ditthadhammavedaniyakamma*). Sau khi thân hoại mạng chung phải bị đọa vào khổ cảnh như địa ngục hoặc súc sinh, gọi là Sinh báo nghiệp (*Upapajjedaniyakamma*). Nhưng nếu thoát khỏi khổ cảnh được sinh làm người thì phải yếu mạng; gọi là hậu báo nghiệp (*Aparapariyedaniyakamma*). Cũng loại sát nghiệp như vậy, nhưng nhờ chức năng tiền phước còn tang phục cản trở khiến Bất thiện nghiệp (sát nghiệp) không có cơ hội trả quả, lại thêm người

ấy tích cực tác tạo công đức liên tục không gián đoạn khiến khối công đức càng to tát, vĩ đại trợ duyên hữu hiệu, trong trường hợp như vậy, gọi là Vô hiệu nghiệp (*Ahosikamma*).

Bản đạo xin thí dụ, một người phạm tội sát nhân nhưng khéo trốn tránh suốt thời gian lâu hơn hai, ba chục năm thì bản án sẽ được hủy bỏ, pháp luật không còn truy cứu nữa. Vô hiệu nghiệp cũng giống như vậy.

- Thưa Tôn giả, Cận nghiệp và Thường nghiệp, nghiệp nào trả quả trước.

- Muôn tâu, Cận nghiệp trả quả trước nhưng trong thời gian rất giới hạn và sau đó là vai trò của Thường nghiệp (*Acinnakamma*) trả quả. lẽ dĩ nhiên giai đoạn này liên li lâu dài. Thí dụ như đàn bò trong chuồng, con nào đứng gần cổng, dầu già hay yếu, sẽ ra trước. Những con bò khác dù tơ hay mạnh cũng phải ra sau. Trên đường đi, chúng có thể thay đổi vị trí. Cũng giống như một người suốt đời tác tạo công đức, nhưng đã có một vài lần hỗn hào phạm thượng mẹ cha. Trong giờ phút sắp lâm chung, chập tư tưởng sau cùng bỗng nhớ chuyện này và cảm thấy hối hận thì sau khi mạng chung sẽ bị đoạ địa ngục, hoặc súc sinh, hoặc nếu được làm người thì phải chịu cảnh khổ sở cơ hàn trong một thời gian ngắn, và sau đó thường nghiệp thiện (*Acinnakamma*) mới có cơ hội trả quả lâu dài. Trong ý nghĩa tương phản, một người suốt cuộc đời chuyên tạo ác nghiệp, nhưng đã có một vài lần tạo thiện nghiệp. Trong giờ phút sắp lâm chung, chập tư tưởng sau cùng bỗng nhớ tới công đức và cảm thấy hoan hỉ thì sẽ được sanh về lạc cảnh hưởng thụ lạc thú trong một thời gian ngắn, và sau đó Thường nghiệp bất thiện (*Acinnakamma*) sẽ trả quả lâu dài. Đúng với Phật ngôn: *Natthi kammamalam: không sức mạnh nào bằng nghiệp*.

- Thưa Tôn giả, nghiệp thiện có thể làm tan loạn nghiệp ác hoặc ngược lại hay không?

- Muôn tâu, có thể. Ví như bỏ nắm muối vào chén nước thì nước sẽ mặn. Nhưng nếu bỏ xuống sông thì muối sẽ bị tan loãng mất chất mặn. Cũng như thế ấy, nghiệp thiện có thể bị nghiệp ác làm tan loãng nếu nghiệp ác quá nhiều và ngược lại cũng vậy. Loại nghiệp này cũng có thể gọi là có như không có (*Abbhoharikakamma*).

- Thưa Tôn giả, nghiệp thiện, nghiệp ác khi chưa trả quả thì chúng ở đâu?

- Muôn tâu, ở trong tâm người ấy.

- Thưa Tôn giả, ở chung nhau không bị lẫn lộn sao?

- Muôn tâu, không thể lẫn lộn – ví như dầu với nước ở chung chai. Không thể lẫn lộn.

- Thưa Tôn giả, trên thực tế mình không có thấy.

- Muôn tâu, tuy không thấy bằng mắt nhưng có thể cảm thấy bằng tâm. Cũng như mùa này, xoài trong vườn Hoàng thượng chưa có trái nhưng đến đúng mùa nó sẽ có trái. Vậy, theo Hoàng thượng, những trái xoài sẽ trở trong tương lai hiện ở đâu?

- Thưa Tôn giả, thì ở trong thân cây xoài.

- Muôn tâu, cây xoài và trái xoài cũng giống như nghiệp khi chưa trổ quả thì không thấy bằng mắt nhưng cảm thấy bằng tâm. Nghiệp trả quả tùy thời, đúng lúc và trả nhiều lần, trừ phi bị đoạn đứt bằng Thánh quả. Cũng như, cây xoài vẫn kết trái đúng mùa, trừ phi rễ bị bứng lên hoặc bị chết.

- Thưa Tôn giả, cho đến bao giờ nghiệp mới chấm dứt không trả quả.

- Muôn tâu, có ba nhân tố:

1. **Hết hạn** tức nghiệp trả quả đầy đủ tương xứng thì chấm dứt. Ví như tội phạm bị kết án ba năm tù. Đủ ba năm thì hết tội, được trả tự do. Hoặc trong thời gian ở tù, phạm nhân phạm thêm những lỗi khác thì thời hạn sẽ bị gia tăng. Nhưng nếu khéo nghiêm hành kỷ luật và tích cực tu sửa thì cũng có thể sẽ được Hoàng thượng khoan hồng và miễn tù trước thời hạn.

2. **Hết lực** tức nghiệp lực bị hóa giải bởi thánh quả lực nghĩa là một vị thánh nhân nhờ năng lực siêu thế “Tứ vô ngại giải” hoặc gọi là “Tứ thần túc” hóa giải, không đủ sức trả quả. Ví như loại trái ngon chỉ có thịt mà không có hạt. Thí dụ thứ hai, muôn tâu, như kẻ cướp rượt tài chủ đoạt của báu. Nhưng khi chạy đụng con sông lớn, may mắn gặp thuyền sang sông, nên thoát được nạn.

3. **Can thiệp** tức trường hợp có một trọng nghiệp khác can thiệp vào thì khinh nghiệp đang trả quả phải tạm hoãn. Đến khi trọng nghiệp can thiệp giải quyết xong thì khinh nghiệp sẽ tái tục trả quả. Sự can thiệp của thiện nghiệp hoặc ác nghiệp mang chung một ý nghĩa, một vai trò.

Cũng giống như hiện tại Hoàng thượng đàm đạo với bản đạo và Hoàng thượng sẽ tiếp tục hiện diện tại đây với bản đạo. Nhưng nếu được khẩn tâu là có địch quân đang bao vây và tiến đánh kinh thành thì Hoàng thượng chắc chắn phải hồi giá lập tức. Sự can thiệp của thiện nghiệp hoặc ác nghiệp cũng như thế ấy. Do đó, muôn tâu, quả thật vấn đề nghiệp quả vô vàn nan tri toàn diện trong một hai kiếp sống.

- Thưa tôn giả, Phật giáo có khẳng định chúng sinh sau khi mạng chung còn tái sinh.

- Muôn tâu, Phật giáo xác nhận tái sinh là hệ quả nếu còn nhân tố tái sinh.

- Thưa Tôn giả, cái chi là nhân tố tái sinh.

- Muôn tâu, chính khát ái cùng với hỷ và tham, tầm cầu dục lạc đó đây, là nhân tố tái sinh.

- Thưa Tôn giả, khi tái sinh, kiến thức và kinh nghiệm cũ biến đi đâu, mà chúng sinh phải học tập trở lại.

- Muôn tâu, Hoàng thượng có tin là hạt trái xoài giống vốn ở trong thân cây xoài.

- Thưa Tôn giả, trầm tin.

- Muôn tâu, thế tại sao khi trồng xoài không đơm bông kết trái ngay mà phải chờ đợi, bón phân, tưới nước và phải bắt tay, khởi sự cho cuộc chăm sóc mới.

- Thừa Tôn giả, trầm đã hiểu. Tuy nhiên, trầm còn hoài nghi một vấn đề sau cùng, là chính đương sự tạo nghiệp trực tiếp trả quả hay có một nhân vật khác gián tiếp trả quả.

- Muôn tâu, vấn đề tương đối phức tạp, khó hiểu. Trước hết, bản đạo xin phân tích nghiệp theo chiều hướng liên đới nhân quả:

Nghiệp cá nhân.

Nghiệp gia đình

Nghiệp xã hội

Nghiệp dân, nghiệp nước

Nghiệp thế giới.

Cá nhân tạo nghiệp thiện hoặc ác thì phải trực tiếp liên đới trách nhiệm hệ quả. Nhưng gia đình, đoàn thể, nhân dân, đất nước, thế giới cũng liên đới gián tiếp.

Muôn tâu, vì như một con dân của Hoàng thượng phạm tội sát nhân, lẽ dĩ nhiên đương sự phải trực tiếp lĩnh án trong hiện kiếp và tiếp tục trả quả khổ trong ác thú. Nếu đương sự bị kết án chung thân thì gia đình tội nhân cũng phải gián tiếp liên đới trách nhiệm hệ quả nhất là cha mẹ vợ con và anh em huyết thống. Trong mọi không gian vật lý, sinh lý và tâm lý. Đối với tập thể gia đình người bị giết thì ông bà, cha mẹ, vợ con, anh em huyết thống, bà con, bạn hữu họ sẽ liên đới hệ quả đau khổ, nhớ thương, oán hận, tìm cách trả thù tạo nghiệp chướng oan oan tương báo vay trả trả vay khó bề chấm dứt. Nếu người bị giết là trụ cột gia đình thì tập thể này sẽ khổ sở, nghèo đói và cực khổ biết bao. Thêm một người phạm pháp thì cộng đồng nhân dân mất một công dân tốt và tổ quốc phải tổn hao công quỹ vô ích trong việc cư mang. Nghĩa là Hoàng thượng cũng phải liên đới trách nhiệm tinh thần đối với con dân của mình. Nếu nhân dân của nhiều quốc gia liên đới trách nhiệm hệ quả bất thiện thì thế giới cũng chịu ảnh hưởng lây.

Muôn tâu, đôi khi nghiệp bất thiện do người có quyền lực tối cao trong một quốc gia là tác nhân thì hệ quả vô cùng khủng khiếp. Nghiệp bất thiện do tham, sân, si chủ động thường đưa đến hệ quả núi xương, sông máu của tuyệt đại đa số người dân vô tội. Đức Phật dạy: *Phàm làm việc gì, trước hết phải nghĩ đến hậu quả của nó. Chính nghiệp phân chia sự dị biệt cao thấp trong đời. Chính mình làm việc ác nên khiến mình ứ trước. Chính mình làm việc lành nên khiến mình thanh tịnh. Thanh tịnh hay ứ trước đều do mình. Không ai có thể khiến người khác tịnh thanh hay ứ trước.* Về thời gian nghiệp trả quả thì có sớm muộn, lâu mau.

Đức Phật dạy: *Khi ác nghiệp chưa trở quả thì người ác chưa thấy là ác, đến khi quả nghiệp kết thành, bấy giờ người ác mới thấy là ác. Khi thiện nghiệp chưa trở quả thì người thiện chưa thấy là thiện. Đến khi quả nghiệp kết thành, bấy giờ người thiện mới thấy là thiện. Không phải do dòng dõi thọ sinh mà một người cao quý hay thấp hèn. Chính hành vi tạo tác khiến người*

thấp hèn hay cao quý. Mỗi chúng sinh là kết tinh của những gì đã tạo và sẽ là kết quả những gì đang tạo. Quá khứ, hiện tại, tương lai kết nối bằng những tác ý thiện hay bất thiện. Về phương diện chính báo và y báo, Đức Phật dạy: Đời này đau khổ, đời sau cũng đau khổ. Người tạo nghiệp bất thiện đau khổ cả hai đời. Xét ác nghiệp đã làm, khiến lòng sầu khổ. Sinh vào khổ cảnh nổi khổ nhiều hơn. Kiếp này an lạc, kiếp sau cũng an lạc. người tạo nghiệp lành hai đời an lạc. Xét việc thiện đã làm khiến tâm hoan hỷ, sinh vào lạc cảnh hạnh phúc nhiều hơn.

Đức Phật xác nhận, người tạo nghiệp thiện trong hai phương diện: Phúc và huệ thì đời này sống vô cùng an lạc, đời sau thì sự an lạc sẽ triệu lần thủ thắng hơn: người tu trì phúc, huệ, hai đời vui biết bao. Vui thay được tạo phước, thiên giới lạc đón chào.

Muôn tâu, quy luật nghiệp báo là khuôn thước chuẩn mực, là ngọn đuốc soi đường đêm tối, là hải đăng giữa bể cả mê mông, kính mong Hoàng thượng hành trình đúng phương hướng thì Hoàng thượng sẽ cập bến bờ tịnh lạc, hạnh phúc cho bản thân, triều đình, thân dân, quốc gia và thế giới.

- Thưa Tôn giả, trẫm vô vàn cảm tạ thâm ân giáo hóa của Tôn giả. Trẫm phát nguyện, trọn đời quy ngưỡng.

Hoàng Đế Vitasoka

Sau câu nói: Trẫm xin trọn đời quy ngưỡng, Đại đế *Asoka* rời ghế ngai, đối mặt quỳ xuống, hai bàn tay chắp lại khít khao, mười ngón liền lạc đều đặn như hoa sen trước sự chứng minh của Tôn giả *Moggaliputtatissa*, ba lần: Ngưỡng bạch Tôn giả, đệ tử xin quy y Phật, đệ tử xin quy y Pháp, đệ tử xin quy y Tăng. Tam Bảo là đối tượng tựa nương, là ngọn đuốc soi đường trong cuộc đời. Kính xin Tôn giả chứng minh cho đệ tử thành cận sự nam đã quy y Tam Bảo kể từ ngày nay cho đến trọn đời.

Thật là phi thường, thật là kỳ diệu! Vừa dứt ba lần chính thức phát nguyện quy y Tam Bảo của Đại đế, bỗng hiện tượng lạ phát sinh, trên trời mây chiếu tỏa năm màu, vũ trụ chuyển mình như sắp có địa chấn, sóng biển thét gào, chim trời líu lo ca hát, toàn dân của *Pataliputra* đều vô cùng phấn khởi, hoan hỉ, và tin tưởng kỳ tích phi thường này là do tâm hồn hướng thiện của vị Đại đế kính yêu của họ mà xuất hiện.

Kể từ ngày chính thức trở thành Phật tử, Đại đế *Asoka* hoàn toàn chuyển hướng cuộc sống một trăm phần trăm. Tích cực thực hành chính pháp: lánh xa điều ác, tu tập hạnh lành, tích cực hộ Pháp, cung phụng Tăng già. Là một Phật tử thuần thành ngoan đạo. Đại đế đối xử bình đẳng với các tổ chức tín ngưỡng không có kỳ thị và phân biệt. Trong triều đại Đại đế, mọi tôn giáo đều được tự do phát triển và được Đại đế khuyến khích trợ duyên, đến đối tôn giáo nào cũng nghĩ Đại đế là tín đồ của họ. Thậm chí trong các sử liệu các tôn giáo đều có ghi chép công đức hộ trì giáo pháp của Đại đế. Tuy nhiên, về mặt sắt son tín ngưỡng thì Đại đế đã biểu lộ rõ nét niềm tin Tam bảo bất thối chuyển cũng như tư cách Phật tử ngoan đạo tuyệt đối của Đại đế được ghi khắc trên các trụ đá và bia ký nơi bốn Phật tích và các cơ sở tu viện, tịnh xá.

Trụ đá tại *Nepal* có khắc ghi chi dụ: *Đức vua Pihadassi tức Asoka sau khi đăng quang tức vị được mười bốn năm, đã kiến tạo hai ngôi bảo tháp cúng dường Đức Phật tổ Cồ đàm và đến năm thứ hai mươi một đã đích thân đến chiêm bái.*

Một trụ đá tại *Lumbini* nơi Đức Phật đản sinh, có ghi: *Đức vua Piyadassi tức Asoka sau khi lên ngôi được hai mươi năm đã đích thân đến chiêm bái Lumbini vì chính nơi này đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã đản sinh. Người cho dựng trụ đá để đánh dấu sự kiện lịch sử này ngõ hầu làm nơi chiêm bái cúng dường. Dân chúng vùng Lumbini được miễn thuế bảy phần tám nghĩa là chỉ đóng thuế tượng trưng một phần tám.*

Ngoài một số nhiều trụ đá, bia ký tại những thánh tích quan trọng do nhà khảo cổ khám phá, có một bia ký ghi niềm kính tin đối với hàng Tăng bảo: *Đại đế Piyadassi tức Asoka kính lễ cộng đồng Tăng già Magadha (Ma kiệt đà) cầu Tăng đoàn hưng thịnh và khương an. Các Ngài biết rõ Đại đế một lòng kính tin bất thối chuyển đối với Tam Bảo: Phật đà, Dạy ma và Tăng già. Chẳng những là một vị Đại hộ pháp vô cùng đặc lực mà Đại đế đã từng xuất gia làm Sa môn sống chung Tăng đoàn thời gian hơn một năm mới hồi tục lo việc triều chính. Chính hạnh xuất gia gieo duyên của Đại đế là tấm gương tiêu biểu mà trong hiện đại, các vị vua thuộc những quốc gia thể chế quân chủ đều có xuất gia gieo duyên trong một thời gian lâu, mau tùy hoàn cảnh và tùy duyên sự. Về sự kiện này, bia ký có ghi: Đại đế Piyadassi tức Asoka trở thành tại gia Upasaka (U bà tặc) được hai năm rưỡi. Trong khoảng thời gian này, Đại đế thực hành Chánh pháp không*

được tích cực; mãi đến khi được sống chung trong cộng đồng Tăng già tuy chỉ hơn một năm nhưng quả thật có gặt hái thành quả.

Nhờ Đại đế lấy thân làm gương, làm chứng nên bá quan trào thần văn võ cho đến thần dân bá tánh đều một lòng quy ngưỡng Phật đà, thực hành chánh pháp, phụng kính Tăng già, khiến lợi dưỡng phát sinh qua hình thức tứ sự cúng dường nhiều trên mức trung bình. Hoàng thái hậu *Vimamsa* vô cùng hoan hỷ, sung sướng ngập lòng vì cuộc sống hoàn toàn chuyên hướng của Đại đế *Asoka*. Bản tính lệnh bà hiền thiện và rất một đạo. Tuy mang danh nghĩa là Phi của Đức vua *Bindusara* nhưng vì một số cấm điều của Hoàng tộc thời bấy giờ, lệnh bà không được sống chung với nhà vua trong Hoàng cung – vì lệnh bà là người yêu riêng của nhà vua lúc còn là Thái tử. Cuộc mật giao với Đức vua, lệnh bà hạ sinh một trai đầu lòng, đặt tên *Asoka* (Vô ưu); lần thứ hai, bà sinh một trai nữa đặt tên *Vitasoka* (Diệt ưu). Mặc dù không được chính thức sống chung với Đức vua như những Phi khác, nhưng Đức vua rất yêu quý lệnh bà vì sắc đẹp diễm lệ, đức tính ngoan hiền và đạo tâm thuần cố. Trong cuộc sống hình thức tuy bất toàn nhưng thiện nghiệp cũng góp phần an bài một thứ tình yêu ngọt ngào và thú vị. Bên cạnh tình yêu Đức vua riêng ban, lệnh bà còn một nguồn an ủi khác rất lớn đó là hai đứa con trai. *Asoka* tuy không đẹp trai nhưng tài năng xuất chúng, giờ thì rất mực nên thân – là Đại đế của tiểu lục địa *Bharata*, là một minh quân, một Phật tử, một Đại Hộ pháp - lệnh bà vô cùng sung sướng, mãn nguyện với *Asoka*. Đối với *Vitasoka*, lệnh bà lấy làm lo lắng, ưu tư vì đứa con này chưa có niềm tin chánh pháp, vẫn tiếp tục sung quy ngoại đạo.

Một hôm, sau buổi cơm tối, lệnh bà gọi chuyện mang tính cách tâm sự mẹ con, qua một số vấn đề liên quan triều chính, đối nội, đối ngoại, nhất là chính sách an dân trị quốc của *Asoka*. Nhận thấy cơ hội thuận hợp, lệnh bà nói:

- *Vitasoka*, dường như con không hoan nghênh tín ngưỡng của hoàng huynh con, con có thể cho mẹ biết quan điểm của con?

- Thừa mẹ, con thực sự chưa phát tâm quy ngưỡng. Hãy để hoàng huynh làm theo ý thích của mình. Theo con thì chiến chinh vừa kết thúc hoàng huynh lại thực hiện hạnh bố thí vô cùng rộng rãi. Không khéo ngân khố hoàng gia cạn kiệt. Người nào kế vị hoàng huynh thì thật tội nghiệp vì ngoài ngai vàng sẽ không còn bất cứ một quyền lợi nào khác.

- Mẹ nghĩ, người tác tạo công đức như người gieo hạt giống. Chuyện đơm bông kết trái là sự kiện tất nhiên vì bông trái vốn tang phục trong thân cây từ thờ mới tượng hình. Tuy không thấy bằng mắt nhưng cảm biết bằng lý trí. Hoặc như bóng với hình, nếu hình bất động thì bóng không hiện lộ. Nhưng nếu hình hành hoạt thì bóng lập tức hiện bày. Hoặc như tập viết chữ, viết rồi xóa, xóa rồi viết. Chữ viết tuy bị xóa nhưng không mất vì chữ ấy đã nhập tâm. Thân cây khi đúng thời kỳ thì sẽ đơm bông kết trái; thân hình khi chuyển động thì bóng sẽ hiện lên; chữ nghĩa nhập tâm khi cần thì sử dụng được. Mẹ nghĩ quả phước đã có sẵn trong nghiệp phước, chưa trở quả vì chưa đúng năm tháng và thời tiết, nghĩa là vấn đề thời gian.

- Nhưng thưa mẹ, con thấy các vị Sa môn rất ích kỷ, thích cuộc sống lợi dưỡng, tiện nghi. Ngay như Tôn giả *Moggaliputtatissa* mỗi khi giảng đạo đều bảo rằng cúng dường cho các vị mới được phước nhiều. Về điểm này, con cảm thấy các ngài thiếu từ bi và bình đẳng.

- Con ạ! mặc cảm đã khiến con chủ quan thiên kiến. Mẹ cũng từng nghe Tôn giả giảng đề cập vấn đề bố thí, Tôn giả diễn dẫn Phật ngôn về ba tiêu chuẩn: *Tài thí*, *Pháp thí*, và *Vô úy thí*. Tài thí tức thí vật chất như cơm nước, y phục, chỗ ở và thuốc men, thí cho súc vật, phước không bằng thí cho người. Thí cho người thường, phước không bằng thí cho người có ngũ giới. Thí cho người có giới hạnh tinh nghiêm thí phước càng nhiều. Thí cho đoàn thể tu hành, không phân biệt thì phước nhiều nhất. Tôn giả đâu có giảng giải cúng cho cá nhân ngài hay đoàn thể Tăng sĩ của ngài.

- Thưa mẹ, con nghĩ bố thí mục đích là giúp đỡ người khác, đâu cần phước ít phước nhiều, phước lớn phước nhỏ. Nếu bố thí để được phước nhiều thì thưa mẹ, tư cách bố thí có hậu ý mong cầu, như vậy con nhận thấy vừa ích kỷ vừa tham lam.

- Nay con, làm ruộng tốt thì trúng mùa, ruộng xấu thì thất mùa. Tất cả nông phu đều chọn ruộng tốt để được trúng mùa. Người làm phước cũng vậy. Với lòng từ bi bố thí cho côn trùng cũng được phước nhưng không bằng thí cho người hành khất. Tri và hành như vậy không phải làm tham lam. Ruộng xấu mà muốn được trúng mùa như ruộng tốt mới là tham lam. Còn vấn đề bố thí có phân biệt hoặc không phân biệt thì Tôn giả cũng đã phân loại rõ ràng là sự cúng dường vô phân biệt đến đại chúng Tăng già được vô lượng công đức.

- Thưa mẹ, từ ngày mẹ và hoàng huynh sung đạo, con nhận thấy việc làm, lời nói khác xưa hoàn toàn. Có những lúc con nghe mà không hiểu gì hết, như *Parami*, *Asava*, *Yonisomanasikara* và nhiều nhiều nữa thật xa lạ mà xưa kia con chưa hề được nghe.

- Con à, mỗi chuyên khoa đều có những từ chuyên môn. Con thông suốt nhiều ngành, ắt con hiểu biết hơn mẹ. Đạo học hay Phật học cũng là một ngành chuyên biệt, lẽ dĩ nhiên phải có những từ chuyên môn. Giờ thì con chưa phát tâm mộ đạo nên con còn nghe lạ tai, khó hiểu. Nhưng nếu có một ngày mà con sung đạo, mẹ chắc chắn con sẽ hiểu biết hơn mẹ nhiều. Về những từ mà con nói là khó hiểu, mẹ lược giải đại khái.

Parami là mười bộ phận công đức riêng biệt để ráp lắp thành chiếc thuyền công đức có khả năng chuyên chở lữ khách từ bờ khổ sang bờ an lạc. Nghĩa chính của từ *Parami* là “đến bờ kia”. Mười bộ phận chiếc thuyền công đức, gồm có:

1. Bố thí
2. Trì giới
3. Ly dục
4. Trí tuệ
5. Tinh tấn
6. Nhẫn nại
7. Chân thật

8. Đại nguyện

9. Từ bi

10. Hỷ xả

Asava là những bợn nhơ vẫn đục tâm hồn, tức phiền não tham, sân, si, từ trong các cảnh cứ liên lý chảy ra không ngừng, khiến bỏ mất đạo và bị chìm đắm trong vòng sinh tử. Gọi là “**lậu**”, là “**hoặc**”, là “**lậu hoặc**” gồm có ba:

1. **Dục lậu (Kamasava)** tức mê loạn đắm say trong các dục.

2. **Hữu lậu (Bhavasava)** tức đắm say mê loạn trong những cái đã có, đã hiện hữu thuộc vật lý, sinh lý.

3. **Vô minh lậu (Avijjasava)** tức mê đắm trong ba cõi *Dục giới, Sắc giới, và Vô sắc giới*.

Yonisomansikara là khả năng vận dụng tâm lý trong chiều hướng tác ý đúng chân lý như thật gọi là “Nhu lý tác ý”. Nói cách khác là vận dụng trí tuệ quán chiếu thâm thấu mọi vấn đề một cách toàn diện.

- Thừa mẹ, con thừa thật với mẹ, con không mặc cảm, chủ quan. Nhưng con nhận thấy các vị Tỳ kheo chỉ sống ích kỷ, thích thụ hưởng, nhận của bá tánh cúng dường nhưng không làm gì có lợi cho bá tánh. Ngoài những việc cầu an, cầu siêu, học kinh, ngồi thiền, dường như các vị không có việc gì khác phải làm. Về vấn đề dạy đạo cho cư sĩ thì chỉ thỉnh thoảng, không thường xuyên. Công tác này cũng là thiếu sót trong cộng đồng Tỳ kheo mà thôi. Mẹ nghĩ, nhận xét của con có chủ quan không?

- Nay con, nếu nói ích kỷ, thích thụ hưởng và sống nhờ bá tánh thì mẹ nghĩ, chính chúng ta mới thực sự ích kỷ, thụ hưởng và sống nhờ bá tánh. Bình tâm suy nghĩ, con sẽ thấy sự nhận xét của con về cuộc sống các vị Tỳ kheo không có khách quan. Công tâm mà nói thì giai cấp Sát đế lỵ như chúng ta có bao giờ cửa lòng rộng mở thương xót giúp đỡ tha nhân, bố thí chẩn bần, chia cơm sẻ áo. Còn như các vị Tỳ kheo từ bỏ gia đình sống không gia đình, cắt ái từ thân, sống vì lợi ích, vì phúc lạc cho đa số, thân nghiệp vô hại, khẩu nghiệp vô hại, không hại mình, không hại người, thanh tịnh hóa tự thân và hướng dẫn tha nhân cùng thanh tịnh. Chỉ một ít đức độ lược dẫn đã đủ chứng minh các ngài không ích kỷ. Còn nói các Ngài thích thụ hưởng thì quả thật tội lỗi, mỗi ngày chân đất, tay ôm bình bát đi khát thực từng nhà không phân biệt.

Thường thì bá tánh lao động - được chi dùng này không quyền đòi hỏi, lựa chọn; y phục thường thì vải thô, rẻ tiền, chỉ được sử dụng một bộ chính thức và một bộ phụ tùng; nằm trên ván, nệm rơm, hoặc lấy y Tăng già lê trải lót; khi bệnh hoạn thì dùng thuốc tự chế bằng trái a ma lặc ngâm nước tiểu bò đực còn tơ màu đen thay cho cung cách thụ hưởng mọi tiện nghi sang trọng nhất mà con đang sở hữu. Đối với cuộc sống các ngài phải nhờ vào bá tánh một cách im lặng, khiêm tốn không hề mở miệng van xin. Tùy tự tâm hoặc tín tâm bánh bánh bố thí và cũng chỉ nhận đủ ăn một lần trong ngày. Nếu so sánh cuộc sống nhờ vả bá tánh thì các ngài tùy thuộc

sự phát tâm của bá tánh, trong khi chúng ta bắt buộc bá tánh đóng góp qua nhiều hình thức thuế vụ. Có những hình phạt dành cho những người thiếu thuế. Ngân khố quốc gia mà triều đình sử dụng cho mọi phí khoản từ trong nội cung, nội thành phồn hoa náo nhiệt đến biên ải heo hút ngàn gió bụi đều do sức cần lao gột mồ hôi tắm nước mắt của bá tánh.

Tóm lại, cuộc sống của chúng ta đều phải nhờ vào sự đóng góp của bá tánh có điều kiện bắt buộc. Đã vậy mà đôi khi một số viên chức hữu quyền bóc lột bá tánh. Hối lộ hối mại quyền thế khiến bá tánh vốn đã làm than lại thêm đói nghèo cơ cực. Chúng ta có bao giờ tìm hiểu cảm thông? Nếu có biết thì chúng ta đã có phương pháp giúp đỡ hữu hiệu nào cho họ chưa. Trong khi các ngài khuyên họ thực hiện hạnh bố thí tức sống tương giáo, tương thân, tương trợ, tương thuận trên cơ sở tài vật, truyền nghề, trao đổi kinh nghiệm, ngăn cản việc ác, khuyến khích việc lành, gia công tập thể. Để thăng tiến mức sống có hiệu quả, các ngài viện dẫn Phật ngôn: có bốn tiêu chuẩn thăng an hiện tại (*ditthadhammikattha*):

1. **Utthanasampada: Cần cù tức** tức tiến hành công tác một cách nỗ lực tinh cần, dù mưa nắng, sớm tối, đói no, xa gần, nghĩa là nỗ lực khắc phục điều kiện thời gian, không gian để hoàn thành công tác, không tùy thuộc điều kiện.

2. **Arakkhasampada: Kiệm cù tức** tức không phóng dật, không trác táng, không hoang phí trong tài sản đã có đồng thời biết sử dụng nó khế hợp lý tình. Nhất là phải tuyệt đối tránh xa lục đồ tường: tài, khí, tửu, sắc, bạn ác và du hí.

3. **Kalyanamittatà: Thiện hữu cù tức** tức tiếp cận bậc hiền trí và y giáo phụng hành. Vì bạn lành là toàn tố của mọi thành công thăng lợi cả hai mặt đời cũng như đạo. Bạn lành phải hội đủ ba đức tánh:

1. Dám khuyên can chấm dứt điều ác.
2. Biết khuyến khích phát triển hạnh lành.
3. Tuyệt đối không bỏ bạn trong cơn nguy biến.

4. **Samajività: Chánh mạng cù tức** tức sống lương thiện, hợp đạo. Không vì điều kiện sinh sống bản thân mà gây đau khổ, phiền lụy tha nhân. Dù buồn thối ruột, dù bị khổ thế nào, dù gặp nghịch cảnh làm sao, luôn giữ tự trọng, đạo đức, giới hạnh không tạo các ác nghiệp: sát, đạo, dâm, vọng, tửu; không buôn người, buôn thú, buôn khí giới, buôn rượu, xì ke, ma túy, không buôn thuốc độc.

Nhờ thực hành đúng phương thức tương thuận, tương giáo, tương thân, tương ái và bốn tiêu chuẩn thăng an hiện tại nên anh em lao động tuy nghèo nhưng vẫn khắc phục được mọi khó khăn và từ từ thăng tiến trên cơ sở tự túc, tự cường qua điều kiện tập thể tương tác. Về vấn đề giáo dục bá tánh của các Ngài mà con nhận định thì chỉ là thiếu số trong cộng đồng Tăng chúng thì mẹ quả thật không đặt nặng vấn đề số lượng như con mà mẹ chú trọng phương diện phẩm đức. Mẹ nghĩ chính cuộc sống tri túc, dễ duôi, lực cần thu thúc, sống trong tiêu chuẩn lục hòa kính, thường xuyên hội họp đồng đảo, thảo luận, quyết định, giải tán và phân công trong niệm đoàn

kết quả là phương cách giáo dục vô ngôn nghĩa là các Ngài đem thân làm gương, làm chứng mà thực tế cho thấy cuộc sống các Ngài có khả năng thuyết phục.

Chuyển Hóa

Câu chuyện đàm thoại vừa đến đây thì Đại đế *Asoka* cũng vừa đến thăm mẹ. Nhận thấy mẫu hậu đang đàm đạo với hoàng đế, Đại đế cần tấu:

- Thưa mẹ, mẹ có chuyện nói với hoàng đế, xin mẹ cứ tiếp tục. Con sẽ đến vấn an mẹ sau.

Lệnh bà nói:

- Không có chuyện gì riêng tư quan trọng đâu, chỉ nói chuyện bình thường giữa mẹ con mỗi khi có dịp gặp gỡ mẫu tử thâm tình. Con ở lại với mẹ, nhân tiện có em con, anh em chuyện trò nhau cho mẹ nghe với.

Lệnh bà kể cho *Asoka* nghe về cuộc đàm đạo vừa rồi, nhất là nhấn mạnh quan điểm của *Vitasoka*. Đại đế *Asoka* góp ý ngắn gọn:

- Thưa mẹ, hãy để em con trọn quyền tự do lựa chọn đối tượng tín ngưỡng tâm linh. Con tin, em con rất thông minh. Sau khi trải nghiệm, lượng giá, đối chiếu, thẩm định toàn diện vấn đề cách khách quan, chắc chắn em con sẽ có sự chọn lựa dứt khoát.

Vitasoka đặt vấn đề:

- Thưa hoàng huynh, trong thời gian xuất gia, sống phạm hạnh, hoàng huynh có gặt hái được thành quả gì không? Em thực sự muốn biết.

Asoka giải thích:

- Xuất gia vốn hạnh ly trần, quyết ra nhà lửa bỏ thân luân hồi, thân nhân sự nghiệp xa rời, độc cư thanh tịnh sống đời xả ly. Huynh nghĩ, sự từ bỏ tạm thời ngai vàng, quyền lực, cung phi mỹ nữ, mọi tiện nghi, vương giả và những hưởng thụ dục lạc hấp dẫn như: sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon và xúc lạc đã là thắng duyên cho khả năng tự chủ, tự chế, tự thắng mà Phật ngôn có dạy: *Thắng vạn quân thù không bằng tự thắng mình. Tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất*. Huynh quả thật hoan hỉ, phấn khởi trong thành quả huân tập đức tự chế và đã làm chủ được mình. Công trình thành tựu này chỉ người trong cuộc hoặc người chánh tín bất thối chuyển mới cảm nhận được.

Vitasoka bày tỏ:

- Thưa hoàng huynh, tiểu đệ nói thật lòng là chưa có niềm tin như hoàng huynh.

Asoka an ủi:

- Niềm tin không có điều kiện bắt buộc hoặc miễn cưỡng. Hãy để nó tự nhiên. Vả lại, đệ không tin cũng không có sao. Miễn đừng tạo ác nghiệp là tốt rồi.

Asoka chuyện trò hàn huyên với lệnh bà khá lâu mới xin phép cáo lui.

Kể từ ngày ba mẹ con hàn huyên tâm sự với nhau nhất là được biết chính xác em trai của mình chưa thực sự có niềm tin chánh kiến, *Asoka* tự nghĩ sẽ tìm giải pháp khả tín để đưa *Vitasoka* quay về chánh đạo và quy ngưỡng Tam Bảo. Một công trình tuyệt vời an lạc phúc lành mà bản thân *Asoka* đã thực tế hưởng thụ.

Một hôm, theo kế hoạch đã định, *Asoka* lệnh đại thần *Sirigupt* phối hợp với *Srikhirin* tổ chức cuộc du ngoạn có hoàng đệ *Vitasoka*, *Venupala* và *Jalini* cùng tham dự. Trong chuyến viễn cảnh, mọi người đều hưng phấn ngoạn thưởng cảnh vật thiên nhiên vô cùng thích thú. Đoàn du ngoạn đến một địa điểm phong cảnh hài hòa giữa nội cỏ hoa ngàn chạy dài theo dòng sông xanh biếc và rừng cổ thụ tán lá xum xuê mát mẻ giáp liền chân núi thật như mộng.

Ngay lúc ấy, không ai bảo ai, nhưng mọi người đều cùng nhìn về phía trước, dưới cội cổ thụ, một vị du sĩ khỏ hạnh đang ngồi, quanh người có năm đồng lửa bốc cháy hùng hực thật nóng. Thấy vị tu khỏ hạnh, hoàng đệ *Vitasoka* lấy làm kính trọng, đến gần bạch hỏi:

- Thưa ngài, ngài tu khỏ hạnh tại đây đã bao lâu rồi?

- Tâu phó vương, bản đạo đã khỏ hạnh được 12 năm rồi.

- Thực phẩm của ngài...?

- Tâu phó vương, trái cây và ngó sen là thực phẩm của bản đạo.

- Còn y phục thì sao?

- Tâu phó vương, bản đạo dùng vải vụn, vải thô kết làm y phục.

- Còn sàng tọa của ngài?

- Tâu phó vương, bản đạo nằm trên cỏ.

- Đáng kính, thực sự đáng kính, hoàng đệ lớn tiếng tán thán và hỏi tiếp: thưa ngài, suốt thời gian tu khỏ hạnh tại đây, có những chướng duyên ngoại tại nào khiến ngài không được an vui?

- Tâu phó vương, không có những chướng duyên quan trọng, ngoại trừ mỗi khi những con hươu, nai đực, cái làm tình với nhau khiến bản đạo không được thoải mái tự nhiên.

- Thưa ngài, tu khỏ hạnh 12 năm mà ngài còn cảm thấy không thoải mái, tự nhiên trước cảnh tượng thú vật làm tình thì thử hỏi các vị Sa môn đệ tử Phật *Gotama* thọ dụng sự cúng dường đầy đủ và không hành trì khỏ hạnh như ngài thì làm sao thành tựu chánh quả?

Trên đường hồi triều, Đại đế *Asoka* làm như không hề thấy nghe những gì xảy ra nơi địa điểm có vị tu sĩ khỏ hạnh và hoàng đệ *Vitasoka* dù người đã biết rõ tường tận. Mấy tuần sau, một ngày đẹp trời, Đại đế lệnh triệu đại thần *Sirigupt*, *Srikhirin* và *Venupala* vào hầu. Người tâm sự:

- Em trầm cho đến nay vẫn chưa có đức tin chánh kiến. Bằng mọi giá, trầm sẽ hướng dẫn và an trú nó vào niềm tin chánh pháp.

Đại thần *Sirigupt* cần tâu:

- Muôn tâu, cả ba hạ thần sẽ hoàn thành xuất sắc và nghiêm túc mọi chỉ thị của lệnh Hoàng thượng dù phải hy sinh. Kính xin Hoàng thượng hạ chỉ.

- Chư hiền khanh, trầm rất cảm động đức tính trung nghĩa của các khanh. Thật ra, trầm không có chỉ thị các khanh những công tác quốc chính. Trầm chỉ mong các khanh giúp trầm thực hiện tốt kế hoạch cải hóa niềm tin lạc hướng của hoàng đế.

- Muôn tâu, chúng hạ thần sẽ tích cực phối hợp thi hành cẩn trọng, huyền biến. Xin lệnh Hoàng thượng an tâm và cho biết thánh ý.

- Thế này nhé, ngày mai, trầm sẽ có cuộc họp bàn riêng với các khanh có sự tham dự của hoàng đế. Sau đó, trầm sẽ vào phòng tắm nại lý do nóng nực trong người và cho biết tắm lâu mất thì giờ một chút, các khanh nán lại chờ trầm, chúng ta cùng đi dạo ngự uyển ngắm hoa và thưởng thức tại chỗ những trái cây ngon đang độ chín bói. Sau khi trầm vào trong thì các khanh khéo nói thế nào cho hoàng đế mặc thử cẩm bào, đội mũ và ngồi lên ghế của trầm.

- Muôn tâu, chúng hạ thần đã hiểu thánh ý.

Ngày hôm sau, y theo kế hoạch đã định trước. Sau khi đức vua đi vào phòng tắm không lâu, đại thần *Sirigupt* đề cập đến người thừa kế để nghiệp tương lai. Mỗi người tán hùa một câu, khiến hoàng đế cảm thấy vô cùng phấn khởi hồ hởi. Đại thần đề nghị hoàng đế mặc thử cẩm bào, đội mũ và ngự lên ngai chắc chắn là oai phong lẫm liệt, tướng hảo phi phạm. Mọi người nhất loạt tán thưởng hưởng ứng, cùng nhau đề nghị *Vitasoka* mặc thử long bào, đội long mũ, mang long hài và ngồi trên long kỷ. Vừa lúc ấy, *Asoka* xuất hiện. Thấy *Vitasoka* dám mặc long bào, và ngồi trên long kỷ, liền ùng ùng nổi giận, nói như thét:

- *Vitasoka*! Có biết tự mặc long bào là phạm tội khi quân, một các tội lớn không thể tha thứ. Thật là ác nghiệp, thật là nhục nhã!

Asoka nói tiếp:

- Ngai vàng này sớm muộn gì hoàng đế cũng là người kế vị chỉ là vấn đề thời gian. Tại sao đế không chờ đợi mà phải hành động soán nghịch bất đạo, khiến trầm vô cùng thất vọng. Tuy là huynh đệ cùng chung huyết thống. Nhưng trầm phải đành đau lòng cắt ruột thi hành quốc pháp.

Đại thần *Sirigupt* và *Srikhirin* đồng quỳ gối cúc cung trần tâu:

- Muôn tâu, chúng hạ thần có tội đồng lõa, là tòng phạm. Đúng ra, tội trạng còn nặng hơn tư cách tòng phạm. Vì, chúng hạ thần nhận thấy lệnh Hoàng thượng rất yêu thương hoàng đế *Vitasoka* nên đã bày vẽ hoàng đế mặc thử long bào. Nhưng hoàng đế không dám, chính chúng hạ thần khuyến khích và giải thích rằng, lệnh Hoàng thượng là anh ruột, em mặc thử long bào của

anh mình thì đâu có tội gì. Hơn nữa, lệnh Hoàng thượng cũng đâu có thấy. Chính những lời giải thích của chúng hạ thần, nghe qua cũng có lý, nên hoàng đế mới tạm mặc thử long bào. Lệnh Hoàng thượng hãy giáng tội chúng hạ thần và giảm khinh tội vô ý khi quân phạm thượng của hoàng đế.

Không khí nặng nề im lặng. Mọi người vẫn tiếp tục quỳ gối cúi đầu, bất động. Để phá tan bầu không khí ngột ngạt, căng thẳng, Đức vua cất tiếng:

- Các khanh quả thật trung thành với anh em trăm. Trăm xá tội các khanh. Đối với *Vitasoka* vì còn trẻ lòng non dạ, suy nghĩ không chín chắn, hành động vô tư và không nỡ làm buồn lòng thái hậu, trăm cũng không xử tội theo quốc pháp ngay bây giờ. Trái lại, trăm sẽ nhường ngôi cho *Vitasoka* làm vua bảy ngày, hưởng thụ tất cả phú quý vinh hoa, quyền uy tối thượng, châu ngọc sang ngà, cung hoa thế nữ, tất cả sẵn sàng tuân lệnh. Nhưng sau ngày thứ bảy sẽ bị xử tử.

Lệnh *Asoka* nhường ngôi cho *Vitasoka* vừa chính thức loan truyền thì nghi thức tôn vương được tổ chức vô cùng trọng thể. Ngồi trên ngai vàng, nắm quyền tối thượng, nhất hô bá ứng, bá quan văn võ tuyệt đối phục tùng. Cung phi mỹ nữ hàng ngàn túc trực đêm ngày sẵn sàng phục dịch nhưng tân vương không hề hứng thú, mặt rờn đăm chiêu ra chiều lạnh nhạt, nhìn cung tần điểu lệ một cách vô hồn. Nhạc trời tiên thiên, xướng ca diu dặt, vũ điệu nghệ thường đối với tân vương chẳng những vô nghĩa, vô tích sự, vô lý mà thật chán chường ngao ngán chỉ làm bản mắt chói tai. Những món sơn hào hải vị hiếm quý ngon tuyệt trên đời, tân vương không muốn đụng tới, lưỡi nghe đắng chát, miệng nghe lạt lẽo, dường như có vật gì ngăn ở cổ, cổ nuốt cũng không vô. Châu ngọc vương ngà, gấm hoa nhung lụa, tân vương không cảm thấy một chút hứng thú, ngoại trừ cảm thấy khó chịu mỗi khi sử dụng những tiện nghi nằm ngôi sang trọng nhất đời dành riêng vua chúa. Do đó, tân vương ngồi không thoải mái, nằm không yên thân, mặc không dễ chịu, nên lúc nào cũng thao thức, giấc ngủ chập chờn. Nhất là tiếng loan báo của thông tin viên mỗi buổi sáng cảnh báo: một ngày đã qua, chỉ còn lại sáu ngày. Mỗi lần nghe âm thanh này, tân vương cảm thấy đầu óc căng thẳng, tim đập liên hồi, toàn thân mồ hôi đổ giọt, không muốn nhìn, muốn nghe, muốn ngủ, muốn nằm, muốn đụng chạm, muốn suy nghĩ mà chỉ mang tâm trạng lo sợ, hoảng hốt, kinh hoàng, đờ đẫn như kẻ mất hồn.

Vitasoka Hưởng Thiện

Đúng ngày thứ bảy, Đại đế Asoka truyền dẫn Vitasoka vào hầu. Gương mặt mất thân, Vitasoka như kẻ mất hồn tự biết hôm nay chính là sự sống sau cùng trong cuộc đời, càng nghĩ càng ớn lạnh xương sống, da mặt tái xám không còn máu, hai chân bước đi không vững, loạng quạng muốn té. Nhất là nghĩ đến lưỡi đao của tên đao phủ thủ lia ngang cổ khiến toàn thân run lên hai chân quíu lại. Thấy em như vậy, Asoka muốn dứt từng đoạn ruột, ngài phán hỏi:

- Vitasoka, chắc đệ cảm thấy mãn nguyện và hạnh phúc trong ngôi vị đế vương suốt bảy ngày qua.

- Muôn tâu, đệ thực sự không cảm thấy hạnh phúc chút nào.

- Thật là lạ. Tại sao làm vua mà không hạnh phúc. Trẫm thực sự nghĩ không ra.

- Muôn tâu, vì sự chết ám ảnh dễ sợ quá. Mỗi khi nghĩ tới nó thì đệ ăn không ngon, ngủ không yên, không còn lòng dạ nào nghĩ đến hưởng thụ lạc thú trần gian.

- Có phải kinh nghiệm bản thân đệ là tưởng nhớ sự chết thường xuyên thì sẽ không ham muốn dục lạc như sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon và xúc lạc?

- Muôn tâu, đúng như vậy.

- Đệ mến, bản thân đệ đã có quan niệm chuyển hướng dùng dung không đam mê lạc thú mỗi khi nghĩ tưởng sự chết thì các vị Tỷ kheo, Sa di trong pháp luật đức Thế tôn được giáo dục thường xuyên quán niệm sự chết theo từng hơi thở: thở vô không thở ra là chết, thở ra không thở vô là chết, cái chết ở ngay nòng mũi và trong từng hơi thở. Đệ thử nghĩ, nếu người nào quán niệm liên tục không gián đoạn thì người ấy có lòng dạ nghĩ đến mọi thứ dục lạc hay không?

- Muôn tâu, qua kinh nghiệm bản thân, đệ chỉ nghĩ đến sự chết tuy gián đoạn, không liên tục nhưng đệ đã không còn lòng dạ ham muốn mọi thứ dục lạc mà đệ có thẩm quyền thì các vị Tỷ kheo, Sa di lúc nào cũng quán niệm sự chết trong từng hơi thở thì làm sao khởi sanh lòng ham muốn đối với các dục lạc mà các ngài không có thẩm quyền.

- Hoàng đệ quý mến, trước sự nhận định dung thông tình lý qua sự kết hợp niềm tin và trí tuệ một cách xuyên suốt của đệ, trẫm cảm thấy vô cùng phấn khởi và sung sướng. Một sự chuyển hướng lớn qua cái nhìn toàn diện thay cho phiến diện, khách quan thay cho chủ quan trong chiều hướng lựa chọn niềm tin chánh pháp không còn chấp thủ thiên kiến. Đệ biết không, có những vấn đề nhất là có liên quan đời sống nội tâm, lý tưởng tín ngưỡng, chúng ta không thể áp dụng niềm tin đơn thuần cũng như nhận định cá nhân đánh giá một chiều mà phải có sự phối hợp của trí tuệ trợ duyên thì công cuộc lượng giá mới khách quan sáng suốt. Nghĩa là không chỉ căn cứ trên những tiêu chuẩn mắt thấy, tai nghe, thân dụng mà vội kết luận đúng, sai, chánh pháp hoặc phi chánh pháp mà phải dùng trí óc xét đoán tế tinh, tường tận, cân nhắc lợi hại, so sánh thiệt hơn, giải phẫu vấn đề rồi hãy kết luận, chọn lựa – không bắt cập, không thái hóa, bình tĩnh, sáng suốt là bí quyết thành công. Đệ là người thông minh, học rộng, hiểu nhiều. Nếu bình tâm nhận xét, đệ sẽ thấy đạo Phật là đạo của nhân quả. Sự tương quan nhân quả là điều kiện tất yếu, không

ai có thể phủ nhận. Suy nghiệm càng hiển bày thì thiết càng có khả năng thuyết phục. giống như vàng nguyên chất, càng cao lửa càng tươi màu.

Đức Phật là bậc đạo sư, là vị giáo chủ lập đạo, ngài xuất thân là một vị vua như chúng ta, từng hưởng thụ mọi thứ dục lạc trần gian, nếu ngài không phát hiện một giá trị phúc lạc tuyệt đối trong nếp sống ly dục tịnh cư thì làm sao ngài đủ hùng tâm, đại lực lia bỏ ngai vàng, cắt đứt tình thương phụ hoàng, gỡ cánh tay luyện ái hiền thê, xa lánh hài nhi vừa mở mắt chào đời, khoác áo cà sa thay long bào, chọn cội tùng vách đá thay cung vàng, ăn trái chua củ đắng thay cao lương mỹ vị. Sáu năm khổ hạnh nhịn ăn nhịn thờ đến đổi hình hài tiêu tụy khô cằn, chỉ còn da bọc xương nhưng vẫn không thành Phật. Ngài thay đổi phương pháp tu thay vì cực hình khổ hạnh Ngài thực hành trung đạo tức con đường chánh tám chi phân có khuynh hướng thanh tịnh nội tâm. Nhờ định lực sung mãn nên trí tuệ hiển lộ. Sự có mặt của trí tuệ đẩy lùi tất cả những gì của thế giới vọng tưởng, vô minh, đẩy lùi sinh tử và làm hiển lộ niết bàn.

Vitasoka ơi, huynh chưa bao giờ có ý nghĩ làm khổ đệ thì làm sao huynh có thể giết hại đệ. Huynh chỉ có mục đích duy nhất là lợi dụng phương tiện thiện xảo nhưng thực tế để tự bản thân kinh nghiệm, đánh giá, so sánh, trắc lượng sự kiện cả hai mặt hình thức nội dung, sự và lý một cách khách quan dung thông, xuyên suốt và nhờ đó mà đệ sẽ lựa chọn cho mình một niềm tin chánh kiến, một lý tưởng hướng thiện và hướng thượng. Sự giác ngộ tự thân nhờ như lý tác ý đích thực là một thành tựu, một kỳ công, một bình minh suốt tiến trình cuộc sống.

Khi biết rõ tấm lòng hoàng huynh, *Vitasoka* vui mừng khôn xiết và cũng ý thức hành động, ngôn từ do thiên kiến, biên kiến của mình là quá đáng, nhất là đối với các vị Tỷ kheo đệ tử đức Thế tôn. Tự thấy hổ thẹn và ăn năn, *Vitasoka* chấp tay búp sen, cúi cung trước Đại đế và tự phát nguyện:

- Đệ tử nguyện trọn đời quy y Đức Phật, bậc tuệ nhãn vô lượng, bậc thanh tịnh vô tỷ, bậc từ bi quảng đại như đại dương, bậc xứng đáng nhận lễ bái của trời người. Đệ tử nguyện trọn đời quy y chánh Pháp, giáo lý do Đức Phật thiện thuyết, chúng ngộ hiện tại, vượt ngoài thời gian, có khả năng hướng thượng, trí giả thân chứng. Đệ tử nguyện trọn đời quy y Tăng già đệ tử đức Thế tôn: Bậc diệu hạnh, Trục hạnh, Như lý hạnh, Chân chánh hạnh, gồm bốn đôi, tám vị, đáng nhận lễ phẩm, tặng phẩm, tế phẩm, kính lễ là vô thượng phước điền trong đời. Đối với Tam Bảo, đệ tử nguyện trọn đời quy ngưỡng, trọn đời tựa nương, trọn đời bất thối chuyển và trọn đời phó thác sinh mạng.

Nghe em mình chính thức khẳng định tư cách quy y Tam Bảo, Đại đế *Asoka* không cảm được nước mắt vì quá vui mừng, quá cảm động. Ngài vừa ôm *Vitasoka* vào lòng thật chặt vừa nói:

- Đệ biết không, huynh vô cùng sung sướng, mãn nguyện. Nếu mẹ biết được tin này không biết mẹ sẽ hoan hỉ, phấn khởi đến mức độ nào.

Kể từ hôm ấy, hoàng đệ *Vitasoka* khởi lòng tịnh tín đối với Tam Bảo, tham cứu giáo lý, hành hương chiêm bái các nơi Phật tích, thường bái kiến các vị Sa môn chân tu thực đức và tùy thời thỉnh pháp.

Một hôm, khi báii kiến Tôn giả *Sangharakkhita* tại ngôi chùa *Asokarama*, hoàng đế đánh lễ và kính bạch:

- Thưa Tôn giả, người sống thế nào gọi là không hoang phí cuộc đời?
- Tâu phó vương, sống với thiện pháp gọi là không hoang phí cuộc đời.
- Thưa Tôn giả, sống với thiện pháp là sống thế nào?
- Tâu phó vương, sống với thiện pháp tức sống nhiều ích bản thân và tha nhân.
- Thưa Tôn giả, sống nhiều ích bản thân và tha nhân là thế nào?

- Tâu phó vương, cuộc sống có hi hiển tức thực hiện hạnh bố thí; kiến tạo cuộc sống nhiều ích bằng thiện hạnh hóa thân, khẩu, ý, tích cực nỗ lực tu tập mọi thiện sự tinh tấn bất thời chuyển; sống trung hậu, chân chất trong hành động, ngôn từ, ý nghĩ tức thành thật với chính mình và mọi người.

- Thưa tôn giả, đây có phải là những tiêu chuẩn tác thành phúc lạc hiện kiếp và hậu kiếp.

- Tâu phó vương, đúng vậy.

- Thưa Tôn giả, có những tiêu chuẩn nào kiến tạo hạnh phúc ngay trong hiện kiếp.

- Tâu phó vương, Đức Phật dạy bốn tiêu chuẩn có khả năng tiến thân hạnh phúc ngay trong kiếp sống:

1. *Uitthanasampada* - **Cần mẫn** tức nỗ lực công tác chuyên ngành, như thời niên thiếu tích cực học hành; trung niên tạo lập sự nghiệp hợp đạo; lão niên chuyên tu phúc huệ.

2. *Arakkhasampada* - **Kiệm phác** tức cảnh giác trong vấn đề chi tiêu, tằn tiện chất phát không hoang phí.

3. *Kalyanamittata* - **Thiện hữu** tức cẩn trọng kết giao, tiếp cận bạn hiền, bạn tốt.

4. *Samajivita* - **Sống đơn giản** tức biết an phận, không đua đòi, nghĩa là nghèo thì sống theo thân phận người nghèo, không ngó lên, vì quạ không thể nào thành phượng hoàng.

Tâu phó vương, bất cứ ai nghiêm túc trì hành bốn tiêu chuẩn này bảo đảm sẽ được hạnh phúc ngay trong cuộc sống hiện tại.

- Thưa Tôn giả, có tiêu chuẩn nào đặc biệt tác thành hạnh phúc trong tương lai.

- Tâu phó vương, Đức Phật dạy bốn tiêu chuẩn để thụ hưởng phúc trong tương lai:

1. **Saddha – Chánh tín** tức niềm tin có sự trợ duyên của trí tuệ tức tin nghiệp quả, chánh tà, tội phước, địa ngục thiên đường và sự giác ngộ chư Phật.

2. **Sila - giới đức** tức đời sống vô tội, không hại mình hại người và luôn tôn trọng sự sống, tài sản và hạnh phúc gia đình tha nhân.

3. **Caga - Xả tài ban bố** tức chia cơm xẻ áo, giúp đỡ kẻ nghèo, khuyết tật, mù lòa, phong cùi, bệnh tâm thần mê loạn v.v.

4. **Panna – Trí tuệ** tức tạo điều kiện học rộng nghe nhiều, dùng trí suy nghĩ phán xét, đối chiếu, trắc lượng; thực tập thiền chỉ thiền quán khiến phát sinh trí tuệ. Nhận định bốn sự thật cuộc đời là khổ, nhân sinh khổ, sự diệt khổ và phương pháp diệt khổ.

Tâu phó vương, người nào tu tập tích cực bốn tiêu chuẩn này thì chắc chắn sẽ thành tựu phúc lạc trong những kiếp lai sinh. Nhưng nếu muốn giải thoát sinh tử luân hồi, Đức Phật dạy pháp môn tu tập cao hơn, tức tu Tăng thượng giới, Tăng thượng Tâm (định), Tăng thượng tuệ, tức tu giới để diệt tham, tu định để diệt sân, tu huệ để diệt si. Tâu phó vương, tu theo giới định huệ sẽ đoạn trừ tham, sân, si và sẽ được thành Phật.

- Thưa Tôn giả, người hành trì phạm hạnh với mục đích gì?

- Tâu phó vương, người tu trì phạm hạnh với mục đích thức liễm các căn (*samvara*); đoạn phiền não (*Pahana*), ly dục (*Viraga*), diệt khổ (*Nirodha*).

- Thưa Tôn giả, những Tăng thượng pháp này, người tại gia có thể hành trì được không.

- Tâu phó vương, dĩ nhiên là được, nhưng trong nếp sống xuất gia thì khả năng tu tập tích cực hơn và sự thành tựu có cơ hội đạt kỳ lục vượt thời gian. Vì giáo pháp đức Thế tôn khéo tuyên thuyết, khéo lưu bố, nghĩa văn cụ túc, thiết thực hiện tiền, dành cho những người phát tâm để chứng nghiệm, vượt ngoài thời gian, có hiệu năng hướng thượng, chỉ bậc trí giả mới thực sự thân chứng. Còn đời sống tại gia thì quá bận bịu thế sự, công ăn việc làm, giáo dưỡng vợ con, giúp đỡ thân quyến, tiếp cận thù lao, giao tế xã hội, xúc tiếp trực diện sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon và nhiều thú vui khoái lạc vật chất, có quyền lựa chọn vật dục, tùy thuận thị hiếu, không có phương pháp chế tài, không người giám hộ, ngay cả luật lệ cũng trở thành vô nghĩa. Trong khi đời sống xuất gia thì hoàn toàn ngược lại.

Phó vương *Vitasoka* đánh lễ Tôn giả *Sangharakkhita* xin phép cáo lui. Trên đường về, phó vương triền miên suy nghiệm pháp thoại Tôn giả, cảm thấy thú vị ngọt ngào, một nỗi hân hoan, an lạc tràn ngập toàn thân.

Phần IV

Phó Vương Xuất Gia

Nhờ túc duyên thực hành Ba la mật, nhờ ánh sáng chánh pháp soi đường, nhờ chịu ảnh hưởng đạo tâm thuần cố của mẫu hậu và hoàng huynh, nhờ pháp thoại Tôn giả *Sangharakkhita* khai thị, phó vương hạ quyết tâm từ bỏ đời sống hoàng triều tự nguyện sống cuộc đời vô gia đình độc cư tu tịnh.

Dem vấn đề thoát ly triều cung để sống cuộc đời xuất gia tấu trình và xin hoàng huynh chuẩn tấu. Nghe người em duy nhất phát tâm xuất gia, Đức vua *Asoka* không cầm được nước mắt. Vừa nhìn em sừng sốt vừa nghẹn ngào nói thật nhỏ, thật êm đủ hai người nghe:

- Hoàng đệ thân thương, đệ đã suy nghĩ thật kỹ chưa?
- Muôn tâu, đệ đã suy nghĩ thật chín chắn, và xuyên suốt rồi.

Nhìn đứa em huyết thống cùng mồ côi cha, *Asoka* nhẹ nhàng nhưng cương quyết:

- Hoàng đệ thân mến, phụ hoàng đã về châu tiên đế, giờ chỉ còn mẫu hậu và hai huynh đệ chúng ta, hoàng đệ dù muốn dù không, trong tương lai không lâu nữa cũng phải nối ngôi thay huynh trị vì thiên hạ, làm cho nước thêm mạnh, dân thêm giàu và sanh con nối dõi triều đại *Moriya*. Và lại, đệ là hoàng tử, từ nhỏ đã quen nếp sống cao sang quyền quý, nhất cử nhất động đều có người phục dịch chu đáo. Thực phẩm thì sớm chiều hải vị sơn hào, nằm ngòai lầu ngọc sang ngà, hoàng phục thì nhung lụa gấm hoa sắc màu rực rỡ, cơ ngơi thì đặc biệt thích hợp cho ba mùa, mỹ nữ thì túc trực vũ ca, cung nghinh khiêu gợi, sẵn sàng thỏa mãn yêu cầu. Còn đời sống tu hành thì hoàn toàn trái ngược, nhất là thường xuyên tiếp cận với đủ tầng lớp giai cấp. Huynh không bao giờ có ý nghĩ kỳ thị. Nhưng chỉ sợ đệ không quen, thậm chí có những vị xuất thân từ giai cấp Thủ đà la. Huynh không nghĩ là đệ có thể chịu đựng một cuộc sống hoàn toàn dị biệt như vậy.

- Tâu hoàng huynh, đệ có tiên liệu những sự kiện thực tế trái nghịch này. Nhưng, đệ có suy nghĩ lượng định qua phương pháp Tỷ giáo. Chẳng hạn như: đệ biết rõ đức Bôn sư là quốc vương giai cấp Sát đế ly, số đông đệ tử Ngài cũng thuộc giai cấp như Ngài. Nhưng sau khi xuất gia sống chung với những vị Tỷ kheo xuất thân từ những giai cấp khác, các Ngài cũng sống hòa hài an nhiên tự tại trong giáo đoàn mà khuôn thước pháp luật của Ngài chính là kim chỉ nam vô cùng an lạc có khả năng thuyết phục. Đối với đệ nếu đem so sánh với Đức Phật và chư vị đệ tử quý tộc xuất gia của Ngài thì đệ tự tin là mình làm được.

Biết rõ sự quyết tâm bất chuyển của đứa em, *Asoka* vô cùng hoan hỉ gạn hỏi:

- Hoàng đệ đã tấu trình mẫu hậu chưa?
- Tâu hoàng huynh, đệ định sau khi được hoàng huynh chấp thuận, đệ sẽ tấu xin ý chỉ mẫu hậu.

Bái kiến mẫu hậu, *Vitasoka* trình bày tâm nguyện xuất gia và xin mẫu hậu chuẩn tấu. Nghe *Vitasoka* quyết chí từ bỏ gia đình sống cuộc đời vô gia đình với mục đích thăng hoa phẩm hạnh tự tu, tự độ, tự giác và giác tha trong đạo tràng của Đức Phật. Mẫu hậu *Vedisa* không cảm được nước mắt vì tâm trạng quá vui mừng phấn khởi. Ôm đứa con út thân yêu vào lòng, với tất cả rung cảm thiết tha, mẫu hậu nói:

- Con yêu quý của mẹ, con có biết sự quyết tâm xuất gia, sống hạnh ly trần của con là món quà vĩ đại trân quý nhất mà con đã hiến tặng mẹ. Hoàng huynh con là Đại đế thống trị tiểu lục địa *Bharata* bằng vương đạo; còn con, nếu thành tựu cứu cánh đời sống phạm hạnh và dần thân vân du hóa đạo, khai thị lê dân bá tánh phát tâm quy ngưỡng chánh pháp thì mẹ nghĩ, trên thế gian này không nữ nhân nào có phước lớn như mẹ, ngoại trừ Phật mẫu và những nữ nhân thân quyến của Đức Phật. Đạo lộ con chọn hành trình tuy nhiều chướng duyên, lắm thử thách nhưng có khả năng hướng thiện, hướng thượng đời sống tâm linh lên tuyệt đỉnh giác ngộ, một thành tựu quảng đại, huyền nhiệm mà tự thân và tha nhân được thừa hưởng bình đẳng. Liên tưởng cuộc hành trình đúng đạo lộ chánh pháp của con mà mẹ đây sung sướng ngập lòng, cảm tưởng như chết đi được sống lại. Một chuyển hướng quá lớn trong triều đình khiến mẫu hậu vô cùng phấn khích.

Để khích lệ lý tưởng thoát tục mong cầu đạo bồ đề của đứa con út sớm mờ côi cha, mẫu hậu khuyến tấn:

- Con ạ, Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi báu quý nhất trần gian: Phật là bậc đạo sư chỉ lối tự đi tìm tịnh lạc. Pháp là phương pháp thực hành viên mãn thành tựu cảnh giới tịnh lạc ấy. Tăng là những thiện hữu mô phạm tự thân và hướng dẫn mọi người hành hóa chánh pháp. Do đó, Tam Bảo có khả năng tác thành hạnh phúc và giải khổ ngay trong hiện kiếp và hậu kiếp. Đối tượng phục vụ có ba tiêu chuẩn:

1. Chánh tín
2. Nhất hướng thanh tịnh hóa thân, miệng, ý.
3. Tích cực hành trì chánh pháp.

Hành giả không thể thiếu bất cứ tiêu chuẩn nào, nhất là điều một và đều ba. Hơn nữa, mục đích xuất gia của con là thoát ly phiền não, an tịnh tâm hồn. Đức Phật dạy: *Không lạc phúc nào bằng sự an tịnh*. Ngài cũng đề cập những lạc phúc trần gian, như: **dục lạc** và **thiền lạc**.

Dục lạc thì sự thụ hưởng khoái cảm quá ít, trong khi đau khổ quá nhiều và chính hiềm họa của dục càng nhiều hơn. Giống như người khát nước càng uống nước mặn thì càng thêm khát.

Thiền lạc thì tác thành phi lạc giúp hành giả sống cuộc sống thân tâm vô cùng an lạc tế tịnh nhưng tương đối giai đoạn không vĩnh hằng. Dục **tịnh lạc** tức niết bàn lạc mới tuyệt đối vô lượng lạ. Nói tuyệt đối tịnh lạc ám chỉ sự bất thối, bất chuyển, bất dị, bất đoạ, bất luân hoá, bất nghị, bất ngôn thuyết. Mẹ vô cùng hoan hỉ, tin tưởng, phấn khởi, mãn nguyện có một đứa con biết chọn cho mình một cuộc sống nhiều ích tự thân và tha nhân, hạng người cao quý nhất trong

bốn hạng người, tức người sinh ra chuyên làm lợi người. Mẹ nghĩ, chỉ riêng triều đại *Moriya* sẽ được xưng tán và truyền tụng vạn đại chính nhờ hoàng huynh con và con đặc trưng tiêu biểu.

Phó vương *Vitasoka* được Tôn giả *Dhammarakkita* tổ chức giới đàn cho thọ đại giới Tỳ kheo tại *Asokarama* (A dục tự). Sau khi xuất gia, Tỳ kheo *Vitasoka* xin phép thầy tế độ hành thiền ở *Videha*. Một thời gian tương đối lâu, thầy *Vitasoka* mới trở về vãn an mẫu hậu và hoàng huynh. Mỗi lần về kinh đô *Pataliputra*, thầy *Vitasoka* đều có giảng pháp cho hoàng huynh và hoàng thân quốc thích, khuyến hóa mọi người lánh xa điều ác, tu tập hạnh lành, thanh tịnh tâm ý, tức bao gồm cả pháp môn tu tập, pháp môn dứt bỏ và pháp môn thanh lọc nội tâm. Trên đường trở về chùa *Asokarama* Đức vua *Asoka* tự thân chấp tay đi bộ tiễn đưa thầy đến chùa, đánh lễ rồi mới hồi cung.

Dự luận quần chúng vô cùng náo nhiệt, vang dội khắp cả nước. Họ bảo nhau, quả phước Sa môn thật là phi thường, kỳ lạ, chưa từng thấy. Một vị Đại đế đi bộ chấp tay tiễn đưa một vị Sa môn mà vị ấy chính là em ruột của mình. Thật quý hóa thay là hạnh xuất gia ly dục, cao thượng thay là hạnh từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đúng là đời sống phạm hạnh khác xa đời sống thế tục không thể nghĩ bàn. Đạo hạnh Đại đế *Asoka* khiến quần chúng phát tâm quy ngưỡng chánh pháp đông đảo trên sức tưởng tượng, tạo thành phong trào thịnh hưng chánh pháp có một không hai trong lịch sử phục hưng đạo Phật kể từ sau ngày Đức Phật thị nhập vô dư niết bàn, Phật lịch 2218 năm.

Đã có nhiều lần, nơi hoàng cung huy hoàng, tráng lệ của triều đại *Moriya*, Đại đế *Asoka* tự phát hiện thân phận mình như con chim bị nhốt trong lồng son nhỏ bé, còn em mình, Đại đức *Vitasoka* như cánh đại bàng giữa bầu trời cao rộng, vượt thoát thiên lao, vui thú hải hồ. Bản thân Đại đức *Vitasoka* nhờ tích cực công phu hành đạo, không bao lâu đã chứng quả vị thánh Tăng *A la hán*. Chính sự thành tựu vĩ đại trong đời sống phạm hạnh, Tôn giả *Vitasoka* càng tích cực hơn trong công trình hoằng dương chánh pháp, sách tấn hậu lai, tạo kỳ công trong việc chấn hưng chánh pháp, một thành tích đến hôm nay vẫn chưa phai mờ trong trang sử đạo Phật

lúc bấy giờ. Có khoảng 18,000 Tăng sinh tu học dưới sự giáo thọ của Ngài. Cơ sở giáo dục của Ngài đặt tại ngôi đại tự *Bhattikarama* tọa lạc trên một ngọn đồi tên *Uramanda*.

Đại đế *Asoka* nghe Ngài là bậc thánh Tăng đạo cao đức trọng, bát thông Tam tạng. Đại đế quyết tâm tự thân đến tận nơi bái thỉnh. Nhưng Tôn giả biết trước và Ngài hạ sơn hướng về kinh đô *Hoa thị (Pataliputra)* bằng đường thủy. Được tin này, Đại đế vô cùng hoan hỉ và đã khởi hành đường bộ bằng chân đất suốt đoạn đường hai do tuần và tổ chức lễ cung thỉnh thật trọng thể.

Thời gian sau không lâu, chính Tôn giả hướng dẫn Đại đế đi chiêm bái những thánh địa và thuyết minh thật đầy đủ.

Tôn giả Vitasoka Hoặc Gọi Tissathera

Ngoài Tôn giả *Moggaliputta* và Tôn giả *Upagupta* còn một Tôn giả nữa là ngài *Vitasoka* còn gọi là *Tissathera* tức hoàng đệ của Đại đế *Asoka* mà điển tiền sự kiện đã được tường thuật đầy đủ nơi chương Hoàng ngự đệ *Vitasoka*.

Trọng điểm được đề cập nơi đây là sau khi trở thành Thánh Tăng, Tôn giả tích cực hoàng dương chánh pháp chẳng những khuyến hóa giới hoàng tộc triều thần, văn quan, võ tướng và các hàng binh sĩ, luôn cả gia đình họ quy ngưỡng chánh pháp, và hơn nữa còn chịu khó chu du khắp mọi miền từ thành thị đến thôn quê nhất là các vùng biên địa để hướng dẫn họ bỏ tà quy chánh, lánh dữ làm lành.

Tôn giả đã thành công rất lớn về phương diện trì đạo và truyền đạo. Sở dĩ Tôn giả có được sự thành công rực rỡ là nhờ đời sống giới hạnh tinh nghiêm, thánh phong cao viễn, đạo cách thuần từ, đức tu tịnh khiết.

Tôn Giả Mahindathera

Bộ đại tông (*Mahavamsa*) có đề cập nhân duyên xuất gia của Hoàng tử *Mahinda* và Công chúa *Sanghamitta* là do Hoàng đế *Asoka* phụ hoàng của nhị vị gợi ý. Một hôm, trong cuộc đàm đạo với Tôn giả *Moggaliputtatissa*, Đại đế có bạch hỏi:

Với những công đức tương đối không nhỏ, không ít mà mình đã cống hiến cho giáo pháp có được khép vào hàng thân quyến chánh pháp hay không?

Tôn giả cho biết chỉ được danh xưng là đại hộ pháp. Ngoại trừ, cho con nam hoặc nữ của mình xuất gia thì mới được khép vào hàng quyến thuộc chánh pháp thực sự. Với bề bề tâm dũng mãnh và tín tâm thuần cố, Hoàng đế ngỏ ý với Hoàng tử và Công chúa. Thật không ngờ, nhị vị vô cùng hoan hỉ, tình nguyện tuân hành ý chỉ.

Một đại lễ xuất gia vô cùng trọng thể được tổ chức. Hoàng tử được thọ đại giới qua đại giới đàn Tỳ kheo: Hoà thượng Tế độ A xà lê: Tôn giả *Moggaliputtatissathera*, Hòa thượng Tế độ A xà lê: Tôn giả *Devathera*, Hòa thượng Giáo thọ A xà lê: Tôn giả *Majjhakkathera* và hàng trăm vị Tỳ kheo chứng minh.

Công chúa được thọ đại giới qua đại giới đàn Tỳ kheo ni: Hòa thượng Tế độ A xà lê: Tôn giả *Dhammapalitheri*, Hòa thượng Yết ma A xà lê kiêm giáo thọ A xà lê: Tôn giả *Lipalitheri* và hàng trăm Tỳ kheo ni chứng minh.

Đúng sáu năm kể từ ngày đăng quang, Hoàng đế *Asoka* chính thức kiến thành Tôn giả *Moggaliputtatissa* thành lập nhiều phái bộ Tăng giả truyền giáo qua các quốc gia lân cận và Tôn giả *Mahindathera* được ủy cử làm trưởng phái đoàn truyền giáo sang *Srilanka*.

Công Tác Gởi Sứ Giả Truyền Đạo

Tiếp theo công trình di lưu sử liệu Phật giáo bằng mười bốn đại thạch pháp dụ theo tài liệu hai bản Anh ngữ thống nhất và được nhìn dưới hai góc độ tiêu biểu:

I. Giới hàn lâm của các tác giả *Hayarayanpao Appurao Nikam* và Richard Mckeon thuộc viện đại học Chicago, ấn hành 1959.

II. Giới Tăng già của Đại đức *Dhammika* thuộc Buddhist Publication Society, *Srilanka*, ấn hành năm 1993: ngoài ra, còn có tài liệu bản Thái ngữ của ngài *Dhammapitaka Prayudha Payut* dịch từ bản Thái ngữ khác của học giả *Vasin Indasara* Phật lịch 2526 tái bản lần thứ ba do Pháp bảo phường đại học *Mahamakut* ấn hành thì có đến 30 thạch pháp dụ.

Ngoài công trình di lưu các thạch pháp dụ, Đại đế *Asoka* thỉnh cử phái đoàn Tỳ kheo tăng, đảm nhận sứ mạng truyền đạo ở một số quốc gia lân cận:

1. Pái đoàn do Tôn giả *Majjhattika* hướng dẫn đi truyền đạo ở *Cashmir* và *Gandhara*, hiện nay là phần đất nằm phía Tây bắc Ấn độ ăn sâu vào một số vùng thuộc lãnh thổ Afghanistan.

2. Pái đoàn do Tôn giả *Mahadeva* hướng dẫn đi truyền đạo ở *Mahisamandala*, hiện nay là *Mysor* và vùng đất dọc lưu vực sông *Godhavari* nằm phía Tây Ấn Độ.

3. Pái đoàn do Tôn giả *Rakkhita* hướng dẫn đi truyền đạo ở *Vanavasi* tức vương quốc *Canara* nằm về phía Tây nam Ấn Độ. Theo Đại tông *Mahavamsa* ghi nhận lúc bấy giờ có khoảng 500 ngôi chùa trong khắp vương quốc.

4. Pái đoàn do Tôn giả *Dhammarakkhita* hướng dẫn đi truyền đạo ở *Aparaka* tức phần đất thuộc miền duyên hải phía Bắc *Bombay* ngày nay.

5. Pái đoàn do Tôn giả *Mahadhammapitaka* hướng dẫn đi truyền đạo ở tiểu quốc *Maharashadr* hiện nay là vùng đất nằm phía Đông bắc cách xa *Bombay*.

6. Pái đoàn do Tôn giả *Maharakkhita* hướng dẫn đi truyền đạo ở *Yonaka* tức nước *Greece* thuộc Trung Á, chạy dài đến *Iran* và *Turkistan*.

7. Pái đoàn do Tôn giả *Majjihima* là trưởng đoàn và bốn Tôn giả: *Bhassapagotta*, *Mulakadeva*, *Dundabhissara* và *Deva* là những đồng sự cùng đoàn đi truyền đạo ở những vùng tiếp cận Hy mã lạp sơn.

8. Pái đoàn do nhị vị Tôn giả *Sona* và *Uttara* đi truyền đạo ở vùng tam giác vàng. Có bốn ý kiến khác nhau:

1. Nhóm thứ nhất ám chỉ vùng này gồm một số tiểu quốc nằm phía Đông Nam Ấn Độ.

2. Nhóm thứ hai ám chỉ bán đảo *Java* và *Sumatra*.

3. Nhóm thứ ba ám chỉ Miến Điện.

4. Nhóm thứ tư ám chỉ vùng đất nằm dọc theo dòng sông *Chauphraya* của Thái Lan.

Ý kiến nhóm thứ tư có khả năng thuyết phục mạnh nhất.

9. Phái đoàn do Tôn giả *Mahinda* hướng dẫn đi truyền đạo ở đảo *Srilanka*.

Căn cứ tài liệu bộ Đại tạng (*Mahavamsa*) thì Đại đế *Asoka* đã thỉnh cử nhiều phái đoàn Tăng lữ truyền đạo qua nhiều vùng đất, nhiều quốc gia như đã lược kể. Trong 9 phái đoàn truyền giáo, phái đoàn thứ 8 do ngài *Sona, Uttara* và phái bộ thứ 9 do ngài *Mahinda* hướng dẫn thì được các sử liệu tường thuật nhiều nhất vì phái bộ thứ 8 truyền giáo về những lãnh thổ thuộc địa dư Đông nam Châu Á như Miến Điện, Mã Lai Á, Tân Gia Ba, Thái Lan, Lào, Cam Pu Chia, và các tỉnh miền Tây nam Việt Nam.

Đáng lý ra, những giá trị pháp bảo mà Phật tử ở những quốc gia vừa kể trực tiếp hoặc gián tiếp thừa tự từ thời tổ tiên phải có bản phận truy chọn một ngày lịch sử trong năm (kể từ năm Phật lịch 220 sau Phật niết bàn) làm ngày niệm tổ để xác minh niềm tin chánh pháp nguyên thủy có cơ sở sử liệu không mê tín hoang đường. Có những vấn đề vô cùng quan trọng liên quan đời sống tu tập truyền thống hơn hai ngàn năm lịch sử lưu bố mà không gian, thời gian đã là chứng kiện khả tín trong quá trình phát triển liên lũy truyền tục. Thiết tưởng, chúng ta đã đến lúc phải nghiêm túc chuyên nghiên tuyển chọn và minh định vai trò chư tổ truyền giáo, truyền đạo một thiên chức đáng lý phải có từ lâu.

Nghệ thuật Kiến Trúc Thời Asoka

Theo sử liệu văn bản *Pali* và *Sanskrit* thì Đại đế *Asoka* cho kiến tạo tám vạn bốn ngàn (84.000) ngôi tháp trong toàn quốc Bản đại tông (*Mahavamsa*) có ghi rằng, Đại đế *Asoka* bạch hỏi Tôn giả *Moggaliputtatissa* về số lượng của pháp môn.

Tôn giả cho biết, pháp môn gồm có 84.000. Đại đế phát khởi tín tâm cho kiến tạo 84.000 ngôi tháp cúng dường. Kinh phí 96 tỉ. Đồng thời phân phối Xá lợi tôn thờ tại những ngôi tháp ấy. Riêng tại thủ phủ *Hoa thị (Pataliputra)*, Đại đế cho kiến tạo ngôi đại tự *Asoka (Asokarama)* mà nghệ thuật điêu khắc tinh xảo kỳ tuyệt. Một đại lễ lạc thành được tổ chức vô cùng trọng thể, phần khởi suốt bảy ngày.

Bộ *Asokavadana* thì ghi rằng, Đại đế *Asoka* cho mở hộp đựng Xá lợi mà Đức vua *Ajatasattu (A xà thế)* tôn trí trong một ngôi đại tháp nằm về hướng đông Tịnh xá Trúc Lâm (*Veluvanavihara*) và phân phối tôn thờ nơi 84.000 ngôi tháp toàn cõi diêm phù. Sự kiện này khả tín. Vì cho đến thế kỷ đương đại, và sau khi Phật giáo bị các tôn giáo thù nghịch tiêu diệt, bách hại vẫn còn tồn tại không ít những ngôi bảo tháp rải rác khắp đó đây trên toàn lãnh thổ Ấn. Các nhà chiêm bái Trung Hoa Pháp Hiển, Huyền Tráng, Nghĩa Tịnh đều có ghi chép những sự kiện này, nhất là ngài Huyền Trang nhà đại chiêm bái Trung Hoa, trong cuộc hành hương, thỉnh kinh thế kỷ thứ 11 có ghi rõ ràng chính xác những địa danh từ *Takkasila* Bắc Ấn chạy dài đến *Malakuta* cực Nam đều có những ngôi tháp do Đại đế *Asoka* kiến tạo vẫn còn hiện hữu.

Về vật liệu kiến thiết thì hầu hết các ngôi tháp đều xây bằng gạch nung hoặc bằng đá. Hình thức như bình bát úp. Chu vi quanh tháp đều có đường đi nhiều. Nền tháp vuông vức như hình bồ đoàn. Mỗi ngôi tháp đều có tường bao bọc xung quanh và trên vách đều có khắc hình tích chuyện bốn sanh hoặc mười tích chuyện đại bốn sanh tiêu biểu cho mười hạnh Ba la mật. nghệ thuật điêu khắc triều đại Đại đế *Asoka* quả thật kỳ đặc, tuyệt mỹ. Có một hình thức điêu khắc mà trong câu chuyện không có nhân vật chính yếu mà chỉ có thể hiểu ngầm, chẳng hạn như:

Ảnh đàn sanh được điêu khắc với tôn tượng đức *Mahamada* Hoàng hậu trong tư thế đứng với tay níu nhánh vô ưu, không có hình Thái tử sơ sanh.

Ảnh xuất gia được điêu khắc với hình tuấn mã Kiên trắc và Sa nặc mà không có hình Bồ Tát.

Ảnh thành đạo được điêu khắc tượng trưng Bồ đề đại thọ, dưới gốc có Kinh cương tòa, không có ảnh Đức Phật.

Ảnh chuyển pháp luân được điêu khắc tượng trưng bằng Pháp luân xa, có hình những con nai quỳ mọp xung quanh. Tây Tạng thường dùng hình Pháp luân xa làm hoa văn trong các công trình kiến thiết đại hùng bảo điện, cũng như Trung Hoa rất chuộng hình lưỡng long tranh châu vậy.

Hình Phật niết bàn được điêu khắc biểu trưng bằng thiên sàng giữa tầng song long thọ, không có hình ảnh báo thân.

Sở dĩ nghệ thuật điêu khắc triều đại *Asoka* có khuynh hướng đặc dị như vậy là vì dân tộc Aryan thời trung cổ chủ trương không sử dụng hình ảnh để tôn thờ. Mãi về sau, khi có hoàn cảnh tiếp cận với nền văn minh Ai cập (Greek) dân Aryan mới thực sự chuyển hướng.

Trụ Đá và Bia Ký

Vốn tinh tín đối với chánh pháp và quan niệm khế hợp lý tình rằng, người nghiêm hành chánh pháp sẽ hưởng vô lượng phúc lạc, nhân dân tu tập chánh đạo sẽ khiến đất nước thịnh hưng, toàn dân cường phú. Chính nhờ sự liên đới hỗ tương giữa thế quyền và giáo quyền khiến đời sống vật chất ổn định, đời sống tinh thần thăng hoa, triều đình luôn quan tâm áp dụng văn hóa chỉ đạo, tiêu biểu cho ý nguyện toàn dân, không lệ thuộc ý kiến chủ quan của hoàng gia. Nên dân chúng *Bharata* sống hết sức thanh bình, ấm no và hạnh phúc.

Đại đế quyết tâm áp dụng chánh pháp vào đời sống nhân dân. Ngài tin rằng: tất cả thành công, thắng lợi và phúc lạc do chánh pháp mang đến là thắng duyên hội tụ bất biến. Từ thế hệ này sang thế hệ khác vì không có cuộc thắng trận nào vẻ vang bằng cuộc thắng trận của chánh pháp. Kinh nghiệm bản thân Đại đế trước và sau khi quy ngưỡng thực hành chánh pháp đã hoá chuyển tính độc tài, bất khoan thứ trở nên minh đạo, nhân từ tuyệt hảo. Nhờ kinh qua thành quả nghiêm trì chánh pháp đạt thành tích vĩ đại trong công trình giữ nước an dân, một khuôn thước minh đạo không riêng cho *Bharata* mà chung cho thành phần lãnh đạo quốc gia khắp thế giới.

Một kỳ công lưu tích lịch sử mà Đại đế *Asoka* đã cống hiến cho Phật pháp trong triều đại *Moriya* của Ngài thật vô cùng vĩ đại, vượt thời gian, không gian, một công trình vô ngôn, một kho tàng Phật sử chính thống, một nền văn hiến minh đạo khai phóng đã được các nhà khảo cổ nhất là ông Cunningham - một nhà khảo cổ Anh quốc – đã khai quật và tìm thấy tất cả trụ đá, bia ký mà Đại đế cho khắc ghi những sự kiện vô cùng quan trọng liên quan đời sống thị hiện giáng trần, thị ngộ liễu chứng, thị chuyển pháp luân, thị tịch niết bàn và những di tích lịch sử liên quan công trình vân du hóa đạo mà các cơ sở công ích như Kỳ viên tự (*Jetavanavihara*), Trúc lân tự (*Veluvanavihara*), Đông phượng tự (*Dubbarama*) v.v... Tóm lại, nếu không có bàn tay, con tim và khối óc của một minh quân hiền triết, đạo đức và nhân bản như đại đế *Asoka* thì ngày nay Phật tử năm châu cũng chưa thấy được ánh sáng văn minh, khoa học.

Trong nền văn học Phật giáo và lễ dĩ nhiên gia tài của lễ sống là từ bi và sự nghiệp tâm linh là trí tuệ mà Đức Phật đã trao truyền tuy gián tiếp nhưng Đại đế *Asoka* vẫn đầy đủ tư cách và xứng đáng với danh nghĩa thừa tự. Những công trình lưu bố mang tính lịch sử trọng đại mà Đại đế *Asoka* nghiêm túc thực hiện. Trước tiên, Đại đế hạ quyết tâm trì hành thập pháp vương đạo gồm có:

1. Dana (Thí): nơi bốn cửa thành, Đại đế đều cho thiết lập phước xá bố thí thực phẩm cho người nghèo.

2. Sila (Giới) - tự thúc liễm thân khẩu, không sát hại, không bóc lột, không tà dục hạnh, không làm sai nói quấy, không say sưa rượu men rượu nấu.

3. Paricago – hy sinh tự lợi cho công ích, sẵn sàng từ bỏ mọi tiện nghi cá nhân, danh tiếng kể cả sinh mạng cho nhân dân.

4. Ajjava – thành thật và liêm chính.

5. Maddava – uy nghiêm và từ ái.

6. Tapa – gương mẫu tức sống đơn giản, không xa hoa, trụ lạc.

7. Akodha – không nóng giận, không để sân hận chi phối, không hiềm khích tư thù.

8. Avihimsa - bất hại, không gây tổn thương, không có hại tư duy, luôn chủ trương hòa bình, chận đứng chiến tranh. Và những bạo động phá hoại sự sống.

9. Khanti (kham nhẫn) tức can đảm chịu đựng mọi chướng duyên, nghịch cảnh kể cả những lời chỉ trích thô bạo, phạm thượng mà không mất bình tĩnh.

10. Avirodhana – an nhiên hành xử tức không chống lại ý dân, tuyệt đối đặt quyền lợi nhân dân lên hàng đầu, không mâu thuẫn trong hành động và quyết định.

Soạn giả xin phép ghi lại bài kinh *Kutadanda* trường bộ III, Thế tôn giải thích các hình phạt không hữu hiệu, không lợi ích và không thành công bằng sự cải thiện kinh tế. Để cải thiện kinh tế, Thế tôn dạy:

1. Cung cấp các thứ hạt giống và phương tiện canh tác cho nhà nông.

2. Cung cấp vốn cho những người kinh doanh, đầu tư, trả lương thích đáng cho công nhân.

3. Đại bố thí cho nhân dân thay cho các lễ tế đàn. Khi mà dân chúng thu hoạch đủ lợi tức, sẽ vừa lòng, sẽ không sợ hãi, lo lắng và kết quả sẽ là xứ sở được thanh bình, dân chúng được phú cường thịnh vượng.

Nhờ nghiêm hành thập pháp vương đạo mà Đại đế đã xây dựng tiểu lục địa *Bharata* không còn hiện tượng tội ác trong xã hội. Đối với bản thân, Đại đế đem thân làm gương và làm chứng. Nhờ tiêu biểu minh đạo, Đại đế đã thể hiện tư cách Phật tử thuần thành hộ trì chánh pháp bằng công trình di lưu Phật sử và Phật pháp mà thời gian, không gian đã là dấu ấn. Sau đây là những công hiến đặc trưng truyền kỳ:

Trong một bia ký, Đại đế có ghi sắc chỉ: Đại đế Thiên ái (tức *Asoka*) luôn thương yêu, không hãm hại mọi loài chúng sinh, thúc liễm tự thân, bình đẳng và hòa ái, đã quán chiếu xuyên suốt: chỉ cuộc thắng trận chánh pháp là vĩ đại nhất và thiên thu bất hoại mà bản thân Đại đế là người thừa tự. Sự thành tựu trong công trình chiến thắng này đã ảnh hưởng rộng xa đến các lân bang tiếp cận tiểu lục địa *Bharata* khoảng 600 do tuần như quốc vương *Antiyoga* thuộc cộng hòa *Yonaka* tức Đức vua *Anti August* đệ II nước cộng hòa *Syria*, vương quốc bốn vị vua; Đức vua *Turayama*, tức vua *Patoleme* nước *Egypt*, Đức vua *Antikena* tức vua *Antikone* nước *Macedonia*, Đức vua *Alikasundara* tức *Alexander* nước *Epurs*, Đức vua *Magha* tức tiểu vương *Magast* trị vì tiểu quốc nằm về hướng đông nước *Egypt*.

Về hướng Tây vương quốc *Magadha (Ma kiệt đà)*, các sắc dân sau đây cũng nằm dưới quyền thống trị của Đại đế *Asoka*, đó là sắc dân *Pandyas, Satyaputras, Keralaputra, Srilanka, Yavana, Kamboja, Nabhaka, Nabhapanti*, và một số tiểu quốc cha truyền con nối, như nước *Andhara, Parinda*. Các vương quốc, tiểu vương quốc và các sắc dân nói trên đều y theo sắc chỉ

phụng hành nghiêm túc. Ngay như một số các quốc gia tiếp cận mà sứ giả Đại đế chưa đến kết giao cũng hưởng ứng phụng hành chỉ dụ.

Những công trình có kết quả lớn như vừa ghi nhận, đối với Đại đế chỉ mang tính cục bộ. Cái thành tựu trên bình diện quy mô Đại đế nhắm đến là làm thế nào các con, cháu, chất của ngài nhận biết rõ ràng xuyên suốt cuộc thắng trận mà ngài gặt hái được không phải bằng xâm lăng, chiến tranh, núi xương, sông máu mà chính là bằng chánh pháp. Đối với Đại đế *Asoka* thì câu: *Cuộc chiến thắng của chánh pháp là vẻ vang*. Thật sự đúng một ngàn phần ngàn. Vì từ ngày Đại đế xua quân chinh phạt các quốc gia lân cận, lớn nhỏ, mạnh yếu, tất cả đều thất thủ trước đạo quân bách chiến bách thắng của *Asoka*. Tóm lại, từ chiến thắng này đến chiến thắng khác, thế mà sau khi san bằng *Kalinga*, và trong tiếng hoan hô như long trời lở đất thì Đại đế lần đầu tiên trong cuộc đời bỗng cảm thấy trái tim đau buốt cơ hồ như muốn vỡ tung lồng ngực và tự nguyện sẽ không bao giờ xâm lăng bất cứ quốc gia nào bằng quân sự.

Về chủ nghĩa hòa bình tuyệt đối của chính quyền triều đại *Asoka*, chúng ta tiếp tục xem xét một số chỉ dụ trên bia ký, trụ đá để thấy chính thể đương kim hoạt động như thế nào.

Chiếu thạch dụ thứ mười ba, sau khi mô tả công cuộc bình định xứ *Kalinga* và những đau khổ mà Đại đế chứng kiến lúc bấy giờ, có viết tiếp rằng: nhưng có điều là tôi, đứa con cưng của thần thánh, thấy còn đáng buồn hơn, trong khi tất cả nhân sinh nào là giáo sĩ Bà la môn, tu sĩ khổ hạnh và các đạo sĩ tông phái khác, các gia nhân, người thường ngoan ngoãn tuân theo các ông chủ, các bậc cha mẹ, phụ huynh, thường đối xử bạn bè, người quen, chiến hữu, họ hàng, nô lệ và đầy tớ sự kính trọng và vững tin vào tín ngưỡng của mình - tất cả đều phải chịu đựng bạo lực, giết chóc và ly biệt với người thân của mình.

Chúng ta chẳng phải ngạc nhiên khi các nhà cổ học phương tây phải suốt lời tán thán những nỗ lực của vua *A dục* trong việc thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình. Những năm cuối thế kỷ hai mươi, nhân loại mới bắt đầu thử nghiệm một cơ chế nào đó để bảo đảm các nước cùng cộng trú trong hòa bình, mặc dù các cường quốc vẫn tiếp tục xây dựng lực lượng quân sự to lớn và đàm phán tay đôi theo tinh thần bí mật và nghi ngờ lẫn nhau. Trái lại, vua *A dục* đã kêu gọi cho chủ nghĩa hòa bình tuyệt đối dựa trên tư tưởng Phật giáo, đơn phương tuyên bố từ bỏ chiến tranh, một hành động cực kỳ khó khăn nhất là đối với các nước lớn.

Theo sử liệu, sau khi xác định chính sách cai trị đất nước bằng đạo pháp, vua *A dục* đã cắt giảm các lực lượng vũ trang và chỉ dùng quân đội vào các dịp diễn hành trong các lễ hội long trọng. Các bản ghi đều cho thấy nông dân và các tầng lớp khác trong xã hội không còn bị động viên thực hiện nghĩa vụ quân sự. Chính sách của vua *A dục*, thậm chí thể hiện khi làm việc với các bộ tộc cường khấu ương ngạnh ở miền biên cương, và đối đãi với người dưới như con đẻ của mình. Tinh thần đó được bộc lộ rất rõ trong một chiếu dụ do vua ban cho các quan chức đi trấn giữ nước mới chiếm được là *Kalinga*. Chiếu dụ có những đoạn như sau: *Như ta hằng mong, mọi người đều là con của ta, mọi điều hạnh phúc và tốt đẹp trên thế giới hiện nay và mai sau đều cho con cháu của ta; ta cũng mong muốn như vậy cho mọi người. Nhưng ta tin rằng, trong số dân sống dọc miền biên giới khác nhau, hãy còn chưa quy phục ta, còn có những kẻ tự hỏi mình: Đức vua muốn gì với chúng ta. Vậy ta truyền cho các người biết, điều duy nhất ta mong muốn với dân chúng ở miền biên cương là: Dân chúng miền biên cương không còn phải sợ ta nữa. Ta muốn họ tin ta, muốn họ nhận những an ủi từ tay ta và không phải nhận những đau khổ từ tay ta. Các*

người phải làm cho họ hiểu điều này nữa: Đức vua sẽ làm tất cả những gì có thể vì lợi ích của họ và nếu họ tuân theo lời dạy của ta, thực hành đạo pháp, chắc chắn họ sẽ được giàu sang và hạnh phúc ở thế giới này và kiếp sau.

Câu nói: “Mọi người đều là con của ta” đã gây ấn tượng đặc biệt, một điển đạt sinh động của giáo lý đạo Phật về sự bình đẳng của mọi người, không phân biệt bốn đẳng cấp truyền thống của xã hội Ấn Độ. Đạo Phật còn dạy rằng, mỗi người đều có duyên nợ với mọi chúng sinh và vua *A dục* cũng đã nhận ra những nghĩa vụ như vậy đối với mọi chúng sinh, không chỉ riêng trong vương quốc của ông mà còn trên thế giới. Thử hỏi đã có bao nhiêu ông vua như vậy xuất hiện trên thế gian này?

Quyết tâm của vua *Asoka* dùng những diệu pháp chính nghĩa, đạo đức để trị vì được biểu lộ rất rõ trên thạch dụ thứ sáu, trong đó có đoạn trích như sau: *Đã từ lâu, trong quá khứ, không vị vua chúa nào muốn giải quyết việc nước hay nghe những lời oan ức bất kể giờ nào trong ngày. Nhưng nay ta ban lệnh sau: Các quan lại có các só tâu liên quan đến việc dân, việc nước sẽ được phép trình dâng bất cứ lúc nào và bất kỳ ở đâu, dù là ta đang ngự bữa ăn, nhập thâm cung, ở thư phòng, xem chuông thú, trên ngựa xa, hay văn vườn cảnh. Nếu họ làm được như vậy, ta sẽ quyết định công việc liên quan tới chúng dân, bất kể lúc đó ta đang ở đâu. Bất cứ lúc nào có sự tranh cãi trong hội đồng hay một đề nghị soi xét phần thưởng về bổng lộc hay gia ân ta đã ban, hay lệnh hịch liên quan tới những chiếu dụ ta đã ban hành hay liên quan tới việc giải quyết những vấn đề hệ trọng đã được giao phó cho các đại thần, các khanh phải trình bẩm lại cho ta ngay lập tức, bất kể ta đang ở đâu hay lúc nào.*

Rõ ràng, theo chỉ dụ này, vua *Asoka* đã nhận thức được ý nghĩa lịch sử gắn liền với phương pháp trực tiếp chăm lo công việc lãnh đạo của mình. Quả thật ông tự xưng là vị vua đầu tiên trong lịch sử không dùng vũ lực để cai trị đất nước mà bằng sức mạnh của đạo pháp. Theo sử liệu, có liệt kê đại ý một loạt các chiếu dụ của vua *Asoka* như sau:

Chiếu thứ nhất: cấm sát sinh để tế lễ.

Chiếu thứ hai: xây dựng hai loại bệnh viện cho người và cho súc vật; trồng dược thảo, trồng cây ven đường lớn và đào giếng.

Chiếu thứ ba: sắc lệnh liên quan tới việc đi thanh tra các tỉnh 5 năm một lần.

Chiếu thứ tư: mô tả những biện pháp để truyền bá giáo lý đạo Phật.

Chiếu thứ năm: đặt các chức “đạo pháp quan” để thực hiện các chính sách mới.

Chiếu thứ sáu: sắc lệnh liên quan đến việc nhanh các só tâu và giải quyết ngay các công việc quốc gia.

Chiếu thứ bảy: mong muốn tất cả các giáo phái có thể cùng chung sống; kêu gọi đề cao tấm lòng trong sạch.

Chiếu thứ tám: bãi bỏ các chuyến vui chơi dã ngoại mà các vua chúa đời xưa ưa chuộng, bắt đầu các chuyến du đạo.

Chiếu thứ chín: những bản nguyện về đạo pháp và giải thích ý nghĩa của chúng.

Chiếu thứ mười: giải thích về danh tiếng và vinh quang đạt được bởi sự tuân thủ thực hành tu niệm đạo pháp.

Chiếu thứ mười một: diễn giải việc bố thí, truyền bá đạo pháp; thân thiện, hữu hảo trong tinh thần đạo pháp, chia sẻ công đức dưới ánh sáng đạo pháp, kết duyên với Phật pháp là những dạng bố thí cao nhất.

Chiếu thứ mười hai: kêu gọi sự khoan dung lẫn nhau giữa các phe phái tôn giáo, tuyên bố rằng, sự nâng niu các tinh hoa của mỗi tôn phái là tặng phẩm và lòng kính trọng cao nhất, chỉ định các “đạo pháp quan”, các đại quan về phụ nữ, tổng trưởng khu bảo tồn thú.

Chiếu thứ mười ba: mô tả những cảnh khùng khiếp trong cuộc xâm chiếm *Kalinga*, những lời biểu hiện sự sám hối, lòng kính trọng đạo pháp và lòng quyết tâm truyền bá đạo; chiếu thắng bằng đạo pháp được tuyên bố là chiến thắng hiển hách nhất; các sứ giả được gởi tới các quốc gia láng giềng, năm vị vua Hy Lạp được nhắc tên.

Chiếu thứ mười bốn: những lời kết luận các bản khắc của chiếu chỉ được dựng ở nhiều địa điểm khác nhau trong đế quốc, có ba dạng: văn tắt, chi tiết và rất chi tiết, phụ thuộc và địa điểm.

Ở thời đại đó, khi chưa có những phương tiện thông tin hiện đại như ngày nay thì đó là phương pháp để chính quyền công bố các mục đích và chính sách của mình bằng cách khắc tên chúng lên vách đá hay các cột to. Mặc dù được viết cách đây hai ngàn năm nhưng những lời của vua *Asoka* như còn thúc giục, nhắc nhở người đời nay, đáng tiếc biết bao khi còn quá nhiều các lãnh tụ chính trị thế giới đời nay không có tầm cỡ của vị quân vương vĩ đại thời cổ đại ấy.

Trụ Đá và Bia Ký (tiếp theo)

Trong năm thứ mười một triều đại *Asoka*, một loạt sắc lệnh được ban bố mà ai cũng nhận là những sáng kiến kỳ tuyệt chưa chính quyền nào nghĩ ra. Ngài cho đục khắc lên núi đá, cột trụ các sắc lệnh viết theo thổ ngữ từng miền, bất kỳ người Ấn nào biết chữ cũng có thể đọc được. Nhiều sắc lệnh khắc trên núi đá ở nhiều nơi tại Ấn Độ, ngày nay mười cây cột lớn còn đứng vững và có thể định được vị trí của hai chục cây cột khác.

Những sắc lệnh đó tỏ rằng nhà vua đã hoàn toàn tin lời dạy của đạo Phật và áp dụng nó vào việc trị nước. Những sắc lệnh rõ ràng chịu ảnh hưởng Phật giáo, nhưng không có khuynh hướng tôn giáo. Không có đoạn nào trong sắc lệnh bảo dân phải thờ phụng một vị thần nào; ngay đến Phật, cũng không bắt buộc dân phải thờ.

Sắc lệnh ở *Saranath* bảo phải giữ sự hòa thuận trong các đền chùa, Tăng hội và kẻ nào đề xướng sự ly giáo sẽ bị trị tội. Nhiều sắc lệnh khác bảo phải khoan dung về phương diện tôn giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng, phải bố thí cho các tu sĩ Bà la môn cũng như các Tăng đồ, không được mạt sát tín ngưỡng của người khác.

Sắc lệnh số mười hai (XII) ghi khắc như sau: *Hoàng thượng chí từ chí linh chào hết thầy thân dân trong mọi giáo phái, dù là hạng tu hành khổ hạnh hay hạng tu tại gia. Hoàng thượng không cho những tặng vật và những chào hỏi bề ngoài là quan trọng bằng cái bản chất chủ yếu của giáo phái. Cái chủ yếu đó có thể tiến bộ theo nhiều hình thức, nhưng điều căn bản là phải giữ gìn lời ăn tiếng nói, không nên vô cớ đề cao giáo phái của mình, chê bai giáo phái của người. Muốn chê bai thì phải có lý do vững vàng vì tất cả các giáo phái đều có một khía cạnh nào đó đáng cho ta kính trọng. Nếu giữ được như vậy thì vừa làm cho giáo phái của mình phấn khởi, vừa giúp được các giáo phái khác, còn trái lại là làm hại giáo phái mình và các giáo phái khác. Sự hòa thuận là điều đáng tán thưởng.*

Cái bản chất chủ yếu đó đã được định nghĩa rõ hơn trong sắc lệnh trên cột thứ nhì (II): *Đạo sung kính là điều rất tốt. Nhưng thế nào là sung kính? Sùng kính là ít nghịch đạo, làm nhiều điều thiện, từ bi, khoan dung, thành thực và trong sạch. Chẳng hạn Asoka ra lệnh cho các quan phải thương dân như con, dịu dàng kiên nhẫn với họ, không có lý do chắc chắn thì không được bắt giam, tra khảo họ. Ông còn ấn định cứ đều đều đúng kỳ hạn phải đọc những chỉ thị đó trước công chúng cho mọi người biết. Asoka như mọi nhà cải cách chân chính, rất tin rằng những lời của mình khắc trên đá rất hiệu nghiệm.*

Trong sắc lệnh số bốn (IV) khắc trên đá, ông cho biết rằng ông đã đạt được kết quả kỳ diệu và đoạn trần thuật dưới đây cho ta hiểu thêm giáo lý của ông: *Bây giờ do sự sung đạo của Hoàng thượng từ chí linh, tiếng vang của đạo thay cho tiếng trống thúc quân... một việc từ lâu đã không xảy ra, là ngày nay nhờ những cố gắng của Hoàng thượng chí từ chí linh để truyền bá đạo, người ta nhận thấy số sinh vật bị hy sinh để tế thân mỗi ngày mỗi giảm, số loài vật bị giết cũng giảm, dân chúng kính trọng cha mẹ và các tu sĩ Bà la môn, người ta nghe lời cha mẹ và các bậc trưởng thượng. Cho nên có thể nói rằng, về nhiều điểm, đạo đã được tuyệt đại đa số tuân hành. Hoàng thượng chí từ chí linh sẽ tích cực làm cho đạo được tuân hành mỗi ngày nhiều hơn nữa và con cháu của Hoàng thượng chí từ chí linh hãy cố gắng duy trì, phát triển nếp sống đạo đức tốt đẹp này.*

Asoka hăng say làm việc đúng như chánh pháp, tự xưng là Đại hộ pháp. Theo trữ liệu, ông cho xây cất 84.000 ngôi tháp và dựng khắp nơi trong nước, nhiều đường cho loài người là loài vật. Ngài phái các cao Tăng đi truyền bá đạo pháp ở khắp Ấn Độ, Tích Lan, Syrie, Ai Cập, Hy Lạp, Tây Tạng, Mông Cổ, Nhật Bản, v.v...

Các nguồn tư liệu cho biết, có khoảng sáu mươi ngàn (60.000) Tỳ kheo hành đạo ở Hoa thị (*Pataliputra*), kinh đô của vua. Từ đó chúng ta có thể tin chắc rằng, Phật giáo đã bước vào giai đoạn cực kỳ hưng thịnh.

Sắc lệnh số tám (VIII) có đoạn: *Sau mười năm đấng quang, Hoàng thượng thiên ái tuân lâm chiêm bái Buddhagaya (Bồ đề đạo tràng) nơi đức Thích tôn viên thành chánh giác. Kể từ chuyến hành hương này, Asoka hạ quyết tâm du hành chiêm bái tất cả thánh tích khắp Ấn Độ và gọi những chuyến du hành như vậy là “cuộc hành hương chiêm bái”. Những lần hành hương như vậy, Asoka thường dành thì giờ thăm viếng các vị tu sĩ, Sa môn, Bà la môn thuộc các tổ chức tôn giáo đương thời và ban nhiều loại nhu yếu phẩm tương đối thích hợp đời sống tu hành và một số khá lớn tịnh tài. Đối với các vị trưởng lão đạo cao đức trọng Phật giáo, Asoka cúng dường tứ sự, truyền tu sửa các cơ sở quy mô như phước xá đa dụng và Tăng xá cơ ngơi biệt lập của chư vị Tỳ kheo. Đối với quần chúng Asoka thường ân cần thăm hỏi gia đình và đời sống của họ, luôn tiện Đức vua khuyến tấn họ thực hành chánh pháp để được hạnh phúc cho bản thân, gia đình và cộng đồng trong những dịp thuận lợi như vậy, Đức vua thường dành không khí ưu ái, thân thiện và sẵn sàng trả lời bất cứ điều gì mà người dân muốn biết cũng như giải quyết tại chỗ nếu có oan tình. Quần chúng vô cùng tin tưởng, phấn khởi. Họ có cảm tưởng như một hiền phụ lúc nào cũng quan tâm đời sống, vật chất và tinh thần của họ.*

Trụ Đá và Bia Ký - Trần Trúc Lâm Việt dịch

Nội dung những dụ khắc trên đá của Đại đế Asoka triều đại Moriya (304 TTL – 232 TTL)

Lời thưa trước: Hiện nay có khá nhiều bản dịch ra Anh ngữ về những Pháp dụ của vua Asoka vốn được viết bằng tiếng Brahmi (Prakrit). Bản dịch Việt ngữ này đã dựa vào hai bản Anh ngữ phổ thông nhất và được nhìn dưới hai góc độ tiêu biểu: 1) Giới hàn lâm của các tác giả Nayarayanrao Appurao Nikam và Richard McKeon thuộc Viện đại học Chicago, ấn hành năm 1959 (viết tắt “Bản Nikam”) và 2) Giới Tăng già, của Đại đức S. Dhammika thuộc Buddhist Publication Society, Sri Lanka, ấn hành năm 1993 (viết tắt “Bản Dhammika”). Quý độc giả có thể vào trang <http://www.accesstoinsight.org> để xem bản Dhammika. Tuy vậy, trong khi đối chiếu để làm rõ nghĩa hơn giữa hai bản này chúng tôi nhận thấy rằng ngoài những khác biệt về văn phong, ở vài đoạn các dịch giả nói trên đã có lối diễn dịch khác hẳn nhau. Vì thế chúng tôi đã cân nhắc chọn lối dịch nào gần với tinh thần nội dung của Pháp dụ để chuyển ra Việt ngữ, và dùng những từ ngữ hợp với đương thời hơn. Ngoài ra ngay dưới mỗi pháp dụ, chúng tôi thêm phần ghi chú và nhận xét riêng để giải thích những khác biệt, thay vì để ở cuối bài không được tiện dụng. Dù vậy vẫn không thể tránh được những sơ sót. Mong bài viết này đóng góp phần nào vào tài liệu Sử Phật Giáo.

A. Mười Bốn Đại Thạch Pháp Dụ

ĐTPD thứ nhất (I)

Thiên tử, Vua Piyadasi, ban lệnh cho ghi pháp dụ này [1]. Trong lãnh thổ do trăm cai trị không sinh linh nào được sát hại hoặc tế sống và không tiệt chủng liên hoan nào được tổ chức, bởi Thiên tử, vua Piyadasi thấy nhiều điều xấu ác trong những cuộc tụ họp liên hoan ấy. Nhưng Thiên tử, vua Piyadasi vẫn chuẩn y cho một vài cuộc liên hoan khác. Trước đây, trong nhà bếp hậu cung của trăm đã có hàng trăm ngàn sinh thú bị giết hàng ngày để làm thức ăn. Nhưng với Pháp dụ này kể từ nay chỉ có ba loại sinh thú được phép hạ thịt mà thôi, là hai con công và một con nai, nhưng thỉnh thoảng mới làm thịt nai. Và rồi nay mai cả ba thú này cũng sẽ khỏi bị giết.

Ghi chú:

1. Bia ký Girnar, ban vào năm 257 TTL. Bản Nikam còn viết là vua Piyadasi. Trong các Pháp dụ, Đại đế Asoka luôn tự xưng là Thiên tử, Vua Piyadasi.

ĐTPD thứ hai (II)

Khắp nơi [2] thuộc lãnh thổ do Thiên tử, vua Piyadasi cai trị, và dân cư ngoài biên ải như dân Cholas, dân Pandyas, dân Satiyaputras, dân Keralaputra và xa hơn nữa dân Tamraparni, và xứ Yona (Hy Lạp) do vua Antiyoka cai trị, và vua các xứ lân cận với vua Antiyoka[3]. Thiên tử, vua Piyadasi ban cho hai loại săn sóc y tế: cho người và cho thú. Nơi nào không có thảo dược để trị liệu, trăm cho du nhập và trồng. Nơi nào không có củ rễ hoặc trái cây làm thuốc, trăm cho du

nhập và trồng. Dọc các đường trẫm cho đào giếng và trồng cây để người và thú được hưởng lợi [4].

Ghi chú:

2. *Bia ký Girnar, ban vào năm 257 TTL.*

3. *Dân Cholas và Panhdyas ở phía nam ngoài đế quốc do vua Asoka cai trị. Dân Satiyaputras và Keralaputras sống cận duyên vùng tây nam. Tamraparni là tên cổ của Tích Lan (Sri Lanka). Antiyoka tức là Antiochos II Theo sử của xứ Syria (261-246 TTL).*

4. *Asoka thực hành lời dạy của Đức Phật trong Samyutta Nikaya (Tuong Ứng Bộ Kinh), I:33.*

ĐTPD thứ ba (III)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [5]: Pháp dụ này được ban ra mười hai năm trẫm đăng quang. Trẫm lệnh cho các quan Yuktas, Rajjukas và Pradesikas phải tuần du thanh tra khắp nơi thuộc lãnh thổ do trẫm cai trị mỗi 5 năm để huấn dụ chánh pháp như dưới đây, đồng thời lo các chính sự khác [6]. Biết kính trọng vâng lời cha mẹ là việc tốt, hào phóng với bạn bè, thân hữu, bà con, các bậc tu hành [7] là việc tốt, không sát sinh là việc tốt, biết chừng mực trong tiêu pha và tiết kiệm là việc tốt, tất cả toàn là những điều phước đức. Triều đình nên báo cho các quan địa phương phải tuân thủ nghiêm chỉnh những điều huấn dụ này đúng ý của trẫm.

Ghi chú:

5. *Bia ký Girnar, ban vào năm 257 TTL.*

6. *Bản Dhammika: Không có tài liệu nào tồn tại cho biết rõ chức năng của các vị quan này. Bản Nikam: đó là các quan cai trị huyện (Yuktas), tỉnh Rajjukas) và kinh đô (Pradesikas).*

7. *Bản Nikam: “priests and ascetics”; Bản Dhammika: “Brahmans and ascetics”: “tu sĩ (Ba la môn và đạo sĩ khổ hạnh”, chỉ cho giới tu hành thời bấy giờ. Đạo sĩ khổ hạnh gồm cả các khát sĩ Phật giáo, Ajivika và Kỳ na giáo.*

ĐTPD thứ tư (IV)

Nhiều trăm năm trong quá khứ, việc sát hại sinh vật, đối xử tệ bạc với bà con, và thiếu tôn kính với các bậc tu hành đã gia tăng [8]. Nhưng nay do việc thực hành chánh pháp của Thiên tử, vua Piyadasi, nên diệu âm của chánh pháp thay dần cho tiếng trống [9]. Đã nhiều trăm năm hiện tượng về những thiên xa, voi lành, sao băng, và những cảnh tượng thần linh đã không xảy ra. Nhưng nay do Thiên tử, vua Piyadasi cố xúi việc không chế sát hại sinh thú, đối xử ân cần với bà con, tôn kính các bậc tu hành, và kính trọng cha mẹ và bậc trưởng thượng, những cảnh tượng điềm lành ấy lại gia tăng [10]. Những điều này cùng với nhiều lối khác thực hành chánh pháp đã được Thiên tử, vua Piyadasi khuyến khích, và ngài sẽ tiếp tục thăng tiến việc thực hành chánh pháp. Rồi cũng thế, các con, cháu và chất của Thiên tử, vua Piyadasi sẽ tiếp tục thăng tiến việc

thực hành chánh pháp cho đến hết đời; an trú trong chánh pháp thì họ mới giáo huấn dân theo chánh pháp được. Thực vậy, giáo huấn theo chánh pháp là công tác cao cả. Tuy vậy kẻ thiếu đạo đức thì không thể thực hành chánh pháp được, bởi việc thực hành và thăng tiến chánh pháp là việc đáng ca tụng. Pháp dụ này được ghi để nhắc nhở những kẻ kế thừa trầm hoan hỷ tận lực thăng tiến chánh pháp và không để suy thoái. Thiên tử, vua Piyadasi đã lệnh cho pháp dụ này ghi lại mười hai năm sau khi ngài đăng quang.

Ghi chú:

8. *Bia ký Girnar, ban vào năm 257 TTL.*

9 *Bản Dhammika: muốn nói đến tiếng trống đánh lên khi triều đình trừng phạt những kẻ phạm pháp. Bản Nikam: là tiếng trống trận. NXR: bản dịch của Nikam và McKeon về đoạn này không sát bằng bản của HT S. Dhammika.*

ĐTPD thứ năm (V)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [11]: làm điều thiện thật khó. Kẻ nào làm điều thiện là làm được nan sự. Trẫm đã làm nhiều điều thiện và nếu các con, các cháu và hậu duệ của trẫm, cho đến hết đời noi gương trẫm thì sẽ làm được những điều thật tốt. Nhưng ai trong bọn chúng bỏ bê dù một phần huấn dụ này thì chúng sẽ làm điều ác. Thật vậy, làm điều ác thì rất dễ [12].

Trong quá khứ không hề có Pháp Đại thần (Dhamma Mahamatras), nhưng mười ba năm sau khi trẫm đăng quang chức vụ này được bổ nhiệm. Từ nay họ được ủy nhiệm làm việc với tất cả các tôn giáo cho việc củng cố chánh pháp, cho sự thăng tiến chánh pháp. Họ được ủy nhiệm làm việc với dân Yonas (Hy Lạp), dân Kambojas, dân Gandharas, dân Rastrikas, dân Pitinikas, và các dân khác ở biên cương phía tây của lãnh thổ [13]. Họ được ủy nhiệm làm việc với quân sự, các cấp chỉ huy, các bậc tu hành, các cư sĩ, [14] kẻ nghèo khó, người già cả, và những ai ngưỡng mộ chánh pháp để lo cho sự an ninh và hạnh phúc của họ và để họ khỏi bị những nhiễu. Các Pháp Đại thần được ủy nhiệm làm việc cải thiện cách đối xử với tù nhân, đưa đến việc phóng thích chúng và nếu các Pháp Đại thần nghĩ rằng “kẻ này có một gánh nặng gia đình”, “kẻ kia bị vu cáo”, “kẻ nọ đã già”, thì họ tiến hành việc phóng thích các kẻ đó. Họ được ủy nhiệm làm việc khắp nơi, ở đây (nơi bia ký được khắc, dựng), ở những thị trấn xa xôi, trong những hậu cung thuộc các bào huynh hay bào tị của trẫm và hoàng tộc. Các Pháp Đại thần chuyên lo truyền bá chánh pháp được cử đi khắp nơi thuộc lãnh thổ, giữa người dân ngưỡng mộ chánh pháp để xem ai ngưỡng mộ chánh pháp, hay an trú trong chánh pháp, hay thực hành bố thí. Pháp dụ này được khắc lên đá để nó có thể trường tồn và hậu duệ của trẫm có thể theo đây mà thực hành.

Ghi chú:

11. *Bia ký Kalsi, ban năm 256 TTL.*

12. *Theo lời Phật dạy trong “Pháp cú” (Dhammapada), câu 163.*

13. *Dân Hy Lạp (Yonas) định cư đông đảo ở vùng mà nay là Afghanistan và Pakistan sau cuộc xâm lăng của Alexander the Great.*

14. Trong hai bản đầu dịch là “householders: gia trưởng”. NXR: Có lẽ Asoka muốn nói đến giới cư sĩ. Theo chúng tôi, dịch là “cư sĩ” thì đúng với tinh thần Pháp dụ hơn.

ĐTPD thứ sáu (VI)

Thiên tử, Vua Piyadasi phán rằng: [15] trong quá khứ, quốc sự hoặc các biểu tấu không hề được đệ trình Hoàng thượng thường xuyên. Nhưng nay trẫm ra lệnh này, khi các quan có chuyện bẩm báo về dân tình trong nước thì có thể đến gặp trẫm bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu, dù trẫm đang ngự thiện, đang ở trong hậu cung, trong cấm cung, trên long xa, trong ngự giá, trong thượng uyển hay đang cầu nguyện. Và khi một ban bố hay tuyên dương bằng khẩu lệnh, hoặc vì quốc vụ khẩn cấp trẫm ủy quyền cho các Pháp Đại thân, mà gây nên sự bất đồng hay bàn cãi trong triều thì phải cấp báo cho trẫm biết ngay bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu. Đó là mệnh lệnh của trẫm.

Trẫm không hề bao giờ bằng lòng với việc làm và canh cánh cho quốc vụ của trẫm. Trẫm cho rằng việc thăng tiến an sinh của thân dân là nhiệm vụ cao cả nhất của trẫm, và cốt lõi của việc này là phải chính mình tận lực. Đối với trẫm, không có điều gì quan trọng hơn là nỗ lực của trẫm chỉ là trả cái nợ trẫm mắc chúng sinh để mưu cầu hạnh phúc cho họ trong đời này và đạt đến thiên giới trong kiếp sau. Vì trẫm lệnh cho các pháp dụ này được khắc ra để trường tồn và các con, các cháu và chất của trẫm noi theo vì sự an sinh cho mọi người. Tuy nhiên đây là một việc khó nếu không nhiệt tâm và tận sức.

Ghi chú:

15. *Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL.*

ĐTPD thứ bảy (VII)

Thiên tử, vua Piyadasi muốn rằng tất cả môn đồ của các tín ngưỡng đều chung sống trên đất nước của ngài, vì tất cả bọn họ đều mong cầu tự chế và thiện tâm [16]. Nhưng con người thường có nhiều xu hướng và khát vọng khác nhau, nên họ có thể thực hành được một phần hay tất cả những điều ấy. Những kẻ thiếu tự chế, lòng không trong sạch, thiếu ân tình và tín tâm mà lại nhận lắm phẩm vật cúng dường, thì kẻ ấy là gian ác [17].

Ghi chú:

16. *Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL.*

17. *Bản Nikam lại dịch là: “Ngay cả kẻ không cúng dường được phẩm vật xa xỉ, không biết tự chế và lòng không trong sạch, không có ân tình, và tín tâm vững chắc vẫn đáng khen và cần thiết.”*

ĐTPD thứ tám (VIII)

Trong quá khứ, các thiên tử hay tuần du để săn bắn hoặc vui chơi [18]. Nhưng mười năm sau khi lên ngôi, Thiên tử, vua Piyadasi đã đến thăm Bồ đề đạo tràng [19] và như thế thiết chế

những cuộc Pháp du hành (Dharma-yatras) [20]. Trong những lần như thế, các việc sau đã được làm: viếng thăm và quà tặng cho các bậc tu hành, viếng thăm và tặng (tiền) vàng cho người già, viếng thăm dân ở thôn quê, huấn dụ họ về chánh pháp và thảo luận với họ về chánh pháp khi thích hợp. Những điều này đã làm Thiên tử, vua Piyadasi đẹp mặt và lại được xem như là một mối thu hoạch khác [21].

Ghi chú:

18. *Vihar-yatras*. Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL. Ở đây vua Asoka dùng “Thiên tử” để chỉ cho các tiên vương.

19. *Bản Dhammika*: Thời bấy giờ có tên là Sambodhi hay Virirasana chứ không gọi là Bodh Gaya như ngày nay.

20. *Bản Nikam* lại dịch đoạn này như sau: “Tuy nhiên, vua Piyadasi đã giác ngộ (sambuddha) mười năm sau ngày đăng quang, nên từ đó những chuyến tuần du của ngài được gọi là Pháp du hành.”

21. *Bản Nikam* dịch: “Những chuyến Pháp du hành này làm vua Piyadasi rất vui lòng hơn những chuyến khác.”

ĐTPD thứ chín (IX)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [22]: Người ta hay cúng nhiều lễ, nhất là những dịp đau ốm, khi cưới hỏi, lúc sinh nở, trước một chuyến đi xa. Đặc biệt là phụ nữ lại còn bày ra lắm lễ lặt vặt, vô nghĩa khác. Không có gì quý với những lễ cúng bái này nhưng thường thì chẳng đem lại kết quả nào. Chỉ có lễ chánh pháp (Dharma-managa) là mang lại rất nhiều kết quả. Nó bao gồm việc đối xử tử tế với nô tì và gia nhân [23], tôn kính thầy dạy, đừng độc ác với sinh linh, và cúng dường cho các bậc tu hành. Những việc như thế được gọi là lễ chánh pháp. Vì thế một người cha, một người con, một người anh em, một người chủ, một người bạn, một người phôi ngẫu, hay cả người hàng xóm thấy thế nên bảo: “Những việc này tốt, nên làm cho đạt đến mục đích, tôi nên tham dự.” Những buổi cúng lễ khác, dù đạt được mục đích trong đời này, nó tạo ra vô lượng phước đức cho đời sau. Nếu lễ chánh pháp đạt được mục đích trong đời này thì lại có cả phước đức trong đời này và đời sau [24]. Lòng hào phóng thực đáng ca ngợi. Nhưng không có quà nào lớn bằng quà chánh pháp, hoặc bằng lợi lộc chánh pháp. Vì thế, một người bạn, người khách, bà con, hoặc người phôi ngẫu nên cố xúi người khác khi cơ hội đến và bảo rằng: “Điều này tốt, nên làm, rất đáng khen. Làm việc này ta có thể đạt thiên giới”. Và có việc gì còn giá trị hơn là đạt thiên giới [25].

Ghi chú:

22. *Bia ký Kasi*, ban năm 256 TTL. Asoka nghĩ đến Mangala Sutta (Sutta Nipata 258-269) khi ban Pháp dụ này.

23. *Bản Dhammika*: “công nhân và gia nhân”.

24. Nhiều bản chạm đứt ngang đây.

25. Bia ký ở Girnar, Dhauri và Jaugada lại thêm đoạn này.

ĐTPF thứ mười (X)

Thiên tử, vua Piyadasi không xem vinh quang và danh vọng có giá trị gì trừ phi thân dân của trăm đều nghe đến chánh pháp và thực hành chánh pháp trong hiện tại và tương lai [26]. Chỉ có điều này Thiên tử, vua Piyadasi mới muốn được vinh quang và vang danh. Tất cả mọi nỗ lực của trăm chỉ nhắm đến giải thoát cho con người khỏi vòng nô lệ trong đời từ nay về sau. Bởi ác nghiệp là vòng nô lệ. Thật là nan sự cho kẻ giàu và người nghèo trừ phi họ tận lực và từ bỏ tham vọng. Lại càng khó bội phần cho kẻ giàu hơn là người nghèo [27].

Ghi chú:

26. Bia ký Girnar, vào năm 256 TTL.

27. Bản Dhammika dịch đoạn này như sau: “Tất cả mọi nỗ lực của trăm chỉ nhắm đến an sinh trong đời sau cho thân dân, và để họ không vướng ác nghiệp. Vô phước đức là ác nghiệp. Thật là việc khó làm cho kẻ hèn hạ và người cao sang trừ phi họ tận lực và từ bỏ tham vọng. Lại càng khó bội phần với người cao sang (hơn là với kẻ hèn hạ).”

ĐTPD thứ mười một (XI)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [28]: Không quà nào bằng quà chánh pháp (Dharmadana) [29], không sự quen biết nào bằng sự quen biết chánh pháp (Dharmasamstava), không sự san sẻ nào bằng sự san sẻ chánh pháp (Dharma-sambandha). Và nó bao gồm những điều này: đối xử tử tế với nô tì và gia nhân, kính trọng cha mẹ, hào phóng với bạn bè, phôi ngẫu, bà con, các bậc tu hành, và đừng sát sinh. Vì thế một người cha, một người con, một người anh em, một người chủ, một người phôi ngẫu, hay một người hàng xóm nên bảo rằng: “Điều này có phước đức, nên làm.” Bằng cách biếu quà chánh pháp, người ta được lợi lộc ngay trong đời này và vô lượng phước đức trong đời sau.”

Ghi chú:

28. Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL.

29. Dharma-dana: Đền thí chánh pháp. Tương tự “Pháp cú” (Dhammapada) câu 354.

ĐTPD thứ mười hai (XII)

Thiên tử, vua Piyadasi tôn kính tất cả các bậc tu hành và các cư sĩ của các tôn giáo qua quà cáp ngài ban và nhiều sự vinh dự [30]. Nhưng Thiên tử, vua Piyadasi không coi trọng quà cáp hay vinh dự bằng sự tăng trưởng về đạo hạnh của người có tín ngưỡng [31]. Sự tăng trưởng về đạo hạnh có thể đạt được bằng nhiều lối, nhưng cái gốc rễ vẫn là phải kiềm chế lời nói, không

được đề cao tôn giáo mình và lại phi báng tôn giáo khác một cách vô cớ, hoặc là khi đúng có thì lại quá đà.

Dù bất kỳ lý do nào, tín ngưỡng của kẻ khác cần phải được tôn vinh. Có như vậy thì tôn giáo của mình cũng được lợi lộc và tôn giáo của kẻ khác nữa. Ngược lại thì tôn giáo của mình bị tổn hại, và tôn giáo của kẻ khác nữa. Kẻ nào huênh hoang về tôn giáo của mình vì cuồng tín và phi báng tôn giáo kẻ khác với ác ý “Để ta làm vinh quang đạo của ta”, thì chỉ làm tổn hại đến tôn giáo của mình. Vì thế, sự hòa đồng tôn giáo là điều tốt [32]. Ai cũng phải lắng nghe và tôn kính giáo lý của đạo khác. Thiên tử, vua Piyadasi muốn rằng mọi người nên tìm hiểu thêm giáo lý chân chính của tôn giáo khác. Kẻ nào chỉ biết cố chấp với tôn giáo của mình thì phải được dạy rằng: Thiên tử, vua Piyadasi không coi trọng quà cáp và vinh dự bằng sự tăng trưởng về đạo hạnh của mọi tôn giáo. Để đạt đến điều này, các Pháp đại thần, các Đại thần chuyên lo về hậu cung, những quan lại trông nom những vùng xa xôi và những quan lại khác phải tận tâm. Và kết quả là tôn giáo của mỗi người đều thăng tiến và chánh pháp cũng được rạng rỡ.

Ghi chú:

30. *Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL.*

31. *Nguyên bản: Saravadi dịch là “Tinh túy tôn giáo” có nghĩa là “phẩm chất đạo hạnh”.*

32. *Theo bản Dhammika, vốn dựa vào bản bằng tiếng Pal, dịch theo câu: “Ta samavayo eva sadhu” mà “Samavayo” chiết tự ra thì có “sam+ava+I”, có nghĩa là đến với nhau.*

ĐTPD thứ mười ba (XIII)

Thiên tử, vua Piyadasi xâm chiếm Kalinga tám năm sau khi ngài đăng quang [33]. Một trăm năm chục ngàn người bị bắt và bị đày, một trăm ngàn người bị giết và rất nhiều người nữa chết vì những lý do khác. Ngay sau khi Kalinga được chinh phục, Thiên tử, vua Piyadasi mạnh mẽ nghiêng về học hỏi chánh pháp, yêu thích chánh pháp và muốn phát triển chánh pháp. Nay Thiên tử, vua Piyadasi rất xúc động và lấy làm hối hận đã chinh phục Kalinga. Thật vậy Ngài rất buồn và hối tiếc việc chinh phục một dân tộc bất khuất qua tàn sát, chết chóc và đày ải. Điều quan trọng hơn cả làm Thiên tử hối hận là các bậc tu hành cũng như giới cư sĩ, tín đồ của các tôn giáo của nước này - tất cả đều thực hành kính trọng bậc trưởng thượng, cha mẹ và thầy dạy, đối xử tử tế và trung thành với bạn bè, người quen, người phối ngẫu và bà con bị liên lụy. Những việc này làm Thiên tử, vua Piyadasi đau buồn.

Không có nước nào, trừ xứ của người Yonas (Hy Lạp) ở đó không có các bậc tu hành (giống như tu sĩ Bà la môn và đạo sĩ khổ hạnh), và không ở nơi nào mà cư dân lại không phụng thờ tôn giáo này hay tôn giáo nọ [33]. Bởi thế, dù số tử vong hay số bị đày ải qua trận Kalinga chỉ bằng một phần trăm hay một phần ngàn của thực sự, điều này cũng làm Thiên tử, vua Piyadasi đau buồn. Ngài nghĩ rằng những ai phạm lỗi nên được tha thứ nếu có thể [34]. Ngay đối với dân mọi rợ nay sống dưới quyền cai trị của Thiên tử, vua Piyadasi, cũng nên theo lối sống mới mà cư xử đàng hoàng. Chúng nên được khuyến cáo rằng dù Ngài hối hận nhưng Ngài vẫn còn đủ quyền lực để trừng trị bọn chúng nếu bọn chúng phạm tội đáng chết. Thật vậy, Thiên tử muốn ai cũng được vô hại, tự chế và công bằng, ngay cả những kẻ phạm lỗi. Nay Thiên tử, vua Piyadasi xem

chinh phục bằng chánh pháp (Darma-vijaya) mới là cuộc chinh phục quan trọng nhất [35]. Cuộc chinh phục này đã chiến thắng liên tục không những trong xứ mà còn cả với những dân sống ngoài biên cương xa đến sáu trăm do tuần (Yojanas) ở đó vua Yona (Hy Lạp) là Antiyoka cai trị và xa hơn nữa là dân Tamraparni [38]. Ở đây trong lãnh thổ của Thiên tử, giữa dân Yonas [39], dân Kambojas, dân Nabhakas, dân Nabhapamkits, dân Bhojas, dân Pitinikas, dân Andhras và dân Palidas, khắp nơi dân đều theo lời giáo huấn về chánh pháp của Thiên tử, vua Piyadasi.

Cả đến những xứ mà sứ giả của Thiên tử, vua Piyadasi chưa đến, dân ở đấy cũng đã nghe đến chánh pháp và những chiếu chỉ của Thiên tử về chánh pháp nên họ đã tuân thủ và tiếp tục tuân thủ. Cuộc chinh phục bằng chánh pháp này diễn ra khắp nơi và đem lại niềm hân hoan - niềm hân hoan chỉ do chinh phục bằng chánh pháp đem lại mà thôi. Nhưng niềm hân hoan cũng chỉ là kết quả nhỏ. Thiên tử xem quả gặt được trong đời sau mới thực quan trọng. Trẫm cho ghi pháp dụ này để các con và các cháu của trẫm khi kế vị đừng lấy xâm lăng làm thành tích. Nếu chinh phục thì nên khoan hòa và nhẹ trừng phạt. Nên xem chinh phục bằng chánh pháp là cuộc chinh phục thật sự bởi nó có kết quả trong đời này và đời sau. Hãy vui lấy niềm vui trong chánh pháp (Dharma-rati) bởi nó mang lại kết quả tốt trong đời này và đời sau.

Ghi chú

32. *Bia ký Kalsi, ban năm 256 TTL. Kalinga, bây giờ là bang Orissa.*

33. *Thời bấy giờ Asoka nghĩ rằng Hy Lạp là xứ vô tôn giáo.*

34. *Bản Nikam dịch: “Bây giờ, vua Priyarsi nghĩ rằng kẻ phạm lỗi với Ngài nên được tha thứ nếu lỗi ấy có thể tha thứ được.*

35. *Có thể Asoka nghĩ đến “Pháp cú” câu 103-104.*

36. *Khoảng ba ngàn dặm.*

37. *Theo thứ tự, là các vua Antiochos II theo của Syria (261-246 TTL), Ptolemy II Philadelphos của Egypt (285-247 TTL), Antigonos Gonatos của Macedonia Alexander của Epirus (272-258 TTL).*

38. *Xem ghi chú 3*

39 *Xem ghi chú 13*

ĐTPD thứ mười bốn (XIV)

Thiên tử, vua Piyadasi ra lệnh cho những Pháp dụ này được ghi. Vài bản được ghi ngắn gọn, vài bản được ghi vừa đủ hay vài bản được ghi dài hơn [40]. Không phải tất cả đều được trưng bày khắp nơi bởi lãnh thổ của trẫm rất rộng. Nhiều bản đã được khắc và trẫm sẽ còn sai làm thêm. Vài Pháp dụ đã được lập đi lập lại vì lời hay ý đẹp của lời dạy để thần dân thực hành noi theo. Vài Pháp dụ không hoàn tất vì không thích hợp với địa phương, hoặc vì cần loại bỏ, hoặc vì lỗi của người ghi khắc.

Ghi chú:

40. *Bia ký Girnar, ban vào năm 256 TTL*

B. Những Thạch Pháp Dụ Kalinga

TPDKa thứ nhất (I)

Thiên tử, vua Piyadasi phán lệnh này cho các Đại thần ở Tosali cũng là các Phán quan thuộc thành ấy [41]: Trẫm muốn thấy những gì trẫm xem là chính đáng phải được thi hành nghiêm chỉnh. Trẫm phải chỉ thị cho các người lỗi thực hiện điều này vì trẫm đã đặt các người ở vị trí phải thu phục được nhân tâm của hàng vạn người. Mọi người là con cái của trẫm. Những gì trẫm ước muốn cho con cái của trẫm, như phúc lợi cho đời này và đời sau, trẫm đều ước mơ muốn như thế cho thần dân. Các người không hiểu lòng trẫm muốn như thế nào về những điều này, và dù một vài người trong các người hiểu đi nữa cũng không thấu đáo hết lòng của trẫm.

Các người phải quan tâm đến điều này. Trong khi thi hành luật pháp nhiều người phải bị giam cầm, tra khảo và ngay cả bị giết vô cớ nên lòng dân ta thán. Vì thế các người phải hành sự thật vô tư. Phải tránh tị hiềm, tức giận, tàn bạo, thù ghét, nhẫn tâm, chây lười hoặc mệt nhọc. Luôn phải tự hỏi: “những thói ấy có ở trong lòng ta không?” Cốt lõi vẫn là không tức giận và nên nhẫn nại. Quan chức nào chán mệt khi thi hành công lý không nên được thăng chức, kẻ khác thì càng thăng tiến và nên được đề bạt. Ai trong các người hiểu được điều này nên nói với đồng sự “Cố gắng thi hành nhiệm vụ mà Thiên tử giao phó. Như vậy, như thế này đúng là lời dạy của Thiên tử, vua Piyadasi.

Thực hiện nghiêm chỉnh huấn dụ này thì gặt được nhiều kết quả, còn nếu làm khác đi thì chẳng đạt đến thiên giới và cũng chẳng làm Thiên tử hài lòng. Nếu các người thất bại trong nhiệm vụ sẽ làm trẫm kém vui. Nếu thực hiện nghiêm chỉnh thì các người sẽ đạt thiên giới và đẹp lòng trẫm. Pháp dụ này phải được tuyên cáo cho mọi người vào mỗi ngày Tisya[42]. Nó cũng có thể được đọc cho những cá nhân vào những dịp đặc biệt ở những ngày khác. Nếu làm được như thế là các người thi hành nhiệm vụ. Pháp dụ này đã được ghi ở đây để nhắc nhở các Phán quan trong thành này lúc nào cũng nên cố gắng tránh giam cầm và tra tấn không chánh đáng. Để đạt được điều này trẫm sẽ phái các Đại quan nhân ái đi thanh tra mỗi 5 năm xem các Phán quan có theo đúng lời dạy của trẫm. Hơn nữa, vị Hoàng tử cai trị thành Ujjiyini sẽ phái những vị quan thanh tra như thế mỗi 3 năm. Cũng làm như thế từ thành Takasila. Những Đại quan thanh tra này không được chệnh mảng công tác và họ phải bảo đảm là những Phán quan theo đúng huấn dụ của Thiên tử.

Ghi chú:

41. *Bia ký Dhauli, ban năm 256 TTL. Hai pháp dụ Kalinga chỉ tìm thấy được ở Dhauli và Jaugada.*

42. *Bản Dhammika: còn viết là Tisa; là ngày rằm, trăng tròn.*

TPDKa thứ hai (II)

Thiên tử, vua Piyadasi phán lệnh này cho các Đại thần ở Samapa [43]. Trẫm muốn thấy những gì trẫm xem là chính đáng phải được thi hành nghiêm chỉnh. Trẫm phải chỉ thị cho các người lỗi thực hiện điều này. Mọi người đều là con cái của trẫm. Những gì trẫm ước muốn cho con cái của trẫm, như phúc lợi và hạnh phúc cho đời này và đời sau, trẫm đều ước muốn như thế cho thần dân.

Những dân tộc chưa bị chinh phục ở ngoài biên cương lãnh thổ trẫm có thể đang thắc mắc: “Hoàng thượng đang tính toán gì về chúng ta?” Ý định duy nhất của trẫm sẽ ban cho chúng hạnh phúc chứ không phải khổ đau. Hơn nữa, chúng nên ghi nhớ rằng trẫm tha thứ cho chúng những lỗi lầm có thể tha thứ được, và rằng chúng nên noi gương trẫm mà thực hành chánh pháp để hưởng phước trong đời này và đời sau. Trẫm dạy điều này là để trả cái nợ mà trẫm đã chịu và để các người hiểu rõ lòng quyết tâm và lời cam kết không lay chuyển được của trẫm. Vì thế, để thực hiện được điều này các người phải thi hành nhiệm vụ và làm bọn chúng an tâm tin tưởng rằng “Hoàng thượng cũng như là người cha vậy. Ngài thương chúng ta như thương chính Ngài. Chúng ta đối với Ngài cũng như là con cái của Ngài vậy.”

Trẫm dạy các người và cho các người biết về lòng quyết tâm và lời cam kết không lay chuyển được của trẫm. Trẫm sẽ bổ nhiệm các quan chức thi hành điều này ở khắp các tỉnh [44]. Hẳn nhiên, các người còn có thể khích lệ bọn chúng tin tưởng trẫm và bảo đảm an sinh và hạnh phúc cho chúng trong đời này và đời sau. Làm được như thế, các người sẽ đạt thiên giới và giúp trẫm trả cái nợ cho chúng sinh. Pháp dụ này đã được ghi khắc ở đây để các Đại thần có thể tận tụy khích lệ các dân ngoài biên cương luôn tin tưởng vào trẫm và khuyến khích chúng thực hành chánh pháp. Pháp dụ này phải được tuyên cáo cho mọi người mỗi bốn tháng lúc đầu mùa [45] vào mỗi ngày Tisya. Nó cũng có thể được tuyên cáo vào những kỳ giữa những ngày kể trên; và có thể được đọc cho những cá nhân vào những dịp đặc biệt. Làm được như thế là các người thi hành nhiệm vụ.

Ghi chú:

43. *Bia ký Jaugada, ban năm 256 TTL.*

44. *Bản Dhammika dịch đoạn này như sau: “Bằng vào việc chỉ dạy và cho các người biết về lòng quyết tâm và lời cam kết của trẫm, trẫm sẽ tự mình quan tâm để đạt đến mục tiêu này.”*

45. *Ấn có 3 mùa: nóng, mưa và lạnh. Ngày Tisya: xem ghi chú 42.*

C. Tiểu Thạch Pháp Dụ

TTPD I (còn gọi là Pháp Dụ Maski)

Thiên tử, vua Asoka phán rằng [46]: Trẫm đã trở thành một cư sĩ Phật tử (Upasaka) hơn hai năm rồi, nhưng không mấy thuần thành. Mãi đến nay sau khi thường đến viếng Tăng già (Shanga hanh Shamga) hơn một năm trẫm trở nên rất thuần thành [47]. Thần dân của trẫm nếu chưa có tín ngưỡng thì nên noi theo [48]. Đây là kết quả của lòng nhiệt thành chứ không phải vì người cao cả mới làm được. Cho ngay đến cả người hèn hạ [49] nếu có lòng nhiệt thành vẫn có thể đạt thiên giới. Và tuyên ngôn này được ghi lại cho mục đích ấy. Hãy nhiệt thành lên hồi

người cao cả và kẻ hèn hạ, hãy đến cho các dân ở ngoài biên cương biết và hãy để cho lòng nhiệt thành trường tồn. Và rồi lòng nhiệt thành sẽ tăng trưởng, nó sẽ tăng trưởng to lớn hơn, nó sẽ tăng trưởng gấp một lần rưỡi [50]. Thông điệp này đã được Thiên tử tuyên cáo hai trăm năm chục lần trong chuyến du hành [51].

Ghi chú:

46. Bia ký Gavimath, ban năm 257 TTL. Pháp dụ này đã tìm thấy ở 12 nơi khác nhau, với nội dung không đồng nhất. Đặc biệt là chỉ trong Pháp dụ Maski nói với Tăng già này Đại đế mới xưng thực danh là Asoka (Asokaraja).

47. Nhiều học giả khi dịch đoạn Pali “yam me samghe upeti” (đã vào Tăng già), đã hiểu nhầm, cho là Đại đế Asoka đã trở nên một Tỳ khưu (Tăng sĩ).

48. Nhiều bản khác dịch sát nguyên ngữ là “men unmingled with Gods: người không hoà lẫn với Trời.” Hai bản Nikam và Dhammika dịch “the people who have not associated with the gods.”

49. Bản Nikam dịch là “kẻ giàu và người nghèo”. Nói chung là đều bình đẳng trong chánh pháp.

50. Bản Nikam dịch đoạn này như sau: [Ở cõi Diêm Phù Đề (Jambudvipa), trời vốn không hòa lẫn với người nay đã hòa lẫn với họ. Nhưng những kết quả trăm thu đạt chỉ bằng của (ngay cả) người nghèo nếu họ ngưỡng mộ chánh pháp. Thực không đứng nếu nói rằng điều này chỉ dành cho kẻ giàu. Kẻ giàu và người nghèo đều phải được bảo rằng: “Nếu các người làm như thế thì những thành tựu đáng ca tụng này sẽ trường tồn và sẽ gia tăng một lần rưỡi”]

51. Bản Nikam không dịch đoạn này.

TTPD II (Còn gọi là Pháp Dụ Brahmagiri)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [51]: Phải kính trọng, vâng lời cha mẹ và các bậc trưởng thượng. Phải tôn trọng sinh mạng. Đừng nói dối. Phải thực hành những giới này của Chánh Pháp. Cũng như thế, học trò phải tôn kính thầy dạy, và trong gia đình phải lịch thiệp với thân nhân. Đây là lệ truyền thống của chánh pháp dẫn đến trường sinh. Ai cũng phải hành động như thế. Ghi bởi người khắc (tên là) Chapala.

Ghi chú:

51. Bia ký Brahmagiri.

TTPD III (Còn gọi là Pháp Dụ Baira hay Bhabra)

Thiên tử, vua Piyadasi gửi lời chào Tăng già, và cầu chúc khỏe mạnh và an lạc, đồng thời thưa rằng [52]: Bạch chư tôn đức, chư vị đã rõ đức tin cao cả của trăm vào Phật, Pháp, Tăng như thế nào rồi. Bạch chư tôn đức, những gì Đức Phật thuyết giảng đều là diệu ngôn [53]. Phải phép

mà nói, thừa chi vị, diêu chánh pháp phải trường tồn [54]. Bạch chư tôn đức, những bài pháp trích từ Giới Luật, Lối Sống Cao Thượng, Âu Lo đến, Bài Ca Đạo sĩ, Bài giảng về Cuộc Sống Tinh Khiết, những câu hỏi của Ưu bà đề xà và bài giảng về vọng ngữ do Đức Phật cho La hầu la - những bài pháp này, kính thưa chư vị trăm muốn tất cả Tỳ khuru và Tỳ khuru ni (Tăng và Ni) nên thường tụng niệm [55]. Những Ưu bà tắc và Ưu bà di (cư sĩ nam và nữ) cũng nên làm như thế. Trăm cho ghi Pháp dụ này để chư tôn đức hiểu được ý trăm.

Ghi chú:

52. Pháp dụ này được tìm thấy trên một tảng đá nhỏ gần thành phố Bairat, và nay được bảo tồn trong Hiệp Hội Á Châu ở Calcutta.

53. Câu này đã dựa vào một đoạn trong kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara Nikaya, IV: 164) “thật là diêu ngôn, những lời do đức Thế tôn thuyết.”

54. Bản Nikam dịch: “Cho phép trăm liệt kê những bản kinh phản ánh Diêu Chánh Pháp, và làm chánh pháp trường tồn.”

55. Đã có nhiều thảo luận về những bản kinh Pali nào tương ứng với trích dẫn của vua Asoka: 1) Vinaya samukose (Skt.: Vinaya samukasa: Xưng tụng về trì giới): có thể là Attavasa Vagga, Anguttara Nikaya, I:98-100. 2) Aliya vasani (Skt.: Aliya vasani: Mẫu mực về đời đạo hạnh): có thể là Ariyavasa Sutta, Anguttara Nikaya, V:29, hoặc Ariyavamsa Sutta, Anguttara Nikaya, II: 27-28. 3) Anagata bhayani (Skt. Anagattabhayani: Âu Lo về Tương Lai): có thể là Anagatta Sutta, Anguttara Nikaya, III: 100. 4) Muni gatha (Skt.: Muni-gatha: Bài Ca Đạo Sĩ): là Muni Sutta, Sutta Nipata 207-221. 5) Upatisa pasine (Bài Giảng về Cuộc Sống Thánh Thiện): là Sariputta sutta, Sutta Nipata 955-957. Và 6) Laghulavade (Skt.: Rahulavada: Bài giảng về vọng ngữ cho La hầu la): là Rahulavada Sutta, Majjihima Nikaya, I:421.

D. Bảy Thạch Trụ Pháp Dụ

TTPD thứ nhất (I)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng [56]: Pháp dụ này được ghi hai mươi sáu năm khi trăm đăng quang. hạnh phúc đời này và đời sau thực khó mà đạt được nếu không hết lòng yêu thích chánh pháp, hết lòng tự xét, hết lòng kính trọng, vâng lời, hết lòng kính sợ (ác nghiệp), và hết lòng hăng hái. Nếu đúng lời của trăm về tôn kính chánh pháp thì lòng yêu thích chánh pháp gia tăng mỗi ngày, và sẽ tiếp tục gia tăng. Mọi quan lại các cấp của triều đình từ thượng, trung và hạ cấp đều hành theo chánh pháp đúng như lời dạy của trăm, và có khả năng cảm kích người khác làm như thế. Các đại thần ở biên cương cũng làm như thế. Và đây là những lời dạy của trăm: cai trị theo chánh pháp, nâng cao sự an lạc của dân theo chánh pháp, và che chở họ theo chánh pháp.

Ghi chú:

54. Bảy pháp dụ này dịch từ bia ký Dehili Topra, sáu bản đầu được ban ra năm 243 TTL và còn thấy trên năm thạch trụ khác. Bản thứ bảy được ban ra năm 242 TTL.

TTPD thứ hai (II)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: chánh pháp thì diệu hảo, nhưng cái gì tạo nên chánh pháp? Nó gồm làm lành tránh dữ, nhân ái, hào phóng, chân thật và trong sạch. Trẫm đã ban sự sống bằng nhiều cách [55]. Trẫm đã ban nhiều sắc chỉ nhân từ bao gồm quà của sự sống cho những sinh vật hai và bốn chân (người và thú), trên không và dưới nước [56]. Và còn nhiều việc thiện khác do trẫm làm nên. Pháp dụ này được ghi để thân dân noi theo, và để nó trường tồn. Và ai noi theo đúng sẽ làm nhiều thiện nghiệp.

Ghi chú:

55. Theo tiếng Pali: *Cakku dane*” có nghĩa là “Trẫm ban cho sự thấy.” Có thể là vua Asoka ban cho “con mắt trí tuệ”, nhưng đặt nó vào toàn bộ Pháp dụ thì có vẻ như là Asoka đã ra lệnh những lối hình phạt làm mù mắt.

56. Có nghĩa là ngưng sát sinh.

TTPD thứ ba (III)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Người ta chỉ thấy việc tốt của mình, bảo rằng: “Ta đã làm việc thiện này.” Nhưng họ lại không nhìn thấy việc xấu họ làm mà bảo rằng “Ta đã làm việc ác này, điều này gọi là ác nghiệp.” Nhưng sự tự giác rất khó thấy [57]. Người ta nên tự bảo thế này: “Những việc này đưa đến điều ác, đến bạo hành, đến hung hãn, đến giận dữ, đến kiêu căng và ganh tị. Ta đừng mắc vào.” Và hơn nữa, người ta nên nghĩ rằng: “Điều này đưa đến an lạc trong đời này và đời sau.”

Ghi chú:

56. Tương tự như lời Phật dạy trong “Pháp cú” (*Dhammapada*) câu 50 và 252.

TTPD thứ bốn (IV)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Pháp dụ này đã được ghi hai mươi sáu năm sau khi trẫm đăng quang. Các quan đầu tỉnh (Rajjukas) đang cai trị dân, hằng trăm ngàn dân. Họ được giao cho trông coi việc thỉnh cầu của dân và thi hành công lý một cách vô tư và hiền hậu và nhờ thế họ mới chăm lo cho an sinh và phúc lợi của dân. Nhưng họ nên nhận rõ điều gì gây ra hạnh phúc và khổ đau cho dân và bởi họ hằng ngưỡng mộ chánh pháp, họ nên khuyến khích dân làm như thế để có thể được an lạc trong đời này và đời sau. Những quan đầu tỉnh (Rajjukas) này hết lòng phụng sự trẫm. Họ cũng tuân lệnh những thượng quan (Purusas) đã hiểu ý trẫm và chỉ thị họ để làm trẫm vui lòng. Cũng như một người an tâm giao con mình cho vú nuôi nghĩ rằng: Bà vú này sẽ săn sóc tốt con mình”, nên trẫm đã bổ nhiệm các quan để lo cho an sinh và phúc lợi của thần dân.

Các quan đầu tỉnh được giao cho trông coi việc thỉnh cầu của dân và thi hành công lý nên họ đã thi hành nhiệm vụ một cách quả quyết, hiền hậu và vui vẻ, và nhờ thế họ mới chăm lo cho an sinh và phúc lợi của dân. Trẫm muốn rằng phải có một sự công bằng trong luật pháp và trong

việc kết tội. Trẫm còn đi xa hơn, trẫm muốn gia ân triển hạn thêm ba ngày cho những tử tội trước khi hành hình. Trong thời gian ấy, thân nhân của chúng có thể khiếu nại để khỏi tội chết. Nếu không còn ai khiếu nại cho chúng tử tội có thể bố thí hay chay tịnh để được phước trong đời sau. Trẫm thật lòng muốn rằng, theo lối này, nếu thời gian của tử tội không còn bao lâu nữa cũng có thể chuẩn bị cho đời sau, và rằng việc thực hành chánh pháp của dân qua tự chế và bố thí sẽ được gia tăng trong thân dân.

TTPD thứ năm (V)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: hai mươi sáu năm sau khi đăng quang, trẫm ra lệnh những thú vật sau đây được triều đình bảo vệ: kút, chim sáo sậu, ngỗng, vịt trời, dơi, kiến chúa, ba ba, cá không xương [58], rùa, nhím sóc, hươu có gạc già, bò đực, thú nuôi trong nhà, tê giác, lừa hoang, aruna, nandimukhas, gelatas, vedareyaka, gangapuputaka, sankiya, okapinda, bò câu nuôi hoặc hoang và tất cả những thú bốn chân có ích hoặc không ăn được [59]. Những dê cái, trù cái, hoặc heo rừng cái đang nuôi con hoặc cho con bú cũng được bảo vệ. Cũng thế, những thú con dưới sáu tháng. Gà trống không định thiến, vỏ cây đang che chở sinh vật không được đốt, và rừng cây không được đốt nếu không có lý do hoặc chỉ để giết thú. Không được dùng một con thú để nuôi con thú khác. Và ba ngày Caturmasis [60], ba ngày trăng tròn Tisya [61] và vào những ngày 14 và 15 của tháng Uposatha [62], cá không được giết và bán. Vào những thứ 8 và vào ngày 14 và 15 của tháng, vào ngày Tisya, ngày Punarvasu [63], ba ngày của Caturmasis và những ngày tháng khác, bò đực, dê đực, hươu đực, heo rừng và những thú khác không được thiến. Vào ngày Tisya, Punarvasu, Caturmasis và mỗi nửa tháng của tháng Caturmasis, ngựa và bò con không được đóng dấu nóng trên da. Hai mươi sáu năm sau khi trẫm đăng quang, tù nhân được ân xá trong hai mươi lăm dịp.

Ghi chú:

58. Có thể là tôm, cua.

59. Hai bản Dhammika và Nikam vẫn để những tên thú theo nguyên ngữ, không dịch được.

60. Ngày đầu mùa. Xem 45.

61. Ngày Tisya: xem 42. NXR. Ở đây chỉ quy định ngày trăng tròn của tháng đầu mỗi mùa.

62. Tháng an cư kiết hạ.

63. Ngày lễ hội.

TTPD thứ sáu (VI)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: mười hai năm sau khi đăng quang trẫm đã cho ghi những Pháp dụ về an sinh và hạnh phúc của thân dân, để họ sửa đổi mà phát triển theo chánh pháp. Trẫm tin rằng chỉ với cách này an sinh và hạnh phúc của thân dân mới đạt được. Trẫm luôn quan tâm đến làm cách nào để bảo đảm an sinh và hạnh phúc cho mọi người, không phải chỉ riêng bà con của trẫm hoặc dân sống ở kinh đô mà còn cả dân sống ở những vùng xa xôi hẻo lánh. Trẫm

đối xử bình đẳng như thế với tất cả mọi người, mọi giới. Hơn nữa, trẫm đã tôn kính mọi tôn giáo bằng mọi cách cúng dường nhưng cách tốt hơn hết là trực tiếp thăm viếng họ. Pháp dụ này được ghi hai mươi sáu năm sau khi trẫm đăng quang.

TTPD thứ bảy (VII)

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Trong quá khứ các vua đã nghĩ đến nhiều cách để tăng sự ngưỡng mộ chánh pháp của dân. Nhưng dù vậy, sự ngưỡng mộ chánh pháp của dân vẫn không tăng trưởng. Về việc này, Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: việc này cũng đã xảy ra với trẫm. Trong quá khứ các vua đã nghĩ đến nhiều cách để tăng sự ngưỡng mộ chánh pháp của dân. Nhưng dù vậy, sự ngưỡng mộ chánh pháp của dân vẫn không tăng trưởng. Nay phải làm sao để khuyến khích thần dân tuân theo? Làm thế nào để sự ngưỡng mộ của thần dân gia tăng qua sự truyền bá chánh pháp? Làm sao trẫm có thể nâng cao họ qua sự truyền bá chánh pháp? Về việc này, Thiên tử, vua Piyadasi còn phán thêm rằng: “việc này đã từng xảy ra với trẫm. Trẫm phải công bố chánh pháp và chỉ dạy chánh pháp. Khi thần dân nghe đến lời tuyên cáo và sự chỉ dạy, họ sẽ sống theo chánh pháp, tự nâng cao họ và tiến bộ qua sự truyền bá chánh pháp.” Vì mục đích này mà trẫm phải công bố chánh pháp và trẫm phải chỉ dạy chánh pháp bằng nhiều cách, và những quan lại được lệnh phải gắng truyền bá và giải thích chánh pháp thực rõ ràng. Các quan đầu tỉnh cai trị hàng trăm ngàn người được lệnh như thế để hướng dẫn dân ngưỡng mộ chánh pháp.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: “Với mục đích này, trẫm đã cho dựng những pháp thạch trụ để công bố chánh pháp, và bổ nhiệm các Pháp Đại thân để truyền bá chánh pháp.”

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Dọc đường, trẫm đã cho trồng nhiều cây đa để lấy bóng mát cho thú và người, và trẫm cũng đã cho trồng vườn xoài. Cứ cách khoảng tám Krosas [64], trẫm cho đào giếng nước, xây nhà nghỉ chân, và ở nhiều nơi trẫm cho xây bồn nước cho thú và người dùng. Nhưng đây chỉ là những thành tựu nhỏ mà thôi. Những việc như thế làm cho dân vui đã được nhiều tiên vương thực hiện. Trẫm làm những điều này chỉ với mục đích là mọi người có thể hăng say thực hành chánh pháp.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Những đại thần của trẫm bận rộn với những công tác giúp đỡ các bậc tu hành và cư sĩ các tôn giáo. Trẫm ra lệnh cho họ nên chăm lo cho đời sống Tăng già. Trẫm ra lệnh cho họ nên chăm lo cho đời sống của các tu sĩ Bà la môn và đạo sĩ Ajivvika. Trẫm ra lệnh cho họ nên lo cho đời sống của Niganthas [65]. Trẫm ra lệnh cho họ chăm lo đời sống của các tông phái khác.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Những đại thần này và những quan lại quan trọng khác bận rộn phân phát quà tặng của trẫm cũng như của các hoàng hậu. Trong hậu cung của trẫm, họ cũng tổ chức những sinh hoạt cứu tế khác, ngay ở đây (kinh đô) và ở các châu quận. Trẫm ra lệnh cho các thái tử và hoàng tử nên ban phát quà để những việc cao cả của chánh pháp và việc thực hành chánh pháp được tăng tiến. Những việc thiện cao cả của chánh pháp và việc thực hành chánh pháp bao gồm gia tăng lòng nhân từ, hào phóng quảng đại, chân thật, trong sạch, tử tế và thiện tâm giữa mọi người.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Những việc thiện gì trăm đã làm, đều được thần dân noi theo và thực hiện. Nhờ vậy mà họ tiến bộ và còn tiếp tục tiến bộ qua sự tôn kính cha mẹ, tôn kính các bậc trưởng thượng, lễ phép với người già và tử tế với các bậc tu hành, với người nghèo, kẻ khổ và ngay cả với nô tì và gia nhân.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Những tiến bộ này của thần dân qua chánh pháp được thực hiện bằng hai cách, bởi những quy định chánh pháp và bởi thuyết phục. Những quy định chánh pháp thì không có hiệu quả mấy, trong khi thuyết phục thì hiệu quả hơn nhiều. Những quy định chánh pháp trăm ban chẳng hạn như phải bảo vệ một số thú, và nhiều quy định chánh pháp khác. Nhưng chỉ bằng thuyết phục thì tiến bộ của thần dân qua chánh pháp có nhiều hiệu quả hơn liên quan đến không hành hạ sinh vật và không sát sinh.

Về việc này, Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Ở đâu có thạch trụ hay mặt đá thì ở đấy pháp dụ được khắc ghi để nó trường tồn đến đời con cháu trăm, và còn dài lâu như mặt trời và mặt trăng còn soi sáng để thần dân thực hành theo lời dạy chánh pháp. Bởi qua thực hành chánh pháp thì an lạc mới có trong đời này và đời sau. Pháp dụ này được ghi hai mươi bảy năm sau khi trăm đăng quang.

Ghi chú:

64. Khoảng 1 mile.

65. Tu sĩ Kỳ na giáo Jaina hay Jains. Giáo chủ là Makkhali Gosala, cùng thời với Đức Phật Thích Ca.

E. Tiêu Thạch Trụ Pháp Dụ

TTTrPD I (Còn gọi là Thạch Trụ Pháp Dụ Rummindei)

Hai mươi năm sau khi đăng quang, Thiên tử, vua Piyadasi đã viếng thăm và lễ bái nơi này bởi vì đây là nơi Đức Phật Thích Ca, Bậc Giác Ngộ đã ra đời [66]. Thiên tử đã cho xây một tường đá bao bọc xung quanh và dựng một thạch trụ [67]. Và vì Đức Thế Tôn đản sinh ở đây, làng Lumbini [68] được miễn thuế và chỉ đóng một phần tám nông sản.

Ghi chú:

66. Lời ghi này được khắc trên một thạch trụ tại Lumbini vào năm 249 TTL.

67. Bản Dhammika: “Thiên tử đã cho tạc tượng và dựng một thạch trụ.”

68. Nay được gọi là Rummindei.

TTTrPD II (Còn gọi là Pháp Dụ Sanchi, hay Allahabad)

Thiên tử, vua Piyadasi lệnh cho Đại thần cai trị ở Kosambi rằng [69]: Kẻ nào đã chia rẽ tăng già không được thâm nhập vào Tăng già nữa.

Tăng già của Tỳ khuru hay Tăng già của Tỳ khuru ni hay đã được hòa hợp, tiếp tục hòa hợp cho đến đời con và cháu của trăm, và còn dài lâu như mặt trời và mặt trăng soi sáng.

Kẻ nào, dù là Tỳ khuru hay Tỳ khuru ni, quấy rối trong Tăng già bị buộc phải mặc bạch y [70] và không được sống trong tịnh xá [71]. Ước muốn của trăm là Tăng già hòa hợp và trường tồn mãi mãi.

Ghi chú:

69. Phần đầu của Pháp dụ này đã bị hư hỏng; chỉ có câu “chia rẽ” còn đọc được mà thôi. Người ta phải dựa vào những Pháp dụ nơi khác để đọc được toàn bộ nội dung của Pháp dụ này.

70. Chỉ Tăng và Ni mới được mặc y vàng.

71. Anabhasasi.

TTTrPD (còn gọi là Pháp dụ Sarnath)

[...] [72] không ai được gây xáo trộn Tăng già. Nếu một Tỳ khuru hay một Tỳ khuru ni quấy rối trong Tăng già, Tăng hay Ni ấy phải bị buộc phải mặc bạch y và không được sống trong tịnh xá. Pháp dụ này phải được công bố trong Tăng già của Tỳ khuru và trong Tăng già của Tỳ khuru ni.

Thiên tử, vua Piyadasi phán rằng: Treo một bản của Pháp dụ này trong hành lang của tịnh xá; trao một bản cho tất cả tín đồ. Tín đồ phải tụng đọc mỗi ngày chay để học tập về Pháp dụ này. Mỗi quan lại phải thường xuyên đến dự mỗi ngày chay để làm quen và hiểu rành rõ Pháp dụ này.

Lại nữa, người (chỉ vị quan đầu tỉnh) phải ra lệnh xuống khắp nơi thi hành nghiêm chỉnh Pháp dụ này. Các phó quan thuộc quyền của người cũng phải làm như thế ở khắp các châu huyện.

Ghi chú:

72. Ba dòng đầu của Pháp dụ đã bị hư hỏng. Những mảnh còn sót đọc được cho người ta gợi ý rằng vua Piyadasi (Asoka) lệnh cho các quan phải ngăn ngừa những kẻ quấy rối trong Tăng già. Bản Dhammika không có Pháp Dụ này.

F. Pháp Dụ Hang Động Karna Chaupar

Mười chín năm sau khi đăng quang, Thiên tử, vua Piyadasi [73] tặng hang động này, trong dãy đồi thơ mộng Khalatika, không hề bị ngập nước vào mùa mưa.

Ghi chú:

73. Bản Dhammika không có Pháp dụ này. Dãy đồi Barabar (thời Asoka gọi là Khalatika) có 7 động: 4 ở đồi Barabar, 3 ở đồi Nagarjuni. 5 động được tặng cho các đạo sĩ Ajivika làm nơi cư trú.

Tài liệu Tham khảo

1. Ven. S. Dhammika, “The Edicts of King Asoka” Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, 1993.

2. Nayarayanrao Appurao Nikam và Richard McKeon, “The Edicts of Asoka,” The University of Chicago Press, 1959.

3. Kenoyer, J.M., “Ancient Cities of the Indus Valley Civilization,” Oxford university Press, Oxford, New York, Delhi, 1998.

4. Possehl, G.L., “Indus Age; The Beginnings”, Oxford and IBH Publishing, New Delhi, 1999.

5. Possehl, G.L., “Harappan Civilization: a Recent Perspective”, Oxford and IBH Publications, New Delhi, 1993.

6. Possehl, G.L., “Indus Age – The Writing” Oxford and IBH Publications, New Delhi, 1999.

7. Shaffer, J.G., “The Indo-Aryan Invasions: Cultural myth and Archaeological Reality” in “The People of South Asia” edited by J.R. Lukas, Plenum Press, NY, 1984.

8. Chris J.D. Kostman, M.A., “The Demise of Utopia: Contexts of Civilizational Collapse in the Bronze Age Indus Valley,” JAGNES, the Journal of the Association of Graduates in Near Eastern Studies, 2001.

9. Romila Thapar, “Languages and Scripts of Asoka’s Inscriptions.” Microsoft Encarta DVD, 2001.

10. John Snelling, “The Buddhist Handbook,” B&N, NY, 1991.

Hoàng Tử Kunala

Đại công hộ pháp giai đoạn tích cực cáo thành. Tâm hồn Đại đế *Asoka* đang được tưới tắm trong dòng suối phi lạc thì tin vui thứ phi hạ sinh hoàng nam vô cùng khôi ngô tuấn tú, nhất là đôi mắt đẹp và sáng như hai viên ngọc quý. Đại đế nhìn không chớp mắt, vừa sung sướng vừa kinh ngạc vì suốt cuộc đời Đại đế từ thiếu thời đến trưởng thành rồi nam chinh bắc phạt, gót chân in dấu mọi miền lục địa Ấn Độ chưa bao giờ Đại đế thấy một người nào dù nam hay nữ mà có đôi mắt đẹp như vậy.

Trong tư thế nhìn hoàng nam một cách xuất thần, Đại đế bỗng suy nghĩ: nhờ ta chân chánh trì hành chánh pháp nên chánh pháp đặc ân ban thưởng cho ta một quý tử. Tin rằng đất nước sẽ thịnh trị, nhân dân sẽ phú cường, triều đại *Maurya* sẽ miên trường, cửu trụ. Chính vì đôi mắt Hoàng tử quá đẹp khiến Đại đế không tìm được một danh từ thích hợp, tương xứng đặt tên cho Hoàng tử. Rất may, lúc bấy giờ, có một lão thần kính tâu Đại đế là ở Hy mã tuyết sơn có một loại chim tên Kunala nổi tiếng có cặp mắt đẹp nhất, đẹp tuyệt không có đối tượng so sánh. Đại đế đặt tên Hoàng tử là *Kunala*.

Tám cung nữ được tuyển chọn đặc trách phụng hầu Hoàng tử; hai cô chuyên việc ẵm bồng, cung chiều chăm chút Hoàng tử; hai cô làm bạn bày trò đùa chơi với Hoàng tử; hai cô giữ vai nữ nữ và hai cô chuyên trách việc vệ sinh, tắm rửa.

Đến tuổi trưởng thành, Hoàng tử kết hôn với Công nương *Kancanamala* một người đẹp thuộc hoàng triều *Maurya*. Cuộc hôn nhân vô cùng hạnh phúc. Nhị vị sống như tiên nam tiên nữ trong tinh thần tương kính, tương nhượng, tương thân, tương ái, nhất là nghiêm trì bổn phận vợ chồng theo lời Phật dạy, như năm bổn phận chồng đối với vợ:

1. Luôn đối xử hòa ái
2. Không bạc đãi khinh khi
3. Một dạ thủy chung
4. Giao quyền nội chính
5. Tùy khả năng mua sắm tư trang cho vợ

Năm bổn phận vợ đối với chồng:

1. Quán xuyến công việc gia đình
2. Cư xử với hai họ một cách đồng đều
3. Một lòng tiết hạnh
4. Gìn giữ tài sản

5. Cần mẫn trong bốn phần

Chính những yếu tố đạo đức này trợ duyên tích cực đời sống lứa đôi hạnh phúc của Hoàng tử *Kunala* và Công nương *Kancanamala*. Một hôm, Hoàng tử theo Đại đế viếng chùa *Kukkutarama*. Một danh lam nổi tiếng, một tu viện đào tạo Tăng sĩ thực tu, thực học hàng trăm vị. Ngài tu viên trưởng là một vị thánh Tăng viên đắc ngũ minh tức khả năng quán triệt trong năm lĩnh vực.

1. *Pubbenivasanussatinana: Túc mạng minh* tức khả năng hồi nhớ tiền kiếp bản thân và mọi loài chúng sinh.

2. *Dibbasota: Thiên nhĩ minh* tức khả năng nghe được mọi thứ âm thanh.

3. *Cutupapatanana: Thiên nhãn minh* tức khả năng nhìn thấy diễn tiến sinh tử của khắp mọi loài chúng sinh kể cả hữu tình tam giới.

4. *Cetopariyannana: Tha tâm minh* tức khả năng biết rõ tâm tư của tất cả chúng sinh dù chỉ là ý nghĩ thầm kín nhất.

5. *Iddhividhi: Thần túc minh* tức khả năng biến hóa và thị hiện các loại thần thông.

Hòa thượng và Đại đế đàm đạo rất tương đắc, thời gian tương đối khá lâu. Suốt thời gian ấy, Hoàng tử kính cẩn và nghiêm túc theo dõi. Sau buổi đàm đạo, Hòa thượng chăm chú nhìn Hoàng tử rồi quay sang Đại đế:

- Tâu Hoàng thượng, đôi mắt Hoàng tử đẹp vô cùng, vẻ đẹp thiên phú, có một không hai, lần đầu tiên trong cuộc đời bản đạo mới được chiêm ngưỡng. Bản đạo có từng nghe một loài chim ở tuyết sơn Hy mã tên *Kunala* nổi tiếng có cặp mắt tuyệt đẹp, đẹp vô song. Tuy nhiên, bản đạo nghĩ, đôi mắt Hoàng tử còn đẹp hơn nhiều.

Qua thiên nhãn thuần tịnh, Hòa thượng thấy rõ một đại nạn thảm khốc vô cùng thương tâm sẽ xảy đến Hoàng tử khiến đôi mắt phải bị mù lòa. Nghĩ đến công trình hộ pháp đặc lực của Đại đế cũng như nếp sống đạo đức, hiền thiện của Hoàng tử, Hòa thượng không tiện nói thẳng, nhưng đề cảnh giác định lý vô thường thuận, nghịch, khổ lạc của vạn hữu và đề nghị vị ít nhiều xa gần, trực tiếp, gián tiếp đề cao cảnh giác một cách như lý tác ý, Hòa thượng khai thị:

- Tâu đại vương, trong bài kinh hạnh phúc, điều thứ 38 Đức Phật dạy: *Khi xúc chạm việc đời, tâm không động không sầu, tự tại và vô nhiễm, là hạnh phúc tối thượng*. Đại vương nhờ lĩnh hội chánh pháp và y giáo phụng hành, do đó, cuộc sống đạo đức, hiền thiện, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, khiến đất nước thái bình thịnh trị, nhân dân sống cuộc đời an cư lạc nghiệp, mưa thuận gió hòa, xa gần một lòng thuần phục. Tuy nhiên, đã gọi là việc đời, là thế sự, là cuộc sống thì định luật vô thường chi phối, thao túng, sai sử trong suốt cuộc sống liên tục, không hề gián đoạn, từ sát na tâm đến sơn hà, đại địa, tam thiên đại thiên thế giới, ba cõi dục, sắc và vô sắc qua tám thế gian pháp còn gọi là bát phong tức tám ngọn gió thổi ngã bạt ngàn vạn hữu. Bát phong gồm: *được lợi, mất lợi, được danh, mất danh, được khen, bị chê, lạc, khổ*.

Khi chúng ta xúc tiếp những sự kiện khả ý, khả lạc, khả hỷ, khả ái thì chúng ta thích thú, đam mê, lập tâm chiếm hữu bất chấp thủ đoạn, bất chấp sự đau khổ tha nhân miễn thỏa lòng tham dục. Trong trường hợp ngược lại thì bực bội, bất mãn, tức tối, nóng giận. Muốn loại bỏ đui đờ, từ chối, vứt quăng nhưng bất lực, thì càng sân si, phiền não, oán ghét, uất hờn. Một trạng thái của lòng sân hận.

Tâu Đại vương, suốt tiến trình cuộc sống, trong một tương lai gần hoặc xa, nếu đương đầu một sự kiện bất khả ý, bất khả hỷ, bất khả ái, bất khả lạc xảy ra cho người thân hoặc bản thân thì Đại vương hãy tâm niệm niệm: mình không phải điên khùng đi tìm kiếm tai họa mà cũng không phải chỉ tiền mua chác vào thân, thế mà tai họa đã xảy đến thì chính nghiệp là tác nhân chủ động. Vì mỗi chúng sinh là kết tinh của những gì đã tạo và sẽ là kết quả những gì đang tạo. Quá, khứ, hiện tại, vị lai kết nối bằng những tác ý thiện hay bất thiện. Cũng đừng bao giờ oán trách, đổ thừa cho bất cứ ai. Nếu có trách thì trách cái lỗi của sự luân hồi. Còn tự thân và ngoại nhân là những nạn nhân vô tội.

Đại đế vô cùng cảm kích, nét mặt rạng rỡ tươi vui chúng tỏ đã lĩnh hội sâu sắc lý đạo thâm viển mà Hòa thượng khai thị khái lược nhưng hàm súc. Nhị vị đánh lễ Hòa thượng và ra về.

Một Thảm Họa

Kể từ ngày hồi cung, sau chuyến cùng Đại đế viếng thăm tu viện *Kykkutarama* và được nghe bài pháp ngắn mà Hòa thượng Tu viện trưởng khai thị, Hoàng tử *Kunala* cảm thấy vô cùng phấn khởi nhất là càng tư duy sâu sắc định luật vô thường qua sự chuyển biến sinh diệt liên tục của các tế bào, của hơi thở ra vô, của từng nhịp đập con tim, của thực trạng trẻ trung chuyển sang già nua, khỏe mạnh đưa đến bệnh hoạn, sống đi dần đến chết.

Hoàng tử cũng cảm thấy rất rõ sự biến dịch của vũ trụ mà biểu trưng như: hoa nở để tàn, trăng tròn để khuyết, đoàn tụ để chia phôi, gặp để rồi xa, quen rồi thành lạ. Tất cả là màn kịch đời. Một số người là những kịch nhân non tay nghề. Trong khi tuyệt đại đa số là những khán thích giả ham vui, bị các kịch nhân lừa bịp qua những vai dữ hiền, trung nịnh, ngu trí, khổ vui khiến mọi người khóc cười, buồn vui, thương ghét, khen chê vừa tổn tiền vừa mất thì giờ, bị lừa mà không biết.

Nhờ tư duy chân chính, Hoàng tử sống rất bình dị. Hoàng tử thấy mọi hiện thành và tiêu tán của một kiếp người chỉ là sự đắp đổi liên hồi của dòng đời tuôn chảy thiên thu hoặc chỉ là những nhân duyên tổng hợp mà có và sẽ trở thành không, khi nhân duyên thất tán. Hoàng tử thấy rõ thân phận mình cũng là kẻ vô hộ, vô chủ, vô quyền và hoàn toàn bất lực. Cuộc sống Hoàng tử sau ngày viếng chùa *Kukkutarama*, được nghe pháp thoại của Hòa thượng Tu viện trưởng, hoàn toàn thay đổi. Khi xưa Hoàng tử thích cao lương mỹ vị nay thì có khuynh hướng ăn uống đạm bạc; xưa rất thích giải trí bằng những cuộc ca, vũ, nhạc, kịch giờ thì thích sống nhiều về nội tâm. Tóm lại, lúc trước Hoàng tử thích cuộc đời hưởng thụ vật chất phù phiếm xa hoa, giờ thì dùng phần lớn thì giờ cho cuộc sống tâm linh: *có thì, có giới, có thiền*. Công chúa, vợ Hoàng tử, mẫu người đức hạnh, ngoan hiền, đẹp người, đẹp nét, hội đủ tứ đức: công, dung, ngôn, hạnh nên rất hoan hỉ và tùy thuận cuộc sống Hoàng tử.

Những tưởng cuộc sống vương giả, hài hòa, tuyệt vời thơ mộng sẽ mãi mãi reo chảy như suối nguồn bất tận, nào ngờ sóng dậy đất bằng, một đại họa vô cùng thảm khốc đã xảy ra cho Hoàng tử.

Có một lần, Đại đế theo thường lệ đều có cuộc hành hương chiêm bái bốn thánh địa và một số thánh tích liên quan công trình hoằng pháp của Đức Phật. Mỗi chuyến hành hương mất thời gian khá lâu. Hoàng tử *Kunala* được chỉ định tạm chấp chính trong thời gian ấy. Một thứ phi của Đại đế tương đối trẻ trung hương sắc nhưng ít được Đại đế gần gũi tâm tình. Do đó, sự đòi hỏi nhục dục là sự kiện tất nhiên. Cộng thêm thứ phi vốn có tình cảm đặc biệt với Hoàng tử mà động cơ chính là đôi mắt tuyệt đẹp, vừa chiếu sáng, vừa thu hút, vừa kêu gọi. Thứ phi thầm ước mơ sẽ có một ngày chiếm hữu bằng được con người có cặp mắt đẹp độc nhất vô nhị ấy. Thì nay thời cơ đã đến. Đại đế đi xa, Hoàng tử tạm chấp chính.

Thứ phi nhiều đêm không ngủ, trăn trở nghĩ kế thế nào để Hoàng tử không thể từ chối đến cung bà. Cuối cùng bà đã nghĩ được cách chước giả đau nặng và quả thật Hoàng tử thấy có bồn phận đến vẫn an. Vì dù sao thứ phi trên danh nghĩa chính thức là dì mẫu Hoàng tử. Trong cuộc gặp gỡ này, thứ phi không nên được tấm lòng yêu thương vô cùng rạo rực, mãnh liệt đã ấp ủ từ lâu và chính đây là cơ hội ngàn vàng nếu bỏ lỡ sẽ không hy vọng tái diễn. Thế là thứ phi đã thực

sự tỏ tình với Hoàng tử và tha thiết yêu cầu được Hoàng tử nghĩ tình đóai thương dù chỉ một lần cũng mãn nguyện và sẽ sống với kỷ niệm ấy cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay.

Sự tình được ghi nhận là Hoàng tử đã cương quyết khước từ, nại lý do thứ phi là người phối của phụ vương mình và cũng là thứ mẫu của mình. Hoàng tử khuyên thứ phi cố đè nén tình cảm riêng tư và hãy tiếp tục giữ tròn trinh tiết với phụ vương mình. Nói xong, Hoàng tử bỏ ra về.

Thật tội cho thứ phi, bà có cảm tưởng như từ tầng cao té xuống, vừa chới với hụt hẫng, tim bà đau nhói, nhịp đập như ngừng lại, nỗi tuyệt vọng đã xé nát và bóp chết hồn bà. Những hy vọng vô cùng phấn khởi ban đầu nay đã biến thành mây khói. Bà nằm vật vả đập mình trần trố, toàn thân mềm nhũn như người bệnh nặng lâu ngày. Yêu thương sẵn sàng hiến dâng bị từ chối, hy vọng để rồi tuyệt vọng, bà trách cứ oán hận và muốn gào thét lên thật to để voi nổi niềm uất tức. Nhưng địa vị thực tại không cho phép, càng đè nén, càng nặng nhọc. Cái nặng nhọc thể chất thì có thể làm cho giảm thiểu. Nhưng cái nặng của tâm hồn thì khó có thuốc chữa. Để cho voi nổi niềm sầu hận, cách hay nhất là trút cho đối tượng nhắm tâm từ chối tình yêu của mình.

Thế là vô hình trung Hoàng tử trở thành đối tượng để bà rửa hận. Những gì bà không chiếm được thì nhất định không để người khác sở hữu. Bà cũng nghĩ, thái độ từ chối tình cảm của bà cũng như cự tuyệt tấm thân ngọc ngà mà bà sẵn sàng hiến dâng là Hoàng tử đã làm nhục bà. Một sự nhục nhã không thể nào tha thứ. Lệnh bà *Tisyarakshita* nhất quyết phải trả mối hận lòng. Vấn đề là thời cơ. Bà kiên tâm chờ đợi...

Trong thời gian này, nơi biên thùý dân chúng nổi loạn. Cuộc nổi loạn được ghi nhận là trầm trọng. Đức vua muốn ngự giá thân chinh dẹp loạn. Nhưng bá quan triều thần văn võ đồng loạt yêu cầu đức vua ủy cử Hoàng tử *Kunala*. Đức vua chuẩn tấu. Biết được tin Hoàng tử đến trấn nhậm, toàn dân phấn khởi, hồ hởi đồng kéo nhau đón chào vui mừng hoan hô gần như bất tận. Kể từ ngày Hoàng tử chấp chính, cai trị theo chánh pháp khiến dân chúng một lòng thuận phục. Đời sống ấm no hạnh phúc, mưa thuận gió hòa, quân dân đoàn kết nhất trí, lạc nghiệp âu ca. Tin chiến thắng vẻ vang của Hoàng tử được khấn tấu về triều. Đức vua và bá quan văn võ vô cùng vui mừng phấn khởi.

Niềm vui lớn trong lòng Đức vua không được bao lâu thì ngài ngã bệnh. Bệnh tình càng ngày càng trầm trọng. Đức vua muốn triệu Hoàng tử hồi triều để nhường ngôi. Nhưng thứ phi *Tisyarakshita* túc trực suốt thời gian Đức vua lâm trọng bệnh nên bà kịp thời khẩn khoản:

Muôn tâu, thân thiếp mạo nghĩ, bệnh tình lệnh Hoàng thượng, thân thiếp có thể điều trị được. Nếu Hoàng thượng cho phép, đồng thời kính xin Hoàng thượng hạ chỉ không cho bất cứ thầy thuốc nào kể cả ngự y được dự phần điều trị.

Đức vua chuẩn tấu.

Sự thật, thứ phi cũng khá tinh thông y khoa vì thưở nhỏ được phụ thân truyền dạy, cộng thêm sở thích và sự cố gắng học tập nên bà cũng thuộc hạng thầy thuốc giỏi. Vả lại, thứ phi luôn túc trực bên giường bệnh nên lệnh bà truyền những danh y khắp trong nước cố vấn cho bà cách riêng và cẩn mật.

Không bao lâu, bệnh tình nhà vua thuyên giảm, cuối cùng bình phục hẳn. Đức vua vô cùng vui mừng phấn khởi và rất cảm kích thứ phi. Đức vua hứa sẽ chuẩn tấu vô điều kiện bất cứ yêu cầu nào. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở, bà có thể trả mối hận tình mà bà tự biên tự diễn nhưng hoàn toàn thất bại, bà không cam tâm, không tự nhận lỗi, không dám trực diện với tòa án lương tâm, bà tự bào chữa chạy tội, và bà trút tất cả tội lỗi, uất hận, nhục nhã lên Hoàng tử. Bà tâu xin Đức vua ban cho bà cái đặc ân được làm vua bảy ngày. Đức vua cảm thấy chới với, buồn lo. Nhưng Thiên tử bất hí ngôn. Đức vua đành phải chấp thuận.

Trong thời gian làm vua, bà khéo điều hành quốc sự rất tốt. Có một mật chỉ bà muốn chính thức hóa bằng dấu ấn ngọc tỳ. Trong khi Đức vua chỉ trao quyền nhiếp chính nhưng không trao ngọc tỳ. Do vậy muốn hợp thức hóa chiếu chỉ bắt buộc phải có dấu ngọc tỳ. Lệnh bà thừa lúc Đức vua đang an giấc đã lén đóng được dấu ngọc tỳ vào chiếu chỉ và truyền giao cho Hoàng tử trong thời gian kỷ lục. Đại ý chiếu chỉ hải tội khi quân phạm thượng vô cùng trầm trọng mới phát giác sau khi Hoàng tử *Kunala* rời kinh đô đến trấn nhậm *Takkasila*. Đại tội ngộ nghịch bất đạo này, Hoàng tử phải bị móc đôi mắt.

Chiếu chỉ đã gây một sự bất mãn rất lớn. quần chúng phản đối, miệng chuyền miệng huyền náo, ồn ào, náo động như trời long đất lở: nào là Hoàng tử vô cùng hiền lành nhân đức, thương dân như ruột thịt. Từ ngày Hoàng tử đến trấn nhậm không những quần chúng một lòng tuân phục khuôn phò, mà trời cao cũng thương tình gia hộ. Người hiền đức như vậy mà có thể bị tội móc mắt hay sao? Chúng ta quyết không để cho bất cứ ai đụng đến Hoàng tử. Người nào dám đụng đến Hoàng tử là phải bước qua xác chết chúng ta. Trước cao trào phản kháng của quần chúng, không ai dám thi hành quân lệnh.

Nơi địa điểm quỳ tiếp chỉ, Hoàng tử cất cao giọng như sư tử hống:

- Hồi ba quân tướng sĩ, hồi bá tánh muôn dân, ta phụng mệnh phụ hoàng đến đây để văn hồi trật tự an ninh, thiết lập một nền quân chủ pháp trị, cải tiến hệ thống an sinh xã hội, tạo dựng nền kinh tế thực sự trù phú, giúp toàn dân được sống an lạc; những sứ mệnh này ta đã hoàn thành. Nay phụ hoàng hạ chỉ giáng tội thì ta không có quyền kháng chỉ. Vì làm như vậy là lỗi đạo quân thần và là đả con bất hiếu.

Qua thái độ can dũng quyết chí, qua câu nói nghiêm hùng đầy trung can nghĩa khí nhất là âm thanh vang vọng như sư tử hống của Hoàng tử khiến mọi người đứng yên thình lặng như vô hồn, không có bất cứ phản ứng nào, ngoại trừ cặp mắt mở thật to, hơi thở gấp rút, đứt khoảng, cơ hồ trái tim ngừng đập, máu huyết ngừng chuyển. Trong giây phút trời sập đất thẳm, người người ngạt thở chết trân ấy, bản án được thi hành...

Hoàng tử được Công chúa dắt đi trên bước đường vô định, rày đây mai đó, dầu giải nắng mưa, sống độ nhật bằng nghề đàn hát, tá túc xó chợ mái nhà, gặm cầu phước xá. Trên bước đường lưu ly, tứ cố vô thân lại thêm thân phận mù lòa, nhờ tiếng đàn giọng hát và tâm tình chung thủy, tất dạ đá vàng, hết lòng phục dịch, bất kể ngày đêm, đối no cơ cực của Công chúa, khiến Hoàng tử vô cùng an tâm mãn nguyện với cuộc sống tuy bất toàn nhưng không bất hạnh.

Phụ Tử Trưng Phùng

Một hôm trên bước đường hành khất, vợ chồng Hoàng tử may mắn được người nài giữ tượng của Đức vua nhận cho tá túc vì thương tư cách đem tiếng đàn giọng hát để đổi miếng ăn thay vì ăn xin như những kẻ vô nghề nghiệp, vô tích sự. Và lại, người nài rất mê thích tiếng đàn giọng hát của Hoàng tử. Anh cảm nhận có một sự kiện quan trọng, một quá khứ đáng kính mà hiện tại thì đáng trân quý, đáng thông cảm nơi con người Hoàng tử.

Một đêm trăng, dưới ánh sáng mờ lung huyền ảo, Đức vua *Asoka* không ngủ được, cảm thấy nhớ thương Hoàng tử ngập lòng. Khiến Đức vua chợt nhớ ba lần mộng triệu đều thấy Hoàng tử hai mắt bị mù. Đức vua càng sốt ruột, nóng lòng, linh tính báo điềm đưa con vô cùng yêu quý của mình đang ẩn ẩn hiện hiện đâu đây. Đức vua bước ra hành lang vọng nguyệt lầu, đứng nhìn cảnh vật đang trải mình dưới ánh trăng vàng.

Bỗng từ góc vườn thượng uyển, tiếng đàn giọng hát vô cùng truyền cảm ấy sao mà giống giọng hát tiếng đàn của Hoàng tử. Quá nóng lòng, không kiên tâm chờ đợi đến ngày hôm sau. Bình minh chưa ló dạng, Đức vua khẩn lệnh cho cận vệ tin cẩn tìm cho ra người nào đã đàn hát khuya tối hôm qua. Cận vệ quân khẩn báo: muôn tâu, đó là tiếng đàn giọng hát của một người mù có vợ hiện đang tá túc nơi tư xá anh nài tượng. Cái cảm giác rất mạnh đến với Đức vua là người mù này có liên quan mật thiết với Hoàng tử. Đức vua hạ lệnh triệu vợ chồng người mù vào cung.

Trong cuộc gặp gỡ này, đối với đức vua, người mù gày đét, da dẻ sạm đen, quần áo lam lũ và người vợ cũng không khá mấy ngoại trừ đôi mắt không mù, nhất thời, Đức vua không làm sao nhận ra Hoàng tử và Công chúa. Tuy nhiên, Đức vua cảm nhận một thứ tình cảm vô cùng đặc biệt, thiêng liêng đối với vợ chồng người mù.

Sự kiện diễn tiến sơ khởi, Đức vua muốn được nghe người mù đàn hát. Qua tiếng đàn giọng hát nhất là lời nhạc sao mà giống của Hoàng tử *Kunala* đưa con vô cùng yêu quý. Cố nén lòng, chờ bản nhạc chấm dứt, Đức vua gượng tỉnh, nhỏ nhẹ hỏi thăm thân thể. Hoàng tử không dám trình tấu sự thật vì sợ phạm tội khi quân. Nhưng Công chúa không còn chịu đựng được nữa nên đã dập đầu vừa khóc vừa kể đầu đuôi tự sự đã khiến Hoàng tử mù lòa và trở thành người hành khất. Đức vua phán hỏi Hoàng tử có đúng vậy không. Hoàng tử cúi đầu xác nhận.

Đức vua ôm chầm Hoàng tử và Công chúa. Những giọt lệ tình thâm tuôn tràn ướt đầm gương mặt ba người. Sau nỗi mừng vui buồn tủi, Đức vua xác nhận mình không có hạ chỉ ác độc như vậy và khẩn lệnh điều tra hỏa tốc, thì ra thủ phạm chính là thứ phi *Tisarakshita*. Đức vua hạ lệnh xử trảm, nhưng Hoàng tử phủ phục tấu trình:

- Muôn tâu phụ hoàng, con thiết nghĩ, sự kiện đã xảy ra lâu rồi. Trong khi phụ vương, mẫu hậu, bá quan triều thần văn võ cũng như bản thân con đều không muốn, muôn vạn lần không muốn, nhưng nó cũng vẫn ngang nhiên xảy ra. Nhờ chánh pháp soi đường, con tự nhận chính do nghiệp lực tác động, vậy thì không phải lỗi của bất cứ ai ngay cả thứ phi mà thực sự là lỗi của luân hồi. Vì có luân hồi nên có tạo nghiệp và chúng sinh phải nhận lãnh hậu quả chính báo hoặc y báo, không có trường hợp ngoại lệ, cũng như không có cứ điểm an toàn thoát khỏi nghiệp lực.

Muôn tâu, chắc phụ hoàng còn nhớ. Ngài phương trượng tu viện *Kukkutarama* cũng có khai thị gián tiếp cho con là tất cả sự hiện thành và tiêu tán của một kiếp người chỉ là sự đáp đổi liên hồi của vòng nghiệp thức, còn bản thân con người là vô hộ, vô chủ, vô quyền, không khác thân phận bọt bèo trong dòng nước tuôn chảy thiên thu. Tâu phụ hoàng, quả thật con có lĩnh hội lý đạo nhiệm huyền xảy ra, con không hề oán giận dù một chút hận lòng đối với thứ phi mà con được biết sau đó không lâu. Chẳng những con không oán ghét, trái lại con thực sự biết ơn quý phi. Chính khi nhục nhã không còn thì huệ nhãn phát sinh, và hiện con sống rất tự tại an lạc.

Tâu phụ hoàng, nếu ý nghiệp con hoàn toàn tịnh thiện, không một chút oán hận bất cứ ai kể cả thứ phi và nếu khẩu nghiệp của con thật sự là chân thật ngôn thì xin đôi mắt con được trở lại bình thường.

Thật là phi thường! Thật là kỳ diệu! thật là thiêng liêng! Ngay khi lời phát nguyện vừa dứt thì lập tức đôi mắt Hoàng tử sáng và đẹp trở lại có phần hơn xưa. Mọi người nhất là Đức vua đều không dám tin ở mắt mình. Nhưng sự thật thì đã xảy ra trên sức tưởng tượng con người.

Quá vui mừng, Đức vua ôm chặt Hoàng tử vào lòng và những giọt lệ mừng vui tuôn chảy gần như bất tận. Sau giây phút xúc động, bàng hoàng, sung sướng. Hoàng tử không quên căn tâu xin đức vua mở lượng hải hà tha tội chết cho thứ phi. Vấn đề được ghi nhận là thứ phi bị giam và chết trong thiên lao.

Hoàng Hôn Kiếp Người

Kể từ ngày Đại đế mở mắt nhìn đời, khóc òa, hoảng hốt, thời gian thấm thoát thoi đưa, nay thì tuổi thọ sáu mươi. So với đất trời thì sáu mươi năm quá ngắn. nhưng đối với một kiếp người thì đã khá dài.

Suốt sáu mươi năm sống thì bốn mươi năm sau cuộc đời, Đại đế thống nhất lục địa Ấn Độ, cai trị bằng chánh pháp, khiến quốc độ được thái bình thịnh trị, toàn dân được sống cuộc đời an cư lạc nghiệp. Có thể nói, đại đế *Asoka* là một minh quân thánh đế vô tiền khoáng hậu chẳng những của lục địa Ấn mà gần như của thế giới. Nhưng hoa nở để tàn, trăng tròn để khuyết, bình minh rồi lại hoàng hôn, nếu tự tánh vũ trụ là vô thường thì thân phận con người vốn nhỏ hơn hạt cát sa mạc, rồi sẽ thế nào, ra sao. Một vấn nạn không có đáp án. Và cái tự tánh vô thường không có đáp án ấy đã trùm phủ lên thân phận Đại đế *Asoka* người mang tên vô sầu nhưng vẫn bị sầu chi phối.

Cuối năm ấy, sức khỏe Đại đế không được tốt, bệnh hoạn thất thường, ngày càng tiều tụy. Thân hình vạm vỡ, oai vệ, phong độ thưở nào, giờ chỉ là một thân xác héo gầy, xanh xao, mệt mỏi. Ngự y gần như ngày đêm túc trực thuốc men điều trị. Thế nhưng bệnh tình Đại đế chẳng những không thuyên giảm mà có phần càng thêm trầm trọng. Thân Đại đế tuy bệnh nhưng tâm rất bình nhiên, tỉnh thức vì Đại đế có quá trình tu dưỡng, nhất là thường xuyên niệm năm pháp quán:

1. quán tuổi già
2. quán thân bệnh
3. quán sự chết
4. quán ái biệt ly
5. quán hạnh nghiệp

Chính nhờ thường xuyên quán tưởng năm pháp này mà Đại đế luôn giác tỉnh, an bình không buồn lo, không hoảng sợ. Sự sống chết đối với Đại đế chỉ là một sát na thay đổi, hoá chuyển giữa sắc tướng cũ và mới mà định lý vô thường đã diễn bày từ vô thủy đến vô chung. Chư trưởng lão tu viện *Kukkutarama* và *Asokarama* luân phiên đến triều vấn an Đại đế. Thường thì mỗi lần viếng thăm, chư trưởng lão đều ban Pháp dược cho Đại đế, đại lược:

Muôn tâu, mọi loài hữu tình sống bất an thường trực vì thực trạng già, đau, chết, ái biệt ly, oán tăng hội, sầu, bi, khổ, não và tóm lược chính sự chấp thủ ngũ uẩn là khổ, khổ triền miên, khổ bất tận. Sống là nhân chết là quả. Bình minh là khởi đầu của hoàng hôn. Nước trên nguồn luôn chảy về vùng đất thấp. Trăng tròn rồi lại khuyết. Hoa nở để tàn. Xuân, Hạ, Thu, Đông, ngày, đêm đắp đổi liên hồi không hề gián đoạn. Thời gian cùng trôi qua âm thầm, vô tri nhưng tàn phá kiếp người vô cùng khủng khiếp. Vô thường đến đâu thì gieo rắc tang thương, chia ly, đau khổ chét chóc, sầu bi, ưu não và tất cả những nỗi thống khổ ngoại tại, nội tại. Sự sống chỉ tồn tại qua chốc thoáng của dòng tâm thức mà diễn trình như sau:

Khi giai trình tâm là quá khứ thì sự sống chỉ có lúc bấy giờ mà không có trong hiện tại và sẽ không có trong tương lai.

Khi giai trình tâm là hiện tại thì sự sống chỉ có lúc bấy giờ mà đã không có trong quá khứ và sẽ không có trong tương lai.

Khi giai trình tâm là vị lai thì sự sống chỉ có lúc bấy giờ mà đã không có trong quá khứ và không có ngay trong hiện tại.

Không ai có thể tắm hai lần trong dòng nước trôi chảy liên tục. Sự sống, tự ngã, và vui khổ biểu hiện qua tâm thức. Khi giai trình tâm thức qua rồi thì không ai còn tái nhìn thấy những gì mình đã từng nhìn thấy vì tâm hành luôn biến chuyển, chảy trôi.

Muôn tâu, đức Từ phụ dạy: *Những ngã sở mà người đời chấp thủ là bản ngã, chung cuộc cũng phải đành ra đi với hai bàn tay trắng. Bậc trí vượt ra ngoài hệ lụy và không chấp thủ bất cứ điều gì. Do đó, không sầu khổ.*

Pháp thoại của chư tôn trưởng lão khích lệ, an ủi Đại đế rất nhiều. Đại đế cảm nhận pháp thoại có một giá trị vô tỷ, cao khiết đáng được trân quý hơn bất cứ bảo vật nào trên thế gian kể cả thiên bảo trên thiên giới. Sau khi chư tôn trưởng lão ra về, Đại đế cho gọi chính cung Hoàng hậu, các phi tần, các Hoàng tử, hoàng tôn và để lời an ủi đầy đạo vị:

Tất cả những người thân thương của trẫm, hãy lắng lòng thanh tịnh thọ trì những Phật ngôn thiết yếu và thực tế mà Đức Thế tôn hằng giáo huấn. Rằng các hành vô thường, sinh diệt là tự tánh. Sự hiện thành, tiêu tán của một kiếp người chỉ là vấn đề thời gian. Có một sự thật rất phổ phàng xảy ra trên thân phận con người là *người làm không muốn được, người mua không muốn dùng, người dùng hoàn toàn không biết: đó là quan tài*. Do đó, đạo lộ tốt đẹp nhất mà mọi người phải hành trình là thực hành chánh pháp, lấy chánh pháp làm nơi nương tựa, làm đuốc soi đường, thì sẽ được thoát khổ hiện kiếp và hậu kiếp. đạo lộ mà trẫm lỡ hành trình thời niên thiếu hoàn toàn tà đạo, các người tuyệt đối không được bắt chước. Còn đạo lộ mà trẫm hành trình sau khi lĩnh hội chánh pháp và y pháp phụng hành, chính đạo lộ này mới thực sự là chánh đạo, các người nên hành trình dù phải hy sinh thân mạng. Nói đến đây, đại đế nhắm mắt và im lặng. Nhưng không lâu Đại đế từ từ mở mắt, nói tiếp:

Loài người và mọi loài hữu tình đều bị bánh xe luân hồi vận hành luân chuyển trong quá trình sinh tử tử sinh, kiếp này kiếp khác liên tục không gián đoạn, gây vô vàn đau khổ phiền não qua thời gian vô tận không gian vô cùng. Khi nào bánh xe luân hồi bị phá gãy bởi dụng cụ thánh quả thì não phiền chấm dứt, đau khổ không còn. Nói đến đây, đại đế thở dài và im lặng.

Sanh Ra Để Làm Gì

Ngày hôm sau, khi hoàng hôn nhạt màu, ngài Tu viện trưởng của tu viện *Asoka* có thị giả theo hầu, đến triều xin được vấn an sức khỏe Đại đế. Sau phần thăm viếng, đại đế phán hỏi ngài Tu viện trưởng:

- Thưa ngài, loài người sinh ra để làm gì?

- Muôn tâu, có nhiều cách trả lời, chẳng hạn như: sinh ra để chết, sinh ra để chịu khổ, sinh ra để trả nghiệp.

Câu nói sinh ra để chết vì con người không muốn chết, cũng phải chết, thánh phàm, vua dân, sang hèn, ngu trí, quyền quý thế cô, tất cả đều phải chết; không có trường hợp ngoại lệ.

Câu nói sinh ra để chịu khổ ám chỉ con người vốn mang theo cái khổ từ phút chào đời mà âm thanh lúc chôn nhau là tiếng khóc. Khóc vì nỗi thiết tha thế sự, bãi bể nương dâu, đói cơm, khát nước, nóng như thiêu đốt, lạnh như cắt thịt da, thậm chí các loài bò sát cắn, chích nhưc đau đôi khi gây thương tích đe dọa mạng sống. Ngoài ra những lời chửi mắng, nhục mạ, sỉ vả, nguyên rửa tổ tiên, ông bà, cha mẹ khiến mình đau khổ. Và lại, tam giới là lò lửa, con người phải nóng khổ là chuyện đương nhiên. đời là bể khổ mênh mông, sóng khổ xô đẩy dập dòn, khách trần lặn hụp đến đâu cũng không thoát khỏi bể khổ.

- Thưa Tôn giả, vậy cá nhân Tôn giả sinh ra để làm gì?

- Muôn tâu, theo bản đạo thì sinh ra để sống trọn vẹn đức tính của một con người.

- Xin Tôn giả từ bi giải thích.

- Muôn tâu, Đức Thế tôn dạy: *Trên thế gian có nhiều hạng người.*

Mang hình hài là con người nhưng tâm hồn có khuynh hướng hèn hạ, không biết hổ thẹn, không hề sợ tội, sống theo thị hiếu, chỉ biết giành giật nhau ăn, thậm chí loạn luân vô đạo, có nhiều tính thú, rất ít tính người. Hạng người này xếp hạng người như súc sinh.

Mang hình hài là con người nhưng cuộc sống vô cùng lâm than cơ cực, bữa đói bữa no, lang thang xin ăn, lân la hàng quán, ngủ nhờ gầm cầu, xó chợ, vỉa hè, đình chùa, miếu mạo, vất vả một đời, thậm chí khi chết không người nhặt xương. Đây chính là hạng người như ngựa quý.

Mang hình hài là con người nhưng cuộc sống tù tội, gông cùm, bị hành hạ đánh đập, khảo tra, bằng nhiều dụng cụ hình thức khác nhau, nhưng cũng chung một hệ quả đó là sự đau đớn sống dở chết dở mà nạn nhân không có quyền phản đối, chỉ biết gục đầu chấp nhận. Hạng người này, hình hài là con người nhưng nếp sống chẳng khác loài địa ngục.

Đi tìm một mẫu người đích thực hàm chứa giá trị cuộc sống nhân đạo, biểu lộ tròn vẹn nhân tính, có khuynh hướng hướng thiện và hướng thượng quả thật thiên nan vạn nan gần như bất khả

câu. Vì biệt nghĩa đặc trưng của từ Người (*Manusso*) là loài hữu tình hiểu biết lợi hại, chính tà tội phước. Nếu thiếu chức năng hiểu biết này thì không phải con người.

- Thưa Tôn giả, pháp thoại này có phải là Phật ngôn?

- Muôn tâu, đúng vậy.

- Thưa Tôn giả, Đức Bôn sư có từng đề cập vấn đề con người sinh ra để làm gì hay không?

- Muôn tâu, Đức Bôn sư khẳng định, Ngài sinh ra đem phúc lạc cho thế gian và để cứu vớt chúng sinh.

- Thưa Tôn giả, hạng người nào sinh ra để đem phúc lạc cho đời và để cứu vớt chúng sinh?

- Muôn tâu, Đức Phật, chư Độc giác Phật, chư Thỉnh văn giác Phật và các Chuyển luân Đại đế là những người sinh ra đem phúc lạc cho đời và cứu vớt đời.

Im lặng phút giây, Tôn giả nói tiếp:

- Muôn tâu, lệnh Hoàng thượng cũng là người sinh ra để đem phúc lạc cho đời và để cứu vớt đời. Một mai, lệnh Hoàng thượng trăm tuổi, thì danh thơm tiếng tốt vẫn truyền lưu hậu thế. Vì lệnh Hoàng thượng tự thân thì thực hành thập thiện pháp, là vị đại hộ pháp, đã bảo trợ công cuộc kết tập tam tạng thánh điển, đã tu tạo mười công đức tốt, đã trong sạch hóa hàng ngũ Tăng già, đã thiết lập nhiều thạch pháp dụ để khẳng định những thánh tích quan trọng, đã tạo dựng 84.000 ngôi tháp tôn trí xá lợi đức Thế tôn, đã tái tạo tinh thần đoàn kết trong Tăng đoàn.

Đối với công cuộc lưu bố chánh pháp thì lệnh Hoàng thượng chẳng những truyền bá khắp lục địa *Bharata* mà còn gởi nhiều phái bộ truyền đạo sang các quốc gia khác. Đối với đất nước thân dân lệnh Hoàng thượng luôn dùng thập vương pháp để trị nước an dân khiến tổ quốc thái bình thịnh vượng, dân chúng được sống cuộc đời an cư lạc nghiệp, có thể nói lệnh Hoàng thượng áp dụng chánh pháp trong công cuộc trị nước an dân, gặt hái thành quả vô cùng to lớn vô tiền khoáng hậu mà chính bản thân lệnh Hoàng thượng trong âm thầm riêng tư cũng đã tự phán: tổ quốc thanh bình, nhân dân hạnh phúc dám mong thế này!

Đại đế *Asoka*, người đã sử dụng pháp luân làm quốc huy chấp tay trong tư thế nằm và nói lời cảm khái:

- Thưa Tôn giả, trăm vô cùng hoan hỉ với pháp thoại và trăm cũng thương thức pháp vị ngọt ngào mà Tôn giả ban bố, tâm hồn trăm vô cùng phấn khởi, tín tâm Tam bảo thuần cố bất thoái chuyển. Duy một vấn đề mà trăm có phần ân hận, đó là trăm từng trực xuất một số lớn tu sĩ, biết đâu có một vài vị bị oan.

- Muôn tâu, về sự kiện này, lệnh Hoàng thượng chớ nên thắc mắc trong lòng. Vì công cuộc hành xử rất hợp pháp lý, chí công, vô tư. Giáo hội đã tra cứu, khảo hạch luật pháp nghiêm minh không có tây vị và tắc trách. Ví như nhỏ bỏ cỏ xấu trong thửa ruộng để lúc được trưởng dưỡng trúng mùa. Sự đóng góp tích cực trong công trình trong sạch hóa cộng đồng giáo đoàn tăng bảo

là công đức vô cùng to lớn. Một ví dụ khác, cọp beo sống chung hươu nai, ắt có ngày hươu nai sẽ tán mạng. Hoặc như loài lừa đi chung đàn bò thì lừa cũng không thể thành bò.

- Thưa Tôn giả, trầm lấy làm vui mừng, an tâm, không còn thắc mắc, và hối hận. Trầm không còn bất cứ vấn đề nghi vấn. Chỉ xin tôn giả mở lòng từ mẫn khai thị thêm những gì mà Tôn giả cảm thấy cần nên khuyến tấn.

- Muôn tâu, chỉ cần lệnh Hoàng thượng tâm tâm niệm niệm tất cả thiện hạnh mà lệnh Hoàng thượng đã tích cực tác tạo từ trước đến giờ, chắc chắn lệnh Hoàng thượng sẽ tự thấy phần khởi, hoan hỷ, một niềm vui vô cùng rộng lớn chuyển vận tràn ngập toàn thân khiến khinh an, phi lạc phát sinh tác thành hiện kiếp lạc trú, hậu kiếp thượng sinh, sống cộng trú với hàng thiên chúng. Để cuộc sống được an ổn, không phiền lụy, không lo sợ, không ân hận, đức Bồ sư có dạy bốn điều bất khả cầu:

1. Muốn trẻ mãi không già
2. Muốn mạnh hoài đừng đau
3. Muốn sống hoài đừng chệ
4. Muốn ác nghiệp đừng trả quả

Này các Tỳ kheo, đó là bốn điều bất khả cầu vì nó thuộc tự nhiên pháp.

Muôn tâu, hạnh nghiệp liên quan lời nói, đức Bồ sư dạy: *Không nên nói những lời khiến thiện pháp suy giảm và bất thiện pháp tăng trưởng; chỉ nói những lời nói khiến thiện pháp tăng trưởng và bất thiện pháp suy giảm.* Về phương diện sống chết, Bà la môn *Janussoni* nêu câu hỏi rằng, có ai thật sự không sợ chết. Đức Bồ sư khẳng định, có bốn hạng người không sợ chết:

1. Người không còn dục ái tức sự tham đắm ngũ dục.
2. Người không còn luyện ái thân tứ đại.
3. Người không có hành động tội lỗi và tạo nhiều thiện nghiệp.
4. Người tuyệt đối không hoài nghi chánh pháp tức bậc thánh nhân vô lậu.

Đức Bồ sư có dạy: *Người hội tụ bốn pháp là tín, thí, giới, niệm thì có quyền lựa chọn cảnh giới thọ sinh cho bản thân.* Muôn tâu, căn cứ Phật ngôn vừa kể thì lệnh Hoàng thượng đầy đủ tiêu chuẩn chọn cảnh giới thọ sinh tùy sở thích.

Đại đế cảm thấy vô cùng phần khởi, tin tưởng và hoan hỷ. Gương mặt tươi vui, nụ cười thật nhẹ, Đại đế chấp tay thổ lộ:

Tam bảo hồng ân, đức nhiệm màu

Cứu đời thoát khỏi cảnh bể dâu

Trần ai nào biết sinh là lụy

Bao thưở trầm luân mấy thưở sầu

Nhận thấy cuộc vắn an và đời thối tương đời có kết quả đáng khích lệ, Tôn giả xin cáo lui.

Vật Thí Sau Cùng

Sáu mươi năm kể từ phút giây mở mắt nhìn đời, đại đế *Asoka* đã nhìn thấy tất cả diễn tiến thăng trầm, vinh nhục, đặng thất, khen chê, đặc lợi đặc quyền, mất lợi mất quyền, thú vui nỗi khổ, sum họp chia lìa, nhân tình thế thái, bãi bể nương dâu, chẳng những chứng kiến để thấy biết, mà còn kinh quá để học hỏi. Thật vậy, đời là ngôi trường đại học mà mọi người phải học suốt đời, học đến chết vẫn không hết các môn chuyên biệt. Có lẽ, trong các môn học, có một môn quan trọng thiết cốt mà người sắp chết vẫn phải học đó là môn “cầu bất đắc.”

Số là Đại đế có tâm nguyện cúng dường Tam bảo cho đủ số 100 tỷ. Trước giờ phút giá băng, Đại đế lệnh xuất ngân bốn tỷ thêm vào cho đủ số. Nhưng Hoàng tôn *Sampati* con trai Hoàng tử *Kunala* tạm quyền nhiếp chính không cho xuất ngân. Đây là bài học “cầu bất đắc”.

Không còn tài vật sở hữu, Đại đế lệnh đem dụng cụ ngự thiện bằng vàng cúng dường chư Tăng. Tiếp theo Đại đế cúng dường dụng cụ bằng bạc. Sau cùng đến dụng cụ ngự thiện bằng sành, Đại đế không dám cúng dường chư Tăng. Đây cũng là môn học “cầu bất đắc”. Hôm sau, Đại đế nhờ người hầu cận thân tín, đem cúng dường chư Tăng trái a ma lặc và thay lời người kính trình: Đây là món thực phẩm cúng dường chư Tăng sau cùng trong cuộc đời của ngài. Hoà thượng Tu viện trưởng tu viện *Kukkutarama* triệu tập chư Tăng trong viện và nhờ thầy thị giả đâm nát trái a ma lặc hòa nước ấm và dùng cúng dường đồng đều đến chư Tăng. Đồng thời, Hoà thượng cũng khẩn báo tình trạng sức khỏe Đại đế cũng như thức uống vừa rồi của Đại đế và yêu cầu chư Tăng từ mẫn nghiêm túc nhất tâm cầu nguyện. Vấn đề được ghi nhận là chư Tăng đồng loạt tịnh tọa chú nguyện và hồi hướng công đức cho Đại đế.

Trong khi chư Tăng đang tịnh tọa thì khẩn tin Đại đế *Asoka* giá băng cũng vừa đến đúng lúc. Chư Tăng cùng nhau hộ niệm tích cực để chơn linh Đại đế được siêu sinh về lạc cảnh.

Giờ thì Đại đế vĩnh viễn nhắm mắt, không còn nhìn đời, không còn thụ giáo ở trường đại học đời và cũng đã mãn nguyện với môn học “cầu bất đắc”.

Trường Ca Kalinga

Kalinga! Kalinga!

Kalinga ngày nào một bãi trường sa!

và giáo và gươm, và hịch truyền loa rúc

và ngựa và người, và chiến xa chen chúc

dưới gầm trời sát khí nghẹn mây đen

và A Dục Vương lẫm liệt giữa rừng tên

trên bạch tượng nghiêng mình xoay ngọn kiếm

xua hết máu xương vào vòng hỗn chiến

và ngút trời lửa dậy đốt mộng mênh

và thành trôi trong sóng máu bập bênh

loang loang chiếu gươm trần loe ánh đuốc

ngựa dầy lên voi nghiêng bước

xe chồm lên xác cày qua

người gục dưới người sống sượng

máu đùn lên máu oan gia

giữa màn đêm u uất giục hồi loa

Kalinga! Kalinga!

Kalinga ngày nào một bãi tha ma!

người ta hỏi nhau: ai còn ai mất?

Ôi tử sĩ mười muôn vùi nghiêng liệt sấp

sài lang ơi, xin nhận lấy thịt da

xương trắng đỏ đùn lên từng nắm đất

hồn phiêu tám nẻo gió mưa nhòa
ôi tử sĩ mười muôn vùi nghiêng liệt sấp
đêm nghe quỷ rú dưới trăng tà
bầy quạ đói từ đâu về tới tấp
từng tử thi thâu dọn bãi trường sa
từng mảnh thịt xóa đi niềm ô nhục
hỡi ơi... người chiến thắng Kalinga!
Kalinga! Kalinga!
Kalinga ngày nào lờm chớm bóng tù xa
chuyển về đâu
đâu cũng là địa ngục
những hình hài dở thú dở người ta
ôi những tù xa...
rồi những tù xa...
bán chuyển vòng lên tang tóc
bán chuyển đèo theo oan gia
bán chuyển về đâu hì hục.
pháp trường hay hỏa ngục?
chuyển về đâu những tội ác của can qua
chuyển về đâu những hiện thân của ô nhục
hỡi ai... người chiến thắng Kalinga?
Kalinga! Kalinga!
Kalinga ngày nào Máu lửa hóa Sen Tòà!

Kalinga, lau đi dòng nước mắt
hỏi làm chi ai còn ai mất
bạo chúa giờ đâu?
Đây chỉ có Chuyên Luân Vương
bạo chúa là ai?
Đây chỉ có đau thương
Đây chỉ có một tâm hồn ray rứt
quần quại giữa muôn niềm đau ám ức
Vương gục đầu cắn lệ nuốt trong sương
Vương suốt một đời ngang dọc ngọn trường thương
Uy vũ lệch nghiêng trời đất
đầu lâu rắc nẻo biên cương
mà hôm nay
khi chiến thắng hồi loa vừa ngậy ngát
nứt xương máu vút trời lên chát ngát
và chùa xa chuông vắng tiếng du dương...
mà tiếng vọng cứ triền miên trong gió rít
như giục giã như chan hòa như quân quít
như nức lên từ giữa khối hư không
hồn ai kêu ơi ới giữa mông lung
Vương ngấm đôi tay: tay đẫm những máu
Vương ôm hồn gục xuống giữa hoang vu
Và chùa xa chuông vắng tiếng vi vu...

đầu gục trên niêm hồi tiếc
tay buông nhẹ hết triều nghi
chấp lại một lời tha thiết:
Con nguyên sám hối quy y
Gươm giáo đó sẽ là chuông là tượng
Thân tâm này sẽ là bát là y
Con thành kính dâng lên niềm tin tưởng
Trên khung đời tạc lại nét Từ Bi
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni!
Đây: chồi Bò Đè
Đây: ngọc Xá Lợi
Đây: Ba Tạng Pháp Bửu Pa Li
trẫm cung kính trao về chư Đại Đức
đây: muôn đời thông điệp của Từ Bi
xin hãy lên đường hoằng pháp
khung đời tô lại nét huyền vi
mặt người tạc lại niềm u hiển
tâm người khơi lại ánh vô vi
đâu đâu chẳng hồn mơ từng tia nắng mỏng?
đâu đâu chẳng môi khát từng giọt Từ bi?
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni!
rời từng đoàn người đi...
rời từng đoàn người đi...

đi từ thành Kalinga
kinh đô của Ánh Sáng
đi từ hòn Asoka
nguồn lửa của Từ bi
đạo theo đoàn khát sĩ
kinh theo nẻo vân du
hành trang: một bình bát
võ khí: một lòng tu
đốt lên từng ngọn đuốc
kéo qua cõi Diêm phù
đường đi dầu có vi vu
núi rừng dầu có hoang vu
trông đèo dầu bao chón chỡ
sông ngòi dầu bao trắc trở
hiềm nguy dầu khắp nẻo chắn đường tu
nhưng Sứ Giả của Như Lai có bao giờ nhũn bước?
nhưng Chiến Sĩ của Tình Thương có bao giờ lỗi ước?
hào quang khoác áo chinh phu
... và Pháp Phật tràn lan như sóng nước
Và Bồ Đề bóng ngả mát mười phương
từ kinh kỳ ra hải ngoại
nói liền lục địa với trùng dương
pháp nào là chẳng Pháp Phật?

tâm nào là chẳng Tâm thương?
Tung ra thì đạo mở muôn đường
Khép lại thì bật từng mảy bụi
Ai ngàn xưa mở núi
Ai ngàn sau hành hương
thấy chẳng trong nhịp hoàng dương
bóng Người Hộ Pháp lồng khuôn Phật Đà?

Trúc Thiên

Nguồn: http://www.chuahaiduc.org/Ngoai%20Dien/Asoka_HoGiac/Asoka_HG_4.htm

PB08122012/Tôn Giáo